

Cao-Bùi 2011

**“Con phải nói cho thế giới
về tình thương cao cả của Người
và sửa soạn thế giới
cho Lần Đến Thứ Hai của Đấng sẽ đến
không phải như một Đấng Cứu Thế nhân hậu nữa
mà là một Thẩm Phán công minh.”**

(Mẹ Maria với Chị Thánh Faustina: Nhật Ký, đoạn 635)

**"Hãy nói cho thế giới biết về tình thương của Cha;
tất cả loài người
hãy nhận biết tình thương khôn dò của Cha.
Đó là dấu hiệu cho ngày cùng thánh tận;
sau đó sẽ là ngày của công lý”.**

(Chúa Giêsu với chị Thánh Maria Faustina: Nhật Ký, 848)

**“Lạy Cha hằng hữu,
vì tội lỗi của chúng con và toàn thế giới,
con xin dâng lên Cha Mình Máu, Linh Hồn và
Thiên Tính của Con Cha yêu dấu là Chúa Giêsu Kitô;
vì những sự khốn khó của Cuộc Người Khổ Nạn,
xin Cha thương đến chúng con và toàn thế giới” (NK, 476).**

**Thế giới ngày nay
cần đến tình thương của Thiên Chúa biết bao!...
Chớ gì lời hứa quyết của Chúa Giêsu được nên trọn,
ở chỗ, từ nơi đây phải chiếu giải ra
‘một tia sáng sửa soạn thế giới
cho lần đến cuối cùng của Cha’ (NK, 1732)”.**

*(ĐTC Gioan Phaolô II - Bài Giảng Lễ cung hiến Tân Đền Thờ Chúa Tình
Thương ở Lagiewniki, Krakow, Balan, Thứ Bảy 17/8, đoạn 5)*

NỘI DUNG

Dẫn nhập

Lòng Thương Xót Chúa: Thời Điểm

Đạo Khúc cho Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa....5

Phần Một

Lòng Thương Xót Chúa: Thực Tại

“Tôi khát” (Jn 19:28) - “Xin cho Tôi uống” (Jn 4:7).....49

Tội Nhân - Mỗi Ngon của Lòng Thương Xót Chúa.....69

Tội Lỗi - Vực Thẳm của Lòng Thương Xót Chúa.....87

Thánh Giá - Chân Dung của Lòng Thương Xót Chúa....109

Phần Hai

Lòng Thương Xót Chúa: Nội Dung

Lòng Thương Xót Chúa: Sứ Điệp133

Lòng Thương Xót Chúa: Sao Trời Cát Biển.....189

Lòng Thương Xót Chúa: Chuỗi Kinh Nhân Hậu.....219

Lòng Thương Xót Chúa: Chuỗi Kinh Sự Sống.....229

Phần Ba

Lòng Thương Xót Chúa: Vấn Nạn

Thiên Chúa Toàn Thiện... tại sao sự dữ?.....243

Lâm mô có thực sự hiện hữu?.....255

Chúa có thương ma quỷ và các linh hồn bị hư đi?.....265

Nếu trần gian có ma ắc thiên đàng có quỷ?281

Phụ Trương

Chân tướng tiên tri giả - phản kitô.....295



Chị Nữ Tu Lucia, một trong 3 Thiếu Nhi Fatima năm 1917 còn sống sót, Thị Kiến Ân Sủng và Tình Thương đêm 13/6/1929 ở thành Tuy nước Tây Ban Nha



Chị Thánh Faustina thị kiến tối ngày 22/2/1931 về Ảnh Lòng Thương Xót Chúa

Fatima

Đạo Khúc mở màn cho Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa

Đúng thế, “Fatima là Đạo Khúc mở màn cho Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa”: chẳng những vì thời điểm trước sau của hai biến cố này, mà nhất là còn vì chính nội dung của hai biến cố có một sự điệp liên hệ hết sức mật thiết bất khả phân ly này, một liên hệ mật thiết được hội tụ nơi một nhân vật lịch sử xuất hiện vào cuối thiên kỷ thứ hai và đầu thiên kỷ thứ ba Kitô giáo, một nhân vật thật sự là một tụ điểm cho nội dung của sự điệp thuộc hai biến cố này, một nội dung đã được mở ra vào cùng một thời điểm giữa Đại Năm Thánh 2000.

I- “Fatima là Đạo Khúc mở màn cho Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa”: thời điểm trước sau của hai biến cố.

Theo lịch sử, Biến Cố Thánh Mẫu Fatima xảy ra vào năm 1917, vào thời điểm gần kết thúc Thế Chiến Thứ Nhất (1914-1918). Tuy nhiên, Biến Cố Fatima năm 1917 bao gồm cả những gì xảy ra trước đó và sau đó nữa.

Trước năm 1917, tức là năm 1916, năm Thiên Thần Hòa Bình hiện ra 3 lần với 3 Thiếu Nhi Fatima là Lucia 9 tuổi, Phanxicô 8 tuổi và Giaxinta 6 tuổi, để:

Qua lần hiện ra thứ nhất vào mùa xuân dạy các em cầu nguyện đền tạ Chúa Giêsu Thánh Thể:

- *"Lạy Chúa Trời Con, con tin kính Chúa, con thờ lạy Chúa, con trông cậy Chúa và con yêu mến Chúa. Xin Chúa tha thứ cho những người không tin kính Chúa, không thờ lạy Chúa, không trông cậy Chúa và không yêu mến Chúa";*

Qua lần thứ hai vào mùa hè, dạy các em hy sinh đền tạ Người:

- *"Các em hãy biến mọi sự các em có thể thành những hy sinh dâng lên Chúa như một việc đền tạ tội lỗi Ngài đã bị xúc phạm mà cầu cho tội nhân ơn ăn năn hồi cải";*

Qua lần thứ ba vào mùa thu dạy các em rước lễ đền tạ Người:

- *"Các em hãy nhận lãnh Mình và uống Máu Chúa Kitô bị xúc phạm khủng khiếp bởi những tội vong ân bội nghĩa.*

Các em hãy đến bồi tội lỗi của họ và hãy an ủi Thiên Chúa của các em".

Sau năm 1917, Mẹ Maria đã hiện ra 2 lần nữa với riêng Chị Lucia khi chị đã trở thành nữ tu Dòng Đôrôthêu ở Tây Ban Nha: lần nhất vào ngày 10/12/1925 ở Pontevedra để cùng với Chúa Giêsu Hải Đồng kêu gọi thực hiện việc đền tạ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ 5 Ngày Thứ Bảy Đầu Tháng liên tiếp, và lần thứ hai vào ngày 13/6/1929 ở Tuy để cho chị thấy thị kiến "Ân Sủng và Tình Thương" và sau đó là lời kêu gọi:

- *"Đã đến lúc Thiên Chúa xin Đức Thánh Cha hiệp với tất cả các giám mục trên thế giới để hiến dâng Nước Nga cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ, Ngài hứa sẽ cứu Nước Nga bằng cách này..."*

Lý do Mẹ hiện ra 2 lần nữa với riêng Chị Lucia sau năm 1917 là vì Mẹ muốn hoàn thành những gì Mẹ đã hứa với 3 Thiếu Nhi Fatima vào lần hiện ra thứ ba trong khi tiết lộ phần Bí Mật Fatima thứ hai:

- *"... Mẹ sẽ đến để xin dâng hiến Nước Nga cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ (13/6/1929) và xin rước lễ đền tạ các ngày Thứ Bảy Đầu Tháng (10/12/1925)".*

Theo Chị Lucia thuật lại thì chị được phép làm giờ thánh từ 11 đến 12 giờ đêm ngày 13-6-1929. Bấy giờ chị Lucia ở trong nhà nguyện một mình và đứng giang tay cầu

nguyện. Bỗng nhiên, cả nhà nguyện bừng sáng, không còn lò mò với ngọn đèn châu nhà tạm nữa. Chị thấy:

- Một cây thánh giá bằng ánh sáng hiện ra trên bàn thờ cao lên tới trần nhà nguyện.

- Phần trên của cây thánh giá sáng hơn, có dung nhan cùng với thân mình của một người từ cạnh sườn trở lên; trên ngực của người này có một con chim câu bằng ánh sáng; bị đóng đinh vào thập giá là thân mình của một người khác.

- Dưới cạnh sườn chút xíu, có một chén thánh và một bánh thánh lớn lơ lửng trên không trung.

- Những giọt máu từ mặt của Chúa Giêsu Tử Giá và từ cạnh sườn của Người chảy xuống bánh thánh và nhỏ vào chén thánh.

- Bên phải cây thánh giá là Đức Mẹ với Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội ở trong tay Mẹ.

- Bên trái cây thánh giá có những chữ lớn như thể bằng nước trong như thủy tinh chảy xuống trên bàn thờ làm thành những chữ: "Ân Sủng và Tình Thương".

Lạ lùng thay, ngay sau Thị Kiến "Ân Sủng và Tình Thương" Chị Lucia được tỏ cho thấy vào ngày 13/6/1929, một thị kiến kể như hoàn toàn kết thúc Biến Cố Thánh Mẫu Fatima, tiếp theo đó là thời điểm của Lòng Thương Xót Chúa, một thời điểm có thể được kể từ ngày 22/2/1931, ngày Chúa Giêsu lần đầu tiên ngỏ ý với Chị Thánh Faustina về Hình và Lễ Lòng Thương Xót Chúa:

- *"Hãy vẽ một bức ảnh theo mẫu thức mà con nhìn thấy, kèm theo giòng chữ: Giêsu ơi, con tin tưởng nơi Chúa. Cha mong ước bức ảnh này được tôn kính, trước hết, tại nguyện đường của con, sau đó, ở khắp nơi trên thế giới"* (Nhật Ký số 47);

"Cha hứa là, linh hồn nào tôn kính bức ảnh này sẽ không bị trầm hư. Cha cũng hứa cho linh hồn thắng được các kẻ thù ngay khi còn sống trên thế gian, nhất là trong giờ lâm tử. Chính Cha sẽ bảo vệ linh hồn như là vinh hiển của riêng Cha". (Nhật Ký số 48).

Như chung các biến cố liên quan đến mạc khải tư được Giáo Hội chính thức công nhận, Trời Cao bao giờ cũng sử dụng tác nhân loài người để làm sứ giả cho những gì muốn chuyển đạt tới nhân loại vào thời điểm thích hợp của họ. Chẳng hạn, nơi Biến Cố Thánh Mẫu Fatima, 3 Thiếu Nhi Fatima đã là chứng từ cho Sứ Điệp Fatima thế nào thì nơi Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa, Chị Thánh Nữ Tu Faustina (1905-1938) cũng đã được chọn để thực hiện sứ mệnh loan truyền Sứ Điệp của Lòng Thương

Xót Chúa như vậy, đúng như Chúa đã nói với chị như sau:

- *"Trong Cựu Ước, Cha đã sai các tiên tri tuyên phán những lời sấm cho dân của Cha. Ngày nay Cha cũng đang sai con mang tình thương của Cha đến cho con người trên khắp thế gian này. Cha không muốn trừng phạt nhân loại đờn đau, song Cha muốn chữa lành nó, ghi lấy nó vào Trái Tim Nhân Hậu của Cha"* (Nhật Ký, 1588);

"Hỡi Bí Thư cho mẫu nhiệm hết sức sâu xa của Cha, con hãy biết rằng công việc của con là viết xuống hết mọi điều Cha tỏ cho con về tình thương của Cha, cho lợi ích của những ai nhờ đọc được những điều ấy sẽ được an ủi trong tâm hồn họ và được lòng can đảm tiến đến với Cha" (Nhật Ký 1693).

Vậy thì sứ vụ chính yếu của Chị Thánh Faustina là gì? Trong Biến Cố Thánh Mẫu Fatima, on gọi và sứ vụ chung của 3 Thiếu Nhi Fatima là *"sẵn lòng dâng mình cho Thiên Chúa để chịu tất cả mọi đau khổ Ngài gửi đến cho, như một việc đền tạ những xúc phạm Ngài phải chịu mà cầu cho tội nhân ăn năn trở lại"*, và on gọi cùng sứ vụ riêng của từng Thiếu Nhi Fatima, nhất là hai em nhỏ là Phanxicô và Giaxinta lại có một chiều hướng chuyên biệt như sau: Em Phanxicô chuyên "đền tạ" Chúa Giêsu Thánh Thể và em Giaxinta chuyên hy sinh cứu "tội nhân". Nơi Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa, Chị Thánh Faustina cũng đã sống, như thể liên tục và tiếp tục, on gọi và sứ vụ đối

với Lòng Thương Xót Chúa được thể hiện nơi Chúa Giêsu Thánh Thể và việc cứu rỗi các tội nhân.

Tuy nhiên, ở Biển Cỗ Thánh Mẫu Fatima còn một ơn gọi và sứ vụ hết sức chuyên biệt nữa, một ơn gọi và sứ vụ hầu như không thấy nổi bật ở Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa, đó là ơn gọi và sứ vụ liên quan tới Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria, một ơn gọi và sứ vụ của Thiếu Nhi Fatima lớn nhất là Lucia, một thụ khải sống trên trần gian này 98 năm, trong khi hai Thiếu Nhi Fatima nhỏ "được đưa về trời sớm", (Phanxicô 11 tuổi - năm 1919, và Giaxinta 10 tuổi - năm 1920), như Mẹ Maria đã nói với Lucia vào lần hiện ra thứ hai ngày 13/6/1917:

- *"Chúa Giêsu muốn dùng con để làm cho Mẹ được nhận biết và yêu mến. Người muốn thiết lập lòng tôn sùng Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ".*

Như thế, có thể hiểu rằng Sứ Điệp của Lòng Thương Xót Chúa được Chị Thánh Faustina loan truyền không nhấn mạnh đến vai trò của Mẹ Maria, không phải vì coi thường Mẹ Maria cho bằng vì Chị Lucia của Biển Cỗ Thánh Mẫu Fatima vẫn còn đang tiếp tục ơn gọi và sứ vụ của chị, người nữ tu còn sống lâu hơn cả Chị Thánh Faustina 67 năm trời, trong việc "làm cho Mẹ được nhận biết và yêu mến". Chị Lucia quả thực đã hoàn thành ơn gọi và sứ vụ hết sức quan trọng và khẩn thiết của mình qua những việc sau đây:

1. phát động việc giữ 5 Ngày Thứ Bảy Đầu Tháng liên tiếp để đền tạ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ, một truyền thống đã được Giáo Hội địa phương Fatima chuẩn nhận từ ngày 13/9/1939;
2. xin Đức Thánh Cha cho cử hành Lễ Kính Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ trong cả Giáo Hội hoàn vũ, và đã được Tòa Thánh ưng chuẩn thiết lập ngày 4/5/1944;
3. xin Đức Thánh Cha hiệp cùng với các vị giám mục trên khắp thế giới hiệp dâng Nước Nga cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ, một yêu cầu đã được thực hiện 4 lần mới hoàn thành: Đức Thánh Cha Piô XII 2 lần (31/10/1942 và 7/7/1952) và Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II 2 lần chính yếu (13/5/1982 và 25/3/1984);
4. đã xác nhận vào ngày 27/4/2000 với vị đại diện Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II về tính chất xác thực và chính xác của phần thứ ba Bí Mật Fatima do chị viết, một phần bí mật được Tòa Thánh tiết lộ cho thế giới biết vào ngày 26/6/2000, phần bí mật có nội dung liên quan tới lời Mẹ Maria tiên báo: *"Cuối cùng, Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria sẽ thắng..."*.

II- "Fatima là Đạo Khúc mở màn cho Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa": nội dung của hai biển cỗ có một sứ điệp liên hệ hết sức mật thiết bất khả phân ly.

Như thế, có thể nói, theo diễn tiến và nội dung của Biến Cố Thánh Mẫu Fatima và Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa thì nếu Biến Cố Thánh Mẫu Fatima liên quan tới Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria thì Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa liên quan tới chính Lòng Thương Xót Chúa, như thế Mẹ Maria đến trước Com Mẹ để dọn đường cho Người, đến trước để đem các linh hồn tội nhân về với Lòng Thương Xót Chúa của Người, Đấng mà vào hiện ra cuối cùng ngày 13/10/1917, đã được Mẹ rất đau lòng và thảm thiết kêu gọi "*đừng xúc phạm đến Chúa là Thiên Chúa của chúng ta nữa, vì Người đã bị xúc phạm đến nhiều lắm rồi*", bằng việc Mẹ đã đích thân chẳng những thành lập một lực lượng cứu nguy tội nhân, mà còn chỉ dẫn trao ban các phương pháp cấp cứu tội nhân thân hiệu nhất.

Trước hết, Mẹ Maria đã thành lập một lực lượng cứu nguy tội nhân bao gồm cả 3 Thiếu Nhi Fatima ngay lần hiện ra thứ nhất ngày 13/5/1917, bằng cách mở đầu kêu gọi 3 em dâng mình trở thành tế vật cứu đời, và ngay sau đó, đã chiếm đoạt và biến đổi các em bằng ánh sáng chiếu ra từ hai lòng bàn tay của Mẹ, nhờ đó và từ đó các em như được Mẹ huấn luyện 3 em thực sự trở thành Tông Đồ Chúa Tình Thương. Ở chỗ sống theo 3 cấp độ thi hành Lòng Thương Xót Chúa như Chúa Giêsu đã dạy Chị Faustina:

- "*Cha ban cho con 3 cách thức thực thi tình thương đối với tha nhân của con: cách thức thứ nhất là bằng việc làm, cách*

thức thứ hai là bằng lời nói, cách thức thứ ba là bằng câu nguyện. Ba cấp độ này chất chứa tâm vóc viên trọn của tình thương, và nó là một chứng cứ chắc chắn về lòng yêu mến đối với Cha. Một linh hồn tôn vinh Cha và tôn kính Tình Thương của Cha nhờ cách thức này" (Nhật Ký, 742)

- "*Chính Chúa truyền cho con phải thực thi ba cấp độ xót thương. Cấp thứ nhất là tác hành xót thương, bất cứ là tác hành nào. Cấp thứ hai là ngôn từ xót thương – nếu con không thể thi hành được việc xót thương, con sẽ hỗ trợ bằng những lời lẽ của con. Cấp thứ ba là câu nguyện – nếu con không thể tỏ tình thương bằng việc làm hay bằng lời nói, con vẫn luôn có thể làm như thế bằng việc nguyện cầu. Việc nguyện cầu của con thậm chí còn vươn tới cả những nơi con không thể nào vươn tới được về thể lý".* (Nhật Ký, 163)

Căn cứ vào 3 cấp độ thực thi lòng thương xót đối với tha nhân này thì 3 Thiếu Nhi Fatima quả thực đã là nhóm người đầu tiên được ơn gọi thi hành. Ở cấp độ thứ nhất trong việc thi hành tình thương là bằng việc làm, chúng ta thấy một Thiếu Nhi Fatima Giaxinta liên li hy sinh tất cả mọi sự để cứu cho bằng được các linh hồn tội nhân đáng thương cho khỏi sa hỏa ngục. Ở cấp độ thứ hai trong việc thi hành tình thương bằng lời nói, chúng ta thấy một Thiếu Nhi Fatima Lucia, sau khi dâng mình cho Chúa trong hội dòng đầu tiên là Đôrôthêu, chị đã thuật lại tất cả Biến Cố Thánh Mẫu Fatima là biến cố nhờ Mẹ đến với Chúa, một biến cố khởi điểm cho Thời Đại của Lòng

Thương Xót Chúa. Ở cấp độ thứ ba trong việc thực thi tình thương là bằng cầu nguyện, chúng ta thấy một Thiếu Nhi Fatima Phanxicô luôn tìm cách an ủi Chúa Giêsu Ân Thân bằng Kinh Mân Côi của mình, đền bù tội lỗi loài người xúc phạm đến “Chúa là Thiên Chúa của chúng ta”.

Sau nữa, Mẹ Maria đã dẫn trao ban các phương pháp cấp cứu tội nhân thân hiệu nhất, đó là: 1- hy sinh và cầu nguyện cho tội nhân và 2- nhờ Mẹ đến với Chúa.

Về việc hy sinh cầu cho tội nhân, Mẹ đã kêu gọi mấy lần như sau:

Vào lần hiện ra thứ 3 ngày 13/7/1917, sau khi tiết lộ toàn bộ Bí Mật Fatima 3 phần, Mẹ Maria nói với 3 em Thiếu Nhi Fatima rằng:

- *"Mỗi khi lân hạt, các con hãy đọc lời nguyện sau đây: 'Lạy Chúa Giêsu, xin tha tội cho chúng con, xin cứu chúng con khỏi lửa hỏa ngục. Xin đem mọi linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần đến lòng Chúa thương xót hơn'".*

Vào lần hiện ra thứ 4 ngày 19/8/1917, Mẹ Maria chẳng những kêu gọi cầu nguyện mà còn hy sinh cho tội nhân nữa, thậm chí Mẹ còn nhấn mạnh đến trách nhiệm cần phải cứu vớt tội nhân nữa:

- *"Hãy cầu nguyện thực nhiều và hy sinh cho tội nhân; nhiều linh hồn sa hỏa ngục vì không có ai hy sinh cầu cho họ".*

Về việc nhờ Mẹ đến với Chúa, Mẹ cũng đã cho biết như thế này:

Vào lần hiện ra thứ 2 ngày 13/6/1917, Mẹ Maria đã an ủi riêng với Lucia là em Thiếu Nhi Fatima đang tỏ ra buồn thảm khi nghe thấy, trong khi 2 em Phanxicô và Giaxinta "được đưa về trời sớm", còn mình thì lại "phải ở lại thế gian lâu hơn để làm cho Mẹ được nhận biết và yêu mến", bằng việc bù đắp cho em chính Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ: *"Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ sẽ là nơi con nương náu và là đường đưa con đến với Thiên Chúa"*, một Trái Tim, như Mẹ cho cả 3 em thấy ngay khi nói những lời trên, bị một vòng gai nhọn quấn chung quanh hằng liên li đâm vào cần được đền tạ, cũng là Trái Tim của chung nhân loại và chính vì thế Mẹ Maria đã nói tiếp: *"Chúa Giêsu muốn thiết lập lòng tôn sùng Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ"*.

Vào lần hiện ra thứ 3 ngày 13/7/1917, chính vì *"Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ sẽ là nơi con nương náu và là đường đưa con đến với Thiên Chúa"* mà ngay sau phần Bí Mật Fatima thứ nhất là thị kiến hỏa ngục, Mẹ Maria đã tiết lộ cốt lõi của toàn thể Bí Mật Fatima như thế này:

- *"Các con vừa thấy hỏa ngục, nơi tội nhân khôn nạn rơi xuống. Để cứu họ, Thiên Chúa muốn thiết lập lòng tôn sùng Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ trên thế giới. Nếu những điều Mẹ dạy được thi hành thì nhiều linh hồn được cứu rỗi và thế giới sẽ có hòa bình".*

Đúng thế, quả thực "Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ sẽ là nơi con nương náu và là đường đưa con đến với Thiên Chúa", một Tàu Noe hiện đại, đã thực hiện sứ vụ cứu vớt của mình rõ rệt nhất, như được thấy trong thị kiến của phần thứ ba Bí Mật Fatima, một thị kiến chứng thực "Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ sẽ là nơi con nương náu", ở chỗ, Mẹ Maria đã ra tay ngăn cản việc Thiên Chúa muốn hủy diệt nhân loại tội lỗi bằng lưỡi gươm lửa trong bàn tay trái của thiên thần chìa xuống trái đất, và thay vào đó Mẹ đã cứu vớt thế giới tội lỗi đáng bị hủy diệt bằng chính máu tử đạo của một lực lượng bao gồm đủ mọi thành phần Kitô hữu, từ giáo hoàng trở xuống giáo dân, được "Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ là đường đưa con đến với Thiên Chúa" đặc biệt huấn luyện để có thể như Mẹ đồng công cứu chuộc với Chúa ở dưới chân thập tự giá.

Như thế, Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ liên quan đến tội nhân, như trong toàn bộ Bí Mật Fatima cho thấy: phần 1 với các tội nhân khốn nạn đã bị muôn đời trầm luân trong hỏa ngục, phần 2 với một thế giới chiến tranh tàn khốc chưa từng thấy trong suốt giòng lịch sử của loài người, gây ra bởi hậu quả gia tăng tội lỗi của loài người không chịu ăn năn hoán cải trở về cùng Thiên Chúa, và phần 3 với một thế giới tội lỗi tới độ hình phạt chiến tranh kinh hoàng khủng khiếp như thế vẫn không đủ cảnh báo họ, trái lại, họ càng tội lỗi hơn nữa, chỉ còn đáng bị hủy diệt mà thôi.

Tuy nhiên, chính khi con người tội lỗi tới độ chỉ còn đáng bị hủy diệt lại chính là Thời Điểm của Lòng Thương

Xót Chúa và cho Lòng Thương Xót Chúa, như được tỏ hiện ở ngay nội dung của Bí Mật Fatima này. Ở chỗ, ngay vào đầu thế kỷ 20, một thế kỷ xảy ra 2 Thế Chiến và 2 chủ nghĩa sát máu Nazi Đức quốc và Cộng sản Liên xô, cùng với nền văn hóa sự chết từ hạ bán thế kỷ 20, chính "Thiên Chúa muốn thiết lập lòng tôn sùng Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ trên thế giới", như Mẹ Maria tiết lộ ở đầu phần thứ hai của bí mật này, một bí mật cho thấy Thiên Chúa thực sự muốn nhờ Mẹ và qua Mẹ mà "nhiều linh hồn được cứu rỗi và thế giới có hòa bình".

Bởi thế, như trong thị kiến phần thứ ba của bí mật này cho thấy, Thiên Chúa đã không hủy diệt con người đáng phạt khi Mẹ ra tay can thiệp, để nhờ Mẹ Lòng Thương Xót Chúa được sáng tỏ hơn bao giờ hết, một Lòng Thương Xót vô cùng bất tận như chính Thiên Chúa, không thể bị mâu nhiệm lỗi lầm che khuất hay che lấp, một Lòng Thương Xót vẫn có thể cứu độ loài người vô cùng khốn nạn và bất khả tự cứu, bằng máu tử đạo của thành phần môn đệ đích thực của Chúa Kitô như Mẹ Maria, những con người bị sát hại dưới chân cây thập giá trên ngọn núi dốc đứng, máu được hai thiên thần thu lại để vẩy trên những ai tiến đến cùng Thiên Chúa, như đoạn kết của thị kiến Bí Mật Fatima phần ba cho thấy.

Thật vậy, "cho dù tội lỗi có gia tăng ân sủng lại còn vượt trội hơn nó nữa" (Rm 5:20), như chính Chúa Giêsu đã tái khẳng định chân lý bất hủ này với Chị Thánh Faustina ở những câu nói vô cùng cảm kích khiến chúng ta không thể nào không tin vào Người sau đây:

- Giữa Cha và con có một vực thẳm vô đáy, một vực thẳm phân chia Tạo Hoá với tạo vật. Thế nhưng, vực thẳm này đã được tình thương của Cha lấp đầy. (Nhật Ký, 1576)
- Nỗi khốn cùng của con không ngăn trở tình thương Cha. Nỗi khốn cùng của linh hồn càng lớn thì nó càng có quyền đối với tình thương của Cha (1182)
- Cha chính là tình thương đối với linh hồn thống hối ăn năn (1739)
- Càng là đại tội nhân càng có quyền đối với tình thương của Cha (723)
- Thành phần đệ nhất tội nhân cũng đạt được tâm mức thánh thiện cao cả, chỉ cần họ tin tưởng vào tình thương của Cha. (1784)
- Cha bị tổn thương đau đớn biết bao khi lòng thiện hảo của Cha bị ngờ vực! Những tội bất tin tưởng đả thương Cha nhức nhối nhất (1076)
- Tình thương của Cha hoạt động trong tất cả mọi con tìm mở cửa lòng mình ra. Cả tội nhân lẫn chính người đều cần đến tình thương của Cha. (1577)

Chính vì con người nói chung và thành phần tội nhân đáng thương là đối tượng của cả Biến Cố Thánh Mẫu Fatima và Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa nói riêng không thể tự cứu được mình nên họ phải tin vào "Thiên Chúa, Đấng cứu độ tôi" (Lk 1:47). Đó là lý do ai không có đức tin hay lòng tin tưởng vào Chúa không thể được cứu độ. Và đó cũng là lý do trong Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa, có những tâm hồn đặc biệt được kêu gọi, điển hình nhất và mô phạm nhất là Chị Thánh

Faustina hay như Chân Phước Gioan Phaolô II hoặc như 2 Chân Phước Thiểu Nhi Fatima là Phanxicô và Giaxinta, cảm nghiệm Lòng Thương Xót Chúa và làm Tông Đồ Chúa Tình Thương như sau:

- Hỡi tông đồ của tình thương Cha, con hãy công bố cho cả thế giới biết tình thương vô hạn của Cha. (Nhật Ký, 1142)
- Cha muốn trái tim của con được hình thành theo khuôn mẫu của Trái Tim từ bi Cha. Con phải hoàn toàn thấm nhuần tình thương của Cha (167)
- Cha muốn con hoàn toàn biến thành tình yêu và nóng hổi như một tế vật tinh tuyền của tình yêu (726)
- Con phải là phản ảnh sống động của Cha bằng yêu thương và nhân hậu... luôn luôn tỏ ra xót thương người khác, nhất là các tội nhân (1446)
- Hãy luôn xót thương như Cha thương xót. Hãy vì yêu Cha mà thương hết mọi người, ngay cả kẻ thù nhất của con, để tình thương của Cha được hoàn toàn phản ảnh nơi trái tim con (1695)
- Nếu Cha cần nhờ con để người ta tôn kính tình thương của Cha, thì con phải là người đầu tiên trời vượt trong sự tin cậy vào tình thương của Cha... Ở mọi nơi và trong mọi lúc, con phải chứng tỏ tình thương đối với tha nhân của mình. (742)
- Sứ vụ của con là chiếm đoạt các linh hồn cho Cha bằng việc cầu nguyện và hy sinh, cũng như bằng việc khuyến khích họ tin tưởng vào tình thương của Cha. (1690).

Đối với chung đại đồng nhân loại và riêng Kitô hữu, nhất là thành phần tội nhân đáng thương, Lòng Thương Xót

Chúa ban cho họ những phương thế để có thể sử dụng như những cái phao cứu độ. Chẳng hạn như 3 việc chính yếu được Chúa Giêsu mong muốn qua nữ sứ giả Faustina của Người: 1- tôn kính Ảnh Lòng Thương Xót Chúa, 2- tham dự Lễ Lòng Thương Xót Chúa vào Chúa Nhật II Phục Sinh hằng năm, và 3- Chuỗi Lòng Thương Xót Chúa.

Ảnh Lòng Thương Xót Chúa:

- "Hai tia sáng biểu hiệu cho Máu và Nước. Tia sáng nhạt là biểu hiệu của Nước, để làm cho các linh hồn nên công chính. Tia sáng đỏ là biểu hiệu của Máu, để ban sự sống cho các linh hồn... Hai tia sáng này phát xuất từ những thẳm sâu nhất của tình thương êm ái Cha, lúc mà Trái Tim đau thương của Cha bị lưỡi đòng chọc mở ra trên cây Thánh Giá. Những tia sáng này bao che các linh hồn cho khỏi cơn thịnh nộ của Cha Cha. Phúc cho kẻ nào được ẩn náu trong những tia sáng này, vì bàn tay công thẳng của Thiên Chúa sẽ không giáng xuống trên họ". (Nhật Ký, 299)

Lễ Lòng Thương Xót Chúa:

- "Cha mong ước Lễ Kính Tình Thương là một nơi cư trú và náu ẩn cho tất cả các linh hồn, đặc biệt cho các tội nhân khôn nạn. Vào ngày đó, tận đáy vực thẳm thẳm của tình thương nhân ái Cha được mở ra... Linh hồn đi Xưng Tội và Hiệp Lễ sẽ được hoàn toàn thứ tha các tội lỗi và hình phạt. Vào ngày đó, tất cả những bờ đê mà ân sủng tràn qua sẽ vỡ bờ... Lễ Kính Tình Thương phát hiện từ tận đáy lòng từ ái

của Cha. Ước muốn của Cha là lễ này phải được cử hành long trọng vào ngày Chúa Nhật thứ nhất sau lễ Phục Sinh". (Nhật Ký, 699)

Chuỗi Lòng Thương Xót Chúa:

- "Con đừng ngừng đọc chuỗi kinh mà Cha đã dạy con. Ai lần chuỗi kinh này sẽ nhận được tình thương vĩ đại trong giờ lâm tử. Các vị linh mục hãy khuyên tội nhân đọc chục kinh này như niềm hy vọng cứu rỗi cuối cùng cho họ. Dù tội nhân có cứng lòng đến đâu đi nữa mà đọc chục kinh này, chỉ cần một lần duy nhất thôi, linh hồn ấy sẽ nhận được ơn bởi tình thương vô cùng của Cha". (Nhật Ký, 687); "Ôi, Cha sẽ ban các ơn cao trọng biết bao cho những linh hồn lần chuỗi kinh này; tận đáy tình thương nhân ái của Cha sẽ được khuấy động lên vì những linh hồn lần chuỗi kinh này". (Nhật Ký, 848)

Phải, Lòng Thương Xót Chúa là Sứ Điệp cuối cùng Trời Cao ban cho loài người (xem Hồi Ký Chị Faustina 848, 1146, 1588), và Sứ Điệp này bao gồm 3 yếu tố chính yếu đó là Ảnh Lòng Thương Xót Chúa, Lễ Lòng Thương Xót Chúa và Chuỗi Lòng Thương Xót Chúa, cả 3 đều liên hệ mật thiết với nhau, nhưng liên quan tới thành phần thiếu số (muối đất – Mt 5:13, men bột – Mt 13:33) được ưu tuyển làm tế vật hơn thành phần đa số tội nhân cần được cứu độ, thành phần thiếu số và yếu hèn cho thấy quyền năng cứu độ của Thiên Chúa là tình yêu vô cùng nhân hậu.

Ảnh Lòng Thương Xót Chúa bao gồm hai yếu tố: Mạc Khải Thần Linh và đáp ứng thần linh. Mạc Khải Thần Linh về phía Thiên Chúa được biểu hiện nơi hình ảnh Chúa Giêsu với cạnh sườn của Người tỏa ra hai tia sáng trắng và hồng (thanh tẩy tội lỗi và thánh hóa sự sống hay biểu hiện cho sự sống lại – trắng và là sự sống - hồng), và đáp ứng thần linh về phía con người ở câu “Giêsu oi con tin nơi Chúa”. Xin lưu ý, ở đây “Giêsu” là tên của một Con Người, một Con Người nơi Mẫu Nhiệm Vượt Qua là “Cúa và Thiên Chúa” (Jn 20:28).

Lễ Lòng Thương Xót Chúa vào Chúa Nhật II Phục Sinh, thời điểm phụng vụ của Giáo Hội được chọn để làm nền tảng cho Ảnh Lòng Thương Xót Chúa, một thời điểm chính Chúa Giêsu muốn tấm ảnh này được trưng bày. Bởi vì, trong Thánh Lễ này lập lại bài Phúc Âm Cúa Giêsu tỏ cho Tông Đồ Thomas các dấu tích tử giá của Người là một Con Người thật mang tên Giêsu, nhất là cạnh sườn của Người, nhờ đó vị tông đồ này đã tuyên xưng niềm tin.

Kinh Lòng Thương Xót Chúa bao gồm tác động và lời kinh bày tỏ tất cả lòng tin tưởng của thành phần được tuyển chọn để cảm nghiệm sâu xa Lòng Thương Xót Chúa vào Cha Trên Trời nơi Chúa Giêsu, thành phần chẳng những qua việc làm và lời nói của họ tỏ ra đối với những ai cần đến Lòng Thương Xót Chúa hơn đang ở gần họ, mà đặc biệt còn bằng việc cầu nguyện là tác động bao trùm hết mọi sự, vượt thời không và là việc thật sự tin tưởng vào quyền năng Chúa cứu độ, nhất là bằng Kinh

Lòng Thương Xót Chúa để nhắc Cha trên trời nhớ đến Con và hãy vì Con thương thế giới.

Ngay trong 3 việc thực hành về Lòng Thương Xót Chúa này đã cho thấy quả thực "Fatima là Đạo Khúc mở màn cho Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa": 1- Fatima với Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria là nơi cho con nung nấu và là đường đưa con đến với Chúa - Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa với Ảnh Thánh Tâm Chúa chiếu giải 2 tia sáng cứu độ trắng hồng; 2- Fatima với 5 Ngày Thứ Bảy Liên Tiếp Đền Tạ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria - Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa với Lễ Lòng Thương Xót Chúa; 3- Fatima với Chuỗi Kinh Mân Côi - Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa với Chuỗi Kinh Thương Xót.

Thật ra cốt lõi của cả Biến Cố Thánh Mẫu Fatima và Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa đó là Hai Trái Tim: Trái Tim Mẹ và Trái Tim Chúa - Khiết Tâm Mẹ cần phải cậy nhờ như phương tiện để được cứu rỗi, còn Thánh Tâm Chúa cần phải tin tưởng như chính nguồn mạch cứu độ. Bởi thế, thành phần môn đệ đích thực của Chúa Kitô phải là những tâm hồn hằng noi gương bắt chước Khiết Tâm Mẹ trong việc tin tưởng hết mọi sự vào Thánh Tâm Chúa là biểu hiện cho Tình Yêu Thiên Chúa.

Đối tượng của Hai Trái Tim Giêsu Maria này không phải chỉ là thành phần tội nhân mà còn là chính thành phần chính nhân, những tâm hồn được Chúa Mẹ tuyển chọn

chia sẻ đau thương trong Trái Tim của Các Ngài cho để có thể cảm nghiệm được tình yêu nhân hậu của các Ngài hầu có thể thiết tha trở nên tế vật cứu đời, như 2 em Thiếu Nhi Fatima Chân Phước Phanxicô và Giaxinta, như Chị Thánh Faustina, như Chân Phước Têrêsa Calcutta và như Chân Phước Gioan Phaolô II.

Vì thành phần chính nhân được đặc biệt kêu gọi và âm thầm triệu tập để trở thành một lực lượng cảm tử quân mở đường máu cứu độ trong mùa biến động diệt vong của nền văn hóa sự chết là đối tượng chuyên biệt của Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria cũng như cho Lòng thương Xót Chúa mà các khí giới được Trời Cao muốn trang bị cho họ đó là Kinh Mân Côi và Chuỗi Thương Xót, Thứ Bảy Đầu Tháng và Lễ Chúa Tình thương.

Đó là lý do Chân Phước Phanxicô luôn an ủi Chúa Giêsu Ẩn Thân trong Bí Tích Thánh Thể của em bằng chuỗi Kinh Mân Côi trong tay. Đó cũng là lý do, theo ý Chúa muốn: *"Con đừng ngừng đọc chuỗi kinh mà Cha đã dạy con"* (Nhật Ký 687), Chị Thánh Faustina luôn lần Chuỗi Thương Xót để cầu xin hết mọi sự, nhất là cho các tội nhân hấp hối.

Đó là lý do Chị Lucia được Mẹ Maria vào ngày 10/12/1925 đã kêu gọi: *"Hỡi con yếu đuối, con hãy nhìn Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ bị gai nhọn cuốn chung quanh mà những kẻ vô ơn bội nghĩa hằng đâm nát từng giây từng phút bởi tội lộng ngôn và vô ơn của họ. Ít là con, con hãy gắng an ủi"*

Mẹ". Đó là lý do Chị Thánh Faustina đã nghe thấy Chúa căn dặn chị rằng: *"Đây là những lời giành cho con. Con hãy làm mọi sự có thể để thực hiện công việc làm của Tình Thương Cha này. Cha ước mong Tình Thương của Cha được tôn thờ, và Cha đang ban cho nhân loại niềm hy vọng cứu độ cuối cùng; đó là hãy chạy đến với Tình Thương của Cha. Trái Tim Cha hoan hỉ nơi thánh lễ này"* (Nhật Ký, 998).

Ở đây chúng ta thấy, đối với thành phần được tuyển chọn để trở thành những tay đáng cá người chuyên nghiệp trong mùa biến động diệt vong hiện đại, 3 yếu tố trong Biến Cố Thánh Mẫu Fatima và 3 yếu tố thuộc Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa chẳng những tự mình liên hệ chặt chẽ trong từng nội bộ của mình mà còn liên hệ mật thiết chung với nhau nữa. Trong Biến Cố Thánh Mẫu Fatima, 3 yếu tố chính yếu đó là Trái Tim Vô Nguyên Tội Mẹ Maria, Ngày Thứ Bảy Đầu Tháng và Cầu Kinh Mân Côi hằng ngày. Trong Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa, 3 yếu tố chính yếu đó là Ảnh Lòng Thương Xót Chúa, Lễ Lòng Thương Xót Chúa và Chuỗi Kinh Thương Xót.

Ở Biến Cố Thánh Mẫu Fatima, Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria (yếu tố 1) cần được đền tạ vào 5 Ngày Thứ Bảy Đầu Tháng liên tiếp (yếu tố 2) bằng hai cặp tác động: lần hạt 50 kinh Mân Côi và suy gẫm 15 mầu nhiệm Mân Côi 15 phút, xưng tội và rước lễ, cũng như cần được tôn kính bằng việc "cầu kinh Mân Côi hằng ngày" (yếu tố 3). Ở Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa, Thánh Tâm Chúa Giêsu trong bức Ảnh Lòng Thương Xót

Chúa (yếu tố 1) cần phải được "tin tưởng", nhất là vào Ngày Lễ Kính Lòng Thương Xót Chúa (yếu tố 2), Chúa Nhật II Phục Sinh, Chúa Nhật có bài Phúc Âm thuật lại việc Chúa Kitô Phục Sinh hiện ra với các tông đồ 8 ngày sau và tỏ cho chúng các vị cạnh sườn của Người để người môn đệ Tôma còn đang nghi ngờ thấy mà tin, tin rằng Người quả thực đã sống lại, tức là toàn thắng tội lỗi và sự chết, đã mang lại ơn cứu độ và bình an cho loài người, nhờ đó, các vị có thể "làm việc này mà nhớ đến Thầy" (Lk 22:19) trong phụng vụ Thánh Thể, một tác động phụng vụ có thể được liên tục lập lại bằng Chuỗi Kinh Thương Xót (yếu tố 3).

Vì "Fatima là Đạo Khúc mở màn cho Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa" mà quả thực 3 yếu tố của Biến Cố Thánh Mẫu Fatima có một liên hệ mật thiết với 3 yếu tố của Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa, vì 3 yếu tố của Biến Cố Thánh Mẫu Fatima là những gì hướng về và dẫn đến 3 yếu tố của Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa. Ở chỗ, Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ ở Fatima được Mẹ tỏ cho 3 em Thiếu Nhi Fatima thấy vào lần hiện ra thứ hai 13/6/1917, nhất là cho riêng Chị Lucia thấy ngày 10/12/1925, "*bị gai nhọn cuốn chung quanh mà những kẻ vô ơn bội nghĩa hằng đâm nát từng giây từng phút bởi tội lộng ngôn và vô ơn của họ*".

Tại sao? Nếu không phải, như Mẹ đã cho biết vào lần hiện ra ở Fatima ngày 13/10/1917 qua lời trần trối cuối cùng trước khi Mẹ hoàn toàn kết thúc Biến Cố Fatima năm 1917, với một nét mặt vô cùng buồn thảm như khi Mẹ

thiết tha lên tiếng van nài rằng: "*Đừng xúc phạm đến Chúa là Thiên Chúa của chúng ta nữa, vì Người đã bị xúc phạm đến nhiều lắm rồi*". Đó là lý do, ngay sau khi tỏ cho Chị Lucia thấy Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ đau thương vì tội lỗi của loài người như thế vào lần hiện ra 10/12/1929, Mẹ Maria đã đặc biệt xin Chị Lucia rằng: "*Ít là con, con hãy gắng an ủi Mẹ*".

Bằng cách nào? Nếu không phải bằng việc chẳng những cùng Mẹ chiêm ngưỡng dung nhan Chúa Kitô, qua việc lần hạt 50 Kinh Mân Côi và suy gẫm 15 mầu nhiệm Mân Côi là những mầu nhiệm cứu độ của Chúa Kitô, như thế để tỏ lòng nhớ ơn Người thay cho "*những kẻ vô ơn bội nghĩa*", mà còn thực hiện việc xưng tội và rước lễ trong cùng Ngày Thứ Bảy Đầu Tháng được truyền thống Giáo Hội vốn giành để tôn kính Mẹ là những tác động có tính chất phụng vụ của Giáo Hội liên quan đến việc tin tưởng trở về với Chúa, với Lòng Thương Xót Chúa: "*Giêsu ơi con tin nơi Chúa!*" .

III- "Fatima là Đạo Khúc mở màn cho Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa": một nhân vật lịch sử là một tụ điểm cho nội dung của sứ điệp thuộc hai biến cố.

Thế nhưng, vấn đề được đặt ra ở đây là Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa phải chăng là thời điểm tiếp nối Biến Cố Thánh Mẫu Fatima, và sẽ là thời điểm sửa soạn cho lần đến cuối cùng của Chúa, và là cơ hội hy vọng cứu độ cuối cùng cho loài người?

1 ➤ Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa là thời điểm tiếp nối Biến Cố Thánh Mẫu Fatima

Thật vậy, ở cuối phần 2 của Bí Mật Fatima, Mẹ Maria đã tiên báo như sau: "... cuối cùng Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ sẽ thắng. Đức Thánh Cha sẽ dâng hiến Nước Nga cho Mẹ, Nước Nga sẽ trở lại, và **thế giới sẽ được ban cho một thời gian hòa bình**". Tuy nhiên, Mẹ Maria không nói rõ "thời gian hòa bình" này kéo dài bao lâu? Có thể chỉ trong vòng 10 năm, từ năm 1991 đến 2001, tức từ khi Nước Nga trở lại ngày 25/12/1991, đến cuộc khủng bố tấn công Hoa Kỳ ngày 11/9/2001, một biến cố như dấu chỉ thời đại cho thấy một cuộc chiến tranh thứ ba đã chính thức và minh nhiên khai chiến giữa thế giới Ả Rập Hồi giáo và thế giới Tây phương văn minh được đồng hóa với Kitô giáo, một thế giới Tây phương Kitô giáo đang bị khủng hoảng đức tin và phá sản văn hóa sự sống.

Đúng thế, đối tượng chính yếu của cả Biến Cố Thánh Mẫu và Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa là thành phần tội nhân nói chung và đặc biệt thành phần tội nhân thuộc thế giới Kitô giáo.

Tội nhân ở Biến Cố Thánh Mẫu Fatima là thành phần, như Thiên Thần Hòa Bình nói với 3 em vào năm 1916 "*những người không tin kính Chúa, không thờ lạy Chúa, không trông cậy Chúa và không yêu mến Chúa*", với "*những tội vong ân bội nghĩa*", cần các em rước Mình Máu Chúa đền tạ: "Lạy Chúa Ba Ngôi Chí Thánh là Cha và Con và Thánh

Thần, con sắp mình thờ lạy Chúa. Con xin dâng lên Chúa Mình Máu châu báu, linh hồn và Thiên Tính của Chúa Giêsu Kitô đang hiện diện trong các nhà tạm trên khắp thế giới, để đền tạ *những lãng nhục, phạm thánh và thờ ơ lãnh đạm* mà chính Người đã phải chịu. Xin vì công nghiệp vô cùng của Thánh Tâm Chúa Giêsu và của Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria, xin Chúa ban cho các tội nhân ơn ăn năn hối cải".

Còn tội nhân ở Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa, được Chúa Giêsu bao gồm trong các kinh nguyện cho từng ngày của Tuần Chín Ngày trước Lễ Kính Lòng Thương Xót Chúa, từ Thứ Sáu Tuần Thánh tới Thứ Bảy áp Chúa Nhật II Phục Sinh, đó là "*những linh hồn rôi đạo và lạc đạo*" (ngày 5) và "*những linh hồn đã trở nên hăm hăm dò dò*" (ngày 9). Như vậy, thành phần tội nhân đáng thương của cả Biến Cố Thánh Mẫu Fatima và Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa đây không ai khác ngoài chính Kitô hữu, thành phần cần phải hoán cải trở về với Chúa: "*Giêsu ơi, con tin nơi Chúa*", nhờ "*Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ sẽ là nơi cho con nương náu và là đường đưa con đến cùng Thiên Chúa*".

Đó là lý do, ngay trong giai đoạn giữa hai Thế Chiến I và II, một biến động tàn sát nhau chưa từng có trong lịch sử loài người, một biến động lịch sử lại được bắt nguồn từ chính Âu Châu là châu lục từng được coi là cái nôi phát triển Kitô giáo, và diễn ra chính yếu ở hầu khắp Âu Châu là nơi đã từng truyền bá phúc âm hóa bằng Tin Mừng Sự

Sống - Evangelium Vitae cho khắp nơi trên thế giới từ thế kỷ 16, Chúa Giêsu đã khẳng định với Chị Thánh Faustina về vấn đề hòa bình thế giới được Mẹ Maria nói tới ở Fatima cuối phần hai của Bí Mật Fatima, trong đoạn Người nói với chị về Lễ Tình Thương, rằng: "*Hỡi con gái của Cha, hãy nói cho toàn thể thế giới biết về tình thương khôn thấu của Cha... Nhân loại sẽ không có hoà bình cho đến khi họ quay về với Mạch Nguồn của Tình Thương Cha...*" (Nhật Ký, 699); "*Nhân loại sẽ không tìm được bình an cho tới khi tin tưởng trở về với Tình Thương của Cha*" (Nhật Ký, 300)

Thực tự quả nhiên đã cho thấy đúng như vậy, sau cuộc khủng bố tấn công Hoa Kỳ ngày 11/9/2001, như một biển cố mở màn cho thiên kỳ thứ ba Kitô giáo, thế giới càng văn minh con người lại càng bạo loạn hơn bao giờ hết. Đến độ con người càng ngày càng đi đến chỗ tự diệt vong, bất khả cứu vãn, chẳng những với tình trạng hâm nóng toàn cầu (global warming) do con người cứ tiếp tục gây ra khiến thiên nhiên liên tục xảy ra những biến động về thiên tai vô cùng kinh hoàng bất lợi cho sự sống còn của chung con người suốt thập niên đầu thiên kỳ thứ ba này, mà còn với những thứ nhân quyền tự diệt mình theo trào lưu văn hóa sự chết, như quyền phá thai (có những nơi ở Âu Châu, điển hình là Ý quốc, đã xảy ra tình trạng ở dưới mức thay thế - replacement level giữa sinh và tử), và triệt sinh an tử hay triệt sinh trợ tử v.v.

Phải chăng thời điểm con người càng đi đến chỗ tự diệt vong bất khả cứu vãn này chính là Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa? Hay chính vì thời điểm thế giới càng văn minh con người càng lo sợ tự diệt và càng bạo loạn ngày nay mới cần đến Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa và mới thích đáng cho Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa? Bởi vì: "*Nhân loại sẽ không có hoà bình cho đến khi họ quay về với Mạch Nguồn của Tình Thương Cha...*".

2 ➤ Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa là thời điểm sửa soạn cho lần đến cuối cùng của Chúa

Vẫn biết "về ngày giờ chính xác" liên quan tới tận thế "không ai biết ngoài Cha" (Mt 24:36). Nhưng tận thế lại là biển cố chắc chắn, chẳng những theo Mạc Khải Thánh Kinh mà còn hợp với tính chất hữu hạn qua đi của tất cả mọi tạo vật hữu hình, sẽ xảy ra vì nó thuộc về Mầu Nhiệm Cánh Chung, liên quan tới việc tái giáng của Chúa Kitô, Đấng sẽ đến trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết. Trong khi đó, chính Chúa Giêsu đã nói nhiều lần tới sự kiện đến lần thứ hai cũng chính là lần cuối cùng của Người với nữ sứ giả Faustina của Người, chẳng hạn như những lần tiêu biểu sau đây:

- "*Trước khi Cha đến như một Vị Quan Án công minh, thì Cha đến như một Đức Vua của Tình Thương. Trước ngày công thẳng, dân chúng sẽ được thấy một dấu hiệu trên các tầng trời như thế này: Tất cả ánh sáng trên các tầng trời sẽ bị tắt hết, và bóng tối khủng khiếp sẽ bao trùm cả trái đất.*"

Đoạn trên bầu trời sẽ xuất hiện hình bóng cây thánh giá, và từ những kẽ hở của các bàn tay chân bị đóng đinh của Chúa Cứu Thế sẽ phát ra những ánh sáng cả thế giới soi mặt đất trong một khoảng thời gian. Điều này sẽ xảy ra không lâu trước **ngày cùng tận**". (Nhật Ký, 83)

"Hãy nói với thế giới về tình thương của Cha; tất cả loài người hãy nhận biết tình thương vô hạn của Cha. Đó là dấu hiệu cho **thời gian cuối cùng**; sau đó sẽ là ngày công thẳng. Trong lúc còn thời gian, họ hãy chạy đến với mạch nguồn của tình thương Cha; họ hãy sinh lợi từ Máu và Nước chảy ra cho họ" (Nhật Ký số 848)

"Các linh hồn bị hư hoại bất chấp Cuộc Khổ Nạn đau thương của Cha. Cha đang ban cho niềm hy vọng cứu độ cuối cùng; đó là Lễ Kính Tình Thương của Cha. Nếu họ không tôn thờ Tình thương của Cha thì họ sẽ muôn đời bị diệt vong. Hỡi Thư Ký của Tình thương Cha, con hãy viết, hãy nói về tình thương cao vời vĩ đại của Cha, vì **cái ngày kinh hoàng khủng khiếp, ngày công lý của Cha gần đến nơi rồi**" (Nhật Ký, 965)

"Con hãy viết xuống như sau: **trước khi Cha đến** như một quan phán công minh, trước hết Cha mở rộng cửa tình thương của Cha. Ai không chịu qua cửa tình thương của Cha thì phải qua cửa công lý của Cha..." (Nhật Ký, 1146)

"Hôm nay Cha sai con đem tình thương của Cha đến với các dân tộc trên khắp thế giới. Cha không muốn trừng phạt

một nhân loại đang bị nhức nhối, mà là muốn chữa lành cho nó, ghi lấy nó vào Trái Tim Nhân Hậu của Cha. Cha sử dụng việc trừng phạt khi nào họ buộc Cha phải làm như thế mà thôi; bàn tay của Cha lưỡng lự chân chờ nắm lấy thanh gươm công lý. **Trước Ngày Công Lý** Cha đang ban cho họ Ngày Tình Thương". (Nhật Ký, 1588)

"Từ Balan sẽ phát ra một tia sáng để sửa soạn thế giới cho **lần đến cuối cùng của Cha**" (Nhật Ký, 1732)

"Mẹ đã ban Đấng Cứu Thế cho nhân loại; còn phần con, con phải nói cho thế giới về tình thương cao cả của Người và sửa soạn thế giới cho **Lần Đến Thứ Hai** của Đấng sẽ đến không phải như một Đấng Cứu Thế nhân hậu nữa mà là một Thẩm Phán công minh. Ôi, khủng khiếp thay cái ngày ấy! Quyết liệt thay ngày công minh ấy, ngày giận dữ thân linh ấy. Các Thân Trời rung mình trước ngày này. Hãy nói cho các linh hồn biết về tình thương cao cả này trong khi còn thời gian ban phát tình thương. Nếu giờ đây con câm nín thì con sẽ phải trả lễ về rất nhiều linh hồn vào ngày kinh khiếp ấy. Đừng sợ chi. Hãy trung thành cho đến cùng. Mẹ thương mến con'" (Mẹ Maria với Chị Thánh Faustina: Nhật Ký, đoạn 635)

Phải chăng đó là lý do trong chuyến tông du Lebanon ngày 11/5/1997, Vị Giáo Hoàng Totus Tuus của Lòng Thương Xót Chúa Gioan Phaolô II, Vị Giáo Hoàng triết gia nhân bản mang "vui mừng và hy vọng" đến cho thế giới tân tiến ở vào thiên kỷ thứ 2 và đầu thiên kỷ thứ ba

Kitô giáo, đã có lý để mà nói lên một câu đầy tính chất tiên tri và cảnh báo như sau:

- “Tất cả chúng ta đang sống trong Mùa Vọng của những ngày lịch sử cuối cùng, và tất cả chúng ta đang nỗ lực sửa soạn đón Chúa Kitô đến để thiết dựng vương quốc của Thiên Chúa đã được Người loan báo” (L’Osservatore Romano, ấn bản Anh ngữ, 14/5/1997, trg 2).

3 ➔ Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa là cơ hội hy vọng cứu độ cuối cùng cho loài người

Trong Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa của mình, Thiên Chúa chẳng những sử dụng vị sứ giả của mình là Thánh Faustina, mà còn sử dụng đến cả vị tông đồ của mình nữa, đó là Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, vị giáo hoàng chẳng những đã phong hiển thánh cho người nữ tu đồng hương Faustina của mình làm vị thánh đầu tiên cho thiên kỷ thứ ba Kitô giáo ngày 30/4 trong Đại Năm Thánh 2000, Chúa Nhật II Phục Sinh, một Chúa Nhật được chính ngài hôm đó tuyên bố sẽ được toàn thể Giáo Hội tôn kính Lòng Thương Xót Chúa như Người ngỏ ý muốn qua chị Faustina, mà còn là vị đã qua đời sau Lễ Vọng Kính Lòng Thương Xót Chúa sau đó 5 năm, Thứ Bảy 2/4/2005.

Thời điểm Đức Gioan Phaolô II qua đời này chẳng những liên quan đến Lòng Thương Xót Chúa mà còn đến Mẹ Maria nữa, vì hôm đó là Thứ Bảy Đầu Tháng Tư. Sự kiện

ở đây là ngài không chết vào đúng Chúa Nhật Lễ Kính Lòng Thương Xót Chúa, 3/4/2005, mà là Thứ Bảy trước đó, còn cho thấy ngài có một liên hệ hết sức mật thiết với Mẹ Maria nữa, một Người Mẹ ngài đã tận hiến - "totus tuus" - để Mẹ dẫn ngài đến với Chúa, Đấng lại dẫn ngài về với Mẹ, như ngài đã tự thú trong tác phẩm “Tặng Ân Và Mầu Nhiệm” (ấn bản Anh Ngữ, 1996, trang 28) nhân dịp kỷ niệm mừng Kim Khánh Linh Mục 50 năm (1946-1996) của ngài như sau:

- "Mẹ Maria là vị dẫn chúng ta đến với Chúa Kitô, thế nhưng, vào lúc ấy, tôi cũng bắt đầu nhận thấy rằng Chúa Kitô dẫn chúng ta tới với Mẹ của Người nữa". ("Tặng Ân Và Mầu Nhiệm", ấn bản Anh Ngữ, 1996, trang 28).

Không phải là tình cờ mà cảm nhận đầy xác tín này của ngài đã được hiển nhiên chứng thực nơi giáo triều của ngài, ít là ở hai sự kiện sau đây: trước hết, "Chúa Kitô dẫn chúng ta tới với Mẹ của Người": nếu bức Thông Điệp đầu tay của ngài "Đấng Cứu Chuộc Nhân Trăn - Redemptor Hominis" (4/3/1979) về Chúa thì chuyến Tông Du quốc tế cuối cùng trong 104 chuyến của ngài ở Lộ Đức (14-15/8/2004) lại về Mẹ Maria, nhân dịp kỷ niệm 150 năm Tín Điều Vô Nhiễm Nguyên Tội của Mẹ; và sau nữa, "Mẹ Maria là vị dẫn chúng ta đến với Chúa Kitô": nếu ngài mở Năm Mân Côi (16/10/2002-19/10/2003) để tôn kính "Mẹ Đấng Cứu Chuộc - Redemptoris Mater", với Tông Thư "Kính Mân Côi Trinh Nữ Maria - Rosarium Virginis Mariae" (16/10/2002), thì sau đó ngài cũng mở Năm Thánh

Thế (10/2004-2005) về Chúa với bức Thông Điệp cuối cùng, bức thông điệp 14: "*Giáo Hội sống bởi Thánh Thể - Ecclesia de Eucharistia*" (17/4/2003).

Khẩu hiệu "totus tuus" của ngài không phải chỉ liên quan đến Mẹ Maria mà thực ra liên quan đến chính Thiên Chúa, ở chỗ, ngài muốn nhờ Mẹ đến với Chúa, đúng như ý nghĩa của toàn câu ngài lấy từ tác phẩm Luận Về Lòng Thành Thực Sùng Kính Mẹ Maria của Thánh Long Mộng Phổ (Louis de Montfort) được ngài xác nhận trong Tông Thư ngày 8/12/2003 ngài viết gửi cho Gia Đình Montfort nhân dịp 160 năm (1843-2003) xuất bản cuốn "Luận Về Lòng Thành Thực Sùng Kính Đức Trinh Nữ" như sau:

- "*Hai chữ này diễn tả việc hoàn toàn thuộc về Chúa Giêsu qua Mẹ Maria: 'Tuus totus ego sum, et omnia mea tua sunt', Thánh Montfort đã viết như thế và ngài chuyển dịch sang ngôn từ của mình như sau: 'Tất cả con là của Chúa, và tất cả những gì con có là của Chúa, Ôi Chúa Giêsu rất dấu yêu, nhờ Mẹ Maria, Người Mẹ rất thánh của Chúa' (Treatise on True Devotion, n. 233)".*

Có một câu ngài nói chẳng những bao gồm tất cả linh đạo của ngài cùng đường hướng giáo triều của ngài mà còn là tất cả chương trình sống động của toàn thể Giáo Hội trong ngàn năm thứ ba Kitô giáo, liên quan đến cả Chúa lẫn Mẹ hay nhờ Mẹ đến Chúa - per Mariam ad Jesum trong đời sống nội tâm lẫn hoạt động tông đồ truyền giáo của Giáo Hội, đó là lời ngài nói trong bức Thông Điệp

"*Giáo Hội Sống Bởi Thánh Thể - Ecclesia de Eucharistia*", đoạn 6, như sau:

- "*Việc chiêm ngưỡng dung nhan Chúa Kitô, và việc cùng Mẹ Maria chiêm ngưỡng dung nhan Người là 'chương trình' Tôi đã đề ra cho Giáo Hội vào lúc rạng đông của đệ tam thiên kỷ, kêu gọi Giáo Hội hãy ra chỗ nước sâu của đại dương lịch sử bằng lòng nhiệt thành thực hiện cuộc tân truyền bá phúc âm hóa".*

Đúng thế, thời điểm qua đời của ngài vào Thứ Bảy Đầu Tháng 2/4/2005 sau Lễ Vọng Kính Lòng Thương Xót Chúa 3/4/2005 cùng với khẩu hiệu "totus tuus" của Vị Giáo Hoàng Chân Phước Gioan Phaolô II đã chứng thực ngài là điểm hội tụ giữa Biến Cố Thánh Mẫu Fatima và Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa. Và có lẽ chính vì thế mà trong giáo triều dài 26 năm rưỡi (16/10/1978-2/4/2005), dài thứ ba trong lịch sử Giáo Hội, đã xảy ra những sự kiện đặc biệt liên quan tới Biến Cố Thánh Mẫu Fatima và Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa. Chẳng hạn như 4 sự kiện hiển nhiên đầy trùng hợp và tương hợp sau đây:

Sự kiện thứ nhất đó là, ngài đã hiến dâng chung thế giới (cách riêng Nước Nga) cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria ngày 13/5/1982 ở Linh Địa Thánh Mẫu Fatima, nhất là ngày 25/3/1984 ở chính Giáo Đô Rôma, và ngài cũng đã dâng loài người cho Chúa Tình Thương ngày Thứ Bảy 17/8/2002 ở Đền Thánh Lòng Thương Xót Chúa Balan.

Sự kiện thứ hai đó là, trong cùng Đại Năm Thánh 2000, ngài đã phong hiển thánh cho vị sứ giả Lòng Thương Xót Chúa Faustina vào ngày 30/4, một vị thánh đã được chính ngài bắt đầu tiến trình phong thánh khi ngài còn là tổng giám mục Krakow Balan đầu thập niên 1960 và là vị cũng đã được ngài với tư cách giáo hoàng phong chân phước ngày 18/4/1993. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II cũng đã phong chân phước cho hai trong ba Thiếu Nhi Fatima là Phanxicô và Giaxinta ngày 13/5, một án phong đã được bắt đầu từ năm 1952 tại giáo phận Leiria-Fatima, thế nhưng, tiến trình phong thánh này đã bị trì hoãn liên quan đến tín lý và giáo luật về vấn đề tuổi tác quá trẻ của các em, cho đến khi các em được ngài rút ngắn tiến trình phong thánh cho hai em, bằng việc công nhận nhân đức anh hùng của hai Đấng Đáng Kính này ngày 13/5/1989, một biến cố không ngờ đã xảy ra như điềm báo trước biến động Đông Âu sau đó ở Balan ngày 19/8/1989.

Sự kiện thứ ba đó là, cũng trong Đại Năm Thánh 2000 này, nhân dịp lễ phong thánh cho nữ tu Faustina, ngài đã thiết lập Lễ Kính Lòng Thương Xót Chúa vào Chúa Nhật II Phục Sinh hằng năm trong toàn thể Giáo Hội, và nhân dịp lễ phong chân phước cho em Phanxicô và Giaxinta, ngài đã cho tiết lộ việc sẽ cho công bố Bí Mật Fatima phần thứ ba, một tiết lộ đã được thực sự thực hiện qua Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin ngày 26/6.

Sự kiện thứ bốn đó là ngày được Giáo Hội chọn để phong chân phước cho ngài, thời điểm vào chính Chúa Nhật II

Phục Sinh, ngày Kính Lòng Thương Xót Chúa, ngày 1/5/2011. Tuy nhiên, lạ lùng thay, ngày 1/5 này lại là ngày đầu Tháng Hoa kính Đức Mẹ, tháng được Mẹ Maria chọn để bắt đầu Biến Cố Fatima 6 tháng liền cho đến hết Tháng Mãn Cõi là Tháng 10 hằng năm của Giáo Hội. Nghĩa là ngày phong chân phước cho ngài cũng mang cả hai tính chất Lòng Thương Xót Chúa và Thánh Mẫu Maria. Mà có một điều rất lạ nữa là hầu như Chúa Nhật II Phục Sinh ít khi hay hình như chưa từng bao giờ rơi vào đầu Tháng 5, chỉ cùng lắm ở vào ngày 30/4 cuối tháng, như đã xảy ra cho năm 2000, mà ngày 30/4/2000 lại là ngày chính ngài đã chọn để phong hiển thánh cho Nữ Tu Faustina, vị sứ giả của Lòng Thương Xót Chúa. Đúng là Thiên Chúa đã tiền định cho ngài là vị Tông Đồ của Lòng Thương Xót Chúa và Thánh Faustina là Sứ Giả của Lòng Thương Xót Chúa gặp nhau nơi thời điểm sát cạnh nhau được Giáo Hội tuyên phong: Thánh Faustina trước Chân Phước Gioan Phaolô II đúng 1 ngày.

Như thế, Đức Gioan Phaolô II là điểm hội tụ giữa Biến Cố Thánh Mẫu Fatima và Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa không phải chỉ ở ngày giờ ngài qua đời liên quan tới Thứ Bảy Đầu Tháng vọng Chúa Nhật Lễ Chúa Tình Thương năm 2005, cũng như đến khẩu hiệu "totus tuus" của ngài, mà còn tới Đại Năm Thánh 2000 là năm ngài phong thánh cho vị sứ giả của Lòng Thương Xót Chúa cũng như phong Chân Phước cho ai Thiếu Nhi Fatima, năm ngài thiết lập Lễ Kính Lòng Thương Xót Chúa và tiết lộ Bí Mật Fatima phần thứ ba. Có thể nói, sự kiện lịch sử trùng hợp đầy

quan phòng này cho thấy quả thực "Fatima là Đạo Khúc mở màn cho Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa".

Điều Nữ Tu Lucia, một trong 3 thụ khải Fatima còn sống sót, đã viết ở ngoài phong thư dán kín đựng tờ giấy viết về phần ba của Bí Mật ám chỉ Âu Châu hay văn minh Tây phương đang băng hoại trong thị kiến đến độ đã đến lúc đáng bị hủy diệt bởi lưỡi gươm lửa của vị thiên thần đang chĩa xuống trái đất, mà còn về Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa sắp sửa được loan truyền trên khắp thế giới, với tiến trình phong thánh cho Nữ Tu Faustina được bắt đầu đầu thập niên 1960 qua việc phát động của Đức Tổng Giám Mục Kracow là Karol Josef Wojtyla, vị giáo hoàng tương lai Gioan Phaolô II.

Trong bài giảng cung hiến Đền Thờ Lòng Thương Xót Chúa 17/8/2002:

- *"Lạy Cha hằng hữu, vì tội lỗi của chúng con và của toàn thế giới, con xin dâng lên Cha Minh Máu, Linh Hôn và Thiên Tính của Con Cha yêu dấu là Chúa Giêsu Kitô; vì những sự khốn khó của Cuộc Người Khổ Nạn, xin Cha thương đến chúng con và toàn thế giới... Thế giới ngày nay cần đến tình thương của Thiên Chúa biết bao! Nơi hết mọi lục địa, từ vực sâu khốn khổ của loài người, tiếng kêu cầu xót thương dường như đang vang dậy. Nơi nào thù hận và đòi rửa hận thống trị, nơi nào chiến tranh mang lại đau thương và chết chóc cho thành phần vô tội, thì ở đó cần đến*

ân sủng tình thương để ổn định lòng trí con người và tạo lập hòa bình. Nơi nào thiếu hụt lòng trọng kính sự sống và phẩm vị con người thì ở đó cần đến tình yêu nhân hậu của Thiên Chúa, Đấng mà trong ánh sáng của Ngài, chúng ta thấy được giá trị khôn tả của hữu thể con người. Cần phải có tình thương để bảo đảm rằng hết mọi bất công trên thế giới này sẽ được kết thúc trong chân lý rạng ngời.

"Thế nên, hôm nay đây, tại Đền Thánh này, Tôi xin long trọng ký thác thế giới cho Lòng Thương Xót Chúa. Tôi làm như vậy với một lòng thiết tha mong ước thấy sứ điệp của tình yêu nhân hậu Thiên Chúa, được loan báo nơi đây qua Thánh Faustina, cũng được tất cả mọi dân tộc trên thế giới biết đến và làm cho lòng họ tràn đầy niềm hy vọng. Chớ gì sứ điệp này, từ nơi đây, chiếu tỏa ra cho quê hương thân yêu của chúng ta cũng cho khắp thế giới. Chớ gì lời hứa quyết của Chúa Giêsu được nên trọn, ở chỗ, từ nơi đây phải chiếu giãi ra "tia sáng sửa soạn thế giới cho lần đến cuối cùng của Cha" (x Nhật Ký, 1732).

"Tia sáng này cần phải thấp lên bởi ân sủng của Thiên Chúa. Ngọn lửa tình thương này cần phải được chuyên đi cho thế giới. Trong tình thương của Thiên Chúa thế giới mới tìm thấy hòa bình và nhân loại mới tìm thấy hạnh phúc! Tôi ký thác công việc này cho Anh Chị Em thân mến, cho Giáo Hội ở Krakow và ở Balan, cũng như cho tất cả mọi người sùng mộ Lòng Thương Xót Chúa

đến đây từ Balan hay từ khắp nơi trên thế giới. Chớ gì anh chị em là những chứng nhân cho tình thương!”

Trong bài giảng tuyên phong 4 tân Chân Phước 18/8/2002:

- “Từ khi bắt đầu hiện hữu, Giáo Hội, qua việc bày tỏ mâu nhiệm Thập Giá và Phục Sinh, đã rao giảng tình thương Chúa, một bảo chứng hy vọng và là nguồn mạch cứu độ con người. Tuy nhiên, **hôm nay đây dường như chúng ta được kêu gọi đặc biệt để loan báo sứ điệp này trước thế giới. Chúng ta không thể lơ là với sứ vụ này, nếu chính Thiên Chúa đã kêu gọi chúng ta thực hiện sứ vụ này qua chứng từ của Thánh Nữ Faustina.**

“Thiên Chúa đã chọn thời đại của chúng ta cho mục đích này. Có lẽ vì thế kỷ 20, mặc dù có những thành đạt không thể chối cãi về nhiều lãnh vực, cũng đã bị ghi dấu một cách đặc biệt bởi mâu nhiệm lỗi lầm “mystery of iniquity”. Chúng ta đã tiến vào ngàn năm mới với di sản vừa thiện vừa ác này. Những chân trời mới trong việc phát triển đang mở ra trước nhân loại, kèm theo đó có cả những cái nguy hiểm chưa từng có. Con người thường sống như thể Thiên Chúa không hiện hữu, thậm chí đặt mình vào vị thế của Thiên Chúa nữa. Họ tự cho mình quyền hành của một Vị Tạo Hóa trong việc can thiệp vào mâu nhiệm sự sống con người. Họ muốn định đoạt sự sống con người bằng cách léo lái việc truyền giống cũng như muốn thiết định giới hạn sự chết. Khi loại trừ lề luật thân linh và những nguyên tắc luân lý, họ công khai tấn công cơ cấu gia đình. Bằng những cách thức khác nhau, họ cố gắng làm cho

Thiên Chúa phải im hơi lặng tiếng nơi tâm can của con người; họ muốn làm cho Thiên Chúa “hoàn toàn khuất bóng” nơi văn hóa và lương tâm các dân tộc. “Mâu nhiệm lầm lỗi” tiếp tục đánh dấu cái thực tại của thế giới này.

“Cảm nghiệm được mâu nhiệm ấy, con người mới sống trong nơm nớp lo sợ về tương lai, lo sợ về tình trạng trống rỗng, lo sợ phải khổ đau, lo sợ bị hủy diệt. Có lẽ chính vì lý do này mà Chúa Kitô, qua việc sử dụng chứng từ của một Nữ Tu thấp hèn, đã đến với thời đại của chúng ta để tỏ cho chúng ta thấy một cách rõ ràng nguồn mạch sống khuây khỏa và hy vọng ở nơi tình thương đời đời của Thiên Chúa. Sứ điệp tình yêu nhân hậu cần được vang vọng một cách mạnh mẽ một lần nữa. Thế giới cần đến thứ tình yêu này. Đã đến thời giờ cần phải mang sứ điệp của Chúa Kitô đến cho mọi người: cho các kẻ trị vì và thành phần bị áp bức, cho những ai có bản tính và phẩm vị bị tiêu ma trong mâu nhiệm lỗi lầm. Đã đến lúc sứ điệp Lòng Thương Xót Chúa có thể làm cho các tâm hồn tràn đầy hy vọng và trở nên tia sáng cho một nền văn minh mới, một nền văn minh yêu thương”.

Trong huấn từ Chúa Nhật II Phục Sinh ngày 3/4/2005:

- **“Chúa Kitô phục sinh đã hiến ban cho nhân loại, một nhân loại có những lúc dường như bị lạc mất và bị thống trị bởi quyền lực sự dữ, cái tôi và sợ hãi, tặng ân tình ngài yêu thương, một tình yêu tha thứ, hòa giải và phục hồi tinh thần hy vọng. Đó là một tình yêu hoán cải tâm can và ban phát an bình. Thế giới này cần phải**

hiểu biết và chấp nhận Lòng Thương Xót Chúa biết bao! *Lạy Chúa, Đấng đã tỏ tình yêu thương của Chúa Cha qua Cuộc Tử Nạn và Phục Sinh của Chúa ra, chúng con tin tưởng vào Chúa và tin tưởng lập lại cùng Chúa hôm nay rằng: Lạy Chúa Giêsu, con tin tưởng nơi Chúa, xin thương xót chúng con và toàn thế giới. Phụng vụ trọng thể của Lễ Truyền Tin là lễ sẽ được cử hành ngày mai, đưa chúng ta đến việc chiêm ngưỡng mầu nhiệm vĩ đại của tình yêu nhân hậu xuất phát từ Thánh Tâm Chúa Giêsu này bằng ánh mắt của Mẹ Maria."*

Vị đương kim Giáo Hoàng Biển Đức XVI cũng đã cho thấy rằng ngài cũng muốn noi gương và tiếp nối đường hướng tu đức và mục vụ per Mariam as Jesum của Vị Giáo Hoàng Chân Phước Gioan Phaolô II, đường hướng đã được vị tiền nhiệm của ngài phác ra trong Thông Điệp "Giáo Hội Sống Bởi Thánh Thể" - *Ecclesia de Eucharistia*", đoạn 6, như đã được trích dẫn. Sau đây là nguyên văn lời ngài nói trong huấn Từ Truyền Tin Chúa Nhật VII Thường Niên 19/2/2006:

- "Ngày nay nhân loại cũng mang những dấu hiệu tội lỗi là những gì ngăn trở họ nhanh chóng tiến bộ nơi những giá trị về huynh đệ, công lý và hòa bình, những giá trị cũng đã được ấn định nơi những bản tuyên ngôn trang trọng. Tại sao? Cái gì ngăn cản đường lối của họ? Cái gì làm tê liệt đi việc phát triển trọn vẹn này? Chúng ta quá rõ là, trên bình diện lịch sử, những nguyên nhân thì nhiều và vẫn để lại phức tạp. Thế nhưng, Lời Chúa mời gọi chúng ta hãy nhìn

bằng đức tin và hãy tin tưởng, như thành phần khiêng người bị bất toại, **con người chỉ có thể được chữa lành bởi một mình Chúa Giêsu mà thôi.** Ước muốn căn bản nơi các vị tiền nhiệm của tôi, nhất là của Đức Gioan Phaolô II yêu dấu của chúng ta, đó là dẫn con người của thời đại chúng ta đến với Chúa Kitô là Đấng Cứu Chuộc, nhờ đó, qua việc chuyển cầu của Mẹ Maria Vô Nhiễm, Người có thể chữa lành cho họ. Tôi cũng muốn tiến theo con đường này nữa. Nhất là, bằng bức thông điệp đầu tiên 'Thiên Chúa là Tình Yêu', tôi muốn nói với tín hữu và toàn thế giới rằng **Thiên Chúa là nguồn tình yêu chân thực.** Chỉ có tình yêu Thiên Chúa mới có thể canh tân lòng người, và chỉ khi nào con tim của nhân loại bị bất toại được chữa lành thì họ mới có thể đứng lên bước đi mà thôi. **Tình yêu của Thiên Chúa thực sự là một quyền lực canh tân thế giới vậy".**

Tại Linh Địa Thánh Mẫu Fatima ngày 13/5/2010, Đức Thánh Cha Biển Đức XVI đã ngưỡng vọng về thời điểm kỷ niệm đệ nhất bách chu niên Biến Cố Thánh Mẫu Fatima bằng những lời có tính chất đầy ngôn sứ sau đây, những lời rất hợp với vị tiền nhiệm Gioan Phaolô II của ngài liên quan đến cuộc chiến thắng của "Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ".

Đức Thánh Cha Biển Đức XVI ngưỡng vọng về Fatima:

- "Chớ gì 7 năm hướng chúng ta tới biến cố mừng trăm năm của những cuộc hiện ra này mau chóng hoàn tất lời tiên tri

về cuộc vinh thắng của Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria, cho vinh quang của Ba Ngôi Chí Thánh".
(Bài giảng 13/5/2010 ở Linh Địa Fatima)

"Tôi cho rằng 'cuộc chiến thắng' này sẽ tới gần hơn nữa. Điều ấy cũng có nghĩa là việc chúng ta nguyện cầu cho Nước Chúa trị đến đó thôi. Lời phát biểu này của tôi không có nghĩa là tôi mong rằng sẽ xảy ra một cuộc biến đổi cả thế nào đó và lịch sử dùng một cái sẽ hoàn toàn đổi thay. Vấn đề thật ra ở đây là **quyền lực của sự dữ cứ bị chế ngự, và quyền năng của Thiên Chúa sẽ được tỏ hiện nơi quyền phép của Mẹ Maria nơi tình trạng sự dữ cứ bị chế ngự ấy**". (Ánh Sáng Thế Gian 2010, ấn bản Anh ngữ, trang 166)

Vị Giáo Hoàng Chân Phước Gioan Phaolô II cảm nhận:

- *"'Đừng sợ!' Chúa Kitô nói với các vị tông đồ (x Lk 24:36) cũng như nói cùng các người phụ nữ (x Mt 28:10) sau khi Phục Sinh. Theo các Phúc Âm thì những lời này không được ngỏ cùng Mẹ Maria. Đức tin của Mẹ mãnh liệt, Mẹ không biết sợ. Việc Mẹ Maria thông dự vào cuộc vinh thắng của Chúa Kitô, đối với tôi, đã sáng tỏ trước hết từ cảm nghiệm của dân tộc tôi. Đức Hồng Y Stefan Wyszynski đã nói với tôi rằng vị tiên nhiệm của ngài là Đức Hồng Y August Hlond, đã nói những lời tiên tri này trước khi chết: 'Nếu có được một cuộc chiến thắng thì cuộc chiến thắng này xảy ra nhờ Mẹ Maria'. Trong khi thi hành thừa tác vụ của mình ở Balan, chính tôi thấy được*

rằng những lời này xảy ra đúng biết bao. Sau khi được bầu làm Giáo Hoàng, lúc tôi có liên hệ hơn nữa với các vấn đề của Giáo Hội hoàn vũ, tôi đã tiến đến chỗ có cùng một niềm xác tín như thế: Ở tâm cấp hoàn vũ này, **nếu có được cuộc chiến thắng nào thì đều là những cuộc chiến thắng được Mẹ nhúng tay vào. Chúa Kitô sẽ chiến thắng qua Mẹ, vì Người muốn các cuộc chiến thắng của Giáo Hội hiện nay và tương lai đều liên hệ với Mẹ. Tôi có được niềm xác tín này cho dù tôi không biết nhiều về Fatima**". (Vượt Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng 1994, ấn bản Anh ngữ, trang 220-221)

Bài chia sẻ cho buổi Hội Thảo Thánh Mẫu XXXIV
Thứ Sáu ngày 5/8/2011

“Tôi khát” (Jn 19:28)
“Xin cho Tôi uống” (Jn 4:7)

Tôi khát” (Jn 19:28) - “xin cho Tôi uống” (Jn 4:7) đây hiển nhiên bao gồm 2 phần, nhưng đều phát xuất cùng một chủ thể, đó là Chúa Giêsu Kitô, Đấng vừa bày tỏ con “khát” của mình vừa mong được “uống” để thỏa mãn nhu cầu của mình. Tuy nhiên, hai phần trong cùng nhan đề này ở hai nơi khác nhau trong Phúc Âm, hầu như không liên hệ gì với nhau. Tuy nhiên, có cái hay và trùng hợp là cả hai đều ở trong cùng một phúc âm đó là Phúc Âm Thánh Gioan, như thế cả hai có một cái gì đó liên hệ với nhau làm sao ấy, vì hai lời ấy cùng xuất phát từ Chúa Giêsu và đều liên quan tới nhu cầu “khát” của Người, một nhu cầu cần phải được “uống” mới thỏa.

“Tôi khát” (Jn 19:28)

Vấn đề đầu tiên được đặt ra ở đây là Chúa Giêsu “khát” cái gì, hay nói cách khác, đâu là ý nghĩa đích thực về cái “khát” Chúa Giêsu muốn nói tới? Phải chăng Người khát nước, hoàn toàn về thể lý? Để có thể nắm bắt được ý nghĩa sâu xa của lời bày tỏ “khát” này của Chúa Giêsu, chúng ta cần phải lưu ý, trước hết, tới hoàn cảnh bấy giờ của Người - tại sao Người lại khát? Sau nữa, tới đối tượng Người muốn bày tỏ cho biết con “khát” của Người - tức là Người muốn ngỏ cùng ai con “khát” của Người, cùng đám lý hình, cùng thành phần nhạo báng Người, cùng những ai trung thành với Người cho tới chân thập giá (x Jn 19:25), trong đó có Mẹ của Người, hay cùng chính Cha của Người?

Trước hết về hoàn cảnh có thể gây ra cái “khát” của Chúa Giêsu người ta có thể nghĩ đến tình trạng mệt lả như chết của Người. Ở chỗ, sau một đêm bị hành hình ở Dinh Thượng Tế Caipha (x Mt 26:67-68), và một sáng bị quần quai ở Dinh Tổng Trấn Philatô (x Mt 27:27-31), đến độ tan nát xác thân, Người còn phải vác thập giá vô cùng nặng nhọc, đến độ phải có người vác đỡ Người (x Mt 27:32), một cuộc hành trình vác thập giá giữa buổi trưa nắng nóng, và phải vác trên một đoạn đường không thẳng mà là dốc dác, lên cho tới đỉnh Đồi Canvê. Ngoài ra, cái “khát” của Chúa Giêsu trên cây thập tự giá bấy giờ còn có thể gây ra bởi nước trong thân thể của Người hầu như đã toát hết ra ngoài với mồ hôi suốt đoạn đường Núi Sọ, đầm đìa khắp châu thân, chỉ còn một chút cuối cùng tuôn

ra với máu từ cạnh sườn của Người bị lưỡi đồng đâm vào.

Sau nữa, về đối tượng nào Chúa Giêsu muốn nói cho biết về con "khát" của Người nhờ đó Người được họ đáp ứng cho "uống", Phúc Âm Thánh Gioan không hề cho biết rõ là thành phần nào mà chỉ thuật lại phản ứng của nhóm lý hình ở đó bấy giờ đã tỏ ra như thế này: "Ở đó có sẵn một bình đầy dấm, người ta lấy một miếng bọt biển thấm đầy dấm mà giơ lên môi của Người. Khi đã nếm dấm rồi, Đức Yêsu nói: 'Giờ đây đã hoàn tất'. Đoạn gục đầu xuống, Người trút thần khí của Người" (Jn 19:29-30). Qua câu trình thuật này của Thánh Ký Gioan, phải chăng Chúa Giêsu đã được giãn khát "khi đã nếm dấm", vì ngay sau đó Phúc Âm cho biết "Chúa Giêsu nói: 'Giờ đây đã hoàn tất'. Đoạn gục đầu xuống, Người trút thần khí của Người".

Vấn đề được đặt ra ở đây là nếu Người nhờ nếm dấm mà giãn khát thì đáng lẽ Người phải hồi sức phần nào mới phải, đằng này, Người lại hoàn toàn kiệt sức tàn hơi. Theo nội dung 2 câu Thánh Vịnh 69:21-22 thì dấm đây ám chỉ những gì là chua chát mà Đáng trải qua con khát nức sọ vì yêu thương đến cùng thành phần thuộc về mình phải hứng chịu. Như thế, có thể nói "dấm" chua đã là chất xúc tác cực mạnh gây ra cái chết cấp thời của Người bấy giờ, bằng không, Người có thể còn sống lâu hơn thế nữa. Cũng có thể nói Chúa Giêsu đã chết vì "khát" đến cực độ, vì bị thiếu nước. Và trạng thái chết "khát" của Người đây hình như được Thánh Ký Gioan nhấn mạnh khi ngài cho biết lý do tại sao Chúa Giêsu kêu "khát" như sau: "Sau đó

(*biệt chú: sau khi Người trao Thánh Gioan cho Mẹ Maria và Mẹ Maria cho Thánh Gioan*) Chúa Giêsu biết rằng mọi sự đã hoàn tất, để Kinh thánh được nên trọn, Người nói: "Tôi khát". Chúa Giêsu nói "Tôi khát" ở đây để lời Kinh Thánh được nên trọn, vì Thánh Vịnh 22 câu 16 đã tiên báo về Người rằng: "Cổ họng của tôi khô ran như sỏi, lưỡi của tôi dính lại với hàm của tôi; Ngài mang tôi xuống tới cát bụi tử vong" (22:16).

Cho tới đây, hai vấn đề được đặt ra ngay từ đầu vẫn chưa được giải quyết: Chúa Giêsu "khát" cái gì và Người muốn ngó cùng ai cái "khát" của Người, tức Người muốn được ai cho "uống" để được giãn khát? Chỉ biết rằng, căn cứ vào chiều hướng được Thánh Ký Gioan trình thuật được phân tích trên đây thì Chúa Giêsu đã chết vì "khát". Và nguyên nhân sâu xa gây ra cái chết "khát" của Người không phải là "dấm" chua mà là chính Cha của Người, Đáng biết rằng Người "khát" đến độ "*cổ họng của tôi khô ran như sỏi, lưỡi của tôi dính lại với hàm của tôi*", thế mà vẫn không giãn "khát" cho Người, trái lại, "Ngài (còn) mang tôi xuống tới cát bụi tử vong". Phải chăng đây là lý do ngay trước đó Người đã phải vận dụng hết hơi tàn của mình để lớn tiếng thảm thiết bi thương than lên rằng: "*Chúa Trời của Tôi ơi, Chúa Trời của Tôi ơi, sao Ngài lại bỏ rơi Tôi?*" (Mt 27:46; Ps 22:2). Như thế, phải chăng lời bày tỏ "Tôi khát" sau đó của mình Chúa Giêsu muốn ngó cùng Thiên Chúa Cha của Người?!

Đúng thế, Thiên Chúa là Cha của Người đã hoàn toàn bỏ rơi Người, như Thánh Vịnh 22 tiên báo về Người đã cho

biết: "Ôi Chúa Trời của Tôi ơi, ban ngày Tôi kêu lên Chúa, Chúa chẳng lắng nghe, ban đêm Tôi kêu xin Ngài, Tôi vẫn ê chề". Tại sao Thiên Chúa lại ác độc đến thế, nhất là đối với Người Con duy nhất của mình, không làm cho Con Mình được giải khát? Đức Thánh Cha Biển Đức XVI đã hoàn toàn có lý khi cảm nghiệm được tình yêu điên cuồng của Thiên Chúa, khi ngài chia sẻ trong bức Thông Điệp "Deus Caritas Est - Thiên Chúa Là Tình Yêu" của ngài, ở đoạn 12 như sau: "Cái chết của Người trên Thập Giá là tột đỉnh của những gì làm cho Thiên Chúa quay ra chống lại chính Người, một thái độ Người hiển mình để nâng con người lên và cứu độ con người. Đó là tình yêu mặc một hình thức cực đoan nhất".

Thật ra, việc Thiên Chúa "quay ra chống lại chính mình", khi cương quyết bỏ rơi Con Mình, lại là tác động vô cùng cần thiết đến bất khả thiếu trong việc làm cho Con của Ngài được hoàn toàn giải "khát", một con "khát" thiêng liêng chứ không phải thể lý. Bởi vì, "Lời đã hóa thành nhục thể" (Jn 1:14) là để "tỏ Cha ra" (x Jn 1:18), và chính Con Ngài cũng đã hết sức khao khát ước mong hoàn thành sứ vụ cao cả này trên trần gian: "Thầy đến để thắp lên một ngọn lửa trên thế gian này. Thầy khát mong biết bao cho nó bùng cháy lên. Thầy cần phải chịu một phép rửa và Thầy khắc khoải cho tới khi hoàn tất nó" (Lk 12:49-50); "Lạy Cha xin cứu Con khỏi giờ này? Nhưng chính vì giờ này mà Con đã đến. Cha ơi xin hãy tôn vinh Danh Cha" (Jn 12:27-28); "Cha ơi, giờ đã đến, xin hãy tôn vinh Con Cha để Con Cha cũng được tôn vinh Cha" (Jn 17:1). Mà còn gì tôn vinh Cha cho bằng làm

theo Ý Cha: "Người đã vâng lời cho đến chết, cho dù chết trên thập tự giá" (Phil 2:8).

Quả thực ngay trong lời Người than lên cùng Cha của Người ở Vườn Cây Dầu: "Cha ơi, nếu được xin chén này khỏi Con; nhưng đừng cứ ý Con một theo Ý Cha" (Lk 22:42) là những gì đã cho thấy rằng Người khao "khát" làm trọn ý muốn Cha của Người cho đến cùng với bất cứ giá nào, ở chỗ, Người sẵn sàng uống "chén" Cha trao cho, vì Người chỉ mong cho Cha của Ngài được hiển vinh, nhờ đó, chính Người cũng được vinh hiển, vì "Thiên Chúa đã tôn vinh Người và ban cho Người một danh hiệu vượt trên mọi danh hiệu, để khi nghe tên Giêsu thì mọi đầu gối trên trời dưới đất và trong âm phủ đều phải quì xuống cùng mọi miệng lưỡi phải tuyên xưng cho vinh quang của Thiên Chúa Cha rằng Đức Giêsu Kitô là Chúa" (Phil 2:9-11).

Thế nhưng, vinh hiển Người được Cha ban cho này không phải chỉ qui về cho riêng bản thân Người mà chính là cho Cha, đúng như "khát" vọng duy nhất tối hậu của Người: "Cha ơi, giờ đã đến, xin hãy tôn vinh Con Cha để Con Cha cũng được tôn vinh Cha" (Jn 17:1). Và Thiên Chúa là Cha của Người đã thực sự tôn vinh Người trên thập tự giá: "Thiên Chúa đã không dung tha cho Con Một mình, một phó nộp Người vì tất cả chúng ta" (Rm 8:32), và nhờ việc tuân phục "tự hiến" (Jn 17:19) này của Người, thành phần môn đệ tông đồ là nền tảng và là biểu hiện cho Giáo Hội tương lai của Người "nhận biết rằng Con thực sự từ Cha mà

đến và tin rằng chính Cha đã sai Con... Cha ở trong Con và Con ở trong Cha" (Jn 17:8,20).

Chính vì Người "cho dù là Con, Người cũng đã biết tuân phục nơi những gì Người phải chịu, để khi hoàn tất Người đã trở nên căn nguyên cứu độ đời đời cho những ai tin phục Người" (Heb 5:8-9), mà Người đã được mãn nguyện ở chỗ "Con đã ban cho họ vinh hiển Cha đã ban cho Con, để họ được nên một như Chúng Ta là một. Con sống trong họ, Cha sống trong Con, để sự hiệp nhất của họ được nên trọn. Nhờ đó thế gian nhận biết rằng Cha đã sai Con và Cha đã yêu thương họ như Cha đã yêu thương Con" (Jn 17:22-23). Như thế, "khát" vọng của Chúa Kitô, hay con khát núi sọ của Người, không phải chỉ là vinh hiển của Cha theo lý tưởng, mà về thực tế còn là phần rỗi của các linh hồn nữa, tức còn là sự sống đời đời của các linh hồn, những hoa trái thiêng liêng mà cuối cùng cũng qui về cho vinh hiển Cha (x Jn 15:8).

"Xin cho Tôi uống" (Jn 4:7)

Tuy nhiên, phần rỗi của các linh hồn là gì, nếu không phải là sự sống đời đời của họ. Mà "sự sống đời đời là nhận biết Cha là Thiên Chúa chân thật duy nhất và Đấng Cha sai là Chúa Giêsu Kitô" (Jn 17:3) nên phần rỗi đời đời của các linh hồn là ở chỗ nhận biết thần linh, nhận biết Cha và Con. Đó là nguyên nhân sâu xa cho thấy để thành phần môn đệ của mình nói riêng và dân Do Thái nói chung "nhận biết Cha là Thiên Chúa chân thật duy nhất và Đấng Cha sai là

Chúa Giêsu Kitô" nhờ đó họ có thể được sự sống đời đời, Chúa Kitô đã phải "tự hiến để họ được thánh hóa trong chân lý" (Jn 17:19), ở chỗ: "Khi qui vị treo Con Người lên qui vị sẽ biết Là Ta" (Jn 8:28).

Như thế, cuộc tử giá của Chúa Kitô để làm cho các môn đệ và dân Do Thái nhận biết Người mà được sự sống đời đời chính là dấu hiệu hiển nhiên nhất cho thấy Người hết sức khao "khát" được "nhận biết", được "chấp nhận" (Jn 1:10-12), được "tin tưởng" (Jn 11:26; Mt 16:16). Có thể nói, trong 4 Phúc Âm, Phúc Âm Thánh Gioan là phúc âm cho thấy con khát núi sọ của Chúa Kitô nhất. Trong khi ba Phúc Âm Nhất Lãm hầu hết muốn thấy được hay được thấy mạc khải thần linh nơi Chúa Giêsu Kitô, con người cần phải có đức tin, thì Phúc Âm Thánh Gioan hoàn toàn ngược lại, tất cả Mạc Khải Thần Linh là Chúa Kitô, trong đa số trường hợp làm phép lạ, cho dù rất hiếm phép lạ ở Phúc Âm thứ tư này, tự động tỏ mình ra để cho con người nhận biết và tin tưởng Người.

Diễn hình nhất là trường hợp Người hóa nước thành rượu ở tiệc cưới Cana (x Jn 2:11), hay trường hợp Người chữa lành người mù từ lúc mới sinh (x Jn 9:35-38), thậm chí cả ở trường hợp Người cải tử hoàn sinh cho Lazarô và đòi người chị em của anh ta phải tỏ lòng tin trước đã, Người cũng cố ý để cho Lazarô chết đi mới cứu sống hầu cho cả môn đệ lẫn dân chúng bấy giờ tin tưởng vào Người (x Jn 11:26,15,42). Đối tượng cần được Chúa Kitô là "Lời đã hóa thành nhục thể" (Jn 1:14) thực sự tỏ mình ra

vẫn biết chính yếu là thành phần môn đệ của Người (x Jn 2:11;11:15;17:7-8) và dân Do Thái: "*Cho dù quý vị không tin Tôi thì cũng hãy tin vào các việc Tôi làm để nhận biết rằng Cha ở trong Tôi và Tôi ở trong Người*" (Jn 10:38), chứ không phải cho chung loài người hay hơn là cho cả thế gian: "*Tại sao Chúa tỏ mình cho chúng con mà không cho thế gian*" (Jn 14:22).

Tuy nhiên, Lời nhập thể đồng thời cũng là, như chính Người đã tuyên bố, "*ánh sáng thế gian*" (Jn 8:12) mà đối tượng Người muốn tỏ mình ra không chỉ hạn hẹp nơi thành phần môn đệ của Người và dân Do Thái, nhưng còn chung cả thế giới và loài người nữa, như Người cũng đã minh định với một trong những vị lão thành thuộc Hội Đồng Đầu Mục Do Thái là Nicôđê mô rằng: "*Thiên Chúa đã yêu thế gian đến ban Con một của Ngài để ai tin vào Con thì không phải chết nhưng được sống đời đời. Tiên Chúa đã không sai Con Ngài vào thế gian để luận phạt thế gian, nhưng để thế gian nhờ Người mà được cứu độ*" (Jn 3:16-17). Và phương tiện hay phương cách Người tỏ mình ra cho thế gian và chung loài người đó là qua chứng từ của thành phần môn đệ của Người, của Giáo Hội của Người: "*Con ban cho họ vinh hiển Cha đã ban cho Con để họ được nên một như chúng ta là một - Con sống trong họ, Cha sống trong Con để sự hiệp nhất của họ được nên trọn. Nhờ đó thế gian nhận biết rằng Cha đã sai Con và Cha thương họ như Cha đã yêu Con*" (Jn 17:22-23).

Điển hình nhất trong việc Người tỏ mình ra không phải chỉ cho thành phần môn đệ của Người và dân Do Thái của Người mà còn cho cả thế gian, cho cả thành phần không trực thuộc giới hạn này nữa, đó là trường hợp, sau cuộc gặp gỡ với một nhân vật có danh phận trong dân Do Thái là nghị viên Nicôđê mô, Người gặp gỡ một kẻ không trực thuộc dân Do Thái, đó là một người phụ nữ Samaritanô (x Jn 4:29-30), một trường hợp trực tiếp liên quan đến con "khát" núi sọ của Người, con "khát" bao gồm toàn thể nhân loại: "*Khi Tôi bị treo lên khỏi đất Tôi sẽ kéo tất cả mọi người lên cùng Tôi*" (Jn 12:32).

Ở đây, trong trường hợp với người phụ nữ Samaritanô này, chúng ta thấy rõ ràng là Chúa Giêsu muốn bày tỏ con "khát" của Người cho chung con người hơn là cho riêng dân Do Thái hoặc cho chính Cha của Người, một con "khát" thiêng liêng hơn là thể lý, một con "khát" muốn trao ban hơn là nhận lãnh, muốn làm con người giã "khát" hơn là muốn chính mình được giã "khát" bởi con người.

Vì nếu Người đã khẳng định với người phụ nữ Samaritanô rằng: "*ai uống nước Tôi ban sẽ không bao giờ khát; nước Tôi ban sẽ trở thành một nguồn nước vọt lên sự sống đời đời trong mình họ*" (Jn 4:14), thì Đấng ban thứ nước "không bao giờ khát" làm sao lại có thể "khát" nên cũng chẳng cần ai giã "khát" cho mình, trái lại, chỉ "khát" khao và hằng khao "khát" ban phát thứ nước "vọt lên sự sống đời đời" cho những ai "*khắc khoải cho đến khi được*

ngủ yên trong Chúa" (Thánh Âu Quốc Tinh, Tự Thú: 1.1), thành phần đáp ứng lời Người kêu gọi: *"Ai khát hãy đến với Tôi, ai tin Tôi hãy uống. Thánh Kinh chép 'những giong sông chảy nước sự sống sẽ tuôn ra từ họ'"* (Jn 7:37-38).

Vấn đề ở đây là làm thế nào để khơi lên niềm khát vọng thần linh sẵn có nơi thành phần nhân linh u vụn vật tự bẩm chất vốn hướng về chân thiện mỹ và tìm kiếm những gì là siêu việt bất tử, vì họ đã được dựng nên theo hình ảnh thần linh (x Gen 1:26-27), và chỉ được giãn khát *"cho đến khi được nghỉ yên trong Chúa"*, nhưng lại là thành phần đã bị nhiễm lây nguyên tội, (cho dù có được thanh tẩy trong Phép Rửa tái sinh), với đầy những đam mê nhục dục và tính mê nết xấu, lại bị thế gian liên li thu hút và quyến rũ (x 1Jn 2:16), nhất là còn bị ma quỷ vô cùng tinh quái cám dỗ lừa đảo (x Gen 3:13), thành phần thường hướng hạ hơn hướng thượng, và làm những gì mình ghét hơn là mình muốn (x Rm 7:15)?

Tiêu biểu cho hình ảnh con người trên đây là người phụ nữ Samaritanô, một con người ngoại lai, tận tâm tâm vốn còn tín ngưỡng - theo Do Thái giáo (x Jn 4:20), nhưng đời sống thực tế lại bê tha - ăn ở ngoại tình với 6 người đàn ông khác nhau (x Jn 4:18).

Trong câu chuyện gặp gỡ người phụ nữ Samaritanô này chúng ta thấy cả một nghệ thuật chiếm đoạt các linh hồn của Chúa Giêsu.

Trước hết, Người ở tư thế thiếu thốn và van nài: *"Xin chị cho tôi uống - give me a drink"* (Jn 4:7, ở đây Chúa Giêsu không xin "nước - water" mà chỉ xin "uống - drink").

Sau đó, Người lật ngược thế cờ, đặt con người vào đúng vị thế của họ đối với Người: *"Nếu chị biết ơn Thiên Chúa và người xin chị cho uống là ai thì ngược lại chị sẽ xin Người và Người sẽ ban cho chị nước hằng sống"* (Jn 4:10).

Tiếp theo, Người gọi lên niềm khao khát thần linh sâu xa vốn có nơi họ cho dù họ tội lỗi đến mấy và xấu xa đến đâu chẳng nữa, để họ bộc lộ nỗi thao thức khắc khoải khôn nguôi của họ: *"Xin Ngài cho tôi thử nước này để tôi khỏi bị khát và cứ phải đến đây kín nước nữa"* (Jn 4:15).

Sau nữa, Chúa Giêsu đòi một trao đổi cần thiết, một trao đổi bất khả thiếu để có thể đáp ứng yêu cầu của chị: *"Hãy đi gọi chồng của chị rồi trở lại đây"* (Jn 4:16) - Chị đã thành thật trả lời không giấu diếm: *"Tôi không có chồng"* (Jn 4:17).

Thế rồi, Người đã hoàn toàn tỏ mình ra cho chị trước sự nhận biết còn mù mờ của chị: *"Tôi biết có Đấng Thiên Sai đang đến. Khi Ngài đến Ngài sẽ nói cho chúng tôi hết mọi sự"* (Jn 4:25) - Chúa Giêsu liền phán: *"Tôi đang nói với chị đây chính là Ngài"* (Jn 4:26).

Sau hết, bằng việc tỏ mình ta Chúa Giêsu đã hoàn toàn biến đổi chị phụ nữ Samaritanô này, ở chỗ, trước đó, chị có vẻ không dám xuất đầu lộ diện với làng nước, đến độ đi kín nước cũng không dám ra giếng vào ban sáng cho mát và cho vui, mà lại phải âm thầm đi vào ban trưa nắng nôi vắng vẻ, thế mà sau khi được hội ngộ với Chúa Kitô, chị đã công khai gặp gỡ dân làng và mạnh dạn nói năng về một người đàn ông Do Thái xa lạ đã lột trần bộ mặt tội lỗi của chị: "Hãy ra mà xem có người đã nói với tôi hết mọi sự tôi đã làm! Ngài chẳng lẽ không phải là Đấng Thiên Sai hay sao?" (Jn 4:29).

Tóm lại, với chủ đề lưỡng diện "Tôi khát - Xin cho Tôi uống", một chủ đề liên quan tới Giêsu Tử Giá cũng như với người phụ nữ Samaritanô ngoại lai, chúng ta thấy:

1. Chúa Giêsu Tử Giá chính là hiện thân cho con khát núi sọ của Thiên Chúa, và cạnh sườn bị đâm thâu qua của Người chính là biểu hiện cho con khát núi sọ ấy, vì chỗ hở của cạnh sườn này vừa như cửa miệng mở ra kêu "khát" vừa là nguồn giải "khát" nhờ máu và nước chảy ra (x Jn 19:31);
2. Chúa Giêsu "khát" cái "khát" của con người, ở chỗ, chính Người đã đi tìm kiếm con người, mong muốn và van xin con người hãy mở lòng của họ ra cho Người, để Người có thể tuôn đổ Thần Linh của Người vào lòng họ (x Rm 5:5), nhờ đó Người mới thỏa mãn con "khát" cứu độ của Người;

3. Chúa Giêsu thiết tha với "khát" vọng muốn ban phát tất cả nguồn nước thần linh là sự sống đời đời của Người và nơi Người cho những tâm hồn nào tìm kiếm Người, những tâm hồn nào khát vọng Người: "Ai khao khát nhân đức trọn lành ấy là phúc thật, vì chúng sẽ được no thỏa vậy" (Mt 5:6).

- *"Thầy thiết tha mong muốn ăn Lễ Vượt Qua này với các con trước khi Thầy chịu đau khổ" (Lk 22:15). Bằng những lời này, Chúa Giêsu bắt đầu cử hành bữa cuối cùng của Người và thiết lập Bí Tích Thánh Thể.... Noi niềm mong ước thiết tha này của Chúa Giêsu, chúng ta có thể nhận thấy lòng mong muốn của chính Thiên Chúa – một tình yêu mong chờ đôi với nhân loại, đôi với tạo vật của Ngài. Một tình yêu đang chờ đợi giây phút hiệp nhất, một tình yêu muốn lôi kéo nhân loại tới với mình và nhờ đó làm trọn ước muốn của tất cả mọi tạo vật, vì tạo vật ngong ngóng trông đợi việc tỏ hiện của con cái Thiên Chúa (x Rm 8:19). Chúa Giêsu mong muốn chúng ta, Người chờ đợi chúng ta. Thế nhưng phần chúng ta thì sao? Chúng ta có thực sự mong muốn Người chăng? Chúng ta có náo nức gặp gỡ Người chăng? Chúng ta có muốn gặp Người, trở nên một với Người, lãnh nhận các tặng ân Người ban cho chúng ta trong Thánh Thể chăng? Hay chúng ta tỏ ra dửng dưng lạnh lùng, phân tâm và bận bịu về những thứ khác?" (ĐTC Biển Đức XVI - Bài Giảng Thứ Năm Tuần Thánh 21/4/2011 Lễ Chiều Tiệc Ly)*

“On gọi trong on gọi”

Trong hàng thánh nhân, một trong những vị nổi bật nhất về con "khát" nức nở của Chúa Giêsu đó là Chân Phước Teresa Calcutta (1910-1997). Vị nữ chân phước của thế kỷ 20 này chỉ có một nguyện vọng hay "khát" vọng duy nhất đó là làm giảm con "khát" của Chúa Giêsu trên thập tự giá.

Vào ngày 10/9/1946, trên chuyến xe lửa từ Calcutta đến Darjeeling, Mẹ Têrêsa đã nhận được điều Mẹ gọi là “on gọi trong on gọi”, một on gọi làm phát sinh ra gia đình Thừa Sai Bác Ái của các Sư Muội, Sư Huynh, Linh Mục và Cộng Tác Viên. Nội dung của on soi động này được thể hiện nơi mục đích và sứ vụ Mẹ phác họa cho cơ cấu mới của Mẹ, đó là “*làm giảm con khát vô cùng của Chúa Giêsu trên thập giá vì yêu thương vì các linh hồn*”, bằng “*việc tận lực hoạt động cho phân rã và sự thánh hóa của thành phần nghèo nhất trong các người nghèo*”. Vào ngày 7/10/1950, hội đồng mới Thừa Sai Bác Ái được chính thức thành lập như là một tổ chức tu trì đối với Tổng Giáo Phận Calcutta.

Theo tài Liệu Phong Thánh cho Mẹ Têrêsa Calcutta của Linh Mục Cáo Thỉnh Viên Brian Kolodiejchuk, một trong 3 vị cộng tác mở ngành nam cho Dòng Thừa Sai Bác Ái của Mẹ Têrêsa, vị đã được dịp nghiên cứu hồ sơ phong thánh gồm 80 cuốn sách và đã phổ biến tài liệu có nhan

đề “*Tâm Hồn Mẹ Têrêsa: Những Khía Cạnh Thâm Kín Nơi Đời Sống Nội Tâm Của Mẹ*”, thì Mẹ Têrêsa nhận thức được cái đổi thay xảy ra trong linh hồn mình, Mẹ đã nói cho cha linh hướng Van Exem biết và Mẹ cũng tỏ cho cả DTGM Périer biết nữa:

- “*Con đang khát mong bằng một thứ khát mong đôn đau được thuộc trọn về Chúa, được sống thánh thiện như Chúa Giêsu có thể sống chính sự sống của Người trọn vẹn nơi con. Con càng muốn Người thì lại càng bị ơ hờ lãnh đạm. Con muốn yêu mến Người như Người chưa từng được yêu mến, nhưng lại xảy ra một cái gì đó phân rã, một cái gì đó trống rỗng kinh khủng, một cảm giác thiếu vắng Thiên Chúa*”.

Thật vậy, Mẹ Têrêsa lại tỏ cho DTGM này biết rằng Mẹ cảm thấy tối tăm chẳng những không giảm mà còn “*dầy đặc hơn nữa*”, khó có thể chịu đựng nổi. Mẹ suy nghĩ về tình trạng tương phản nơi linh hồn của mình, đó là tình trạng dường như hụt hẫng đức tin, đức cậy, đức mến và chính Thiên Chúa. Ngoài ra, Mẹ cũng chịu đựng một nỗi khát mong Thiên Chúa một cách da diết và day dứt. Mẹ đã cho biết điều này qua một bức thư như sau:

- “*Có rất nhiều điều tương phản trong tâm hồn con, đó là một nỗi khát mong Thiên Chúa, một nỗi khát mong sâu xa đến nỗi đôn đau, một nỗi đau đôn liên tục, song lại là nỗi khát mong bị Chúa dừng dừng, ruồng rẫy, trống rỗng, chẳng còn tin tưởng, yêu thương và sốt sắng. Các linh hồn không còn hấp dẫn nữa. Thiên đàng chẳng còn nghĩa lý gì; đối với con nó chỉ là một nơi hư cấu. Ý nghĩ về thiên đàng chẳng còn thú vị gì với con nữa,*

song nỗi khát mong Thiên Chúa vẫn còn đó. Xin cầu nguyện cho con để con bất chấp mọi sự xảy ra vẫn tươi cười với Ngài. Vì con thuộc về một mình Ngài nên Ngài có toàn quyền nơi con. Con hoàn toàn sung sướng trở thành không còn là gì nữa, thậm chí ngay trước nhan Thiên Chúa”.

Kinh nghiệm tối tăm tiếp tục diễn tiến. Mẹ Têrêsa viết tiếp:

- “Nếu cha biết những gì con đang trải qua.... Thế nhưng con không phiền trách gì cả. Ngài có quyền làm tất cả mọi sự. Xin cầu nguyện để con cứ tươi cười với Ngài”.

Có những lúc nỗi sâu đau của Mẹ Têrêsa đối với Thiên Chúa kinh khủng đến nỗi Mẹ đã so sánh những khổ đau của Mẹ với khổ đau của những linh hồn trong hỏa ngục:

- “Người ta nói rằng người ở trong hỏa ngục chịu khổ đau đời đời vì tình trạng mất Thiên Chúa; họ có thể trải qua được tất cả mọi đau khổ ấy nếu họ có một chút hy vọng chiếm hữu được Thiên Chúa. Trong linh hồn con con cảm thấy chính cái đớn đau kinh hoàng của cái mất mát đó, của tình trạng bị Thiên Chúa bỏ rơi, của tình trạng Thiên Chúa không còn là Thiên Chúa, của tình trạng Thiên Chúa không thực sự hiện hữu”.

Trong khi những cảm giác kinh hoàng này xảy ra thì Mẹ Têrêsa tiếp tục phó thác cho Chúa:

- “Tôi tắm thật dầy đặc, đón đau thật nhức nhối, nhưng con chấp nhận hết mọi sự Ngài trao cho con và con dâng lên Ngài bất cứ những gì Ngài muốn có”.

Chính vị thần học giáo hoàng gia là linh mục Raniero Cantalamessa Dòng Phanxicô, trong bài giảng thứ hai trong Mùa Vọng (theo thông lệ hằng năm) ở Nguyễn Đường Redemptoris Mater thuộc Tông Dinh Giáo Hoàng, cho Giáo Triều Rôma hôm Thứ Sáu 12/12/2003, với sự tham dự của chính Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, cũng đã đề cập tới tình trạng đêm tối tăm nội tâm này của Mẹ Têrêsa.

Căn cứ vào hồ sơ phong chân phước, vị linh mục này đã nói đến những chi tiết liên quan tới đêm tối tăm của Mẹ Têrêsa như sau. Thứ nhất là về khởi điểm của đêm tối tăm: được bắt đầu sau khi Mẹ Têrêsa đáp ứng ơn soi động lập dòng (tức từ cuối thập niên 1940); thứ hai về thời hạn trải qua đêm tối tăm: cho tới khi Mẹ qua đời năm 1997, tức 50 năm trời, cả cuộc đời hoạt động bác ái; thứ ba về cảm nghiệm tối tăm: ‘cảm thấy không được Thiên Chúa yêu thương’, cảm thấy có một cái gì đó ‘hoàn toàn tương phản’.

Nhận định về tâm trạng tu đức tối tăm lạ lùng này của Mẹ Têrêsa, vị linh mục thần học giáo hoàng gia này cho biết ba điểm như sau:

Thứ nhất, liên quan tới cái bí mật của tình trạng nội tâm này:

• “*Bông hoa thơm phức nhất tỏa ra từ đêm tối tăm của Mẹ Têrêsa đó là việc Mẹ im lặng về nó. Ngay cả thành phần gân Mẹ nhất cũng không hề hay biết gì cả về tình trạng quần quai nội tâm cho đến chết này*”.

Thứ hai, liên quan tới lý do tại sao Mẹ Têrêsa Calcutta lại phải trải qua một đêm tối tăm suốt cuộc đời 50 năm hoạt động phục vụ bác ái của Mẹ như thế, một thời gian mà theo vị linh mục này, vượt ra ngoài cả mục đích thanh tẩy nội tâm nữa, vì, về mặt tiêu cực, Chúa muốn bảo vệ Mẹ khỏi nguy hiểm bởi tiếng tăm nổi lên như cồn của Mẹ, và về mặt tích cực, Chúa muốn cho Mẹ được hoàn toàn thông phần vào cơn khát núi sọ của Người.

• “*Hiện tượng đêm tối tâm linh lạ lùng này thực tế kéo dài suốt cả cuộc đời... Nó là phương tiện do Thiên Chúa thực hiện cho các vị thánh ngày nay là thành phần sống và hoạt động liên tục trước ánh sáng rạng ngời của truyền thông xã hội... Thế nhưng, có một lý do sâu xa hơn nữa cho thấy lý do tại sao đêm tối tăm này kéo dài suốt cả cuộc đời như vậy, đó là gương Chúa Kitô, được tham dự vào đêm tối tăm tâm linh của Chúa Giêsu trải qua trong Vườn Nhiệt và đêm tối tăm tâm linh Người đã chết trên Đồi Canvê*”.

Thứ ba, liên quan tới tác dụng thần linh của thành phần trải qua đêm tối tăm như Mẹ Têrêsa trong thế giới hiện đại:

• “*Thật là sai lầm khi nghĩ rằng đời sống của những con người này hoàn toàn u ám và khổ đau... (Nhờ cảm nghiệm này) các vị thần bí ấy đã đến sát với thế giới của những ai sống ‘không có Thiên Chúa’... (cho đến độ họ trở thành) những vị truyền bá phúc âm hóa tuyệt vời trong thế giới hậu tân tiến này, một thế giới người ta sống như thể Thiên Chúa không hiện hữu*”.

Thứ Ba Tuần Thánh 19/4/2011

Bài cho cuộc Tĩnh Tâm Hãy Đến Với Cha” (24-26/6/20110)

Tội Nhân

Mỗi Ngon của Lòng Thương Xót Chúa

Thật thế, tội nhân chính là đối tượng và là mục tiêu của Lòng Thương Xót Chúa. Xác tín này cũng bao gồm cả Mẹ Maria, không phải vì Mẹ là một tội nhân trong số loài người tội nhân, mà vì Mẹ được Chúa thương gìn giữ cho khỏi vướng mắc nguyên tội, tức cho khỏi thuộc về thành phần tội nhân, bằng việc cho Mẹ được hưởng trước ơn cứu độ của Chúa Kitô Con Mẹ. Đó là lý do trong Ca Vịnh Ngợi Khen Lòng Thương Xót Chúa - Magnificat của mình, Mẹ đã tuyên xưng chúc tụng rằng "*Thần trí tôi hân hoan trong Đấng cứu chuộc tôi*" (Lk 1:47).

"Đánh bạn với đám thu thuế và bọn tội nhân"

Vấn đề được đặt ra ở đây là nếu tội nhân quả thực chính là đối tượng và là mục tiêu của Lòng Thương Xót Chúa thì phải chăng nếu không có thành phần loài người tội lỗi thì sẽ không bao giờ có Lòng Thương Xót Chúa, tức không có thực tại thần linh "Thiên Chúa là Tình Yêu" (1Jn 4:8,16)? Nói một cách thực tế hơn và có tính cách lịch sử hơn, phải chăng nếu loài người không sa ngã phạm tội ngay từ ban đầu nơi hai nguyên tổ của mình thì chắc chắn

sẽ không bao giờ có chuyện hay không thể nào xảy ra chuyện Thiên Chúa nhập thể và cứu thế?

Theo lý luận tự nhiên chắc chắn không thể nào có chuyện như thế được! Không thể nào có con người thụ tạo rồi mới có Thiên Chúa hóa công!! Nếu bản chất của ánh sáng là chiếu soi, bằng không không phải là hay còn là ánh sáng thế nào, dù có bóng tối hay chẳng, thì "Thiên Chúa là ánh sáng" (1Jn 1:5) cũng không thể nào tắt đi khi không có tối tăm, khi không có nhu cầu cần soi sáng. Trái lại, "bất cứ sự gì hiện hữu trong Người đều có sự sống, một sự sống là sự sáng của con người" (Jn 1:4), một "thứ ánh sáng chiếu trong tối, một thứ tối tăm không át được ánh sáng" (Jn 1:5).

Nếu "ánh sáng" nơi Thiên Chúa đây ám chỉ "hiện hữu" (Ex 3:14) hay "sự sống" thì tất cả mọi tạo vật được Ngài dựng nên đều được thông phần vào sự hiện hữu của Ngài, được ở trong "ánh sáng" của Ngài và với Ngài ngay từ lúc mới được tạo dựng nên, khi mà "*Ngài thấy tất cả mọi sự đều tốt đẹp*" (Gen 1:31). Để rồi, sau đó, loài tạo vật có tự do như các thần trời hay con người, theo bản tính của mình chỉ là loài tạo vật hữu hạn và không trọn hảo như Thiên Chúa và bằng Thiên Chúa, có sa ngã phạm tội, có trở nên tăm tối, cũng không thể nào "át được ánh sáng", không thể nào dập tắt được Thiên Chúa, dập tắt được sự sống vô cùng trọn hảo nơi Thiên Chúa, một sự sống thần linh Thiên Chúa muốn thông ban cho loài tạo vật tự do nói chung và con người nói riêng, trái lại, cái tối tăm bao trùm họ còn làm rạng ngời thêm "ánh sáng ban

sự sống" (Jn 8:12), còn trở thành cơ hội tốt (chứ không phải là căn nguyên hay nguyên lý) cho dự án cứu chuộc và công cuộc cứu chuộc của Thiên Chúa, được mở đầu bằng lời hứa cứu chuộc (x Gen 3:15) và trở nên hoàn trọn nơi mầu nhiệm Nhập Thể và Vượt Qua.

Theo chiều hướng dịp tốt này, tức chiều hướng "tội có phúc" này, có thể nói quả thực tội nhân là mỗi ngon của Lòng Thương Xót Chúa. Nói theo kiểu trần gian thì Thiên Chúa chỉ chờ có thể, chờ con người sa ngã để ra tay cứu vớt, thậm chí Vị Tông Đồ Dân Ngoại còn dám khẳng định rằng: "*Thiên Chúa muốn đón tất cả mọi người vào tình trạng bất tuân phục để tỏ lòng xót thương tất cả mọi người*" (Rm 11:32). Tất nhiên, Thiên Chúa vô cùng toàn thiện không thể nào lại là nguồn gốc của sự dữ nói chung và tội lỗi nói riêng. Ngài không dựng nên sự dữ nhưng Ngài biết bản chất của thụ tạo được Ngài dựng nên tự nó không thể nào hoàn hảo như Ngài, và Ngài đã chấp nhận cái định luật tự nhiên oan nghiệt vô cùng cách biệt giữa Ngài và tạo vật của Ngài ấy, vì Ngài biết rằng Ngài vẫn có thể san bằng vực thẳm chênh lệch về bản chất giữa thần linh và nhân linh này bằng chính tình yêu vô cùng nhân hậu của Ngài, nơi Con Ngài là Lời Nhập Thể và Vượt Qua.

Đó là lý do khi đến trần gian Con Thiên Chúa là Chúa Giêsu Kitô Lời Nhập Thể đã minh nhiên công khai tuyên bố rằng: "*Tôi đến để kêu gọi thành phần tội nhân chứ không phải những tự cho mình là công chính*" (Mt 9:13); "*Con Người đến để tìm kiếm và cứu vớt những gì bị hư trầm*" (Lk 19:10).

Chính Người đã bị mang tiếng là "*đánh bạn với đám thu thuế và bọn tội nhân*" (Lk 7:34). Đúng thế, trong các Phúc Âm người ta thấy được những nhân vật được gọi là "đám thu thuế và bọn tội nhân" này, tiêu biểu nhất của "đám thu thuế" là tông đồ Mathêu và viên trưởng thu thuế Giakêu lùn, và tiêu biểu nhất của "bọn tội nhân" là người phụ nữ ngoại lai Samaritanô, người phụ nữ tội lỗi có tiếng trong thành, người phụ nữ bị bắt quả tang ngoại tình. Chưa kể vào cuối đời trần gian của Người còn thấy xuất hiện "bọn tội nhân" đặc biệt khác nữa ngay trong thành phần tông đồ đoàn là Giuđa Íchca và Simon Phêrô, và cuối cùng là một trong hai tên trộm tử tội bị đóng đinh thập giá bên Chúa.

Đối với thành phần tội nhân tiêu biểu trên đây, thành phần, trước mặt dân Do Thái nói chung và Pharisêu cùng luật sĩ và tư tế nói riêng, là thành phần đáng khinh và cần phải xa tránh ấy, Chúa Giêsu, hiện thân của tình yêu vô cùng nhân hậu thần linh, Đáng cần lòng xót thương hơn hy tế (x Mt 9:13, Hos 6:6), Đáng không dập tắt ngọn bắc còn đang bốc khói (x Mt 12:20; Is 42:3), lại tự động tìm đến với họ.

"Đám thu thuế và bọn tội nhân"

Không phải hay sao Người đã chẳng ngồi chờ ở bờ Giếng Giacóp để gặp cho bằng được người phụ nữ Samaritanô ngoại lai lằng loàn, như thế Người muốn bắt cóc chị ở ngay địa điểm chị hằng ngày lui tới, nhất là vào đúng thời điểm chị âm thầm lui tới chỗ ấy, thời điểm không có ai

ngoài chị hầu chị có thể lánh mặt mọi người trong làng bởi cuộc sống xấu hổ của chị, không ngờ lại là thời điểm chị gặp ngay Đấng biết hết chuyện đời tư bất hảo của chị có ý định chờ chị (x Jn 4:6-9,29)?

Không phải hay sao Người đã chẳng tự lên tiếng gọi viên trưởng thu thuế Giakêu lùn, khi anh chàng đang ở trên cây chò đợi để được nhìn xem Người đi ngang qua thành Giêricô, và bất ngờ ngờ ý muốn vào trọ ở nhà của anh ta hay sao (x Lk 19:1-5)? Ở trường hợp người phụ nữ Samaritanô ngoại lai là người không hề có ý định đi tìm Chúa mà Chúa còn tìm đến với chị, hướng chi viên trưởng thu thuế Giakêu còn cảm thấy tò mò về Người và muốn tận mắt trông thấy Người thì Người chẳng lẽ không đáp ứng lòng khao khát của anh ta được ư? Người đã đối xử với viên trưởng thu thuế Giakêu có vẻ hơn người phụ nữ Samaritanô, cả hai đều là tội nhân, không phải vì Giakêu là người Do Thái, mà là vì anh ta tỏ ra tích cực hơn trong việc tìm kiếm Người, cho dù anh ta được thúc đẩy bởi động lực tò mò tự nhiên.

Ngoài ra, Chúa không vào nhà chị phụ nữ ngoại lai Samaritanô là vì vấn đề hết sức tế nhị liên quan tới đời sống lằng loàn của chị; nguyên việc Chúa nói chuyện với chị thôi ở ngoài bờ giếng Giacóp một cách công khai như thế đã gây thắc mắc cho các môn đệ của Người rồi (x Jn 4:27). Trong công cuộc cứu độ chung loài người, Chúa Kitô đã hoàn tất nơi chính bản thân của mình bằng cuộc Vượt Qua của Người, nhưng đối với từng người, từng trường hợp, Người có cách thế riêng của Người, để cuối

cùng mỗi người đều cảm nghiệm được tình yêu vô cùng nhân hậu của Người để nhờ đó được hiệp thông thần linh với Cha nhờ Thánh Thần của Người.

Đối với trường hợp của "*người phụ nữ tội lỗi có tiếng trong thành*" (x Lk 7:37), trái lại, chị đã tự động đến với Người (x Lk 7:37), chứ Người không tự động tìm đến với chị như với người phụ nữ ngoại lai Samaritanô hay với viên trưởng thu thuế Giakêu lùn. Không biết vì lý do nào đã thúc đẩy chị tìm đến với Người, ci biết rằng chị đã tự tìm đến với Người bằng tất cả tấm lòng tan nát khiêm cung ăn năn thống hối và đền bù tội lỗi của chị, bất chấp ánh mắt khinh bỉ của cung khách dự tiệc là thành phần bạn hữu của người gia chủ Pharisêu đang thiết đãi Người bấy giờ (x Lk 7:38-39).

Trong trường hợp này, Chúa Giêsu vẫn để cho người phụ nữ tội lỗi đang điếm này va chạm đến Thánh Thể vô cùng thiện hảo của mình, công khai trước mắt của chủ nhà, chứ không nghiêm cấm chị để giữ thể diện cho Người. Thậm chí Người còn khen chị trước mặt gia chủ (x Lk 7:44-46). Chưa hết, Người thu nhận chị vào thành phần môn đệ của Người, như Thánh Ký Luca ngay sau trình thuật về người phụ nữ tội lỗi trong thành ấy, ghi lại về nhóm theo Người nói chung và về riêng chị rõ ràng thế này: "*Maria, Mai Đệ Liên, người được trừ bậy quỉ*" (Lk 8:2).

Chẳng những thế, trong số thành phần phụ nữ theo Chúa, chị còn được trở thành tâm giao của Người nữa, một người được Thánh Ký Gioan ghi nhận

trong ngoặc đơn, khi thánh nhân mở đầu trình thuật về biến cố Lazarô được cải tử hoàn sinh, như thế này "(*Maria này là người đã xức dầu thơm cho Chúa và đã lấy tóc lau khô*)" (Jn 11:2), và mức độ thân tình giữa Chúa Giêsu và riêng chị cũng như chị em chị bao gồm cả Lazarô và Matta đã được Thánh Gioan ghi nhận là: "*Chúa Giêsu yêu Matta và em cô cùng Lazarô rất nhiều*" (Jn 11:5), và vì thế ngôi nhà ở Bethania của ba chị em đã trở thành nơi dừng chân nghỉ ngơi của Người (x Lk 10:38-42).

Mức độ thân tình của "người phụ nữ tội lỗi có tiếng trong thành" xưa kia vì yêu nhiều đã được tha nhiều ấy (Lk 7:47) đối với Chúa Giêsu còn tiến đến chỗ chị được vinh dự cùng với Mẹ của Người và người môn đệ yêu dấu là Gioan của Người đứng kề bên thập giá với (x Jn 19:25), nhất là đặc ân chị được Chúa Kitô Phục Sinh hiện ra riêng với chị (x Jn 20:11-16), một người phụ nữ cũng được Thánh Ký Marcô xác nhận rõ ràng rằng: "*Người trước hết hiện ra với Maria Mai Đệ Liên là người đã được Người trừ 7 quỷ*" (Mk 16:9), và vai trò chị được Người ủy thác như một tông đồ của các tông đồ trong việc loan truyền Tin Mừng Phục Sinh về Người (x Jn 20:17-18).

Về người phụ nữ bị bắt quả tang đang phạm tội ngoại tình (x Jn 8:3), Chúa Giêsu cũng không tự động tìm đến với chị như Người đến với trưởng ban thu thuế Giakêu hay chị tự tìm đến với Người như Mai Đệ Liên, trái lại, chị bị giải đến trước mặt Người, và chị quả thực đã trở thành môi ngon cho Lòng Thương Xót Chúa. Ở chỗ, Người đã dùng trường hợp của chị để chẳng những tỏ

Lòng Thương Xót của Người ra đối với chị mà còn với cả thành phần muốn ném đá chị nữa (X Jn 8:7-9).

Người hoàn toàn không bao che tội lỗi của chị là những gì xấu xa cần phải tuyệt đối xa tránh, như chính Người đã khuyên bảo chị rằng: "*Từ nay trở đi hãy tránh đừng phạm tội này nữa*" (Jn 8:11). Người đã tỏ lòng thương chị đến độ Người hạ thấp bản thân vô cùng cao cả của mình xuống ngang hàng với thành phần muốn ném đá chị, bằng cách so sánh tâm trí và thái độ của Người với tâm trí và thái độ của họ: "*Không ai kết tội chị sao? (- thưa Ngài không một ai). Tôi cũng không kết tội chị*" (Jn 8:10-11).

"Bọn tội nhân" đặc biệt

Về vị trưởng tông đồ đoàn Simon Phêrô, vị đã tỏ ra cương quyết đến hung hăng thể nguyên không bao giờ bỏ Thầy, cho dù tất cả mọi người có bỏ Thầy, và cho dù có chết với Thầy (x Mk 26:33,35; Jn 13:37). Thế mà quả nhiên đã xảy ra đúng như lời tiên báo của Thầy là ngài đã chối Thầy ba lần trước khi gà gáy (x Mt 26:34,69-74). Ngài đã ăn năn thống hối "khóc lóc thảm thiết" (Lk 22:62) khi nhớ lại lời Thầy báo trước nhờ cử chỉ nhân hậu của Thầy được Thánh Ký Luca ghi lại như sau: "*Chúa quay lại mà nhìn Phêrô làm Phêrô nhớ lại lời Người đã nói về mình*" (Lk 22:61). Sau đó, trên bờ hồ Tibêria, ngài đã bù đắp với Đấng Phục Sinh là Thầy mình rằng "*Con yêu mến Thầy*" (Jn 21:15-17) 3 lần, đến độ sẵn sàng "*theo Thầy*" (Jn 21:19) cho tới cùng, "*phải giơ tay ra cho người ta trói và dẫn đi ngược ý muốn*" (Jn 21:18).

Tiếc thay, nếu tông đồ Giuđa Íchca, một khi cảm thấy "hết sức hối hận" về hành động phản nộ Thầy mình (x Mt 27:3-4), như tông đồ Simon Phêrô, ăn năn "khóc lóc thảm thiết", hoàn toàn tin tưởng vào Lòng Thương Xót Chúa của Thầy, vị đã được tông đồ Giuđa chứng kiến thấy đối xử vô cùng nhân hậu với trường ban thu thuế Giakêu lùn, với người phụ nữ bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình, với Mai đệ Liên v.v., thì đâu đến nỗi tuyệt vọng đến "thất cổ mà chết" (Mt 27:5), trở thành đứa con hư đi như Lôi Thánh Kinh (x Jn 17:12).

Trong trường hợp của tông đồ Giuđa Íchca này, trường hợp có thể nói là cùng tận của tội nhân, lại là trường hợp cho thấy tất cả Lòng Thương Xót Chúa hơn bao giờ hết và hơn ai hết. Tại sao? Đọc lại trình thuật của Thánh Ký Gioan về biến cố Chúa Giêsu rửa chân cho các môn đệ, chúng ta thấy được điều này. Không phải tình cờ Thánh Gioan, ngay sau câu "*Người đã yêu thương những kẻ thuộc về mình trên thế gian này và muốn tỏ ra tình Người yêu thương họ đến cùng*" (Jn 13:1), đã thêm một câu có vẻ hơi lạc đề làm sao ấy: "*ma qui đã dụ dỗ Giuđa để nộ Người*" (Jn 13:2). Và cũng không phải ngẫu nhiên Thánh Ký Gioan, sau lời Chúa Giêsu nói với tông đồ Phêrô về lý do tại sao Người chỉ cần rửa chân mà không cần rửa tay và đầu như tông đồ Phêrô xin, thêm lời giải thích trong ngoặc đơn như thế này: "*(Lý do tại sao Người nói 'không phải tất cả đều được rửa sạch, vì Người biết kẻ phản bội Người')*" (Jn 13:11).

Căn cứ vào hai chi tiết đặc biệt này về tông đồ Giuđa được Thánh Ký Gioan cố ý thêm vào đoạn trình thuật Chúa Giêsu rửa chân cho các tông đồ, trong đó có cả chính người môn đệ Người biết sẽ phản nộ Người, chúng ta thấy quá sức là sâu thẳm Lòng Thương Xót Chúa. Ở chỗ: 1- Chúa Giêsu đã yêu thương thành phần thuộc về Người, kể cả tông đồ Giuđa Íchca, một nhân vật có thể nói là "kẻ thù" của Người; 2- Người đã yêu thương họ cho đến cùng, không phải đến độ đổ hết máu mình ra, hy sinh mạng sống cho họ, mà là yêu thương cho đến cùng từng người, dù họ tội lỗi đến đâu, và yêu thương cho đến cùng cả nhóm, bao gồm cả những môn đệ thân tín nhất như Phêrô, Giacôbê và Gioan, lẫn bội bạc hư hoại nhất như Giuđa Íchca, nhân vật là hiện thân của gót chân là phân thể vừa hèn hạ nhất vừa bẩn thỉu nhất của toàn thân mình sạch sẽ; 3- Người quả thực "*là Chúa và là Thầy*" (Jn 13:13) đã hạ mình thẳm sâu quá sức, khi biến mình trở thành đầy tớ cho thành phần môn đệ của mình, kể cả con người nhỏ nhóp nhất, để rửa chân cho từng người cũng như cho chung nhóm, nhờ đó họ có thể xứng đáng "dự phần với Thầy" (Jn 13:8).

Nơi biến cố rửa chân liên quan tới tông đồ phản bội Thầy này, chúng ta thấy một vị Thiên Chúa vô cùng cao cả đã trở nên hèn hạ hơn cả một đại tội nhân, ở chỗ cúi mình xuống rửa chân là chi thể thấp hèn nhất và bẩn thỉu nhất của cả con người tội lỗi tây trời này. Bởi thế, chỉ có ai cố ý muốn hư đi hay những kẻ không tin vào Lòng Thương Xót Chúa mới bị rơi vào hỏa ngục mà thôi. Thế nhưng,

phải chăng vì người tông đồ phản bội này, sau khi thấy rằng mỗi lợi 30 đồng bạc của mình không đúng như ý định thấy Thầy thoát thân như những lần trước đó, đã hoàn toàn trở nên tuyệt vọng vì thấy mình bất xứng với Lòng Thương Xót Chúa vô cùng của Thầy, như Thầy đã tỏ ra trong biến cố rửa chân, nhất là vì Lòng Thương Xót Chúa quá bao la như thế ở biến cố này khiến vị tông đồ sa phạm ấy lại càng thấy tội lỗi của mình không thể tha thứ được? Phải chăng đó là chén đắng nhất Chúa Giêsu phải uống cạn trong Vườn Cây Dầu đêm hôm trước (x Mt 26:39,42), khi Người nghĩ đến những tâm hồn hư đi chỉ vì Lòng Thương Xót vô cùng của Người và công ơn cứu độ vô cùng quý báu của Người chẳng những không cứu được họ mà còn trở thành nguyên có hư đi của họ và còn trở thành chính án phạt đòi đòi cho họ!

Mỗi ngon cuối cùng của Lòng Thương Xót Chúa trong Phúc Âm, ngoài những trường hợp điển hình tiêu biểu nhất đã được đề cập tới, phải kể đến một trong hai tên trộm tử tội bị đóng đinh bên Chúa Giêsu. Thật vậy, người trộm tử tội này ngay lúc đầu cũng vào hùa với người trộm tử tội kia mĩa mai Chúa như nhóm lý hình và đầu mục Do Thái (x Mt 27:44). Thế nhưng, sau đó, thấy Chúa "hiền lành và khiêm nhượng trong lòng" (Mt 11:29), chẳng những thế, còn hết sức nhân ái thứ tha qua lời đầu tiên trong 7 lời của Người trên thập giá rằng: "*Cha ơi, xin tha cho họ vì họ lâm không biết việc họ làm*" (Lk 23:34), anh ta đã cảm thấy hối hận, ở chỗ mạnh mẽ lên tiếng trách tên trộm tử tội kia cứ tiếp tục nói phạm đến Người, tỏ ra

nhận biết lỗi lầm của mình, bênh vực Người là một con người vô tội và kêu xin Người thương xót đến mình (x Lk 23:40-42). Lòng khiêm nhượng biết mình và đầy lòng tin tưởng vào Đấng vô tội chịu đóng đinh với mình ấy của người trộm tử tội này quả thực đã được đáp ứng: "*Tôi bảo đảm với anh là hôm nay anh sẽ được ở cùng tôi trên thiên đàng*" (Lk 23:43). Như thế, người trộm tử tội thống hối ấy có thể nói là hoa trái đầu tiên của ơn cứu chuộc, của Lòng Thương Xót Chúa.

"Hy sinh cho các tội nhân"

Trong số các vị thánh và chân phước, có lẽ nổi bật nhất trong vấn đề cứu các "Tội Nhân - Môi Ngon của Lòng Thương Xót Chúa" đó là Chân Phước Giaxinta (1910-1920), một trong 3 thụ khải nhi trong Biến Cố Thánh Mẫu Fatima năm 1917. Thật vậy, thị kiến hỏa ngục vào lần Mẹ hiện ra thứ ba 13/7/1917, đã làm cho Thiếu Nhi Fatima Giaxinta nhỏ nhất kinh hoàng khiếp đảm hết sức, đến nỗi em đã hằng say khao khát sống ơn gọi chuyên biệt của em là hy sinh "cầu cho tội nhân ăn năn trở lại" cùng Chúa. Giaxinta đã thực hiện nhiều việc hy sinh với mục đích rõ ràng là để cứu các tội nhân, như chị Lucia thuật lại trong Hồi Ký Thứ Nhất và Thứ Ba của chị.

"Hôm ấy chúng con đang chơi ở chỗ giếng nước con đã đề cập tới. Gần đó, có một cây nho của mẹ Giaxinta. Bà đã cắt một ít chùm để mang lại cho chúng con ăn. Nhưng Giaxinta không bao giờ quên các tội nhân cả. Em nói:

“Chúng ta sẽ không ăn những chùm nho này. Chúng ta hãy dâng hy sinh này để cầu nguyện cho các tội nhân”.

Rồi em cầm những trái nho chạy đi cho những trẻ em khác đang chơi trên đường đi. Em trở về mặt mày hớn hờ, vì em đã thấy các trẻ em nghèo của chúng con để trao cho họ những trái nho.

Lần khác, bà dì của con gọi chúng con lại để ăn những trái vả và bà mang về nhà, và thật sự là những trái ấy ai ăn cũng cảm thấy ngon miệng. Giaxinta hớn hờ ngồi xuống bên giỏ trái cây cùng với chúng con rồi cầm trái vả đầu tiên lên. Em gần ăn trái vả này thì sực nhớ lại đã nói:

“Đúng rồi! Hôm nay chúng ta chưa làm được một hy sinh nào cho các tội nhân hết! Chúng ta phải dâng hy sinh này”.

Em bỏ trái vả lại giỏ trái cây để thực hiện việc hy sinh; cả chúng tôi cũng bỏ những trái vả vào giỏ để cầu nguyện cho các tội nhân ăn năn cải thiện đời sống. Giaxinta đã thực hiện nhiều hy sinh như thế rất là thường, nhưng con xin thôi không kể đến nữa kéo con sẽ không bao giờ ngừng được.

Đó là cách Giaxinta đã sống hằng ngày của mình cho đến khi Chúa gửi đến cho em chứng bệnh cúm làm em phải nằm yên ở trên giường, cả anh Phanxicô của em cũng bị nữa. Tối hôm trước khi ngã bệnh, em đã nói rằng:

“Em cảm thấy nhức đầu quá đi và rất là khát nước! Thế nhưng em sẽ không uống nước, vì em muốn chịu khổ cho các tội nhân”.

... Tuy nhiên, Giaxinta đã khá hơn một chút. em thậm chí đã có thể chỗi dậy và nhờ đó có thể bỏ cả ngày ra ngồi bên giường của Phanxicô. Một lần kia em nhắc con tới gặp em lập tức. Con chạy ngay lại. Em đã nói với con rằng:

“Đức Bà đã đến gặp em. Người bảo cho chúng ta biết rằng chẳng còn bao lâu nữa Người sẽ đến đem anh Phanxicô về trời, và Người hỏi em rằng em có còn muốn hoán cải các tội nhân hay chẳng. Em đã nói rằng có. Người bảo em là em sẽ phải đi đến nhà thương, ở đó em sẽ chịu nhiều đau khổ; và em phải chịu khổ để hoàn cải các tội nhân, hầu đền tạ tội lỗi đã phạm đến Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria và vì yêu Chúa Giêsu. Em hỏi Người là chị có đi với em không. Người nói là không, và đó là những gì em cảm thấy khó nhất. Người nói rằng mẹ em sẽ đưa em đi, rồi em sẽ phải ở lại đó một mình!”

Nói xong em ngẫm nghĩ một chút rồi thêm:

“Giá chị có thể ở với em nhỉ! Chỗ khó nhất đó là đi không có chị.... Thế nhưng không sao! Em sẽ chịu vì yêu Chúa, để đền tạ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria, để cầu cho các tội nhân cũng như cho Đức Thánh Cha”.

Vào lúc người anh của em về trời, em đã tỏ cho anh những lời nhắn gửi này:

“Anh hãy dâng lên Chúa và Mẹ tất cả tình yêu của em nhé, và thưa với các Ngài rằng em sẽ chịu khổ bao lâu các Ngài muốn, để cầu cho các tội nhân ăn năn hối cải cũng như để dâng tạ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria”.

Giaxinta đã hết sức đau khổ trước cái chết của Phanxicô. Em cảm thấy vô cùng thâm thía trong lòng một thời gian dài, đến nỗi nếu có ai hỏi em đang nghĩ gì thì em đáp: ‘Nghĩ về Phanxicô. Tôi hy sinh tất cả để mong gặp lại anh!’ Rồi em rướm nước mắt. Ngày kia con nói với em rằng:

“Giờ đây chẳng còn bao lâu nữa em sẽ về trời. Thế còn chị thì sao đây! Tội nghiệp cho chị! Chị đừng có khóc! Em sẽ cầu thật nhiều cho chị khi em lên đó. Phần chị, đó là cách Đức Mẹ muốn chị phải sống. Nếu Người muốn điều ấy cho em, em sẽ hân hoan ở lại để chịu đau khổ hơn nữa cho các tội nhân”.

Ngày Giaxinta phải đi nhà thương đã đến. Ở đó em thật sự đã phải chịu đựng rất nhiều. Khi mẹ em đến thăm em, bà hỏi em có cần gì chẳng. Em nói rằng em muốn gặp con. Đây không phải là một điều dễ dàng đối với dì của con, song dì cũng đem con đi ngay khi có dịp. Vừa thấy con, em đã hôn hờ ôm chầm lấy con, và nói với mẹ của em hãy

đi mua đồ và để con lại với em. Con hỏi thăm em có khổ đau nhiều lắm chẳng. Em đáp:

“Có chứ. Thế nhưng em dâng tất cả mọi sự để cầu cho các tội nhân cũng như để dâng tạ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria”.

Thế rồi, đầy nhiệt tình, em đã nói về Chúa và Đức Mẹ như sau:

“Ôi em yêu thích được chịu khổ vì yêu các Ngài biết bao, chỉ để làm cho các Ngài hài lòng mà thôi! Các Ngài rất yêu thương những ai chịu khổ cho các tội nhân ăn năn hối cải thiện đời sống”.

Em được trở về nhà với cha mẹ em trong một thời gian. Em có một vết thương lớn ở ngực cần phải được chữa trị hằng ngày, nhưng em đã chịu đựng không hề phàn nàn hay tỏ ra một dấu hiệu khó chịu nào. Điều làm em khó chịu nhất là những cuộc viếng thăm thường xuyên và những câu hỏi của nhiều người đến thăm em, những người em không thể nào tránh né được:

“Em cũng dâng cả những hy sinh này nữa để cầu nguyện cho các tội nhân ăn năn hối cải”.

Có lần dì của con xin con một điều “Cháu hỏi xem Giaxinta nghĩ gì khi nó lấy tay ôm mặt bất động một lúc lâu. Dì đã hỏi nó nhưng nó chỉ mỉm cười không nói năng gì”. Con đã hỏi Giaxinta. Em trả lời con như sau:

“Em nghĩ đến Chúa, đến Đức Mẹ, đến các tội nhân, và đến... (em đề cập tới một số điều của Bí Mật). Em thích suy nghĩ”.

Một lần nữa, Đức Trinh Nữ lại chiếu cố đến thăm Giaxinta, để nói với em về những thánh giá mới cùng những hy sinh mới đang chờ đợi em. Em đã cho con biết những điều ấy mà rằng:

“Đức Mẹ bảo em rằng em sẽ đi Lisbon tới một bệnh viện khác; rằng em sẽ không thấy chị nữa, cũng chẳng được thấy cha mẹ em nữa, và sau khi đã chịu nhiều đau khổ, em sẽ chết cô đơn một mình. Thế nhưng Người nói rằng em không cần gì phải sợ hãi, vì chính Người đến đem em về trời”.

Em đã ôm ghì lấy con mà khóc:

“Em sẽ không bao giờ được thấy chị nữa! Chị sẽ không đến đó thăm em. Ôi xin chị cầu nguyện nhiều cho em, vì em sẽ bị chết cô đơn một mình!”

Giaxinta đã chịu đựng kinh khủng cho tới ngày em lên đường đi Lisbon. Em cứ gấn liền lấy con mà khóc nức lên:

“Em sẽ không bao giờ được thấy chị nữa! Không bao giờ được thấy mẹ em nữa, các anh của em nữa, cha của em nữa! Em sẽ không bao giờ được thấy mọi người nữa! Thế rồi em sẽ chết lủi thủi một thân một mình”.

Một hôm con khuyên em: Em đừng nghĩ đến nó nữa. Em trả lời:

“Hãy để em nghĩ đến nó, vì càng nghĩ em càng khổ, song em muốn chịu khổ vì yêu Chúa và cho các tội nhân. Dù vậy, em cũng không sao! Đức Mẹ sẽ đến đó để đưa em về trời”.

Có những lúc em hôn và ôm cây thánh giá mà than lên rằng: *“Ôi Chúa Giêsu ơi! Con yêu Chúa, và con muốn chịu khổ thật nhiều vì yêu Chúa”.* Em rất thường hay nói rằng: *“Ôi Chúa Giêsu! Giờ đây Chúa có thể hoán cải nhiều tội nhân, vì đây thật sự là một hy sinh to lớn!”*

Cuối cùng ngày em phải bỏ nhà đi Lisbon đã đến (21/2/1920). Thật là một cuộc giã biệt đoạn trường. Em đã ôm chặt lấy con rất lâu mà khóc nức lên:

“Chúng ta sẽ không bao giờ được thấy nhau nữa! Xin chị cầu nguyện nhiều cho em cho đến khi em về trời. Bấy giờ em sẽ cầu nguyện cho chị. Chị đừng bao giờ nói Bí Mật ấy cho bất cứ một ai nghe, dù họ có giết chị đi nữa. Chị hãy yêu mến Chúa Giêsu và Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria thật nhiều, và hãy kiếm nhiều hy sinh cho các tội nhân”.

Thứ Tư Tuần Thánh 20/4/2011

Bài cho cuộc Tĩnh Tâm Hãy Đến Với Cha” (24-26/6/20110)

Tội Lỗi

Vực Thẳm của Lòng Thương Xót Chúa

"Thiên Chúa là tình yêu"

Thiên Chúa là tình yêu" (1Jn 4:8,16). Đây là một cảm nhận về Thiên Chúa tuyệt đối chính xác xuất phát từ tâm hồn của "người môn đệ được Chúa Giêsu yêu" (Jn 13:23;19:26;20:2;21:7,20). Chính vì cảm nhận sâu xa đầy thắm thía này về Thiên Chúa mà chỉ có duy nhất trong Phúc Âm của người môn đệ phượng hoàng này mới có những đoạn trình thuật liên quan tới yêu thương là bản tính của Thiên Chúa.

Chẳng hạn như đoạn trình thuật về biến cố rửa chân của Đấng "đã yêu thương những kẻ thuộc về mình trên trần gian thì Người muốn chứng tỏ Người yêu thương họ đến cùng" (Jn 13:1); đoạn trình thuật về giới răn mới: "Thầy yêu các con thế nào các con hãy yêu nhau như thế" (Jn 13:34), "Các con hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương các con" (Jn 15:12); đoạn trình thuật về hiệp nhất nên một: "Con đã ban cho họ vinh hiển Cha đã ban cho Con để họ được hiệp nhất như Chúng

Ta là một. Con sống trong họ, Cha sống trong Con, để mỗi hiệp nhất của họ được nên trọn. Nhờ đó thế gian nhận biết rằng Cha đã sai Con và Cha yêu họ như Cha đã yêu Con" (Jn 17:22-23); đoạn trình thuật về cạnh sườn của Chúa Kitô tử giá bị một người lính Rôma dân ngoại dùng lưỡi đồng đâm thấu qua khiến "máu cùng nước chảy ra" (Jn 19:34).

Căn cứ vào câu định nghĩa đầy xác tín về "Thiên Chúa là tình yêu" này, "người môn đệ được Chúa Giêsu yêu" đã nêu lên hai nguyên tắc tu đức rất chí lý và bất di dịch như sau:

- "Ai không yêu thương thì chẳng biết gì về Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là tình yêu" (1Jn 4:8); "Thiên Chúa là tình yêu, và ai ở trong tình yêu thì ở trong Thiên Chúa và Thiên Chúa ở trong họ" (1Jn 4:16).

Ngay sau nguyên tắc thứ nhất, "người môn đệ được Chúa Giêsu yêu" còn khai triển thêm về tình yêu Thiên Chúa theo mạch khả thân linh như thế này:

- "Tình yêu của Thiên Chúa được tỏ hiện giữa chúng ta là ở chỗ Ngài đã sai Con Một của Ngài đến thế gian để chúng ta nhờ Người mà được sự sống" (1Jn 4:9); "Bởi thế, tình yêu là thế này: không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, mà là Ngài đã yêu thương chúng ta" (1Jn 4:10).

Thế rồi từ hai nguyên tắc này, "người môn đệ được Chúa Giêsu yêu" đã đi đến ba kết luận, một đối với nhau,

một đối với Chúa, và một đối với cả nhau lẫn Chúa, như sau:

- "Nếu Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta, chúng ta cũng phải có cùng một tình yêu thương như vậy đối với nhau" (1Jn 4:11); "Về phần mình, chúng ta hãy yêu mến vì Ngài đã yêu thương chúng ta trước" (1Jn 4:19); "Ai kính mến Thiên Chúa cũng yêu thương anh em mình" (1Jn 4:21).

Có thể nói tất cả Kitô giáo nói chung và tu đức Kitô giáo nói riêng đã được "ngươi tông đồ được Chúa Giêsu yêu" cảm nhận và huấn dụ trên đây. Đúng thế, nếu Thiên Chúa không phải là tình yêu thì tất cả mọi sự sẽ hoàn toàn đổi thay. Ở chỗ, Ngài sẽ trở thành một ngẫu tượng đa thần được óc con người tạo nên. Ở chỗ, Ngài có thể là một ác thần, động một tí là phạt nếu không vừa ý. Ở chỗ, Ngài có thể là Đấng chí công vô cùng nghiêm thẳng không hề biết xót thương. Ở chỗ, Ngài có thể là một thứ nhị nguyên quyền lực vừa thiện vừa ác luôn đối chọi tranh chấp nhau khôn cùng.

Phải, Thiên Chúa không phải là Thiên Chúa nếu Ngài không phải là tình yêu. Vì, trước hết, đã là Thiên Chúa phải là Thiên Chúa chân thật duy nhất, ngoài Ngài ra không còn một Chúa nào khác. Sau nữa, đã là Thiên Chúa chân thật duy nhất phải là Thực Tại Thần Linh bất biến toàn thiện, tự hữu, hiện hữu và hằng hữu. Sau hết, đã là Thực Tại Thần Linh bất biến toàn thiện phải là Tình Yêu vô cùng Nhân Hậu, vì Tình Yêu là bản chất của toàn

thiện, của sự sống, của viên mãn, và đồng nghĩa với bất biến, với thủy chung, trước sau như một, không đổi thay, không giả dối, bất trung.

Đó là lý do Ngài đã mặc khải tên của Ngài cho nhà giải phóng Moisen trong cuộc thần hiển ở bụi gai cháy mà không bị thiêu rụi rằng "Ta là Đấng có - I am who am" (Ex 3:14). Để giải thích một cách cụ thể và tỏ tường hơn danh hiệu hết sức trừu tượng nhưng tuyệt đối chính xác về mình này, ngay sau đó Thiên Chúa đã phán rõ với Moisen rằng:

- "Vậy ngươi phải nói cùng dân Yéc Duyện rằng: 'Chúa, Vị Thiên Chúa của cha ông các người, Vị Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Giacóp đã sai tôi đến cùng anh em. Đây là danh của Ta đến muôn đời, đây là danh hiệu của Ta cho muôn thế hệ'" (Ex 3:15).

Lịch Sử Cứu Độ của dân Do Thái quả thực đã chứng thực danh hiệu này của Thiên Chúa. Ở chỗ, Thiên Chúa đã yêu thương dân Do Thái trước, khi tự động tuyển chọn tổ phụ Abraham của họ và tự hứa ban cho con cháu của vị tổ phụ này đồng như sao trời cát biển cũng như ban cho họ mảnh đất chảy sữa và mật:

- "Khi Abram được 99 tuổi, Chúa hiện ra với ông mà phán: 'Ta là Thiên Chúa Đấng Toàn Năng. Hãy bước đi trước nhan Ta mà sống liêm chính. Ta sẽ thiết lập giao ước của Ta giữa Ta và ngươi, và Ta sẽ làm cho ngươi nảy nở muôn vàn'. Khi Abram phục mình xuống, Thiên Chúa tiếp tục

phán cùng ông: 'Giao ước của Ta với người là như thế này: người phải trở nên cha ông của đông các dân. Người sẽ không còn được gọi là Abram nữa; tên của người sẽ là Abraham, vì Ta đang làm người thành cha ông của đông các dân. Ta sẽ khiến người sinh sôi nảy nở tràn lan; Ta sẽ làm nên các dân nước bởi người; các vua chúa sẽ xuất phát từ người. Ta sẽ giữ giao ước của Ta với người cũng như với giòng dõi sau người qua muôn thế hệ như là một hiệp ước vĩnh cửu, để Ta là Thiên Chúa của người và Thiên Chúa của con cháu sau người. Ta sẽ ban cho người và con cháu sau người mảnh đất mà hiện nay người đang ở, toàn mảnh đất Canaan, như một sở hữu vĩnh viễn, và Ta sẽ là Thiên Chúa của chúng'" (Gen.17:1-8).

Và Thiên Chúa đã lập lại giao ước nhưng không đầy yêu thương này của Ngài với cả 2 vị tổ phụ sau đó là Isaac (x. Gen.26:1-5) và Giacóp (Gen 28:10-15; 46:1-4). Nghĩa là, cho dù con người hạn hữu có qua đi (tiêu biểu qua ba đời tổ phụ của dân Do Thái) Thiên Chúa vẫn luôn hiện hữu và hằng nhớ đến những gì Ngài đã hứa và quyết thực hiện, vì Ngài là Thiên Chúa chân thật duy nhất. Sau ba đời tổ phụ này, Vị Thiên Chúa chân thực duy nhất ấy đã hiện thực những gì Ngài đã hứa với các vị nơi con cháu của các vị.

Trước hết, Ngài sai Moisen đến để giải phóng dân của Ngài khỏi tình trạng bị làm tôi ở Ai Cập. Sau đó, Ngài dẫn dân của Ngài băng qua sa mạc 40 năm trường cho đến khi vào được Đất Hứa. Thế rồi, ở mảnh Đất Hứa này,

dân của Ngài đã nhiều lần liên tục tỏ ra trắng trợn bất trung với giao ước của Ngài, bỏ Ngài là Thiên Chúa chân thật duy nhất mà đi ngoại tình với đủ mọi tà thần ngẫu tượng, đến độ Ngài đã phải tống khứ họ ra khỏi Đất Hứa mà sang lưu đày ở Babylon. Sau đó, họ vẫn tiếp tục làm ô danh Ngài giữa các dân nơi chốn lưu đày, khiến Ngài lại phải mang họ về lại Đất Hứa mà thanh tẩy họ (x Ez 36:16-28). Sau hết, họ đã trải qua các thời kỳ bị dân ngoại thay nhau đô hộ, cho tới thời đế quốc Rôma, cũng là "thời điểm viên trọn Thiên Chúa đã sai Con mình đến sinh bởi một người nữ, sinh ra dưới lễ luật để cứu khỏi lễ luật những ai lụy thuộc lễ luật" (Gal 4:4-5).

"Thiên Chúa là tình yêu" quả thực đã tỏ mình ra vô cùng nhân hậu nơi lịch sử cứu độ của dân Do Thái, một dân tộc được tuyển chọn nhưng liên li bất trung bằng cuộc sống hoang đường ngoại tình của mình với đủ mọi thứ ngẫu tượng do chính họ tạo ra thay Ngài. Thế nhưng Ngài vẫn không thôi yêu thương họ, vẫn như điên cuồng theo đuổi họ như theo đuổi một người vợ vô cùng nhóp nhúa bất xứng với tình yêu cao cả là bản tính toàn thiện của Ngài. Người ta có thể đọc thấy câu chuyện tình thần linh này của Ngài nơi các đoạn sách Tiên Tri, nhất là của Tiên Tri Êzêkiên và Hosea như sau:

Qua Tiên Tri Êzêkiên (16:1-22,35-43), Chúa cho biết về dân Do Thái đã được Chúa nhưng không yêu thương chăm sóc ngay từ mới sinh ra như một hoang nhi chưa biết Ngài là ai, nhưng trái lại ở vào tuổi dậy thì đã lạm

dụng tình Chúa yêu thương, tỏ ra kiêu hãnh với nhan sắc của mình bằng cuộc sống hoang dã với đủ mọi thứ tình nhân ngẫu tượng của mình, nhưng cuối cùng, ở câu 59-60, Chúa vẫn không là vị Thiên Chúa chân thật duy nhất của họ như sau: *"Quả thật, Chúa là Thiên Chúa chân thật duy nhất của Ta sẽ đối xử với người như những gì người đã làm: người đã khinh dể lời thề của người, hủy bỏ đi giao ước. Còn Ta, Ta sẽ nhớ lại giao ước Ta đã lập với người từ khi người còn là một nhi nữ và Ta sẽ thiết lập một giao ước vĩnh viễn với người"*.

Qua Tiên Tri Hosê, ở đoạn 11, một cách ngắn gọn hơn, Vị "Thiên Chúa là tình yêu" vô cùng nhân hậu đã tỏ tình yêu thủy chung của mình là một vị Thiên Chúa chân thật duy nhất toàn hảo như thế này: *"Khi Yết Duyệt còn là một đứa trẻ, Ta đã yêu thương nó, Ta đã gọi con Ta về từ Ai-cập. Nhưng Ta càng gọi chúng, chúng càng bỏ đi; chúng cúng tế cho các thần Baals, đốt hương kính các thứ ngẫu tượng.... Dân Ta cứ miệt mài sống bội tín, chúng được kêu mời hãy vươn lên, mà chẳng một ai ngóc đầu dậy! Hỡi Ephraim, Ta từ chối người sao nổi! Hỡi Yết Duyệt, Ta trao nộp người sao đành! Làm sao Ta lại có thể xử với người như với Admah, hay giống như Zeboiim được chứ? Trái tim Ta thốn thức, ruột gan Ta sôi hồi. Ta sẽ không hành động theo cơn nóng giận, sẽ không tiêu diệt Ephraim nữa, vì Ta là Thiên Chúa, chứ không phải phàm nhân. Ta là Đấng Thánh nơi người, và Ta sẽ không thịnh nộ với người". (1-2, 7-9)*

"Mâu nhiệm lỗi lầm"

Lịch Sử Cứu Độ của dân Do Thái chất chứa tất cả mạc khải thần linh của Thiên Chúa, một mạc khải thần linh về Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất, một Vị Thiên Chúa đã tuyển chọn dân Do Thái và đã trung thành đến cùng với những gì Ngài đã hứa với tổ phụ họ, một Vị Thiên Chúa thủy chung theo bản tính là tình yêu của mình, cho dù dân được Ngài nhưng không tuyển chọn và tỏ mình ra có liên li bất trung với Ngài.

Tuy nhiên, tội lỗi của dân Do Thái nói riêng và của loài người (qua hai nguyên tổ) nói chung, không phải chỉ là tác động bất tuân hay bất trung ý muốn tối thượng vô cùng chân thật và trọn hảo của Thiên Chúa, mà chính là thái độ nội tâm tỏ ra không tin tưởng Thiên Chúa, không chấp nhận Ngài, coi Ngài không bằng rắn quí như trường hợp nữ nguyên tổ Evà trong vườn địa đàng (x Gen 3:1-6,13), hay bằng con bò vàng như trường hợp dân Do Thái trong sa mạc ở vùng Núi Sinai (x Ex 32:1-6).

Tuy bị loài người là loài tạo vật của mình vô cùng hèn hạ coi thường như vậy, bị thành phần dân tuyển chọn hạ bệ một cách hết sức ngang tàng trắng trợn đầy nhục nhã như vậy, Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất vô cùng cao cả này vẫn trung thành với con người, vẫn yêu thương con người, một cách phải phải rằng hết sức mù quáng và hoàn toàn điên cuồng, chẳng những không hủy diệt con người mà còn lợi dụng bản chất yếu hèn đầy mù quáng sa phạm của họ để cứu họ, để càng tỏ mình ra cho họ hơn nữa:

- *"Thiên Chúa không sai Con Ngài vào thế gian để luận phạt thế gian, nhưng để thế gian nhờ Người mà được sự sống" (Jn 3:17), khi "Thiên Chúa đã chứng tỏ tình Ngài yêu thương chúng ta ở chỗ đang khi chúng ta còn là những tội nhân thì Chúa Kitô đã chết cho chúng ta" (Rm 5:8), vì Ngài "đã không dung tha cho Con mình nhưng đã phó nộp mình vì tất cả chúng ta" (Rm 8:32), thậm chí "vì chúng ta Thiên Chúa đã làm cho Đấng không hề biết đến tội lỗi trở thành tội lỗi để trong Người chúng ta trở nên chính sự thánh thiện của Thiên Chúa" (1Cor 5:21), ở chỗ, "tuy thân phận là Thiên Chúa nhưng Người không tự cho mình ngang hàng với Thiên Chúa, trái lại, Người đã hóa ra như không, mặc lấy thân phận tôi đòi, sinh ra như loài người; nhờ mang thân phận con người, Người đã hạ mình vâng lời cho đến chết cho dù chết trên thập tự giá..." (Phil 2:6-8).*

Ngoài ra, "Tội Lỗi là Vực Thẳm của Lòng Thương Xót Chúa" không phải chỉ ở chỗ đã khiến vị "Thiên Chúa là tình yêu", một Tình Yêu Vô Cùng Nhân Hậu, yêu cả kẻ thù mình (x Mt 5:44) là thành phần tạo vật dấn lên mặt chống lại Ngài là Đấng Hóa Công vô cùng uy nghi cao cả đáng tôn thờ kính mến của họ, và tự động đến làm hòa với họ trước nơi Người Con tử giá ô nhục của Ngài, để họ có thể nhờ Người Con đã "hóa ra như không", đã "hóa thành tội lỗi" này của Ngài mà làm hòa với Ngài (x Mt 5:24; Rm 5:10; 2Cor 5:18-19). Hơn thế nữa, Lòng Thương Xót Chúa còn xuống đến tận đáy vực tội lỗi của con người khi chính đích thân Vị Thiên Chúa làm người đã cúi mình

xuống, lấy đôi bàn tay vô cùng toàn năng và thánh hảo của mình nâng niu đôi bàn chân là phần thể hèn hạ nhất và bản thiêu nhất của thân thể con người, để tẩy sạch nó cho con người được "trở nên chính sự thánh thiện của Thiên Chúa".

"Là Thày và là Chúa" mà cúi mình xuống rửa chân cho các môn đệ của mình (x Jn 13:13,4-5) cũng là một cử chỉ cho thấy Vị Sư Phụ Tối Cao như Chúa Tể này đã làm gương cả về tinh thần "yêu thương kẻ thù", một cử chỉ cho thấy ngài tự động làm hòa với kẻ thù mình là một người môn đệ đã có ý định phản nộp Ngài, vẫn trân quý phẩm vị của người môn đệ xấu xa tồi tàn ấy. Đúng thế, "yêu thương kẻ thù" không phải chỉ ở chỗ tỏ ra từ bi hỷ xả tha thứ cho người xúc phạm đến mình, mà còn chủ động và tích cực tha thứ cho họ cho dù họ không/chưa xin lỗi mình, nhất là vẫn coi kẻ thù là bạn thân của mình, vẫn trân quý họ và dám hy sinh chết đi để cứu lấy họ, như Chúa Kitô đã "yêu cho đến cùng" (Jn 13:1) – yêu kẻ thù cho đến chết.

Sau hết, "Tội Lỗi là Vực Thẳm của Lòng Thương Xót Chúa" còn ở chỗ vị "Thiên Chúa là tình yêu", một Tình Yêu Vô Cùng Nhân Hậu, còn thấu suốt được lòng người, đã nhân từ ngay cả trong phán xét vô cùng công minh và nghiêm thẳng của Ngài về tội nhân, điển hình là thành phần lên án tử cho Con Ngài, cố tình sát hại Con Ngài (x Mt 27:18-20,24-25), nhưng Con Ngài lại xin tha cho họ, "vì họ lắm không biết việc mình làm" (Lk 23:34), vì Thiên Chúa

là Đấng Quan Phòng Thần Linh vô cùng khôn ngoan muốn lợi dụng tình trạng lầm lạc của họ để hoàn thành ý định thần linh đầy yêu thương của Ngài:

- "Hỡi anh em, tôi biết rằng anh em đã hành động một cách vô thức như các vị lãnh đạo của anh em đã làm. Thiên Chúa đã nhờ thế làm hoàn tất những gì Ngài đã loan báo từ xa xưa qua các vị tiên tri là Đấng Thiên Sai của Ngài phải chịu đau khổ" (Acts 3:17-18).

Đến đây, chúng ta thấy "mâu nhiệm lỗi lầm" liên quan tới mâu nhiệm cứu độ của vị "Thiên Chúa là tình yêu", Đấng "muốn thương ai thì thương và làm cho ai cứng lòng thì làm" (Rm 9:18), như Ngài quả đã chứng thực nơi mâu nhiệm cánh chung liên quan tới dân Do Thái và Dân Ngoại, được Thánh Phaolô cảm nhận, xác tín và khẳng định như sau:

- "Hỡi anh em, tôi không muốn để anh em không hay biết mâu nhiệm này, để anh em đừng tự phụ mình khôn: Israel đã ra chai đá phân nào, cho đến khi toàn thể dân ngoại đã gia nhập, và như thế tất cả Israel cũng sẽ được cứu, như đã viết: Từ Sion, vì Cứu tinh sẽ đến, Người sẽ khải trừ tội ác khỏi Yacob. Và này là Giao ước của Ta với chúng: Ta sẽ tẩy xóa các tội lỗi chúng làm. Xét theo Tin Mừng, họ là thù nghịch, vì có anh em; nhưng theo sự chọn lựa, họ là chí ái, vì có cha ông. Vì ơn đã ban, lời đã gọi, Thiên Chúa không hề hối tiếc. Vì cũng như anh em, xưa kia bất tuân đối với Thiên Chúa, mà nay đã được thương xót, nhân vì họ bất

tuân, thì họ cũng thế, nay bất tuân, bởi anh em được thương xót, ngõ hầu rồi đây họ cũng sẽ được thương xót. Vì chung Thiên Chúa đã đồn mọi người hết thảy vào đàng bất tuân, ngõ hầu Người đủ lòng thương hết mọi người. Ôi! Thảm sâu thay sự giàu có, khôn ngoan, thượng trí của Thiên Chúa! Nhưng phán quyết của Người vô phương dò thấu, đường lối của Người không kể dỗi theo! Vì nào ai được biết tâm tư của Chúa, hay có ai đã làm cố vấn cho Người? Hay có ai đã cho Người trước, để hồng được Người tạ lại? Vì mọi sự đều do Người, nhờ Người, và vì Người! Vinh quang cho Người, cho đến muôn đời, Amen!" (Rm 11:30-36, theo bản dịch của Cha Nguyễn Thế Thuấn, CSsR).

Không ai biết được bao giờ mới hoàn toàn hiện thực tình trạng "cho đến khi toàn thể dân ngoại đã gia nhập, và như thế tất cả Israel cũng sẽ được cứu". Chỉ biết rằng hiện nay, thế giới Kitô giáo, thế giới đối với dân Do Thái là Dân Ngoại, chính yếu là Kitô giáo Tây phương vẫn minh đang ở trong tình trạng phá sản đức tin, gây ra bởi chủ nghĩa duy nhân bản, tương đối hóa luân thường đạo lý. Phải chăng tình trạng sống như thế không có Thiên Chúa này của Dân Ngoại Kitô giáo Tây phương đang khiến cho "Chúa đã sẵn sóc Yếu Duyên tôi tớ Chúa, bởi nhớ lại lòng thương xót Chúa, như Chúa đã phán hứa với tổ phụ xưa, cho Abraham và giòng dõi ông đến muôn đời" (Lk 1:54-55), "và như thế tất cả Israel cũng sẽ được cứu"?

Ngay từ đầu thế kỷ 20, một thế kỷ đầy những hận thù và tàn sát chưa từng thấy trong lịch sử loài người, với hai

Thế Chiến I (1914-1918) và Thế Chiến II (1939-1945) cùng với hai chủ nghĩa sắt máu là Đức quốc xã Nazi và Cộng sản, Trời Cao đã phải kêu gọi qua "*Người Mẹ Đấng Cứu Chuộc Thế - Redemptoris Mater*" (Nhan đề của bức thông điệp thứ 6 trong 14 của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II ban hành ngày 25/3/1987) vào ngày 13/10/1917, với bộ mặt hết sức sâu thẳm rằng: "*Đừng xúc phạm đến Chúa là Thiên Chúa của chúng ta nữa, vì Người đã bị xúc phạm đến nhiều lắm rồi*".

Lời Mẹ Maria kêu gọi và trần trối "đừng xúc phạm đến Chúa là Thiên Chúa của chúng ta nữa" ấy liên quan đến Kitô hữu Công giáo. Bởi vì chỉ có Kitô hữu Công giáo Tây phương (không kể Kitô hữu Chính thống giáo hầu hết ở Đông phương) mới tin thờ Chúa Giêsu Thánh Thể và mới phạm đến Chúa Giêsu Thánh Thể bằng những tội đã được Thiên Thần Hòa Bình liệt kê trong các kinh nguyện ngài dạy cho 3 Thiếu Nhi Fatima. Đó là những tội: "*không tin kính Chúa, không thờ lạy Chúa, không trông cậy Chúa và không yêu mến Chúa*", nhất là những tội "*lăng nhục, phạm thánh và thờ ơ lãnh đạm mà chính Người đã phải chịu*".

- **không tin kính Chúa:** ở chỗ không tin Chúa Giêsu ngự thật trong Bí Tích Thánh Thể mà chỉ là một hình thức, một tiêu biểu vậy thôi.
- **không thờ lạy Chúa:** ở chỗ bỏ Lễ Chúa Nhật, bỏ xưng tội rước lễ một năm ít là một lần trong Mùa Phục Sinh theo luật Giáo Hội

- **không trông cậy Chúa:** ở chỗ chỉ sống nguyên bởi bánh trần gian mà không sống bởi lời Chúa là những gì làm cho mình sống thật.
- **không yêu mến Chúa:** ở chỗ tranh giành nhau ăn bánh trần gian đến độ hung hăng sát hại nhau (ở Âu Châu) bất kể đức bác ái Kitô giáo.
- **lăng nhục:** ở chỗ trực tiếp xúc phạm đến Thánh Thể, như lén lút lấy Bánh Thánh mang về để làm nhục trong các thứ Lễ Đen (black mass hay satanic mass).
- **phạm thánh:** ở chỗ mắc tội trọng mà cứ lên rước lễ hay trầm trọng phạm đến các qui luật phụng vụ chính yếu làm nên bản chất của việc cử hành Thánh Thể.
- **thờ ơ lãnh đạm:** ở chỗ không dọn mình rước Chúa dâng hoàng và không cảm ơn Chúa sau khi rước lễ, không viếng Chúa hay cầu Chúa khi có giờ.

Riêng về tội lăng nhục Thánh Thể, theo http://www.satansheaven.com/black_mass.htm, chúng ta thấy được Chúa Giêsu Thánh Thể và Phụng Vụ Thánh Thể của Giáo Hội Công Giáo đã bị các nghi thức của loại Lễ Đen là thứ lễ cố ý nhái theo Thánh Lễ Công giáo, một thứ Lễ Đen có từ thời Trung Cổ ở Âu Châu cố ý cử hành một cách bậy bạ thuận nhục thể đê hèn như nước khủng khiếp để lăng nhục Phụng Vụ Thánh qua những hành động vô cùng quái gở như thế này:

- Chủ tế không mặc quần che kín bộ phận sinh dục của mình gì hết mà chỉ khoác một áo lễ cộc tay được thêu thùa lộng lẫy những hình ảnh thú vật hay phụ nữ khỏa thân;

- Bàn thờ là những thân mình trần truồng, thường là thân mình của nữ giới;
- Bánh lễ là chất liệu được trộn với máu của đàn bà có kinh nguyệt và tinh dịch của đàn ông và bị đốt đi hay đâm chém;
- Rượu lễ là nước tiểu hay máu, được đựng trong một cái sọ người và uống từ đó;
- Lời truyền phép là tiếng kêu la tên của tướng quỷ là "Beelzebub, Beelzebub, Beelzebub";
- Rượu lễ bị đổ xuống sàn nhà một cách khinh bỉ;
- Máu được lấy từ các bé trai bị cắt cổ;
- Nến đốt được làm bằng mỡ người;
- Những cây thập giá được xâm ở dưới lòng bàn chân để biểu hiệu cho việc Chúa Kitô tiếp tục bị chà đạp dưới chân;
- Những cuộc diên cuồng truy hoan về xác thịt diễn ra cùng với việc các hài nhi mới sinh bị đóng đinh sống hay được rửa tội bằng dầu thánh, bị xiết cổ chết để hiến dâng làm hy tế cho Satan.

Vậy nếu Thánh Thể được lấy mang về cho các thứ Lễ Đen này thì thử hỏi Thánh Thể được đặt ở đâu trên thân thể trần truồng của người đàn bà được sử dụng như bàn thờ, và chẳng lẽ Thánh Thể không bị tên chủ tế mặc áo lễ hơ hang dùng búa và đinh đóng đinh bằng vào tường, vào cột hay trên nền nhà hay sao cho đúng với ý nghĩa Thân Mình Người «bị nộp vì các con»?

“Đền tạ những xúc phạm”

Trong 3 Thiếu Nhi Fatima được Mẹ Maria chọn hiện ra năm 1917 bấy giờ có một em trai duy nhất là Phanxicô (1908-1919). Đúng thế, em thiếu nhi Chân Phước Phanxicô này là em thụ khải nhi duy nhất trong 3 em không hề được nghe thấy Mẹ Maria nói gì, mà chỉ được nhìn thấy Mẹ thôi. Hình ảnh sâu thẳm của Mẹ vào lần hiện ra cuối cùng ngày 13/10/1917 khi Mẹ trần trối cho 3 em những lời kêu gọi thiết tha trên đây đã làm cho em bị ám ảnh đến độ, như Giaxinta là đứa em ruột của em đã bị tác dụng mãnh liệt của thị kiến hóa ngục ngày 13/7/1917 thế nào, tới độ khao khát hy sinh cứu các tội nhân đáng thương thế nào, Phanxicô cũng sống, một cách âm thầm kín đáo và bằng chuỗi Kinh Mân Côi trong tay, liên li gắn bó với Chúa Giêsu Thánh Thể của em như vậy.

Theo Hồi Niệm Thứ Bốn của mình, chị Lucia đã cho chúng ta thấy hình ảnh một Phanxicô ngày xưa, ngày trước Biển Cỗ Thánh Mẫu Fatima, thích ngồi ở một tầng đá trên đồi cao để thổi sáo, nhưng sau đó đã bỏ thói quen và sở thích lành mạnh của mình này, thậm chí bỏ cả những giây phút chơi đùa vui vẻ hữu ích với chị Lucia và em Giaxinta của mình để tìm chỗ cầu nguyện an ủi Đấng được em gọi là “Chúa Giêsu ẩn thân” của em.

Thật ra, theo lời Đức Mẹ nói, việc hiến mình hy sinh chịu mọi đau khổ của 3 Thiếu Nhi Fatima có hai mục đích rõ ràng, đó là, thứ nhất, để đền tạ Thiên Chúa bị tội lỗi xúc phạm, và, thứ hai, để cầu cho tội nhân ăn năn cải thiện đời sống. Thế nhưng, đối với Phanxicô là Thiếu Nhi

Fatima chú trọng đến Thiên Chúa hơn các tội nhân, thì mục đích thứ nhất vẫn quan trọng và khẩn thiết hơn. Hỡi Ký Lucia 4 thuật lại điều này như sau. “Ngày kia, con hỏi em: 'Phanxicô, điều nào em thích hơn, an ủi Chúa chúng ta hay cái hối các tội nhân để không một linh hồn nào phải xuống hoả ngục nữa?'.

'Em thích an ủi Chúa chúng ta hơn. Chị không để ý đến thánh vờa rồi Đức Mẹ của chúng ta buồn lắm sao, khi Người nói rằng người ta không được xúc phạm đến Chúa của chúng ta nữa, vì Ngài đã bị xúc phạm nhiều rồi? Em thích an ủi Chúa chúng ta rồi mới cái hối các tội nhân để họ đừng xúc phạm đến Ngài nữa'.

“Có một lần, con và Giaxinta vào phòng của em, em nói với chúng con: 'Hôm nay đừng nói nhiều nghe vì em nhức đầu lắm đó. Giaxinta nhắc anh: 'Nhưng đừng quên dâng cầu cho tội nhân nghe'. 'Ừ. Nhưng anh phải dâng để an ủi Chúa chúng ta và Đức Mẹ của chúng ta trước đã, rồi sau đó mới dâng cho các tội nhân và Đức Thánh Cha'”.

Đền tạ, đối với Phanxicô, cũng như với Giaxinta và Lucia, trước hết ở tại việc hy sinh chịu mọi đau khổ Chúa gửi đến cho. Chị Lucia đã đề cập đến điều này như sau:

“Một ngày kia, khi con tỏ cho em biết rằng con bất hạnh là chừng nào khi bị những tấn công đầu tiên bắt nguồn từ cả trong gia đình lẫn bên ngoài, Phanxicô đã phẫn khích con bằng những lời này:

'Không sao đâu! Đức Mẹ đã chẳng nói là chúng ta sẽ phải chịu nhiều đau khổ đó sao, để đền tạ Chúa của chúng ta và Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội của Người, vì tất cả những tội lỗi mà các Ngài phải chịu? các Ngài buồn quá đi! Nếu chúng ta ủi an các Ngài bằng những chịu đựng này thì chúng ta sung sướng biết bao!'"

Riêng trường hợp của em, em đã chịu khổ để đền tạ như được chị Lucia thuật lại như sau: “Trong khi bị bệnh, em lúc nào cũng tỏ ra vui vẻ và bằng lòng. Có những lần con hỏi em rằng:

- Phanxicô oi em có đau lắm không?
- Đau lắm chị, nhưng không sao! Em đang chịu khổ để an ủi Chúa, để rồi sau đó, một thời gian ngắn nữa thôi, em sẽ về trời mà!
- Khi em lên đó rồi, đừng quên xin Đức Mẹ đem chị lên trên ấy sớm nhé.
- Em không xin điều đó đâu! Chị quá rõ là Người chưa muốn chị ở đó mà.

Trước khi em chết 1 ngày, em nói với con rằng:

- Chị coi! Em bệnh quá sức; giờ đây không còn lâu nữa em sẽ về trời.
- Vậy thì em hãy nghe đây. Khi em lên đó rồi, đừng quên cầu nguyện thật nhiều cho các tội nhân nhé, cho Đức Thánh Cha, cho chị và cho Giaxinta nữa.

- Vâng, em sẽ cầu nguyện. Thế nhưng, tốt hơn chị hãy xin Giaxinta cầu nguyện cho những điều này, vì em sợ rằng em sẽ quên mất khi em được thấy Chúa. Vào lúc ấy em chỉ muốn an ủi Chúa mà thôi”.

Phải, đền tạ, đối với Phanxicô, không những là hy sinh chịu khổ vì Chúa, còn chính là an ủi, là thông cảm với Chúa, Đấng đã bị xúc phạm và tỏ ra buồn sầu. Phanxicô đã an ủi và thông cảm với Chúa là Đấng Quá Sầu Buồn ở chỗ thích sống gần gũi với Chúa. Đối với em, gần gũi, kề cận với Chúa Giêsu cũng là một việc cần thiết để an ủi Chúa. Do đó, hễ có dịp là Phanxicô tìm đến với Chúa Giêsu Thánh Thể mà em gọi là Chúa Giêsu Ấn Thân. Chị Lucia kể lại như thế này:

“Ngày kia, em ra khỏi nhà gặp con... Con bắt đầu đi đến trường, và trên đường đi, con đã nói với các người em họ của con về tất cả những điều này (cầu nguyện cho một người mẹ có đứa con trai bị tố cáo phạm tội có thể bị tù đầy, như bà này đã nhờ chị Têrêsa là chị ruột của Lucia xin Lucia cầu với Đức Mẹ cứu con của bà). Khi chúng con tới Fatima, Phanxicô nói với con rằng:

- Chị ơi! Trong khi chị đi đến trường, em sẽ ở lại với Chúa Giêsu Ấn Thân, và em sẽ xin Người ban ơn ấy cho.

Tan học, con đến gọi em mà hỏi:

- Em có cầu xin Chúa ban cho ơn ấy không vậy?

- Có, em có cầu nguyện. Xin chị nói với chị Têrêsa rằng anh ấy sẽ được về nhà mấy ngày nữa.

Thật thế, mấy ngày sau, người con trai đáng thương về đến nhà. Vào ngày 13, anh ta và cả nhà đến tạ ơn Đức Mẹ về điều ấy.

Một lần khác, con nhận thấy là, sau khi chúng con đã rời nhà, Phanxicô bước đi rất chậm. Con hỏi em:

- Làm sao vậy. Em hầu như không thể bước đi nổi nữa rồi!

- Em bị nhức đầu quá đi, em cảm thấy sắp ngã đến nơi rồi nè.

- Vậy thì đừng đi nữa. Em hãy ở nhà đi!

- Em không muốn đâu. Em thích ở trong nhà thờ với Chúa Giêsu Ấn Thân trong khi chị đi học”.

Đối với Phanxicô, đền tạ chẳng những ở tại việc hy sinh vì Chúa, gần gũi với Chúa, mà còn tránh làm bất cứ điều gì làm mất lòng Chúa nữa. Chị Lucia thuật lại: “Khi thấy con bối rối và ngơ vạc, em khóc và nói:

- Nhưng làm sao mà chị lại có thể cho rằng đó là việc của ma quỷ? Chị không thấy là Đức Mẹ và Thiên Chúa ở trong ánh sáng cao vời đó sao? Không có chị làm sao chúng em tới đó được, vì chị là người đôi đáp mà.

Đêm đó, sau khi dùng cơm tối, em đến nhà con, gọi con ra hiên nhà mà nói:

- *Này! Mai chị không đi thật à?*
- *Chị không đi thật mà. Chị đã bảo với các em là chị sẽ không trở lại đó nữa thây.*
- *Thế thì xấu hổ thật! Tại sao bây giờ chị lại có thể nghĩ như vậy được? Chị không thấy rằng việc đó không thể nào là việc của ma quỷ ư? Thiên Chúa đã buồn sâu vì bao tội lỗi đủ rồi, bây giờ chị không đi, Người lại còn buồn hơn nữa! Thôi, chị nói đi đi!*

Riêng trường hợp của em, vì chuyên tâm an ủi Chúa, nên em cũng rất sợ làm điều mất lòng Người, như chị Lucia thuật lại rằng “hôm ấy, ngay từ sáng sớm, chị Têrêsa của em đến tìm con:

- *Chị hãy mau đến nhà của chúng em! Phanxicô nguy lắm rồi nên em muốn nói với chị điều gì đó.*

Con vội vàng mặc quần áo đi ngay. Em xin mẹ em cũng như anh chị em hãy đi ra ngoài, vì em muốn xin con một điều bí mật. Họ đi ra rồi, em nói với con thế này:

- *Em sẽ xưng tội để có thể rước Lễ rồi chết. Em xin chị nói cho em biết là chị có thấy em phạm bất cứ một tội nào chẳng, rồi chị cũng đi hỏi cả Giaxinta cho em nữa xem nó có thấy em phạm lỗi gì không nhé.*

Con trả lời em:

- *Em đã không vâng lời mẹ em một ít lần khi bà bảo em ở nhà nhưng em đã bỏ nhà đi với chị hay bỏ đi trốn.*
- *Đúng thế. Em có nhớ đến nó. Vậy chị đi hỏi Giaxinta xem nó có nhớ điều gì khác nữa không.*

Con ra đi, và Giaxinta, sau khi suy nghĩ một chút đã trả lời rằng:

- *Xin chị nói với anh ấy rằng, trước khi Đức Mẹ hiện ra với chúng ta, anh ấy đã ăn cắp một xu của bố để mua một hộp nhạc của ông José Marto ở Casa Velha; và có lần bị những đứa con trai ở Aljustrel ném đá vào những đứa khác ở Boleiros, anh ấy cũng đã lấy đá ném họ nữa!*

Khi con cho em biết điều em Giaxinta của em nói, em đã trả lời rằng:

- *Em đã xưng những điều ấy rồi, nhưng em sẽ xưng lại nữa. Có thể vì những tội này của em mà Chúa đã quá buồn rầu! Cho dù em không chết đi nữa, em sẽ không bao giờ tái phạm những tội này nữa. Em hết sức đau lòng về những tội ấy”.*

Chấp tay lại, em đã nguyện rằng:

- *Ôi Chúa Giêsu, xin Chúa tha tội chúng con, xin cứu chúng con khỏi sa hỏa ngục, xin đem các linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần đến lòng Chúa thương xót hơn.*

Thứ Năm Tuần Thánh 21/4/2011

Bài cho cuộc Tĩnh Tâm Hãy Đến Với Cha” (24-26/6/20110)

Thánh Giá Chân Dung của Lòng Thương Xót Chúa

Thánh Giá là Chân Dung của Lòng Thương Xót Chúa"? - Không thể nào! Nếu Thiên Chúa là Đấng vô cùng toàn hảo thì không thể nào chân dung của Ngài lại là những gì biểu hiệu cho sự dữ và sự chết như cây thập tự giá. Nếu nói rằng thập giá là chân dung của Ngài thì thật là vô cùng lộng ngôn và phạm thượng, rồi đạo, đáng trừng phạt muôn ngàn lần. Đó là lý do mỗi lần có thiên tai kinh hoàng xảy ra, gây chết chóc về sinh mạng, người ta thường đặt vấn đề tại sao Thiên Chúa thiện hảo và yêu thương lại gây ra tử vong nhất là cho những con người vô tội bị chết oan uổng như vậy?

Mặt trái của Đức Kitô

Thế nhưng, còn ai vô tội hơn Con Thiên Chúa? Còn ai được Thiên Chúa yêu hơn chính Người Con Duy Nhất của mình? Thế mà còn ai đã bị Cha mình là "Thiên Chúa đã không dung tha một đã phó nộp vì chúng ta" (Rm

8:32)? Nếu Chúa Giêsu Kitô "là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình" (Col 1:15), "là hiện thân đích thực của bản thể Cha" (Heb 1:3), đến độ "ai thấy Thầy là thấy Cha" (Jn 14:9), thì quả thực "Thánh Giá là Chân Dung của Lòng Thương Xót Chúa", vì "khi quý vị treo Con Người lên quý vị sẽ biết Là Tôi" (Jn 8:28).

Đúng thế, Lời Nhập Thể chính là Đấng Thiên Sai: "Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống" (Mt 16:16), đúng như lời tuyên xưng của vị trưởng tông đồ đoàn Simon Phêrô, đến độ đã được chính Người chẳng những công nhận và khen tặng là chính xác như mạc khải thần linh mà còn vì thế trao cho vị tông đồ này cả chìa khóa Nước Trời nữa (x Mt 16:17-18).

Tuy nhiên, ngoài bộ mặt thật của Đấng Thiên Sai như thế, Người còn có một bộ mặt trái nữa, một bộ mặt thật là rùng rợn, kinh khiếp, không thể nào xứng hợp với bộ mặt thật của Người nên con người, dù là thành phần thân tình với Người nhất là các vị tông đồ theo Người, cũng không thể nào chấp nhận được, đó là bộ mặt Vượt Qua của Người nói chung, bao gồm cả những đường nét hoàn toàn biến dạng của Người nơi cuộc khổ nạn và tử giá vô cùng đê hèn và nhục nhã của Người là cùng tận của vực thẳm tội lỗi và bất hạnh của thân phận con người.

Chính vì thế vị tông đồ đầu đàn này đã thân tình can ngăn Người, như thế không tin rằng Người lại như thế và có thể như thế, nhưng lại bị Người nghiêm nghị trách

móc như là những gì quái gở nhất, phản kitô: "Đồ Satan, hãy xéo đi..." (Mt 16:23).

- “Thánh Phêrô cần phải hoán cải ở chỗ nào? ... Ở Caesarea Philippi Thánh Phêrô không thể chấp nhận Chúa Giêsu phải chịu đau khổ và tử giá: nó không hợp với hình ảnh của Thiên Chúa và của Đấng Thiên Sai. Ở Căn Thượng Lầu, ngài không muốn cho Chúa Giêsu rửa chân ngài: nó không xứng với hình ảnh và phẩm vị làm Thầy của Người... Cả chúng ta nữa, tất cả chúng ta cần phải một lần nữa biết chấp nhận Thiên Chúa và Chúa Giêsu Kitô như Người là chứ không phải theo đường lối chúng ta muốn Người là. Chúng ta cũng thấy mình khó chấp nhận là Người bị gò bó với những giới hạn của Giáo Hội Người cũng như của thành phần thừa tác viên của Người. Cả chúng ta nữa cũng không muốn chấp nhận rằng Người tỏ ra bất lực trong thế giới này. Cả chúng ta nữa tìm cách chữa mình khi việc làm môn đệ của Người trở thành những gì quá ư hy sinh, quá ư nguy hiểm. Tất cả chúng ta cần một thứ hoán cải giúp chúng ta có thể chấp nhận Chúa Giêsu nơi chính thực tại của Người vừa là Thiên Chúa vừa là con người...” (ĐTC Biển Đức XVI - Bài Giảng Thứ Năm Tuần Thánh 21/4/2011 Lễ Chiều Tiệc Ly)

Thật vậy, bộ mặt trái của Đấng Thiên Sai, của Vị Thiên Chúa đã hóa thân làm người, quả là rùng rợn kinh khiếp chưa từng thấy, như đã được các vị tiên tri loan báo trong Cựu Ước, nhất là Tiên tri Isaia (53:1-12, theo bản dịch của Nhóm Phiên Dịch Phụng Vụ Giò Kinh), như sau:

- ¹ Điều chúng ta đã nghe, ai mà tin được? Cánh tay uy quyền của Đức Chúa đã được tỏ cho ai? ² Người tôi trung đã lớn lên tựa chồi cây trước Nhan Thánh, như khúc rễ trên đất khô cằn. Người chẳng còn dáng vẻ, chẳng còn oai phong đáng chúng ta ngắm nhìn, dung mạo chẳng còn gì khiến chúng ta ưa thích. ³ Người bị đời khinh khi ruồng rẫy, phải đau khổ triền miên và nếm mùi bệnh tật. Người như kẻ ai thấy cũng che mặt không nhìn, bị chúng ta khinh khi, không đếm xỉa tới. ⁴ Sự thật, chính người đã mang lấy những bệnh tật của chúng ta, đã gánh chịu những đau khổ của chúng ta, còn chúng ta, chúng ta lại tưởng người bị phạt, bị Thiên Chúa giáng hoạ, phải nhục nhã ê chề. ⁵ Chính người đã bị đâm vì chúng ta phạm tội, bị nghiền nát vì chúng ta lỗi lầm; người đã chịu sửa trị để chúng ta được bình an, đã phải mang thương tích cho chúng ta được chữa lành. ⁶ Tất cả chúng ta lạc lõng như chiên cừu, lang thang mỗi người một ngã. Nhưng Đức Chúa đã đỡ trên đầu người tội lỗi của tất cả chúng ta. ⁷ Bị ngược đãi, người cam chịu nhục, chẳng mở miệng kêu ca; như chiên bị đem đi làm thịt, như cừu câm nín khi bị xén lông, người chẳng hề mở miệng. ⁸ Người đã bị ức hiếp, buộc tội, rồi bị thủ tiêu. Dòng dõi của người, ai nào nghĩ tới? Người đã bị khai trừ khỏi cõi nhân sinh, vì tội lỗi của dân, người bị đánh phạt. ⁹ Người đã bị chôn cất giữa bọn ác ôn, bị mai táng với người giàu có, dù đã chẳng làm chi tàn bạo và miệng không hề nói chuyện điêu ngoa. ¹⁰ Đức Chúa đã muốn người phải bị nghiền nát vì đau khổ.

Ở Thánh Vịnh 22, một Thánh Vịnh tiên báo về cuộc khổ nạn của Đấng Thiên Sai, dung nhan của vị "Thiên Chúa là

tình yêu" nơi Người Con Tôi Tớ của Ngài thậm chí còn vô cùng hèn hạ hơn nữa, ở chỗ, Người chẳng những không còn hình tượng gì, "chẳng còn dáng vẻ, chẳng còn oai phong, đáng chúng ta ngắm nhìn, dung mạo chẳng còn gì khiến chúng ta ưa thích", như được Tiên Tri Isaia diễn tả, mà còn là một con sâu bọ đất: "Tôi là một con sâu bọ chứ không phải là người, là những gì con người khinh bỉ, là những gì dân chúng coi thường" (câu 7).

Vấn đề then chốt được đặt ra ở đây là tại sao Thiên Chúa vô cùng khôn ngoan thượng trí và toàn năng lại không có cách nào khác để cứu chuộc con người cho xứng với thân phận vô cùng cao cả của mình hay sao, mà lại cứ phải "hóa thành hư không, mặc lấy thân phận tôi đòi" (Phil 2:7) mới được, mà lại cứ phải hoàn toàn biến dạng "mặt mày tan nát chẳng ra người, không còn dáng vẻ người ta nữa" (Is 52:14) mới được, mà lại cứ phải trở thành "sâu bọ" mới được?

Loài người thụ tạo chẳng lẽ lại vô cùng quý giá đến thế hay sao, đến xứng đáng được một Vị Thiên Chúa Hóa Công vô cùng tự mãn phúc vinh say mê yêu thương và theo đuổi một cách ngông cuồng điên dại đến như thế hay sao?

Như thế không có con người Thiên Chúa không thể nào tồn tại, không còn lý do hiện hữu, không còn là mình nữa! Chưa hết, Ngài yêu thương con người đến quên mình và thậm chí còn hơn chính mình như thế, ở chỗ "đến ban Con

Một mình" (Jn 3:16), "đến hiến mạng sống mình" (Mt 20:28), Ngài chẳng lẽ lấy lại từ họ những gì xứng đáng với giá trị ban tặng nhưng không và vô cùng của Ngài đối với họ hay sao?

Bằng không thì tại sao Ngài lại tác hành chẳng khác gì đưa con hoang đàng phung phá gia tài của mình với hạng đàng điếm như vậy (x Lk 15:13)? Phải chăng đó là lý do tại sao Ngài đã tỏ ra thông cảm và dễ dàng tha thứ cho đứa con có máu hoang đàng phung phá giống như Ngài (x Lk 15:20,22-24)?

Tất cả những vấn đề hoàn toàn vô lý không thể tưởng tượng và bất khả chấp nơi mâu nhiệm thần linh của Thiên Chúa đối với loài người tạo vật tội lỗi ấy chỉ phần nào được giải tỏa ở lý do tại sao Thiên Chúa lại yêu con người. Chắc chắn con người không xứng đáng với tình yêu của Ngài. Ngài yêu con người chỉ vì Ngài "là tình yêu" (1Jn 4:8,16), "là ánh sáng" (1Jn 1:5; Jn 8:12), một ánh sáng không thể nào không soi chiếu mà còn là ánh sáng. Vì "tình yêu" là bản tính của mình Thiên Chúa không thể nào không yêu.

Và tình yêu của một Đấng Tối Cao toàn thiện như Ngài phải là một tình yêu vô cùng trọn hảo, ở chỗ "xót thương", ở chỗ "vô cùng nhân hậu". Thực tế cho thấy tình yêu nào không nhân hậu sẽ không phải là tình yêu chân thực và trọn hảo, trái lại, chỉ là một tình yêu hời hợt và thậm chí giả tạo, hẹp hòi, thay đổi, không thủy chung ở

một nghĩa nào đó đúng như bản chất của tình yêu. Có thể nói "tình thương" là chân dung của "tình yêu" và là tột đỉnh của "tình yêu", và chỉ nhờ biết xót thương và nhân hậu "tình yêu" mới có thể khắc phục được tất cả mọi sự dữ, mới có thể chiếm đoạt bất cứ một đối phương thù nghịch nào, và mới nên một với bất cứ một đối tượng bất xứng nào.

Bởi thế, "thương" được ghép với "yêu", tức "yêu thương" (merciful love) đây, không phải là "thương hại", một thứ thương hại của kẻ trên đối với kẻ dưới, của kẻ hơn đối với kẻ kém, của kẻ thắng đối với kẻ bại, kiểu không thềm chấp khi thứ tha, một thứ thương hại không thể "yêu kẻ thù mình" (Mt 5:44), không thể quì xuống rửa chân cho kẻ phản bội mưu đồ ám hại mình (x Jn 13:2-5), một thứ tình thương chủ thể thương còn trở thành đáng thương hơn cả kẻ được thương, coi người mình thương hơn chính cả bản thân mình (x Jn 15:13), một thứ tình thương tỏ ra vô cùng trân quý những gì bị mất mát (hư hỏng) cho dù nhỏ xíu chẳng đáng là bao nhiêu khi vừa tìm thấy nó (x Lk 15:1-10), một thứ tình thương sẵn sàng tha thứ cho nhau trước khi được ngỏ lời xin lỗi (x Lk 15:20-21), tức một thứ tình thương tự động và chủ động đến làm hòa với kẻ thù của mình trước (x Mt 5:23-24), một thứ tình thương trở thành như nhu nhược yếu hèn trước con mắt trần gian và lý lẽ tự nhiên, không thể nào chấp nhận được, chứ chưa nói gì đến việc thi hành nổi, nếu không phải là Vị "Thiên Chúa là tình yêu".

Phải, đó là lý do vị Tông Đồ Dân Ngoại Phaolô mới hiên ngang nhận định ngược đời như thế này: "*lời giảng thập giá, đối với những kẻ đang hư đi, là một sự điên rồ; còn đối với chúng ta, những người đang ở trên đường cứu thoát, lại là quyền năng của Thiên Chúa... Thiên Chúa lại đã không để cho sự khôn ngoan thế gian ra điên rồ đó sao?*"²¹ Vì chưng một khi thế gian, đứng trước sự khôn ngoan của Thiên Chúa, đã không lợi dụng khoa khôn ngoan mà nhìn biết Thiên Chúa, thì Thiên Chúa đã quyết ý dùng sự điên rồ của lời rao giảng để cứu những kẻ tin.²² Vì chưng trong khi Do Thái đòi có dấu lạ, và Hy Lạp tìm sự khôn ngoan,²³ thì chúng tôi lại rao giảng một Đức Kitô đã bị đóng đinh thập giá, có vấp phạm cho Do Thái, sự điên rồ đối với dân ngoại,²⁴ nhưng đối với những ai được kêu gọi dù là Do Thái hay Hy Lạp, thì lại là chính Đức Kitô, quyền năng của Thiên Chúa, và sự khôn ngoan của Thiên Chúa.²⁵ Bởi vì sự điên rồ nơi Thiên Chúa thì khôn ngoan hơn loài người, và sự yếu đuối nơi Thiên Chúa thì mạnh mẽ hơn loài người". (1Cor 1:18,20-25 - bản dịch của Cha Nguyễn Thế Thuấn, CSsR).

Quả vậy, theo dự án cứu độ thần linh và công cuộc cứu độ trần gian của Thiên Chúa thì Thánh Giá chính là biểu hiện cho tột đỉnh của tình yêu Thiên Chúa, là tất cả những gì là "vô cùng nhân hậu" của tình yêu Thiên Chúa, là chính chẳng những chân dung của Lòng Thương Xót Chúa, của Chúa Giêsu Kitô (x Jn 8:28), mà còn nhờ thánh giá, vị "Thiên Chúa là tình yêu" đã cứu chuộc được toàn thể nhân loại nơi Người Con là Lời nhập thể của Ngài:

"Khi nào Tôi bị treo lên khỏi mặt đất, Tôi sẽ kéo tất cả mọi người lên cùng Tôi" (Jn 12:32).

Đúng thế, nơi Chúa Giê-su Kitô, chung loài người nhiễm lây nguyên tội đã được cứu độ. Thế nhưng, về phần từng người, họ phải chấp nhận tình yêu thương vô đối của Ngài họ mới có thể được rỗi: "*Thiên Chúa đã yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con một mình, để ai tin Người thì không phải chết nhưng được sự sống*" (Jn 3:16).

Thực tế cho thấy, nếu thế thì thành phần được rỗi sẽ chẳng bao nhiêu, và như vậy thì công ơn cứu chuộc vô cùng cao cả lẫn quý báu của Thiên Chúa quả là uổng phí và không còn ai ngu ngốc bằng Vị "*Thiên Chúa là tình yêu*" này, vì Ngài đã công phu dọn bữa cho Satan hoan hưởng. Nhưng, theo dự án cứu độ và công cuộc cứu độ thân linh vô cùng huyền diệu của Ngài, Ngài vẫn có thể cứu độ vô số con người, đông như sao trời như cát biển, đúng như Ngài đã hứa với Abraham, dù họ tội lỗi đến đâu chẳng nữa. Và Ngài đã thực hiện đường lối cứu độ ấy bằng một thiếu số tâm hồn được Ngài tuyển chọn. Chẳng hạn như Tiên Tri Êzêkiên (37:1-14), vị đã trở thành thừa sai thân linh để cải tử hoàn sinh cho một thung lũng la liệt xương khô chết chóc, như được vị tiên tri cho biết như sau:

- ¹ Tay Đức Chúa đặt trên tôi. Đức Chúa dùng thân khí đem tôi ra, đặt tôi giữa thung lũng; thung lũng ấy đầy xương cốt. ² Người đưa tôi đi ngang, đi dọc giữa chúng. Những xương ấy nằm la liệt trên mặt thung lũng và đã khô đét. ³

Người bảo tôi: "Hỡi con người, liệu các xương này có hồi sinh được không?" Tôi thưa: "Lạy Đức Chúa là Chúa Thượng, chính Ngài mới biết điều đó." ⁴ Bấy giờ, Người bảo tôi: "Người hãy tuyên sấm trên các xương ấy; người hãy bảo chúng: Các xương khô kia ơi, hãy nghe lời Đức Chúa." ⁵ Đức Chúa là Chúa Thượng phán thế này với các xương ấy: Đây Ta sắp cho thân khí nhập vào các người và các người sẽ được sống. ⁶ Ta sẽ đặt gân trên các người, sẽ khiến thịt mọc trên các người, sẽ trải da bọc lấy các người. Ta sẽ đặt thân khí vào trong các người và các người sẽ được sống. Bấy giờ, các người sẽ nhận biết chính Ta là Đức Chúa." ⁷ Tôi đã tuyên sấm như tôi được lệnh. Vậy có tiếng động khi tôi đang tuyên sấm; có sự rung chuyển và các xương xích lại gân, ăn khớp với nhau. ⁸ Tôi nhìn thì thấy trên chúng đã có gân; thịt đã mọc lên và da đã trải ra ở bên trên, nhưng thân khí chưa có ở nơi chúng. ⁹ Người lại bảo tôi: "Người hãy tuyên sấm gọi thân khí; tuyên sấm đi, hỡi con người! Người hãy nói với thân khí: Đức Chúa là Chúa Thượng phán thế này: Từ bốn phương trời, hỡi thân khí, hãy đến thổi vào những người đã chết này cho chúng được hồi sinh." ¹⁰ Tôi tuyên sấm như Người đã truyền cho tôi. Thân khí liền nhập vào những người đã chết; chúng được hồi sinh và đứng thẳng lên: Đó là cả một đạo quân lớn, đông vô kể. ¹¹ Bấy giờ, Người phán với tôi: Hỡi con người, các xương đó chính là toàn thể nhà Ít-ra-en. Nay chúng vẫn nói: "Xương cốt chúng tôi đã khô, hy vọng của chúng tôi đã tiêu tan, chúng tôi đã rời đời!" ¹² Chính vì thế, người hãy tuyên sấm, hãy nói với chúng: Đức Chúa là Chúa Thượng phán như sau: Hỡi dân Ta, này chính Ta mở huyết cho các người, Ta sẽ

đưa các người lên khỏi huyết và đem các người về đất Ít-ra-en.¹³ Các người sẽ nhận biết chính Ta là Đức Chúa, khi Ta mở huyết cho các người và đưa các người lên khỏi huyết, hồi dân Ta.¹⁴ Ta sẽ đặt thân khí của Ta vào trong các người và các người sẽ được hồi sinh. Ta sẽ cho các người định cư trên đất của các người. Bây giờ, các người sẽ nhận biết chính Ta là Đức Chúa, Ta đã phán là Ta làm. Đó là sấm ngôn của Đức Chúa” (theo bản dịch của Nhóm Phiên Dịch Giờ Kinh)

Dấu Thánh của Lòng Thương Xót Chúa

Nếu xưa kia Chúa đã vì Moisen tha chết cho dân Do Thái đang bỏ Chúa mà tôn thờ bò vàng như vị cứu tinh của họ khỏi Ai Cập (xem Ex.32:7-14), hay vì hoàng hậu Esther mà cứu dân Do Thái khỏi bị lệnh vua Ahasuerus tru diệt theo âm mưu của viên quan cần thần Haman (xem Est C:12,14-18,23,29-30), thì nay Ngài vẫn có thể sử dụng các vị thánh như các dấu thánh hay dấu chứng của Lòng Thương Xót Chúa, các dấu tích khổ nạn và tử giá vẫn còn trên thân xác phục sinh của Chúa, để cứu độ nhân trần.

Điển hình nhất là Thánh Nữ Faustina (1905-1938), vị sứ giả của Lòng Thương Xót Chúa, vị đã thường xuyên được giao tiếp với các linh hồn qua đời hay hấp hối để cầu cho phần rỗi của họ, cũng là vị vì thế đã trải qua nhiều đau khổ cả bên trong (tâm tối) lẫn bên ngoài (bệnh tật) và trong giao tế (bị hiểu lầm và đối xử tệ bạc). Sau đây là một số sự kiện điển hình được chị thuật lại trong cuốn

Nhật Ký "Lòng Thương Xót Chúa trong Hồn Con" của chị.

“Vào cuối năm đầu tập sinh của con, tối tầm phủ kín tâm hồn con. Con chẳng còn cảm thấy an ủi gì nơi việc cầu nguyện nữa; con đã phải cố gắng lắm để thực hiện việc suy ngắm; con sợ hãi bắt đầu xâm chiếm con. Vào sâu con người mình con chẳng thấy gì khác ngoài tình trạng hết sức tối bại. Con vẫn còn có thể thấy được rõ ràng sự thánh thiện cao cả của Thiên Chúa. Con không dám ngược mắt lên nhìn Ngài, ngoài việc biến mình thành cát bụi dưới chân Ngài và van xin Ngài xót thương. Linh hồn con ở trong tình trạng như thế gần 6 tháng trời....

“Con không hiểu được những điều con đọc; con đã không thể nào suy ngắm nổi; con cảm thấy rằng lời cầu nguyện của con không làm Chúa hài lòng. Con cảm thấy rằng việc con lên Rước Lễ là những gì làm con thậm chí càng xúc phạm đến Chúa hơn...

“Con không hiểu được bất cứ điều gì vị giải tội nói với con. Những chân lý đơn giản của đức tin trở thành bất khả thấu triệt đối với con. Linh hồn con quằn quại, không thể tìm thấy ủi an dễ chịu ở bất cứ nơi nào... Có lúc con cảm thấy rất mãnh liệt là con đã bị Thiên Chúa loại trừ. Tư tưởng kinh hoàng này đã rạch nát hồn con; linh hồn con cảm thấy quằn quại của một cuộc tử nạn giữa con đau khổ ấy. Con muốn chết đi nhưng không được. Con đã nghĩ rằng cố gắng thực hành nhân đức nào có ích chi;

tại sao lại phải hãm mình phạt xác khi tất cả những điều này không làm hài lòng Thiên Chúa chứ?...

“Tu tưởng kính sợ bị Thiên Chúa loại trừ thực sự là những gì hành hạ thành phần bị hư đi. Con chạy đến cùng các Thương Tích của Chúa Giêsu và lập lại những lời than thở tin tưởng cậy trông, nhưng những lời ấy lại làm con càng cảm thấy nhức nhối hơn. Con đến trước Thánh Thể và bắt đầu nói chuyện với Chúa Giêsu... Con vẫn chẳng tìm được một chút nhẹ nhõm nào hết...” (Nhật Ký 23)

“Một hôm, vừa tỉnh giấc, con đặt mình ở trước nhan Chúa, đột nhiên con cảm thấy ngập đầy những tuyệt vọng. Linh hồn con hoàn toàn tăm tối. Con đã chiến đấu hết sức mình cho tới trưa. Chiều đến, con thực sự cảm thấy sợ hãi một cách khủng khiếp; rã rời cả xác thân. Con đi nhanh về phòng, quì phục xuống trước Tượng Chuộc Tội và bắt đầu than van xin được xót thương. Con cảm thấy xác thân hết hơi cùng sức. Con lăn đùng xuống đất, tâm hồn chói với tuyệt vọng. Con đã chịu đựng những cuộc dẫn vật kinh hoàng này chẳng khác gì cuộc dẫn vật trong hỏa ngục. Con trải qua tình trạng này hết 45 phút đồng hồ. Con muốn đi gặp Mẹ Giáo Tập nhưng lại quá đuối nhược. Con muốn la lên nhưng chẳng còn hơi. May thay có một tập sinh khác vào phòng con. Thấy con bị như thế liền nói với Mẹ Giám Tập. Mẹ đến ngay tức thì. Vừa khi bước vào phòng tôi, mẹ nói rằng: ‘nhân danh đức vâng lời con hãy đứng lên’. Lập tức có một lực gì đó

làm con nâng con dậy và con đứng thẳng lên... Con trở lại với các nhiệm vụ của con như thể con vừa mới ra khỏi ngôi mộ, các giác quan của con được thắm đẫm những gì linh hồn con cảm thấy. Vào giờ phụng vụ ban tối, linh hồn con lại cảm thấy quằn quại trong một con tối tăm khủng khiếp. Con cảm thấy rằng con ở trong quyền lực của một Vị Thiên Chúa Công Minh Chính Trực, và con là đối tượng cảm phần của Ngài” (Nhật Ký 24)

“Đêm hôm ấy, Mẹ Thiên Chúa đến thăm con, ẵm Hài Nhi Giêsu trong tay Mẹ. Linh hồn con tràn ngập niềm vui, nên con thưa với Mẹ rằng: ‘Mẹ Maria ơi, Mẹ có biết con khổ đau khốn khó kinh hoàng là chứng nào hay chẳng?’ Mẹ Thiên Chúa đã trả lời tôi rằng: ‘Mẹ biết con chịu khổ biết là chứng nào, nhưng đừng sợ con nhé. Mẹ chia sẻ với những nỗi khổ đau của con, và Mẹ sẽ luôn làm như thế’. Lập tức linh hồn con lại cảm thấy mạnh mẽ và đầy can đảm; thế nhưng chỉ kéo dài được có một ngày. Dường như hỏa ngục âm mưu tấn công con. Một nỗi thù ghét khủng khiếp bắt đầu bùng lên trong tâm hồn của con, một nỗi thù ghét đối với tất cả những gì là thánh hảo và thần linh. Đối với con con dẫn vật thiêng liêng này như số phận kéo dài suốt cả cuộc đời của con. ...” (Nhật Ký 25)

“Thời kỳ tập sinh chấm dứt. Nỗi khổ đau vẫn không giảm thiểu. Tình trạng suy yếu về thân xác đã chầm chước cho con khỏi tất cả mọi cuộc tĩnh tâm chung; tức là được thay thế bằng những kinh nguyện bùng lên ngắn

tất. Thứ Sáu Tuần Thánh (16/4/1928) – Chúa Giêsu vô lấy trái tim con cho vào chính ngọn lửa của tình yêu Người. Điều này xảy ra vào giờ chầu ban tối. Đột nhiên con được Sự Hiện Diện Thần Linh xâm chiếm làm con quên đi tất cả mọi sự. Chúa Giêsu đã làm cho con hiểu được Người đã phải chịu khổ đau là chừng nào vì con. Tình trạng này kéo dài một thời gian rất ngắn ngủi. Một ước vọng thiết tha – một ước vọng mến yêu Thiên Chúa” (Nhật Ký 26).

“Khấn tạm lần đầu (30/4/1928). Một ước vọng nồng nàn muốn hoàn toàn hủy mình đi cho Chúa bằng một tình yêu chủ động, thế nhưng lại là một tình yêu không thể nào nhận thấy được, cho dù là những chị em gần gũi với con nhất. Tuy nhiên, ngay cả sau khi khấn dòng, tình trạng tối tăm vẫn tiếp tục làm chủ linh hồn con đến gần nửa năm trời. Một lần kia, khi con đang cầu nguyện thì Chúa Giêsu xâm chiếm tất cả hồn con, tâm tối liền tan biến, và con đã nghe thấy trong con những lời này: ‘Con là niềm vui của Cha; con là nỗi hoan lạc của Trái Tim Cha’. Từ bấy giờ con cảm thấy Thiên Chúa Ba Ngôi Chí Thánh trong tâm hồn; tức là trong chính bản thân con. Con cảm thấy rằng con được tràn ngập ánh sáng Thần Linh. Từ đó, linh hồn con được thân mật hiệp thông với Thiên Chúa, như một con trẻ với Người Cha yêu dấu của mình” (Nhật Ký 27).

“Ngày 16/9/1937. Con rất muốn làm giờ Thánh trước Thánh Thể hôm nay. Nhưng Chúa lại không muốn như thế. Vào lúc 8 giờ con cảm thấy quẫn quai với những con

đau đón dữ dội đến độ con phải lên giường ngay tức khắc. Con bị giật kinh phong đón đau 3 tiếng đồng hồ; tức là cho đến 11 giờ đêm. Không có một thứ thuốc nào giúp được con hết, và con nuốt bất cứ gì vào con đều mửa ra. Có những lúc những đón đau khiến con không còn biết gì nữa. Chúa Giêsu cho con nhận thức được rằng nhờ thế con đã được tham dự vào cuộc khổ ải của Người trong vườn Cây Dầu, và chính Người đã cho phép những khổ đau này xảy ra để đền tạ Thiên Chúa về những con người bị sát hại trong bụng dạ của những người mẹ tội lỗi. Con đã trải qua những khổ đau này cho đến nay là lần thứ ba. Chúng bao giờ cũng bắt đầu xảy ra vào lúc 8 giờ tối và kéo dài cho tới 11 giờ đêm. Không có một thứ thuốc nào có thể làm giảm bớt những khổ đau ấy. Đến 11 giờ thì chúng tự nhiên hết, và bấy giờ con thiếp ngủ đi. Ngày hôm sau con cảm thấy rất yếu... Khi con nghĩ rằng con có thể chịu như thế nữa thì con cảm thấy rùng mình kinh sợ. Thế nhưng con không biết rằng con sẽ chịu như thế nữa hay chẳng; con để mặc điều ấy cho Chúa. Những gì Chúa muốn gửi tới con sẽ chấp nhận cách ngoan ngoãn và mến yêu. Miễn là con có thể cứu được dù chỉ một con người khỏi bị sát hại nhờ những khổ đau này!” (Nhật Ký 1276)

“Ngày 20/2/1938. Hôm nay Chúa nói với con rằng: ‘Cha cần đến những đau khổ của con để cứu các linh hồn’. Ôi Giêsu ơi, xin hãy thực hiện những gì Chúa muốn nơi con. Con không có can đảm để xin Chúa Giêsu cho được chịu nhiều đau khổ hơn nữa, vì đêm hôm trước con đã chịu khổ quá nhiều đến nỗi con không thể chịu thêm được một

giọt nữa những gì Chúa Chúa Giêsu đã trao cho con". (Nhật Ký 1612)

"Hầu như cả đêm con đã bị đốn đau dữ dội đến độ con cảm thấy tất cả ruột gan của con nát bấy. Con mửa ra thuốc uống vào. Khi con cúi đầu xuống đất con không còn biết gì nữa, và con cứ ở tư thế đó một hồi, đầu nằm trên đất. Khi tỉnh lại, con thấy toàn thân con đè lên đầu và lên mặt con, và mặt mũi đầy những gì đã mửa ra. Con đã nghĩ đến giờ phút cuối đời của con... Chúa Giêsu muốn khổ đau chứ không phải là cái chết. Ôi Giêsu ơi, hãy làm những gì Chúa muốn nơi con. Ôi các linh hồn, tôi thương mến các hồn biết bao!" (Nhật Ký 1613).

"Ngày 10/3/1938. Tiếp tục con khổ đau về phần xác. Con đang ở trên thập giá với Chúa Giêsu. Có lần Mẹ Bề Trên nói với con rằng "này sơ, sơ không tỏ ra bác ái với tha nhân, ở chỗ sơ ăn uống làm sao đó để bị đốn đau và làm phiền đến những người khác trong giờ nghỉ đêm của họ". Phải, con chắc một điều là những cơn đau này xảy ra trong ruột của con không hề do bởi đồ ăn thức uống gì hết. Bác sĩ cũng nói như thế. Những đau đốn này xuất phát từ chính cơ thể, đúng hơn là do Chúa viếng thăm. Tuy nhiên, sau lời nhận định ấy, con quyết chịu đựng âm thầm lặng lẽ, không xin giúp đỡ nữa, vì dù sao cũng chẳng được giúp đỡ gì hết, từ khi con nôn mửa thuốc men đưa cho con uống. Có một lần con đã cố gắng chịu đựng nổi các cuộc tấn công chỉ có Chúa Giêsu biết. Những đốn đau quá dữ dội và trầm trọng đến nỗi làm

cho con ngất đi. Khi chúng làm cho con là người đi, và con đâm đầu vào mồ hôi lạnh thì bấy giờ những cơn đau đốn ấy bắt đầu từ từ hạ xuống. Đôi khi chúng kéo dài tới 3 tiếng đồng hồ hay hơn". (Nhật Ký 1633)

"Ngày 1/4/1938. Một lần nữa hôm nay con cảm thấy tệ. Con bắt đầu lên cơn sốt là người, và con không thể nào ăn uống gì được. Con muốn có một chút gì bồi bổ để uống, nhưng chẳng có lấy một chút nước nào trong bình. Ôi Giêsu, tất cả những điều này là để xin cho các linh hồn được xót thương... Trong thời gian này, mặc dù con có tỏ những nhu cầu của con ra, con vẫn không bao giờ nhận được bất cứ cái gì bồi bổ để ăn cho dù con có ngỏ ý xin. Con không viết thêm chi tiết về những chồi từ này, vì đó là các vấn đề tế nhị, khó lòng mà tin nổi. Thế nhưng Thiên Chúa thậm chí lại muốn những hy sinh như thế". (Nhật Ký 1647)

"Con sắp xin Mẹ Bề Trên một cái gì đó để ở trong phòng của con hầu giúp con giảm cơn khát ran cổ của con, nhưng trước khi con mở miệng xin thì chính Mẹ đã lên tiếng nói rằng, 'Này sơ, bằng cách này hay cách khác, chúng ta hãy chấm dứt cơn bệnh này dứt khoát cho xong đi. Sơ sẽ không cần phải trải qua việc chữa trị thường xuyên gì nữa. Vấn đề không thể cứ như thế này lâu hơn nữa". (Nhật Ký 1648)

Thiên Chúa Xót Thương tâm sự với Linh Hồn Đau Khổ
(Nhật Ký 1486)

(Biệt chú của người viết/dịch: Qua tâm sự giữa Chúa Giêsu và tâm hồn đau khổ, được Chúa Giêsu bày tỏ cho chị Thánh Faustina vào thời khoảng 8-15/1/1938, và đã được chị viết lại như dưới đây, chúng ta thấy hình như phản ảnh hầu như tất cả tâm trạng và hoàn cảnh khổ đau của chính chị Faustina).

Chúa Giêsu: Linh hồn đáng thương ơi, Cha thấy con đau khổ nhiều lắm, đến nỗi không còn đủ sức để mà tâm sự với Cha. Bởi vậy, con hãy để Cha nói với con. Cho dù các đau khổ của con có thật là to lớn đi nữa, con cũng đừng nản lòng hay đành chịu thất vọng. Thế nhưng, con nhỏ ơi, con hãy nói cho Cha biết ai đã dám làm tổn thương đến trái tim con? Con hãy nói cho Cha biết mọi sự, hãy chân tình tiếp xúc với Cha, bộc lộ tất cả những vết thương của lòng con cho Cha hay. Cha sẽ chữa lành chúng, và khổ đau của con sẽ trở thành nguồn ơn thánh hoá.

Linh hồn: Lạy Chúa, các đau khổ của con thật lớn và nhiều, kéo dài đã quá lâu, đến nỗi, con hết chịu nổi rồi.

Chúa Giêsu: Con nhỏ của Cha ơi, con đừng có nhụt chí. Cha biết con tin vào Cha vô hạn; Cha biết con ý thức được lòng nhân lành và thương xót của Cha. Cha con mình hãy nói chuyện với nhau rõ ràng hơn về đủ mọi thứ chuyện đã thật sự làm cho con phải nặng lòng.

Linh hồn: Có rất nhiều điều khác nhau con không biết phải nói điều nào trước điều nào sau, và phải diễn tả những điều con muốn nói ra như thế nào cả.

Chúa Giêsu: Con hãy cứ đơn thành mà nói với Cha, như bạn bè nói chuyện với nhau. Vậy, hỡi con, con hãy cho Cha biết cái gì đã làm cản trở con tiến tới trên con đường thánh thiện vậy?

Linh hồn: Sức khỏe yếu kém đã kéo ghì con lại trên con đường nên thánh. Con không thể hoàn tất các phận sự của con. Con thừa thãi như chiếc xe một bánh chở đồ dư. Con không thể ăn chay hay hãm mình đền tội một chút nào cả, như các thánh đã làm. Hơn thế nữa, không ai chịu tin là con bị yếu đau, phần xác đã khổ sở con lại thêm khổ tâm nữa, và con thường bị khinh miệt. Lạy Chúa Giêsu, trong những hoàn cảnh như vậy có ai mà nên thánh được không?

Chúa Giêsu: Đúng đấy con nhỏ của Cha à, tất cả những sự ấy đều là những khổ đau. Thế nhưng, đâu còn con đường nào khác để lên trời, ngoại trừ con đường thập giá. Cha là người đầu tiên đã đi con đường này. Con phải biết, đó là con đường ngắn ngủi nhất và chắc chắn nhất.

Linh hồn: Lạy Chúa, con còn có một ngăn trở khác nữa trên con đường nên thánh. Đó là, bởi vì con trung thành với Chúa mà con phải chịu bắt bớ và chịu nhiều cay cực.

Chúa Giêsu: Chính vì con không thuộc về thế gian này mà thế gian thù ghét con. Thế gian trước hết đã thù ghét Cha. Bất bố là dấu chứng tỏ con đang trung thành theo gót chân của Cha.

Linh hồn: Lạy Chúa, con cũng cảm thấy nản vì cả các bề trên cũng như vị giải tội của con không hiểu được những thử thách nội tâm của con. Tối tăm như mây mù bao phủ tâm trí con. Con tiến làm sao được đây? Tất cả những sự này làm cho con nhụt cả chí cố gắng để nên thánh hơn.

Chúa Giêsu: Chà, lần này con nói cho Cha biết đến một vấn đề rắc rối rồi đây con à. Cha đã cảm nhận được nỗi đớn đau là chừng nào khi không được thông cảm, nhất là bởi những người mà mình yêu quý và hết sức cởi mở. Thế nhưng, con chỉ cần biết điều này là đủ, đó là, Cha hiểu được tất cả những rắc rối và khổ tâm của con. Cha hài lòng về đức tin sâu xa mà con, bất chấp mọi sự, đã đặt nơi các vị đại diện của Cha. Kinh nghiệm từ điều này cho thấy là, không ai hiểu hết được linh hồn, điều đó ở ngoài khả năng loài người. Bởi thế, Cha mới lưu lại trên thế gian để an ủi cõi lòng xót xa của con, và để tăng sức cho linh hồn con, nhờ đó, con mới không ngã gục trên đường đời. Con nói rằng tâm trí con bị che mù bởi một bóng tối dày đặc. Ấy thế, vào những lúc như vậy, tại sao con lại không đến với Cha là ánh sáng, một ánh sáng trong chốc lát có thể tuôn đổ vào linh hồn con kiến thức về sự thánh thiện, còn hay hơn cả sách vở nữa? Không có một vị giải tội nào

có thể chỉ dẫn và soi sáng cho linh hồn được như thế. Con cũng nên biết rằng, thứ tối tăm mà con vừa mới than phiền đó, Cha đã chịu trước con ở Vườn Cây Dầu, khi linh hồn của Cha bị đọa đầy trong một cơn phiền não chết đi được. Cha đang cho con thông phần vào những khổ đau đó, bởi vì, tình Cha yêu con cách riêng, và bởi vì, Cha muốn nhắm đến mức độ thánh thiện cao mà Cha dự định cho con ở trên trời. Một linh hồn đau khổ gắn gũi với linh hồn Cha nhất.

Linh hồn: Còn một điều nữa, lạy Chúa. Con phải làm gì khi con bị người ta lãng quên và ruồng bỏ, nhất là lại bị như thế bởi những vị mà con có quyền tin tưởng trong những lúc hết sức cần thiết như thế này đây?

Chúa Giêsu: Con nhỏ của Cha ơi, con hãy dứt khoát đừng bao giờ cậy dựa vào người đời. Con hãy phó thác bản thân mình cho ý muốn của Cha mà thưa rằng "Không phải là ý con muốn, song là theo ý Cha muốn, Ôi Thiên Chúa, xin hãy thực hiện ý muốn của Chúa nơi con". Những lời này, được thốt lên từ tận đáy lòng mình, có thể nâng một linh hồn lên tới đỉnh thánh thiện trong một thời gian ngắn. Cha thích thú ở nơi một linh hồn như vậy. Một linh hồn như thế làm Cha được vinh danh. Một linh hồn như thế tỏa hương thơm nhân đức thiên đàng. Nhưng con hãy hiểu rằng, sức mạnh mà con có được để chịu đựng các khổ đau là nhờ việc con thường xuyên Hiệp Lễ. Bởi thế, hãy năng tiến đến với mạch nguồn tình thương này,

để dùng lòng tin như đồ chứa đựng mà đến kín mức lấy mọi sự con cần dùng.

Linh hồn: Chúa ơi, con cảm ơn Chúa vì lòng nhân lành của Chúa vẫn ở với chúng con trong nơi lưu đầy này như Thiên Chúa của tình thương, và chúc lành cho chúng con bằng ánh quang của lòng từ ái Chúa cảm thương. Chính nhờ ánh sáng của tình Chúa thương mà con hiểu được Chúa yêu con là chừng nào.

Thứ Sáu Tuần Thánh 22/4/2011

Bài cho cuộc Tĩnh Tâm Hãy Đến Với Cha" (24-26/6/20110)



SỨ ĐIỆP LÒNG THƯƠNG XÓT CHÚA

Để có thể thấu triệt được ý nghĩa sâu xa và tính cách vừa hợp thời vừa khẩn trương của Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa, trước hết, chúng ta cần phải thấy được bối cảnh lịch sử về thời điểm của sứ điệp này, sau nữa, chúng ta cần phải hiểu được nền tảng thần linh và mối liên hệ mật thiết về nội dung của sứ điệp ấy, và sau hết chúng ta cần phải làm sao để có thể tỏ ra tích cực hưởng ứng và chủ động đáp ứng trước một sứ điệp như dấu chỉ thời đại này, chẳng những trong đời sống của chúng ta mà còn ngay trong chính hoạt động tông đồ của chúng ta nữa.

I- Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa: bối cảnh lịch sử về thời điểm

Vấn đề bối cảnh lịch sử về thời điểm của Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa liên quan tới vấn nạn Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa được ban bố vào thời điểm nào? Tại sao không vào thời điểm lịch sử trước đó hay sau đó mà phải vào chính thời điểm lịch sử đó?

Trước hết, về vấn nạn Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa được ban bố vào thời điểm nào? - Xin thưa, vào giữa 2 Thế Chiến I (1914-1918) và II (1939-1945). Thật vậy, vị sứ giả của Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa là Chị Thánh Faustina người Balan, một con người sống trên trần gian này đúng 33 năm, từ ngày 25/8/1905 cho tới ngày 5/10/1938, và là một nữ tu Dòng Chị Em Đức Mẹ Tình Thương từ năm 20 tuổi, sau khi cảm nghiệm được Lòng Thương Xót Chúa lần đầu tiên cách đó ít lâu. Chị viết cuốn Hồi Ký về Lòng Thương Xót Chúa trong Hồn Con liên tục trong vòng 4 năm, từ tháng 7 năm 1934 tới tháng 6 năm 1938.

Sau nữa, về vấn nạn tại sao Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa không được ban bố vào thời điểm lịch sử trước đó hay sau đó mà phải vào chính thời điểm lịch sử đó? - Xin thưa, có thể vì gần đến ngày cùng tháng tận của thế gian này, nếu căn cứ vào chính những lời của Chúa Giêsu nói với chị Thánh Faustina là "*từ Balan sẽ phát ra một tia sáng để sửa soạn thế giới cho lần đến cuối cùng của Cha*" (Nhật Ký 1732). Ngoài ra, Người còn dứt khoát khẳng định với chị như thế này:

- *"Con hãy viết xuống như sau: trước khi Cha đến như một quan án công minh, trước hết Cha mở rộng cửa tình thương của Cha. Ai không chịu qua cửa tình thương của Cha thì phải qua cửa công lý của Cha..."*
(Nhật Ký, 1146)

Đến đây, qua ít là 2 câu nói này của Chúa Giêsu với Chị Thánh Faustina, sứ giả của Người, chúng ta thấy hiện lên 2 vấn đề: 1- vấn đề liên quan tới ngày cùng tháng tận, 2- vấn đề liên quan tới phần rỗi nhân loại.

1) Ngày cùng tháng tận

Vấn đề ngày cùng tháng tận thường được gọi là tận thế là một sự thật chứ không phải chỉ là chuyện hoang đường và giả tưởng. Chân lý này chẳng những bắt nguồn từ mạc khải thần linh được ghi nhận trong Thánh Kinh Kitô giáo, ở cả Phúc Âm, như nơi Thánh Mathêu đoạn 24 (1-36), hay trong các Thánh Thư, như Thư 1 của Thánh Phaolô gửi Thessalonica đoạn 2 (1-12) và Thư 1 của Thánh Phêrô đoạn 3 (1-13), hoặc ở Sách Khải Huyền đoạn 20 (1-15), mà còn rất hợp với lý lẽ tự nhiên của một trí khôn có lương tâm lành mạnh. Bởi vì, đã là loài hữu hình và hữu hạn, bất cứ là tinh tú hay nhật nguyệt trên không trung, cho dù theo khoa học đã có từ bao nhiêu là hằng tỷ năm hay hằng triệu năm trước đây trong cái vũ trụ bao la hầu như vô cùng bất tận này, thì cũng chắc chắn sẽ có và phải đi đến ngày tàn tháng tận của chúng, bằng không, loài hữu

hình này có bản tính vô cùng chẳng khác gì thần linh bất diệt như Thiên Chúa là Đấng tự hữu và hằng hữu.

Ngày cùng tháng tận: Bao giờ? Thế nào?

Tuy nhiên, trước một sự thật chỉ có thành phần duy vật mới phủ nhận này, sự thật về ngày cùng tháng tận của cả thời gian lẫn không gian này, không một ai biết đích xác được bao giờ sẽ xảy ra, thậm chí như Chúa Kitô đã khẳng định là không một ai biết được "kể cả các thần trời và Con, ngoài trừ một mình Cha" (Mt 24:36). Thế nhưng, dầu sao, khi được các tông đồ thắc mắc hỏi thêm cho rõ ràng hơn rằng "*Xin Thầy nói cho chúng con biết là bao giờ thì các điều ấy sẽ xảy ra, và đâu là những điềm báo về cuộc quang lâm của Thầy và thời điểm tận thế?*" (Mt 24:3), Chúa Kitô, trong cùng đoạn Phúc Âm 24 của Thánh Ký Mathêu (*theo bản dịch của Cha Nguyễn Thế Thuấn, CSsR*), cũng đã cho biết một số những dấu chỉ thời đại chính yếu bất thường thứ tự được chia ra làm 3 giai đoạn rõ ràng (*như người viết tự ý nhấn mạnh bằng những chữ in nghiêng và đậm*) như sau:

- ¹ Đức Yêsu ra khỏi Đền Thờ mà đi, thì các môn đồ tiến lại chỉ cho Ngài xem những kiến trúc của Đền Thờ. ² Đáp lại, Ngài nói với họ: "Mọi sự ấy, các người thấy chứ? Quả thật Ta bảo các người: Ở đó, sẽ không để đá còn trên đá, bất cứ gì cũng sẽ bị phá tan tành!"

³ Ngài ngồi trên núi Cây Dầu, thì môn đồ đến gặp riêng Ngài mà rằng: "Xin nói cho chúng tôi biết: bao

giờ các điều ấy sẽ xảy ra, và sự gì sẽ là điềm báo cuộc Quang lâm của Ngài và buổi tận thế?"

⁴ Đáp lại, Đức Yêsu nói với họ: "Các ngươi hãy coi chừng đừng để ai lừa gạt các ngươi. ⁵ Vì sẽ có nhiều kẻ đội danh Ta mà đến nói rằng: Đức Kitô, chính là Ta! Và họ sẽ lừa gạt được nhiều người. ⁶ Các ngươi sẽ nghe có giặc giã và tin đồn giặc giã. Coi chừng! Chớ khiếp sợ! Vì là sự phải xảy đến, nhưng chưa phải là cùng tận. ⁷ Vì dân này sẽ dấy lên chống dân kia, nước này chống nước nọ. Và đó đây sẽ có đói kém và động đất. ⁸ Mọi sự ấy là khởi điểm của đau cơn chuyển cũ".

⁹ "Bấy giờ, người ta sẽ nộp các ngươi cho khôn quẫn, và giết các ngươi; và các ngươi sẽ bị mọi dân tộc ghét vì Danh Ta. ¹⁰ Và bấy giờ, nhiều người sẽ vấp ngã; họ nộp nhau, thù ghét nhau. ¹¹ Sẽ có nhiều tiên tri giả chỗi dậy và lừa gạt được nhiều người. ¹² Mà vì tội ác ứa đầy, thì lòng yêu mến nơi nhiều người nguội mất. ¹³ Nhưng kẻ nào kiên nhẫn đến cùng, kẻ ấy sẽ được cứu!"

¹⁴ Và Tin Mừng này về Nước sẽ được loan báo khắp thiên hạ, để làm chứng trước mọi dân tộc. Và *bấy giờ cùng tận sẽ đến.*"

¹⁵ Vậy khi các ngươi thấy ghê tởm hoang tàn, tiên tri Daniel đã nói, đóng trong nơi thánh - ai đọc thì lo mà hiểu, - ¹⁶ bấy giờ ai ở Yudê, hãy trốn lên núi; ¹⁷ và ai ở

trên sân gác thì đừng xuống nhà lấy đồ vật; ¹⁸ và ai ở ngoài đồng đừng quay lại đằng sau mà lấy áo choàng của mình. ¹⁹ Khốn cho những người mang thay hay bú mớm con dại trong những ngày ấy! ²⁰ Các ngươi hãy cầu xin để đừng phải chạy trốn nhằm mùa đông hay ngày Huru lễ. ²¹ Vì bấy giờ sẽ có khốn quẫn lớn như chưa từng xảy ra từ khởi nguyên vũ trụ cho đến bây giờ. Và cũng sẽ không hề xảy ra nữa. ²² Và nếu những ngày ấy không được rút ngắn lại, thì đừng có hòng một ai thoát khỏi, nhưng vì kẻ được chọn, các ngày ấy sẽ được rút ngắn.

²³ "Bấy giờ, nếu có ai bảo ngươi: "Này Đức Kitô ở đây", hãy: "Ồ đó", các ngươi đừng tin. ²⁴ Vì sẽ có những Kitô giả, và tiên tri giả chỗi dậy và chúng ban những dấu thiêng lớn lao, và những điềm lạ, đến đôi, nếu có thể, thì lừa gạt được cả những kẻ đã được chọn. ²⁵ Này Ta đã dặn trước các ngươi đó!

²⁶ "Vậy nếu người ta bảo các ngươi: "Này Ngài ở trong sa mạc!" các ngươi chớ ra đi; "Này Ngài ở trong nơi bí mật", các ngươi đừng tin. ²⁷ Vì cũng như chớp lửa bên Đông rạng bên Đoài, thì cuộc Quang Lâm của Con Người cũng sẽ thế. ²⁸ Thân chết ở đâu, diều hâu tụ đó!

²⁹ "*Lập tức sau cơn khốn quẫn những ngày ấy*: Mặt trời tối sầm, mặt trăng mất sáng, tinh tú tụ trời sa xuống, và các quyền năng từng trời bị lay chuyển.

³⁰ *Và bảy giờ đầu của Con Người tỏ hiện trên trời, và bảy giờ mọi giống nòi trên đất sẽ đấm ngực. Và người ta sẽ thấy Con Người đến trên mây trời với quyền năng và vinh quang cao cả.* ³¹ *Và Ngài sẽ sai các thiên thần của Ngài cầm loa lớn, mà kêu gọi những kẻ được chọn của Ngài từ bốn phương, từ mút cùng phương trời này đến phương trời khác!*

³² *"Nghiệm xem cây vả, các người hãy hội lấy làm ví dụ. Khi cành nó uốn mềm, và lá trở sinh, các người biết là về mùa hè gần bên.* ³³ *Cũng vậy, khi các người thấy mọi điều ấy, các người cũng hãy biết là: Ngài đã gần bên cửa!* ³⁴ *Quả thật Ta bảo các người, thế hệ này sẽ không qua trước khi mọi điều đã xảy đến.* ³⁵ *Trời đất sẽ qua đi, nhưng lời Ta nói sẽ không bao giờ qua đi!* ³⁶ *Về Ngày ấy hay giờ ấy, thì chẳng ai biết được, cả thiên thần trên trời cả Con nữa, trừ phi là một mình Cha!*

Sau khi đọc lại trọn vẹn bài Phúc Âm hết sức quan trọng và cần thiết này, căn cứ vào diễn tiến lịch sử, phân tích kỹ, chúng ta có thể nghiệm thấy được những gì được mạc khải và tiên báo dường như đang được ứng nghiệm nơi thời điểm chúng ta đang sống hơn bao giờ hết, nhất là lại được chính Chúa Giêsu nhắc lại trong Nhật Ký của Chị Thánh Faustina, liên quan tới chi tiết cuối cùng của bài Phúc Âm.

- *"Trước khi Cha đến như một Vị Quan Án công minh, thì Cha đến như một Đức Vua của Tình Thương. Trước ngày công thẳng, dân chúng sẽ được thấy một dấu hiệu trên các tầng trời như thế này: Tất cả ánh sáng trên các tầng trời sẽ bị tắt hết, và bóng tối khủng khiếp sẽ bao trùm cả trái đất. Đoạn trên bầu trời sẽ xuất hiện hình bóng cây thánh giá, và từ những kẽ hở của các bàn tay chân bị đóng đinh của Chúa Cứu Thế sẽ phát ra những ánh sáng cả thể chiếu soi mặt đất trong một khoảng thời gian. Điều này sẽ xảy ra không lâu trước ngày cùng tận". (Nhật Ký, 83)*

Ngày cùng tháng tận: 3 giai đoạn

Trước hết (câu 4-8), mở đầu là hiện tượng kitô giả gạt được nhiều người, kèm theo đó là các thứ khốn khó hoạn nạn gây ra bởi nhân tai (như chiến tranh) cũng như thiên tai (như động đất), và bởi cả nhân tai lẫn thiên tai (đói khổ). Sau đó (câu 9-14), trước khi tiến đến cùng tận là hiện tượng bắt đạo, tiên tri giả lừa được nhiều người, sự dữ gia tăng khiến lòng người ra nguội lạnh, nhưng tin mừng lại được rao giảng khắp thế giới. Sau hết (câu 15-31), là hiện tượng ghê tởm hoang tàn diễn ra trong nơi thánh, cùng với tình trạng khốn quẫn chưa từng thấy từ tạo tiên lập địa, còn có cả các kitô giả cùng tiên tri giả xuất hiện với đủ thứ dấu lạ có thể lừa được cả thành phần được tuyển chọn, sau cùng là cuộc khủng hoảng trên không trung và việc xuất hiện của Con Người trên mây trời.

Căn cứ vào lịch sử, ba giai đoạn được Thánh Ký Mathêu thuật lại những gì Chúa Giêsu cho biết liên quan tới tận thế thì dường như đã bắt đầu hiện thực và xảy ra từ giữa thế kỷ 19 tới nay sang đầu thế kỷ 21 và có thể kéo dài tới giữa thế kỷ 21.

Giai đoạn mở đầu

Giai đoạn mở đầu xảy ra bao gồm 2 sự kiện sau đây:

- 1- hiện tượng kitô giả gạt được nhiều người,
- 2- kèm theo đó là các thứ khốn khó hoạn nạn gây ra bởi nhân tai (như chiến tranh) cũng như thiên tai (như động đất), và bởi cả nhân tai lẫn thiên tai (đói khổ).

Giai đoạn này, như lịch sử cho thấy xảy ra từ giữa thế kỷ 19 tới giữa thế kỷ 20, với sự xuất hiện của chủ nghĩa cộng sản đóng vai như là “kitô giả” được tin rằng có thể cứu con người đang quần quai bần cùng “đói khổ” khỏi chủ nghĩa tư bản thái quá xuất phát từ cuộc cách mạng kỹ nghệ và kinh tế, nhưng thế giới vẫn xảy ra hai cuộc “chiến tranh” đó là Thế Chiến I và II chưa từng có trong suốt giòng lịch sử của loài người, và nhân loại vẫn phải trải qua thiên tai liên quan đến “động đất” bắt đầu càng ngày càng nhiều hơn và dữ dội hơn.

Chưa hết, trong giai đoạn đầu tiên này, theo Thánh Ký Luca (21:11), còn có cả hoạn nạn dịch bệnh nữa, một dịch bệnh chưa từng có thật sự đã không xảy ra là gì nơi hội

chứng liệt kháng AIDS (Acquired immune deficiency syndrome or acquired immunodeficiency syndrome) là một hội chứng được đồng nghĩa với chết, (vì y khoa tân tiến vẫn không có hay chưa có thuốc ngừa và thuốc chữa, ngoại trừ chính con người phải tự chế dục tính lãng loạn của mình), và quả thực là biểu hiện đích thực cho tình trạng bất lực về phương diện luân lý của con người văn minh về vật chất, một hội chứng bắt đầu nhen nhúm ở Phi Châu từ thập niên 1930 và loài người bắt đầu bị lây nhiễm và tử vong từ thập niên 1950-1960, nhất là nơi thành phần đồng tính luyến ái, đồng tính ân ái, đặc biệt nơi nam giới.

Theo http://en.wikipedia.org/wiki/Lists_of_earthquakes thì cả thiên kỷ thứ nhất 1000 năm chỉ có 11 trận, thế kỷ 11 có 1, thế kỷ 12 có 4, thế kỷ 13 có 5, thế kỷ 14 có 4, thế kỷ 15 có 3, thế kỷ 16 có 5, thế kỷ 17 có 9, thế kỷ 18 có 21, thế kỷ 19 có 49 trận (tính đến hết năm 1900), nhưng thế kỷ 20 (từ năm 1901) lên tới 245 trận, tức gấp đúng 5 lần hơn thế kỷ 19, và nguyên thập niên đầu của thế kỷ 21 (từ 2001-2010) đã có tới 213 trận, và nếu mỗi thập niên trong thế kỷ 21 có 213 trận như thập niên đầu này thì 10 thập niên làm nên 100 năm như vậy trong thế kỷ 21 sẽ lên tới trên 2000 trận động đất, đó là chưa kể sự kiện tăng triển theo kiểu gia tốc, tức mỗi ngày một tăng nhiều hơn và sát hại nhiều hơn. Trận động đất thiệt hại nặng nhất về nhân mạng trong toàn lịch sử nhân loại xảy ra vào ngày 23/1/1556 ở Trung quốc với 8.2-8.3 độ, sát hại trên 830 ngàn mạng người, tức gần 1 triệu. Sau đây là liệt kê một số trận động

đạt tiêu biểu cao độ và sát hại từ 10 ngàn sinh mạng trở lên, đặc biệt từ cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 21:

16/12/1857 - ở Ý - 6.9 độ - sát hại 11 ngàn người
13/8/1868 - ở Chí Lợi - 9.0 - sát hại 25 ngàn
15/6/1896 - ở Nhật - 8.1 - sát hại 22 ngàn
4/4/1905 - ở Ấn Độ - 7.8 - 20 ngàn
17/8/1906 - ở Chí Lợi - 8.2 - 20 ngàn
28/12/1908 - ở Ý - 7.2 - 70 ngàn
13/1/1915 - ở Ý - 7.5 - 30 ngàn
16/12/1920 - ở Tàu - 8.6 - 235.502 ngàn
1/9/1923 - ở Nhật - 7.9 - 143 ngàn
22/5/1927 - ở Tàu - 7.6 - 40.900 ngàn
10/8/1931 - ở Tàu - 8.0 - 10 ngàn
15/1/1934 - ở Ấn Độ - 8.0 - 10 ngàn
25/1/1939 - ở Chí Lợi - 7.8 - 30 ngàn
26/12/1939 - ở Thổ Nhĩ Kỳ - 7.8 - 32.700 ngàn
31/5/1970 - ở Peru - 7.9 - 66 ngàn
4/2/1975 - ở Tàu - 7.0 - 10 ngàn
2/4/1976 - ở Guatemala - 7.5 - 23 ngàn
27/7/1976 - ở Tàu - 7.6 - 242.419
16/9/1978 - ở Iran - 7.7 - 15 ngàn
7/12/1988 - ở Armenia - 6.8 - 25 ngàn
21/6/1990 - ở Iran - 7.4 - 40 ngàn
17/8/1999 - ở Thổ Nhĩ Kỳ - 7.6 - 45 ngàn
26/1/2001 - ở Ấn Độ - 7.7 - 20.085 ngàn
26/12/2003 - ở Iran - 6.6 - 27 ngàn
26/12/2004 - ở Nam Dương - 9.1 - 230 ngàn
8/10/2005 - ở Pakistan - 7.6 - 80 ngàn

12/5/2008 - ở Tàu - 7.9 - 69.197
12/1/2010 - ở Haiti - 7.0 - 316 ngàn
11/3/2011 - ở Nhật - 9.0 - 10.035 ngàn

Giai đoạn sát cận

Sau giai đoạn mở đầu trên đây là giai đoạn trước giai đoạn cùng tận, có thể kể từ giữa thế kỷ 20, vào thập niên 1960 đến cuối thế kỷ 20, bao gồm 4 sự kiện sau đây:

- 1- hiện tượng bắt đạo,
- 2- tiên tri giả lừa được nhiều người,
- 3- sự dữ gia tăng khiến lòng người ra nguội lạnh,
- 4- nhưng tin mừng lại được rao giảng khắp thế giới.

Thật vậy, không xảy ra tình trạng bắt đạo là gì nơi các quốc gia thuộc thế giới cộng sản, nhất là các quốc gia thuộc khối Đông Âu là thế giới Kitô giáo. Thậm chí hiện tượng bắt đạo còn xảy ra ở cá thế giới tư bản văn minh Kitô giáo, một thế giới nhân danh nhân quyền và tự do cá nhân để không cho phép thể hiện các hình thức và biểu hiện tôn giáo ở nơi công cộng.

Hiện tượng tiên tri giả xuất hiện trong giai đoạn này có thể kể đến phong trào Thần Học Giải Phóng ở thế giới Nam Mỹ Châu nghèo khổ, nơi có những phần tử thuộc các giáo phái Tin Lành từ Bắc Mỹ xuống tung tiền ra cứu vớt họ để chiếm tín đồ. Hiện tượng tiên tri giả này còn có thể hiểu về hưởng thụ chủ nghĩa và cá nhân chủ nghĩa,

tôn thờ tự do và quyền làm người, những thứ quyền cho dù phản luân thường đạo lý và phi nhân bản cũng vẫn được công khai và chính thức hợp pháp hóa.

Các hình thức buông thả và băng hoại theo sự dữ này đã chẳng những cho thấy lòng người ra nguội lạnh mà còn là nguyên nhân gây nguội lạnh nơi nhiều người, đến độ, vợ chồng kỵ dị nhau, mẹ phá thai con, on gọi tu trì khan hiếm nhất là ở thế giới Tây phương Kitô giáo, thậm chí còn tu nhưng lại phá đạo, bằng những hành vi lạm dụng tình dục vị thành niên, khiến Giáo Hội địa phương bị phá sản về vật chất và mất uy tín nơi thành phần lãnh đạo Dân Chúa.

Thế nhưng, chính trong giai đoạn đầy những biến loạn nơi lòng người và trong xã hội cũng như Giáo Hội này, tin mừng về Nước Trời lại được rao giảng khắp nơi trên thế giới, nhất là qua các chuyến tông du của vị thủ lãnh tối cao của Giáo Hội Công Giáo, vị thừa kế Thánh Phêrô và là đại diện của Chúa Kitô trên trần gian.

Giai đoạn cùng tận

Sau hết là giai đoạn cùng tận, một giai đoạn có thể từ thập niên đầu thiên kỷ thứ ba cũng là đầu thế kỷ 21, tiếp tục xảy ra với 4 sự kiện sau đây:

- 1- hiện tượng ghê tởm hoang tàn diễn ra trong nơi thánh,
- 2- tình trạng khốn quẫn chưa từng thấy từ tạo tiên lập địa,

- 3- kitô giả và tiên tri giả xuất hiện với đủ thứ dấu lạ có thể lừa được cả thành phần tuyển chọn,
- 4- cuộc khủng hoảng trên không trung trước khi Con Người vinh hiển đến trên mây trời.

Hiện tượng ghê tởm hoang tàn diễn ra trong nơi thánh đây có thể hiểu trước hết là những gì xảy ra chính trong lương tâm con người, nơi Thiên Chúa ẩn ngự, nơi đã trở thành hang trộm cướp, trở thành ngai tòa cho Satan ngự trị, làm sào huyệt cho bọn tà thần hô tanh sự chết, và đồng thời cũng có thể hiểu là thiên chức linh mục, một thiên chức vô cùng cao cả, đã bị lạm dụng để làm trò hề cho thiên hạ, làm nhơ nhuốc toàn Nhiệm Thể của Chúa Kitô, qua những hành động lạm dụng tình dục trẻ em của một thiểu số linh mục, một hiện tượng bắt đầu bùng phát từ đầu năm 2002 ở Tổng Giáo Phận Boston Hoa Kỳ.

Nơi thánh bị hoang tàn đây ghê tởm đây còn có thể hiểu là sự sống của con người liên quan tới thân xác (đặc biệt của Kitô hữu) là đền thờ của Thiên Chúa đã bị họ mạo dụng và lạm dụng cho thỏa mãn đam mê nhục dục đê hèn của họ. Nơi thánh đây cũng được hiểu về phẩm giá cao quý của con người, một phẩm giá được dựng nên theo hình ảnh thần linh như Thiên Chúa nhưng đã bị chà đạp bởi nhau cũng như bị bôi bẩn và làm méo mó, làm nhục bởi chính chủ thể nơi những hành động phi nhân bản phản luân lý bất xứng với on gọi làm người của họ.

Ngoài ra, tình trạng khốn quẫn chưa từng thấy từ tạo thiên lập địa cũng được bắt đầu khi lịch sử mở màn cho thế kỷ 21 này, với những biến động khác thường và khủng khiếp hơn (cộng sản) nữa, ghê sợ hơn (tư bản tự do hưởng thụ) nữa, ở chỗ, cho dù cuộc chiến tranh lạnh đã kết thúc khi Đông Âu và Liên Xô giải thể cộng sản vào cuối thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, thế giới vẫn chẳng những không hòa bình mà còn càng ngày càng trở nên hỗn loạn và bạo loạn hơn bao giờ hết, với các cuộc khủng bố khắp nơi trên thế giới, nhất là cuộc khủng bố tấn công Hoa Kỳ ngày 11/9/2001.

Phong trào Hồi giáo bất ngờ đã trở thành như một lực lượng tôn giáo nhân danh Allah là Thiên Chúa của họ để canh tân thế giới, nhất là thế giới Tây phương Kitô giáo đang càng ngày càng đạt đến tốt đỉnh văn minh về vật chất và nhân quyền thì lại càng ngày càng băng hoại về luân lý và đạo nghĩa. Nếu sau này Hồi giáo trở thành cái roi được Chúa lợi dụng cho lợi ích thiêng liêng của con cái mình thì Kitô hữu không phải chỉ bị bắt đạo như dưới thời cộng sản mà còn bị cái đạo một cách tập thể nữa, một tình trạng chưa từng xảy ra trong lịch sử Giáo Hội như vậy.

Chưa hết, thành phần kitô giả và tiên tri giả ở giai đoạn thứ ba cũng là giai đoạn cuối cùng này còn là thành phần kinh khủng hơn cả giai đoạn 1 và 2, ở chỗ họ có thể làm được những sự kỳ diệu lạ lùng, tung ra những bùa phép thu hút lòng người đang chẳng những bị sa sút lòng mến

vì sự dữ gia tăng ở giai đoạn 2, mà còn cảm thấy chán chường với văn minh vật chất đầy trống rỗng. Đó là lý do chưa bao giờ lại xảy ra hiện tượng hiện ra khắp nơi đây đó, cùng với những thứ chữa lành dễ dàng như trò bàn tay v.v. một hiện tượng bùng lên và phát triển rất nhanh, lôi kéo được thậm chí khiến cho cả những tâm hồn được tuyển chọn bị lầm lẫn.

Hiện tượng cuối cùng của giai đoạn thứ ba cũng là giai đoạn cuối cùng của ngày cùng tháng tận này được cho biết là xảy ra trên không trung, liên quan tới mặt trời mặt trăng không còn chiếu sáng theo bản tính của mình nữa, các tinh tú rơi xuống và các quyền lực trên trời bị rung chuyển. Đây là hiện tượng kết thúc ba giai đoạn liên quan đến tận thế.

Trước hết hiện tượng khủng hoảng trên không trung này có thể hiểu về thể lý, liên quan tới tình trạng hâm nóng toàn cầu (global warming) gây ra bởi những hành động tàn phá môi sinh hay gây ô nhiễm môi sinh vô trách nhiệm của con người tìm kiếm lợi lộc riêng tư bất chấp công ích. Hậu quả đã hiển nhiên cho thấy là trong thập niên đầu của thiên kỷ thứ ba cũng là thập niên đầu của thế kỷ 21 này đã liên tục xảy ra bao nhiêu bão tố và lụt lội, tụt đất, động đất và biến động sóng thần.

Sau nữa, hiện tượng tinh tú rơi xuống, nhật nguyệt mất sáng và các quyền lực trên trời bị rung chuyển cũng có thể hiểu về và áp dụng vào lãnh vực thiêng liêng, đó là

cuộc khủng hoảng đức tin trong Giáo Hội là *"ánh sáng muôn dân – Lumen gentium"*, một cuộc khủng hoảng chung trong Giáo Hội chẳng những đối ngoại về vai trò làm gương soi chiếu mà còn cả trong nội bộ về cuộc sống đức tin bị chao đảo của thành phần lãnh đạo Dân Chúa, một cuộc khủng hoảng đã được đề cập đến trong cuốn Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo như sau:

- *"Trước khi Chúa Kitô đến lần thứ hai, Giáo Hội phải trải qua một cuộc thử thách sau cùng, một cuộc thử thách sẽ làm lay chuyển đức tin của nhiều tín hữu"*. (số 675)

Hiện tượng khủng hoảng đức tin trước khi Chúa Kitô đến xảy ra nơi Giáo Hội này phải chăng cũng đã được chính Chúa Giêsu ám chỉ trong dụ ngôn 10 cô phù dâu ngay sau đoạn về ngày tận thế. Ở chỗ, Người là chàng rể đến vào ngay nửa đêm, tức vào lúc tám tối nhất cũng là lúc mọi người đều thiếp ngủ, kể cả các cô phù dâu khôn ngoan tốt lành (xem Mt 25:1-13).

Vấn đề được đặt ra ở đây là cho dù giờ Chúa đến như kẻ trộm bất ngờ đột nhập (x Mt 24:43) nhưng Người đến như là một chàng rể thì tại sao lại sợ Người là Đấng đến mang lại sự sống và hạnh phúc cho mình? Phải chăng đó là lý do, như Chị Thánh Faustina đã ghi lại ở Nhật Ký số 1732, "từ Balan sẽ phát ra một tia sáng để sửa soạn thế giới cho lần đến cuối cùng của Cha", đó là vị giáo hoàng không phải người Ý sau 455 năm đã đăng quang ngày 22/10/1978 với lời kêu gọi: "Đừng sợ, hãy mở rộng cửa cho Chúa

Kitô". Trong Huấn Từ Truyền Tin Chúa Nhật VII Thường Niên 19/2/2006, vị giáo hoàng Đức quốc kế nhiệm vị giáo hoàng người Balan này cũng đã bày tỏ nhận định của mình về vị tiền nhiệm và chiều hướng của mình như vị tiền nhiệm như sau:

- *"Ước muốn căn bản nơi các vị tiền nhiệm của tôi, nhất là của Đức Gioan Phaolô II yêu dấu của chúng ta, đó là dẫn con người của thời đại chúng ta đến với Chúa Kitô là Đấng Cứu Chuộc, nhờ đó, qua việc chuyển cầu của Mẹ Maria Vô Nhiễm, Người có thể chữa lành cho họ. Tôi cũng muốn tiến theo con đường này nữa. Nhất là, bằng bức thông điệp đầu tiên 'Thiên Chúa là Tình Yêu', tôi muốn nói với tín hữu và toàn thế giới rằng Thiên Chúa là nguồn tình yêu chân thực. Chỉ có tình yêu Thiên Chúa mới có thể canh tân lòng người, và chỉ khi nào con tim của nhân loại bị bất toại được chữa lành thì họ mới có thể đứng lên bước đi mà thôi. Tình yêu của Thiên Chúa thực sự là một quyền lực canh tân thế giới vậy"*.

Riêng vị giáo hoàng thần học gia, vị lấy khẩu hiệu khi được tấn phong lên hàng giáo phẩm ngày 28/5/1977 là *"cộng sự viên của chân lý - cooperatores veritatis"* (x 3Jn 8) Biển Đức XVI này đã tiếp nối vị tiền nhiệm Gioan Phaolô II của mình là vị giáo hoàng mang *"Đấng Cứu Chuộc nhân trần - Redemptor Hominis"* (Thông Điệp đầu tiên và cốt lõi của Đức Gioan Phaolô II) đến cho một thế giới càng văn minh con người càng lo sợ tự diệt và càng bạo loạn. Thật vậy, vị giáo hoàng Đức quốc kế nhiệm này cố gắng

dẫn con người về với chính "Thiên Chúa là tình yêu - *Deus caritas est*" (Thông điệp đầu tiên của ngài ngày 25/12/2005), bằng "niềm hy vọng cứu độ - *Spe Salvi*" (Thông điệp thứ hai ngày 30/11/2007), cũng như bằng "đức ái trong chân lý - *Caritas in veritate*" (Thông điệp thứ ba ngày 29/6/2009). "Niềm hy vọng cứu độ" này chẳng những chính là lòng tin tưởng của con người nơi Vị "Thiên Chúa là tình yêu" mà còn là một "đức ái trong chân lý" đối với tha nhân.

Trường hợp điển hình nhất trong lịch sử thế giới nói chung và Kitô giáo nói riêng sống "niềm hy vọng cứu độ" nơi "Thiên Chúa là tình yêu" bằng "đức ái trong chân lý" này đó là trường hợp của Mẹ Chân Phước Têrêsa Calcutta, vị nữ sáng lập viên Dòng Thừa Sai Truyền Giáo, một con người cả nửa thế kỷ (sau khi được ơn soi động lập dòng một thời gian ngắn từ cuối thập niên 1940 cho tới khi qua đời 1997) sống trong tăm tối đức tin, "có thấy Chúa đâu" (Mt 25:37-39,44) nhưng vẫn trung thành với ơn gọi làm giãn cơn khát núi sọ của Chúa Kitô trong việc hăng say phục vụ thành phần nghèo nhất trong các người nghèo như là hiện thân của Chúa Kitô.

Tóm lại, căn cứ vào các hiện tượng như tiên tri giả và Kitô giáo, hiện tượng nơi thánh trở nên hoang tàn như bản và hiện tượng lòng người ra nguội lạnh đến độ "*không biết khi Con Người đến có còn thấy đức tin trên thế gian này nữa hay chăng*" (Lk 18:8), thì tận thế liên quan đặc biệt tới Kitô giáo, một Kitô giáo so với Dân Do Thái là Dân Ngoại, một

thành phần Dân Ngoại một khi đủ số (x Lk 21:24) theo sự quan phòng và ấn định của Thiên Chúa thì Người lại ghé mắt thương đến Dân Riêng của Người, một Dân Riêng bấy giờ sẽ nhận biết Người: "*Người sẽ xuất hiện lần thứ hai không phải để xóa bỏ tội lỗi nữa mà là để mang ơn cứu độ đến cho những ai thiết tha trông đợi Người*" (Do Thái 9:28).

- "*Hỡi anh em, tôi không muốn để anh em chẳng hề hay biết về mâu nhiệm này, kẻ anh em tỏ ra tự phụ; Dân Israel đã mù quáng cho đến khi tất cả con số Dân Ngoại thuộc về mâu nhiệm này, thì bấy giờ tất cả Israel cũng sẽ được cứu... Xét theo phúc âm thì những người Do Thái là thù nghịch của Thiên Chúa vì có anh em; nhưng chiếu theo việc lựa chọn thì họ đáng được Ngài yêu dấu nhờ những vị tổ phụ. Tặng ân của Thiên Chúa và việc Ngài kêu gọi là những gì bất khả vãn hồi. Như anh em một thời đã từng bất tuân phục Thiên Chúa mà nay đã được thương xót do bởi việc họ bất tuân phục thế nào thì họ cũng đã bất tuân, bởi Thiên Chúa muốn tỏ tình thương đối với anh em, để cả họ nữa cũng sẽ được thương xót. Thiên Chúa đã đôn tất cả mọi người vào tình trạng bất tuân, để nhờ đó Ngài tỏ lòng thương xót hết tất cả mọi người*". (Rôma 11:25-26,28-32)

Như thế, một khi Dân Do Thái chưa trở lại, chưa tỏ ra nhận biết Chúa Kitô là giáo tổ của Kitô giáo, thì thời điểm của Dân Ngoại vẫn còn, vẫn chưa nên trọn, như lịch sử cho thấy từ thập niên 1960 tới nay, (giai đoạn thứ hai của ngày cùng tháng tận), tức vẫn tiếp tục xảy ra hiện tượng lằng lộn bất tuân phục và bỏ đạo tập thể nơi Kitô giáo,

như đã được Vị Tông Đồ Dân Ngoại Phaolô cảnh báo cho Cộng Đoàn Thessalonica ở bức thư thứ hai (2Thes 2:1,3-4) của ngài như sau:

- *“Về vấn nạn quang lâm của Đức Yêsu Kitô Chúa chúng ta và việc chúng ta được ở với Ngài.., Trước đó, phải xảy ra hiện tượng chôi đạo tập thể (mass apostasy), và người ta phải thấy xuất hiện con người lằng loàn (the man of lawlessness), đưa hư hỏng và chống đối, kẻ tôn mình lên trên tất cả những gì được gọi là thần linh đáng sùng bái, thậm chí nó còn ngự trị cả ở trong Đền Thờ của Thiên Chúa và tự xưng mình là Thiên Chúa”.*

"Hiện tượng chôi đạo tập thể" đã không xảy ra hay sao khi mà (đặc biệt ở Âu Châu) chẳng những xảy ra sự kiện các tu viện trở nên trống không, các nhà thờ phải đóng cửa, mà còn bao gồm cả vấn đề thế giới văn minh Tây phương Kitô giáo đã ban hành các luật pháp cho phép ly dị (từ thập niên 1960) và phá thai (từ 1970) cùng đồng tính luyến ái (từ đầu thế kỷ 21), những thứ quyền làm người hoán toàn phản nghịch với giáo huấn bất di dịch và trọn hảo ngàn đời của Mạc Khải Thần Linh và của Phúc Âm Chúa Kitô.

Hình ảnh về "con người lằng loàn" đây không phải là một cá nhân mà là một ý hệ thì đúng hơn, một ý hệ duy nhân bản, tôn sùng con người, ở chỗ con người được quyền tự do muốn làm gì thì làm, những gì họ nghĩ là chân lý và những gì họ muốn là sự thật, chứ không phải luật tự

nhiên hay nguyên tắc luân lý phổ quát. Họ tuyệt đối hóa bản thân và tương đối hóa luân thường đạo lý của một lương tâm chân chính, của Thiên Chúa Đấng Hóa Công và Quan Phòng Thần Linh. Họ quyết định tất cả mọi sự theo thành quả thực dụng có lợi ngay trước mắt, (chẳng hạn như triệt sinh an tử, triệt sinh trợ tử, tạo sinh ống nghiệm, tạo sinh thai mướn v.v.), cho cá nhân họ, phái nhóm họ, bất chấp công ích, bất chấp mọi hậu quả khác gây ra cho những gì không phải của họ.

Việc tự quyết định đâu là lành và đâu là dữ chỉ thuộc quyền duy một Thiên Chúa tối cao này của "con người lằng loàn" là chủ nghĩa duy nhân bản này không phải hay sao là thái độ phản loạn của *"đưa hư hỏng và chống đối, kẻ tôn mình lên trên tất cả những gì được gọi là thần linh đáng sùng bái, thậm chí nó còn ngự trị trong Đền Thờ Thiên Chúa và tự xưng mình là Thiên Chúa"*?

Viễn ảnh về ngày cùng tháng tận này của Vị Tông Đồ Dân Ngoại liên quan đến tên lằng loàn hình như đã được nêu tron nơi cảm nhận của Đức Gioan Phaolô II được vị giáo hoàng thứ 264 này bày tỏ trong bài giảng Lễ Phong 4 tân Chân Phước ở Balan ngày 18/8/2002 ở đoạn 3 như sau:

- *“Chúng ta đã tiến vào ngàn năm mới với di sản vừa thiện vừa ác này. Những chân trời mới trong việc phát triển đang mở ra trước nhân loại, kèm theo đó có cả những cái nguy hiểm chưa từng có. Con người thường sống như thể Thiên Chúa không hiện hữu, thậm chí đặt mình vào vị thế của*

Thiên Chúa nữa. **Họ tự cho mình quyền hành của một Vị Tào Hóa** trong việc can thiệp vào mâu nhiệm sự sống con người. Họ muốn định đoạt sự sống con người bằng cách léo lái việc truyền giống cũng như muốn thiết định giới hạn sự chết. Khi **loại trừ lễ luật thần linh** và những nguyên tắc luân lý, họ công khai tấn công cơ cấu gia đình. Bằng những cách thức khác nhau, họ cố gắng làm cho Thiên Chúa phải im hơi lặng tiếng nơi tâm can của con người; **họ muốn làm cho Thiên Chúa 'hoàn toàn khuất bóng'** nơi văn hóa và lương tâm các dân tộc. 'Mâu nhiệm lâm lỗi' tiếp tục đánh dấu cái thực tại của thế giới này. Cảm nghiệm được mâu nhiệm ấy, con người mới sống trong nơm nớp lo sợ về tương lai, lo sợ về tình trạng trống rỗng, lo sợ phải khổ đau, lo sợ bị hủy diệt" (những chỗ in đậm do tự ý người viết để nhấn mạnh đến chi tiết hợp với lời Thánh Phaolô).

Đến đây vấn đề được đặt ra là phải chăng loài người đang tiến tới bờ vực thảm diệt vong hay thực sự đang lao đầu xuống đáy diệt vong không còn có thể cứu vãn được nữa, một cuộc tự diệt vong kéo theo vô số những con người vô phúc bất hạnh?

2) Phần rỗi nhân loại

Vấn đề số lượng người được cứu rỗi nhiều hay ít đã từng được đặt ra bởi một người nào đó đột nhiên hỏi Chúa khi Người đang đi rao giảng khắp nơi và nhắm về hướng Giêrusalem (x Lk 13:23). Chúa Giêsu không minh nhiên

trả lời cho người này biết về con số chính xác được cứu độ, hay ít là một cách tổng quát nhiều hay ít, mà chỉ nói đến vấn đề phương thức để được cứu độ như sau: "*Hãy cố mà vào qua cửa hẹp. Tôi nói cho anh hay nhiều kẻ sẽ cố gắng để vào nhưng bất khả...*" (Lk 13:24). Trong câu trả lời này của Chúa Giêsu, có hai yếu tố liên quan đến cứu độ: việc cứu độ và ơn cứu độ. Việc cứu độ: "*hãy cố mà vào qua cửa hẹp*" là yếu tố nhân loại; ơn cứu độ: "*nhiều kẻ sẽ cố gắng mà vào nhưng bất khả*" là yếu tố thần linh và là yếu tố cứu độ chính yếu. Đó là lý do, sau khi nói đến thân phận của dân Do Thái so với Dân Ngoại, cuối cùng Người đã kết luận: "*Có những người ở cuối sẽ lên trên đầu và những người ở đầu sẽ xuống dưới cuối*" (Lk 13:30). Câu trả lời của Chúa Giêsu còn hàm ý là phần rỗi là những gì rất khó khăn - "cửa hẹp" và khó đạt - "bất khả" theo khả năng tự nhiên của con người, mà là một tặng ân vô cùng quý báu cần phải xứng mới đáng lãnh nhận và hoan hưởng, bằng không phần rỗi cũng chẳng khác gì "viên ngọc" bị con heo chà đạp vấy thôi (xem Mt 7:6).

Như thế, câu trả lời của Chúa Kitô còn liên quan cả đến vấn đề tiền định nữa. Trước hết, tiền định ở đây không được hiểu theo tính cách tiêu cực, nghĩa là thứ tiền định hư đi, nghĩa là từ đời đời Thiên Chúa đã tiền định cho một số người (nhiều ít không biết) sẽ bị hư đi. Nếu tin rằng Thiên Chúa là Đấng vô cùng thiện hảo thì Ngài không thể nào lại có những ý định xấu xa và phản lại với bản tính của mình như vậy. Bởi thế, tiền định ở đây phải hiểu là: 1- "*Thiên Chúa muốn cho mọi người được cứu độ và*

nhận biết chân lý" (1Tim 2:4); 2- Thiên Chúa định liệu phương cách thích hợp với con người để họ có thể được cứu độ, đó là tỏ mình ra cho họ qua Lời Nhập Thể Vượt Qua: "*Chân lý đó là chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, và chỉ có một Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người là Con Người Giêsu Kitô, Đấng đã hiến thân làm giá chuộc cho tất cả mọi người*" (1Tim 2:5-6); 3- Thiên Chúa tạo cơ hội thuận lợi tùy trường hợp của từng người và từng thời đại để con người ai cũng có thể nhận biết chân lý của Ngài, nhận biết mạc khải thần linh của Ngài, tức nhận biết Ngài; 4- Thiên Chúa đồng thời cũng ấn định điều kiện tối thiểu và bất khả thiếu để con người có thể được cứu độ đó là tin tưởng vào Ngài và đáp ứng tác động thần linh của Ngài

Sở dĩ Chúa Giêsu kết luận như vậy là vì câu hỏi chính xác được đặt ra cho Người có vẻ rất ư là Do Thái giáo, rất ư là kiêu hãnh, ngấm ngấm cho rằng chỉ có dân Do Thái là dân được Thiên Chúa chọn mới được cứu độ, còn bao nhiêu là dân khác, dân ngoại, thành phần vô đạo tôn thờ đủ mọi thứ tà thần ngẫu tượng giả dối hoang đường đều sẽ bị hư đi. Nguyên văn câu hỏi cũng là câu trả lời của người ấy là: "*Phải chăng những kẻ được cứu rỗi thì ít ỏi?*" Tuy nhiên, căn cứ về cả nguyên tắc lẫn kinh nghiệm liên quan tới đạo giáo của người này, một Do Thái giáo với đầy những luật lệ hết sức nghiêm khắc khó giữ (x Acts 15:10 như kinh nghiệm cho thấy dân Do Thái luôn bất trung với Thiên Chúa duy nhất của mình suốt giòng Lịch Sử Cứu Độ của họ), lại còn kèm theo những trừng

phạt thật khủng khiếp (như dân Do Thái cũng đã phải cay đắng trải qua mỗi khi bất trung với Chúa, bỏ Chúa mà chạy theo tà thần của Dân Ngoại và như Dân Ngoại), thì câu vấn nạn cũng là câu trả lời thiên về tiêu cực này không phải hoàn toàn vô lý và chủ quan. Kitô giáo cũng vậy: Ai bảo là thành phần bị hư nhiều hay những kẻ bị hư đi ít? Nhất là ai dám bảo là đa số hay hầu hết được cứu độ và chỉ có một thiểu số rất ít bị hư đi mà thôi?? Đây là lý lẽ của từng chủ trương???

Thành phần hư đi: thật nhiều

Vì nếu con người đã bị vướng mắc nguyên tội, đã trở thành mù quáng nơi lý trí lẫn yếu nhược nơi ý chí, lại đây những đam mê nhục dục cùng tính mê nết xấu luôn hướng hạ và thiên về tội lỗi, thì chẳng một người nào tự mình có thể thắng được các mưu chước tinh quái và hiểm độc của ma quỷ là thành phần thần dữ luôn muốn làm cho con người bị hư đi như chúng.

Vì nếu "*ai tin và chịu phép rửa thì được rỗi, bằng ai không tin sẽ bị luận phạt*" (Mk 16:16), và căn cứ vào nguyên tắc cùng điều kiện cứu độ tối yếu này thì không được rỗi những ai không nhận biết Chúa mà trên thực tế thành phần không nhận biết Chúa bao giờ cũng nhiều hơn thành phần tin Chúa, nhất là ở Á Châu, nên thành phần hư đi phải nhiều hơn thành phần được rỗi.

Vì nếu "ai không ăn thịt và uống máu Con Người sẽ không có sự sống đời đời" (Jn 6:53), và căn cứ vào đường lối tu đức này thì không có phần rỗi cho anh chị em tin lành là thành phần chỉ công nhận một bí tích duy nhất là Phép Rửa, và chỉ coi Thánh Thể như là những gì tượng trưng không phải là một hiện diện đích thực.

Vì nếu "họ thờ kính Ta bằng môi bằng miệng còn lòng họ lại xa Ta" (Mt 15:8) thì không phải tất cả những "ai ăn thịt và uống máu Con Người": "chúng tôi đã từng ăn uống với Ngài" (Lk 13:26) mà được cứu độ hết cả, trái lại, họ vẫn có thể bị Chúa loại trừ: "Ta chẳng biết các ngươi từ đâu đến. Hãy xéo đi, đồ gian ác" (Lk 13:27).

Vì nếu trong cuộc chung thẩm con người bị phán xét về đức bác ái (x Mt 25:31-46), thì không phải tất cả những ai đã lãnh nhận Phép Rửa và hiệp thông Thánh Thể đều được cứu độ, cho dù họ có biện minh rằng chúng tôi đâu có thấy Chúa noi thành phần anh em hèn mọn cần giúp đỡ của họ (Mt 25:37-39,44).

Vì nếu "ai trung thành bên đồ đến cùng mới được cứu độ" (Mt 24:13) - "tin trong lòng thì được công chính còn tuyên xưng ra ngoài thì được cứu độ" (Rm 10:10), thì lại càng ít người được cứu độ, như thực tế hiện nay cho thấy thành phần tin Chúa đã bỏ Chúa nhiều hơn thành phần trung thành với Chúa, nhất là ở Âu Châu nói riêng và hay Tây Phương nói chung.

Thành phần hư đi: chẳng bao nhiêu

Vì Thiên Chúa toàn năng và vô cùng khôn ngoan thượng trí hơn ma quỷ làm sao Ngài lại có thể thua chúng một cách dễ dàng và vô cùng thảm bại được chứ? Đó là lý do chính Ngài đã tuyên bố với Abraham trong Cựu Ước rằng Ngài sẽ làm cho giòng dõi thiêng liêng của ông là cha của những kẻ tin trở thành "muôn vạn như sao trên trời và như cát dưới biển" (Gen 22:17), nhất là Ngài đã khẳng định qua miệng Con của Ngài rằng "Con Người đến để hiến mạng sống cho nhiều người" (nghĩa là cứu được nhiều người chứ không phải ít người, cho dù tự công cuộc tự hiến cứu đời của Người có giá trị vô cùng và có thể cứu được tất cả mọi người)" (Mt 20:28).

Vì phần rỗi loài người quý báu đến nỗi Ngài đã phải nhập thể vô cùng thấp hèn và tử giá vô cùng đốn đau tủi nhục chẳng nhẽ Ngài lại có thể để từng tâm hồn quý hơn cả vũ trụ này hư đi chứ, và chẳng lẽ Ngài vô cùng vất vả và khốn khổ như vậy vì phần rỗi loài người lại có thể để cho Satan trở thành "ngư ông đắc lợi" hay sao??

Vì tội càng tràn lan thì phúc càng ngập lụt (Rm 5:20) – tội lỗi của loài người dù muốn vùn tới đâu và dù tây trời đến mấy cũng không thể nào che lấp được hay vượt qua được tình yêu nhân hậu vô cùng bao la bất tận của Thiên Chúa vô cùng thiện hảo đây những xót thương: tội lỗi là vực thẳm của Lòng Thương Xót Chúa và tội nhân là môi ngon

của Lòng Thương Xót Chúa như Thánh Giá là chân dung của Lòng Thương Xót Chúa vậy.

Vì con người không thể tự cứu mình nên Chúa chỉ cần họ tin vào Lòng Thương Xót Chúa là đủ: tình thương là chân dung của Tình Yêu, là cốt lõi và là tuyệt đỉnh của Tình Yêu, đến độ Tình Yêu không có tình thương không phải là hay không còn là Tình Yêu, hay Tình Yêu như ánh sáng thiếu năng lượng ban sự sống hay như muối đã ra nhạt.

Thành phần được rồi: nhiều hơn ít

Thế nhưng, làm thế nào để con người có thể tin vào Lòng Thương Xót Chúa hầu được cứu độ, hay Thiên Chúa làm thế nào để có thể cứu độ con người vô cùng yếu đuối và tội lỗi, nhất là trong thời điểm dường như tận thế này, thời điểm *"vì sự dữ gia tăng khiến lòng người ra nguội lạnh"* (Mt 24:12), trong khi đó Satan được phép xô lỏng, qua sự xuất hiện của đủ mọi thành phần tiên tri giả và kitô giả đánh lừa thiên hạ, thậm chí lừa được cả thành phần được tuyển chọn (x Mt 24:24)?

Nếu Thiên Chúa làm được những gì con người bất khả (x Lk 1:37, Mt 19:36) thì chính tình trạng bất khả của con người là những gì Ngài rất cần đến bất khả thiếu để Ngài có thể tỏ mình ra cho họ và nhờ đó cứu họ, để rồi về phần con người, cũng chính vì tình trạng bất khả của mình trong việc đạt đến thực tại thần linh được họ hằng khao khát, hướng về và tìm kiếm, một khi cảm nhận được thân

phận hèn yếu làm người của họ, họ sẽ theo thành tâm thiện ý của mình dễ dàng tiến đến chỗ nhận biết có một Đấng Tối Cao, một Quyền Lực Cứu Độ .

Đối với thành phần cứng lòng, nhất là thành phần đã từng là Kitô hữu, nếu họ càng sống xa Cha trên trời càng phung phá phần gia tài được chia cho họ khi họ lãnh nhận Phép Rửa, thì những gì họ dù vô tình hay cố ý hoang phí ấy lại lọt vào tay *"những ai đã có càng cho thêm dôi dào"* (Mt 25:29), họ là thành phần *"cành nho sai trái sẽ được cắt tỉa cho càng sai trái hơn"* (Jn 15:2), và hoa trái dôi dào hơn đây của họ chính là phần rồi của những đứa con hoang đàng của Cha trên trời vậy.

Đó là lý do *"những ai Ngài đã biết trước thì Ngài làm cho họ được thông phần vào hình ảnh Con của Ngài để Người trở nên trưởng tử của một đàn em đông đúc"* (Rm 8:29), *"Đấng Ngài đã không dung tha một phò nộp vì chúng ta"* (Rm 8:32). Và đó cũng là lý do không vị thánh nào lại không đau khổ, không trở nên vật tế thần như Chúa Kitô, *"theo Con Chiên tới bất cứ nơi nào Con Chiên tới"* (Rev 14:4). Như thế, Thiên Chúa đã bắt cả hai tay, bắt được một lúc cả tội nhân lẫn chính nhân.

Có thể nói, nhờ tội nhân mới có chính nhân, và nhờ chính nhân mà tội nhân được cứu. Hay nói ngược lại, Thiên Chúa đã ban cho Con Ngài nhân loại tội lỗi để Ngài có thể tỏ hết tình yêu nhân hậu của Ngài ra qua Con cũng như qua Nhiệm Thể của Con Ngài là thành phần nên một với

Con đến độ họ trở thành chứng từ cho Lòng Thương Xót Cha như Con là hiện thân của Lòng Thương Xót Cha vậy.

2- Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa: nền tảng thần linh và mối liên hệ mật thiết về nội dung

Phải, Lòng Thương Xót Chúa thực sự là Sứ Điệp cuối cùng, như một cầu vồng hy vọng (x Gen 9:13) Trời Cao ban cho loài người, như Người đã minh nhiên và dứt khoát khẳng định với Chị Thánh Faustina như sau:

- *“Trước khi Cha đến như một Vị Quan Án công minh, thì Cha đến như một Đức Vua của Tình Thương”*. (Nhật Ký, 83)

“Hãy nói cho thế giới biết về tình thương của Cha; tất cả loài người hãy nhân biết tình thương khôn dò của Cha. Đó là dấu hiệu cho ngày cùng thánh tận; sau đó sẽ là ngày của công lý”. (Nhật Ký, 848)

“Con hãy làm tất cả mọi sự có thể cho công cuộc của tình thương Cha. Cha muốn tình thương của Cha được tôn thờ, và Cha đang ban cho nhân loại niềm hy vọng cứu độ cuối cùng; đó là hãy chạy đến với tình thương của Cha” (Nhật Ký, 998)

“Hôm nay Cha sai con đem tình thương của Cha đến với các dân tộc trên khắp thế giới. Cha không muốn trừng phạt một nhân loại đang bị nhức nhối, mà là muốn chữa lành cho nó, ghi lấy nó vào Trái Tim Nhân Hậu của Cha. Cha sử dụng việc trừng phạt khi nào họ buộc Cha phải làm như thế mà thôi; bàn tay của Cha lưỡng lự chân chờ nắm lấy thanh gươm công lý. Trước Ngày Công Lý Cha đang ban cho họ Ngày Tình Thương” (Nhật Ký, 1588)

Đúng thế, Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa đã xuất phát từ chính cung lòng của Cha trên trời, Đấng đã tự động hứa cứu độ nhân loại ngay sau khi sa ngã phạm tội (x Gen 3:15), và đã tỏ tình yêu vô cùng nhân hậu của mình ra đến tột độ nơi Lời Nhập Thể, Đấng đã trở nên đáng thương trên thập tự giá còn hơn cả thành phần tội nhân cần được Người cứu chuộc.

Thế nhưng Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa lại càng sáng tỏ hơn bao giờ hết vào thời điểm trước ngày cùng thánh tận, ngày công lý. Bởi vì, vào thời điểm này, con người trở nên đáng thương hơn bao giờ hết, ở chỗ, họ càng văn minh về vật chất lại càng băng hoại về luân thường đạo lý, lại càng sợ hãi chính mình, sợ chính những gì họ chế tạo ra về khoa học kỹ thuật lẫn nhân bản nhân quyền, và thậm chí sợ cả Đấng có thể cứu độ và giải phóng họ, vì họ không dám và không thể chấp nhận thách đố cứu độ của Người.

Tình trạng nhân loại càng văn minh càng đáng thương này đã được vị Tông Đồ Chúa Tình Thương là Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nhận thấy và phát biểu ngay trong tác phẩm *Vượt Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng* của ngài (xuất bản năm 1994), ở Chương mở đầu *“The Pope: A Scandal And A Mystery”* (trang 3-14) cũng như ở Chương áp cuối *“Be Not Afraid”* (trang 218-224), như sau:

- *“Đừng sợ mâu nhiệm của Thiên Chúa; đừng sợ tình yêu của Ngài; và đừng sợ nổi hèn yếu hay sự cao cả của con người! Con người không ngừng cao cả, thậm chí ngay cả nơi nổi yếu kém của họ. Đừng sợ trở thành những chứng nhân cho phẩm giá của hết mọi con người, từ giây phút đầu thai cho tới khi qua đời”.* (trang 12)

“Đừng sợ những gì chính mình chế tạo ra, đừng sợ tất cả những gì con người sản xuất được, và là những gì ngày ngày trở nên nguy hiểm cho họ! Tóm lại, đừng sợ bản thân mình!” (trang 219)

“Ở vào cuối thiên kỷ thứ hai đây, có lẽ chúng ta cần hơn bao giờ hết những lời của Chúa Kitô Phục Sinh: ‘Đừng sợ!’. Con người, thành phần mà ngay cả sau cuộc sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản, vẫn không thôi sợ hãi và thực sự có nhiều lý do để cảm thấy như vậy...” (trang 222)

“Con người hiện đại khó lòng mà trở về với đức tin được lắm, bởi vì họ sợ những đòi hỏi về luân lý như đức tin buộc họ phải thi hành”. (trang 222)

Lời kêu gọi *“đừng sợ”* này của Vị Giáo Hoàng Totus Tuus của Lòng Thương Xót Chúa Gioan Phaolô II chẳng khác gì và hoàn toàn đồng nghĩa với lời tâm niệm ở cuối Ảnh Lòng Thương Xót Chúa: *“Giêsu ơi, con tin nơi Chúa”*: *“đừng sợ”* = *“con tin nơi Chúa”*. Tại sao? Nếu không phải Người là *“Đấng Cứu Chuộc Nhân Trăn - Redemptor Hominis”* (nhân đề của bức thông điệp đầu tay của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II ban hành ngày 4/3/1979, Chúa Nhật I Mùa Chay). Đó là lý do, cũng trong cùng tác phẩm, ngài đã tiếp tục dẫn giải nguyên do của thái độ *“đừng sợ”* liên quan tới Chúa Giêsu như sau:

- *“Tại sao chúng ta đừng sợ? Vì con người đã được Thiên Chúa cứu chuộc. Khi nói lên những lời này ở Quảng Trường Thánh Phêrô, tôi đã biết được bức thông điệp đầu tiên của tôi và tất cả vai trò làm giáo hoàng của tôi sẽ gắn liền với sự thật Cứu Chuộc. Nơi Ôn Cứu Chuộc chúng ta thấy được nền tảng sâu xa nhất của những lời ‘Đừng sợ!’: ‘Vì Thiên Chúa đã yêu thương thế gian đến ban Con Một của Ngài’ (x Jn 3:16). Người Con này luôn hiện diện như Đấng Cứu Chuộc nơi lịch sử của loài người. Ôn Cứu Chuộc thâm nhập tất cả lịch sử của con người, ngay cả trước khi Đức Kitô sinh ra, và sửa soạn cho tương lai cánh chung của mình. Ôn Cứu Chuộc như là một thứ ánh sáng ‘chiếu trong tâm tôi nhưng tâm tôi không át được ánh sáng’ (x Jn 1:5). Quyền năng nơi Thập Giá và Phục Sinh của Chúa Kitô là những gì mãnh liệt hơn bất cứ sự dữ nào khiến con người có thể hay cần phải sợ hãi”.* (trang 219)

“Ở vào cuối thiên kỷ thứ hai đây, có lẽ chúng ta cần hơn bao giờ hết những lời của Chúa Kitô Phục Sinh: ‘Đừng sợ!’. Con người, thành phần mà ngay cả sau cuộc sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản, vẫn không thôi sợ hãi và thực sự có nhiều lý do để cảm thấy như vậy, cần phải nghe thấy những lời ấy. Các quốc gia cần nghe thấy những lời ấy, nhất là những quốc gia được tái sinh sau cuộc sụp đổ của đế quốc Cộng sản, cũng như những quốc gia chứng kiến thấy biến cố này từ bên ngoài. Các dân tộc và các quốc gia trên toàn thế giới cần nghe những lời ấy. Lương tâm của họ cần phải tin tưởng hơn nữa là Đấng hiện hữu, Vị nắm trong tay vận mệnh của thế giới đang qua đi này; Đấng giữ chìa khóa tử thần và âm phủ (x Rev 1:18); Đấng là Nguyên Thủy và là Cùng Đích của lịch sử loài người (x Rev 22:13) – một lịch sử chung cũng như riêng. Và Đấng ấy là Tình Yêu (x 1Jn 4:8,16) – một Tình Yêu làm người, một Tình Yêu tử giá và phục sinh, một Tình Yêu không thôi hiện diện nơi loài người. Đó là Tình Yêu Thánh Thể. Tình Yêu Thánh Thể này là nguồn mạch vô tận của hiệp thông. Chỉ có một mình Người mới có thể tuyệt đối bảo đảm bằng lời tuyên phán: ‘Đừng sợ!’ mà thôi” (trang 222)

“Khi nói ‘đừng sợ’ là Người, một cách nào đó, không có ý muốn xí xóa đi tất cả những gì Người đòi hỏi. Trái lại, với những lời ấy, Người muốn khẳng định tất cả sự thật của Phúc Âm cùng với tất cả mọi đòi hỏi được chắt chứa nơi sự thật này. Tuy nhiên, đồng thời Người cũng cho thấy rằng những gì Người đòi hỏi không bao giờ vượt quá khả năng của con người hết. Nếu con người chấp nhận những đòi hỏi

này bằng một thái độ tin tưởng, họ sẽ thấy, nhờ ân sủng, Thiên Chúa không bao giờ thôi ban cho họ sức mạnh cần thiết để đáp ứng những đòi hỏi ấy. Thế giới này đầy những dấu chứng cho thấy rằng quyền năng cứu độ và cứu chuộc được các Phúc Âm loan báo thường xuyên hơn là những đòi hỏi về luân lý được các Phúc Âm này nhắc nhở. Có biết bao nhiêu là người ở trên thế giới này sống cuộc sống thường nhật đã chứng thực rằng họ có thể sống trọn luân lý của Phúc Âm! Kinh nghiệm cho thấy rằng cuộc sống của nhân loại thành đạt không thể nào khác hơn cuộc sống giống như những người ấy”. (trang 222-223).

Đức Thánh Cha Biển Đức XVI, trước 11 ngày được chọn bầu làm giáo hoàng, trong Bài Giảng của mình với tư cách là trưởng hồng y đoàn Joseph Ratzinger khi chủ tế Lễ An Táng cho Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II ngày 8/4/2005 đã nhận định rất chính xác về vị tiền nhiệm của ngài liên quan tới Lòng Thương Xót Chúa như là nguyên nhân sâu xa của lời kêu gọi “đừng sợ” như sau:

- “Ngài đã giải thích cho chúng ta mâu nhiệm vượt qua như là một mâu nhiệm của lòng thương xót Chúa. Trong tác phẩm cuối cùng của mình, ngài đã viết: Cái giới hạn áp đặt trên sự dữ ‘tối hậu là Lòng Thương Xót Chúa’ (Hồi Niệm và Căn Tính, trang 60-61). Và khi suy nghĩ về biến cố mạng sống ngài bị cố sát, ngài đã nói: ‘Trong việc hy hiến mình cho tất cả chúng ta, Chúa Kitô đã cống hiến cho đau khổ một ý nghĩa mới, mở ra một chiều kích mới, một trật tự mới, đó là trật tự của yêu thương... Chính cái đau khổ này

đốt cháy và thiêu rụi đi sự dữ bằng ngọn lửa yêu thương và rút ra ngay từ tội lỗi cả một cuộc bình nở đầy những thiện hảo' (cùng nguồn, trang 189-190)".

Thật vậy, Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa được Trời Cao cuối cùng, ở vào chính thời điểm con người càng ngày càng băng hoại đến độ "xông mùi" (x Jn 11:39) như tử thi Lazarô trong năm mồ chết chóc "bốn ngày" (x Jn 11:39), đã truyền trao qua Chị Thánh Faustina bao gồm 3 vấn đề chính yếu đó là Ảnh Lòng Thương Xót Chúa, Lễ Lòng Thương Xót Chúa và Chuỗi Lòng Thương Xót Chúa - cả 3 đều liên hệ mật thiết với nhau, nhưng không liên quan tới thành phần đa số tội nhân cần được cứu độ hơn là thành phần thiểu số được ưu tuyển làm tế vật, đóng vai trò làm muối đất men bột (Mt 5:13, 13:33), một thiểu số đầy yếu hèn cho thấy quyền năng cứu độ của Thiên Chúa là tình yêu vô cùng nhân hậu, đến độ chính bản thân họ sống thân phận tế thần vẫn cảm thấy "gánh Cha êm ái và ách Cha nhẹ nhàng" (Mt 11:30).

Ảnh Lòng Thương Xót Chúa

"Vào buổi tối (22-2-1931), lúc con ở trong phòng của con, con đã thấy Chúa Giêsu hiện ra trong chiếc áo trắng. Một bàn tay giơ lên như thể ban phép lành, còn bàn tay kia chạm vào áo ở trước ngực. Từ bên dưới chiếc áo, hơi xích sang một bên ngực, có hai luồng sáng lớn phát ra, một luồng màu đỏ và một luồng màu nhạt. Con lặng lẽ dán

mắt nhìn Chúa; linh hồn con run sợ, nhưng cũng rất vui. Một lúc sau, Chúa Giêsu nói với con:

- *"Hãy vẽ một bức ảnh theo mẫu thức mà con nhìn thấy, kèm theo giòng chữ: Giêsu ơi, con tin tưởng nơi Chúa. Cha mong ước bức ảnh này được tôn kính, trước hết, tại nguyện đường của con, sau đó, ở khắp nơi trên thế giới". (Nhật Ký số 47)*

Ảnh Lòng Thương Xót Chúa, theo ước muốn của Chúa, bao gồm hai yếu tố: Mạc Khải Thần Linh và đáp ứng thần linh. Mạc Khải Thần Linh về phía Thiên Chúa được biểu hiệu nơi hình ảnh Chúa Giêsu với cạnh sườn của Người tỏa ra hai tia sáng trắng và hồng, và đáp ứng thần linh về phía con người ở câu "Giêsu ơi con tin nơi Chúa".

- *"Cha hứa là, linh hồn nào tôn kính bức ảnh này sẽ không bị trầm hư. Cha cũng hứa cho linh hồn thắng được các kẻ thù ngay khi còn sống trên thế gian, nhất là trong giờ lâm tử. Chính Cha sẽ bảo vệ linh hồn như là vinh hiển của riêng Cha". (Nhật Ký số 48)*

Lễ Lòng Thương Xót Chúa

- *"Cha mong có một Lễ Kính Tình Thương. Cha muốn bức ảnh mà con vẽ bằng cọ này phải được long trọng làm phép vào ngày Chúa Nhật Thứ Nhất sau Lễ Phục Sinh; Ngày Chúa Nhật này phải là ngày Lễ Kính Tình Thương. Cha ước mong các vị linh mục loan truyền tình thương vĩ đại*

này của Cha cho các linh hồn những tội nhân. Để tội nhân đừng sợ tiến đến với Cha. Những ngọn lửa tình thương đang nung nấu Cha - bình bình muốn toé ra' Cha muốn tuôn đổ những ngọn lửa tình thương này xuống trên các linh hồn ấy". (Nhật Ký số 49)

Lễ Lòng Thương Xót Chúa, như Chúa Giêsu muốn, phải được cử hành vào Chúa Nhật II Phục Sinh, thời điểm phụng vụ của Giáo Hội được chọn để làm nền tảng cho Ảnh Lòng Thương Xót Chúa, một thời điểm chính Chúa Giêsu muốn tấm ảnh này được trưng bày.

- *"Cha mong ước Lễ Kính Tình Thương là một nơi cư trú và nấu ản cho tất cả các linh hồn, đặc biệt cho các tội nhân khốn nạn. Vào ngày đó, tận đáy vực thăm thẳm của tình thương nhân ái Cha được mở ra. Cha trào đổ cả một đại dương ân sủng trên các linh hồn đến với mạch nguồn tình thương Cha. Linh hồn đi Xưng Tội và Hiệp Lễ sẽ được hoàn toàn thứ tha các tội lỗi và hình phạt... Lễ Kính Tình Thương phát hiện từ tận đáy lòng từ ái của Cha. Ước muốn của Cha là lễ này phải được cử hành long trọng vào ngày Chúa Nhật thứ nhất sau lễ Phục Sinh. Nhân loại sẽ không có hoà bình cho đến khi họ quay về với Mạch Nguồn của Tình Thương Cha". (Nhật Ký số 699)*

Kinh Lòng Thương Xót Chúa

"Mỗi lần con vào nhà nguyện, hãy tức khắc nhắm lời nguyện mà Cha đã dạy con hôm qua. Khi con đọc lời nguyện này

xong thì con nghe thấy trong linh hồn con những lời sau đây: Lời nguyện này sẽ có tác dụng làm nguôi cơn giận của Cha. Con sẽ đọc nó chín ngày, bằng những hạt của chuỗi kinh mân côi, theo cách thức sau đây: Trước hết, đọc 1 Kinh Lạy Cha, 1 Kinh Kính Mừng và 1 Kinh Tin Kính. Rồi ở hạt của Kinh Lạy Cha, con hãy đọc những lời sau đây: Lạy Cha Hằng Sống, con dâng lên Cha Mình Máu, Linh Hồn và Thiên Tính Con chí ái Cha là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, để đền bù tội lỗi chúng con và toàn thế giới. Ở những hạt của Kinh Kính Mừng, con hãy đọc những lời sau đây: Vì cuộc Khổ Nạn đau thương của Người, xin Cha thương xót chúng con và toàn thế giới. Để kết thúc, con hãy đọc ba lần những lời này: Lạy Thiên Chúa Thánh, Lạy Đấng Quyên Năng Thánh, Lạy Đấng Bất Tử Thánh, xin thương xót chúng con và toàn thế giới". (Nhật Ký số 476)

Kinh Lòng Thương Xót Chúa là kinh nguyện Chúa dạy Chi Faustina để cầu cho phần rỗi các linh hồn, nhất là trong giờ lâm tử của họ, một kinh nguyện có nội dung bao gồm tác động và lời kinh bày tỏ tất cả lòng tin tưởng của thành phần được tuyển chọn để chẳng những qua việc làm và lời nói của họ tỏ ra đối với "những linh hồn cần đến Lòng Thương Xót Chúa hơn" đang ở gần họ, mà đặc biệt còn bằng việc cầu nguyện của họ là tác động bao trùm hết mọi sự cùng vượt thời không.

- *"Con đừng ngừng đọc chuỗi kinh mà Cha đã dạy con. Ai lần chuỗi kinh này sẽ nhận được tình thương vĩ đại trong giờ lâm tử. Các vị linh mục hãy khuyên tội nhân đọc chục*

kinh này như niềm hy vọng cứu rỗi cuối cùng cho họ. Dù tội nhân có cứng lòng đến đâu đi nữa mà đọc chục kinh này, chỉ cần một lần duy nhất thôi, linh hồn ấy sẽ nhận được ơn bởi tình thương vô cùng của Cha". (Nhật Ký số 687)

Mối liên hệ mật thiết nơi nội dung của Sứ Điệp

Đến đây vấn đề được đặt ra là 3 điều chính yếu làm nên nội dung của Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa: Ảnh Lòng Thương Xót Chúa, Lễ Lòng Thương Xót Chúa và Kinh Lòng Thương Xót Chúa, có liên hệ gì với nhau hay chăng?

Thưa có. Ở chỗ: Ảnh Lòng Thương Xót Chúa là cửa ngõ để tiến vào tâm điểm của Lòng Thương Xót Chúa là Lễ Lòng Thương Xót Chúa để nhờ đó nên một với Lòng Thương Xót Chúa nơi Kinh Lòng Thương Xót Chúa.

Đúng thế, cửa ngõ để tiến vào tâm điểm của Lòng Thương Xót Chúa đó là Ảnh Lòng Thương Xót Chúa, vì nơi tấm ảnh này có hai yếu tố chính yếu bất khả thiếu bao gồm tất cả mạc khải thần linh của Thiên Chúa, đó là yếu tố ân sủng và yếu tố lòng tin.

Ân sủng xuất phát từ Chúa là Đấng tỏ mình ra cho con người và lòng tin nơi con người là thành phần nhận biết Người và đáp ứng tác động thần linh của Người. Yếu tố ân sủng nơi Ảnh Lòng Thương Xót Chúa được biểu hiệu nơi hai tia sáng trắng và hồng chiếu tỏa từ cạnh sườn của Chúa Giêsu: tia sáng trắng biểu hiệu cho bí tích thanh

tẩy hay cho sự sống lại, và tia sáng hồng biểu hiệu cho bí tích Thánh Thể hay cho sự sống. Cả hai tia sáng biểu hiệu cho Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Chuộc Nhân Trần - Redemptor Hominis, Đấng "là sự sống lại và là sự sống" (Jn 11:25), đã chết đi để hủy diệt sự chết và sống lại để phục hồi sự sống cho nhân loại.

Thế nhưng, để có thể "được sự sống và là sống viên mãn hơn" (Jn 10:10), hay được "tái sinh bởi trên cao" (Jn 3:3), tức "tái sinh bởi nước và Thánh Linh" (Jn 3:5), "nước" được biểu hiệu nơi ánh sáng trắng và "Thánh Linh" được biểu hiệu nơi ánh sáng hồng, con người cần phải có lòng tin: "*Giêsu ơi, con tin nơi Chúa*", hàng chữ ở cuối tấm ảnh nhắc nhở con người cần phải chấp nhận Lòng Thương Xót Chúa, chấp nhận ơn cứu độ Chúa ban cho họ vì xót thương họ một cách nhưng không, để họ có thể được hiệp thông thần linh với Người đúng như chủ đích Người đã tạo dựng nên họ.

Tuy nhiên, Lòng Thương Xót Chúa đã tỏ ở đâu và như thế nào, nếu không phải nơi Chúa Giêsu Kitô "hiến mạng sống làm giá cứu chuộc cho nhiều người" (Mt 20:28), đã chịu khổ nạn và tử giá, đến độ sau khi chết từ cạnh sườn của Người "máu cùng nước chảy ra" (Jn 19:34), "máu" sự sống được biểu hiệu nơi tia sáng hồng nơi Ảnh Lòng Thương Xót Chúa và "nước" tái sinh được biểu hiệu nơi tia sáng trắng trong cùng bức ảnh này.

Và việc tự hiến này của Người được hiện thực một cách không đổ máu trong Phụng Vụ Thánh Thể trên bàn thờ, nhất là vào Ngày Chúa Nhật Thứ Nhất sau Chúa Nhật Đại Lễ Phục Sinh, vì trong Chúa Nhật thứ nhất sau Phục Sinh này có bài Phúc Âm về việc Chúa Giêsu Kitô Phục Sinh tỏ cho chung các tông đồ và riêng tông đồ Thomas thấy các dấu tích khổ nạn và tử giá của Người, những dấu tích chứng tỏ Người đã "tự hiến để họ được thánh hóa trong chân lý" (Jn 17:19), những dấu tích trên thân xác phục sinh của Người cũng hùng hồn cho thấy Người chính là "Chúa và Thiên Chúa" (Jn 20:28), đúng như Tông Đồ Thomas tuyên xưng: Người là "Chúa" đã chiến thắng tội lỗi và sự chết bằng cuộc tử nạn và tử giá của Người; Người là "Thiên Chúa" hằng sống bất tử, Đấng thông ban Thánh Linh sự sống từ thân xác phục sinh của mình cho con người (x Jn 20:22).

Đó là lý do, Chúa Giêsu đã nói với Chị Faustina rằng: *"Không một linh hồn nào được công chính hóa cho đến khi tin tưởng quay về với Tình Thương của Cha và đó là lý do tại sao Chúa Nhật thứ nhất sau Phục Sinh phải là Lễ Tình Thương"* (Nhật Ký số 570).

Như thế, nền tảng và cốt lõi của Ảnh Lòng Thương Xót Chúa nói chung và của câu tâm niệm *"Giêsu ơi con tin nơi Chúa"* nói riêng chính là phụng vụ Lễ Lòng Thương Xót Chúa. Để rồi, chỉ khi nào con người thực sự cảm nghiệm được Lòng Thương Xót Chúa, họ mới có thể chẳng những trân quý phần rỗi của mình mà còn cả phần rỗi của tất cả

mọi anh chị em đồng loại của mình nữa, bằng việc cầu nguyện cho hết mọi người được cứu độ như Lòng Thương Xót Chúa khao khát ước mong được tỏ ra trên thập giá (x Jn 19:28).

Việc cầu nguyện này đặc biệt nhắm đến "những linh hồn cần đến lòng thương xót Chúa hơn", nhất là trong giờ lâm tử của thành phần ấy, và không một lời cầu nào có mãnh lực cứu độ các tội nhân trong giây phút đời đời của những con người đáng thương này bằng việc nhắc lại cùng Cha trên trời về công nghiệp khổ nạn và tử giá cứu độ của Con Ngài. Phải chăng ý nghĩa lời Chúa Giêsu kêu gọi trong Bữa Tiệc Ly khi Người lập Bí Tích Thánh Thể: *"Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy"* (Lk 22:19) cũng đặc biệt bao gồm cả việc lần Chuỗi Mân Côi và Chuỗi Kính Thương Xót?

Kính Lòng Thương Xót Chúa quả thật chứa ý nghĩa nhắc nhở ấy, một ý nghĩa phản ánh đúng chủ đích cứu độ của Đấng "đã không tiếc Con mình một phó nộp Ngài vì tất cả chúng ta" (Rm 8:32), và nếu câu kính này bằng tất cả tấm lòng tin tưởng chắc chắn sẽ có tác dụng thần linh, vì chúng ta cầu nguyện đúng như những gì Chúa mong muốn nhất và muốn ban nhất, những gì đẹp lòng Chúa nhất.

Bởi vậy, nếu ở Ảnh Lòng Thương Xót Chúa có cả hai yếu tố Ân Sủng và Lòng Tin, và ở Lễ Lòng Thương Xót nổi bật

yếu tố Ân Sủng của Thiên Chúa thì ở Kinh Lòng Thương Xót bộc lộ Lòng Tin nơi con người.

Chúng ta có thể khai triển mối liên hệ mật thiết bất khả phân ly giữa Ảnh Lòng Thương Xót Chúa, Lễ Lòng Thương Xót Chúa và Chuỗi Lòng Thương Xót Chúa như sau. Trước hết, căn bản của mối liên hệ cho tất cả nội dung chính yếu của sứ điệp về Lòng Thương Xót Chúa đó là câu "*Giêsu ơi con tin nơi Chúa*".

Thật vậy, đối tượng của lòng tin tưởng của nhân loại chúng ta là chính Chúa Giê-su, một Vị Thiên Chúa Nhập Thể đã hóa thân làm người. Ngài đã hóa thân làm người như chúng ta để làm gì? Nếu không phải với mục đích, như được diễn tả nơi hai tia sáng biểu hiệu trắng và đỏ phát ra từ cạnh sườn bị đâm thâu của Người ở bức *Ảnh Lòng Thương Xót Chúa*, một mục đích cho thấy Vị Thiên Chúa Làm Người này muốn cho con người tội nhân chúng ta chẳng những "*được sự sống (mà còn) là một sự sống viên mãn*" (Jn 10:10), nghĩa là làm cho chúng ta "*được tái sinh bởi nước và Thánh Linh*" (Jn 3:5): "Nước" đây ám chỉ Phép Rửa được tiêu biểu nơi tia sáng trắng; "Thánh Linh" là Đấng chẳng những đã được thông ban cho Kitô hữu nơi Phép Rửa và Thêm Sức mà còn thường xuyên qua Bí Tích Thánh Thể nữa, bởi vì Thánh Thể Kitô hữu lãnh nhận khi hiệp lễ không phải là một thân xác tử giá vĩnh viễn bị băng hoại trong mồ mà là một thân xác phục sinh, qua hơi thở của Chúa Kitô, thông ban sự sống: "*Các con hãy nhận lấy Thánh Linh*" (Jn 20:22).

Phải, chính vì sự sống và là sự sống viên mãn được thông ban cho con người qua Chúa Kitô Phục Sinh mà *Lễ Kính Lòng Thương Xót Chúa* được cử hành vào một trong những Chúa Nhật Mùa Phục Sinh chứ không phải trong Tuần Thương Khó, như vào Thứ Sáu Tuần Thánh, thậm chí vào chính Lễ Thánh Tâm Chúa. Và một trong những Chúa Nhật Phục Sinh tích hợp nhất để Kính Lòng Thương Xót Chúa đó là Chúa Nhật Thứ 2 sau Cha Nhật Phục Sinh, vì Chúa Nhật này có bài Phúc Âm của Thánh Ký Gioan thuật lại việc Chúa Giê-su, để củng cố lòng tin của riêng tông đồ Tô-ma và chung các tông đồ, đã tỏ cạnh sườn bị đâm thâu của Người, nơi "*máu cùng nước đã chảy ra*" (Jn 19:34): nước được biểu hiệu nơi tia sáng trắng và máu được biểu hiệu nơi tia sáng đỏ nơi Ảnh Lòng Thương Xót Chúa.

"Máu cùng nước chảy ra" từ cạnh sườn bị đâm thâu qua của Chúa Kitô đây chứa một ý nghĩa như thế nào, nếu không phải đó là dấu chỉ cho thấy Thiên Chúa đã yêu thương nhân loại tạo sinh "cho đến cùng" (Jn 13:1), chẳng những "đến độ đã ban Con một mình" (Jn 3:16) mà nhất là "đã không dung tha Con một của mình, một pho nộ Người vì tất cả chúng ta" (Rm 8:32), để cứu chuộc chung nhân loại mà còn từng con chiên lạc, từng con chiên cuối cùng trong đàn chiên yêu quý của Ngài (x Lk 15:1-6). Đó là lý do Vị "Thiên Chúa là tình yêu" (1Jn 4:8,16) vô cùng nhân hậu này không thể "không ban cho chúng ta những gì khác" (Rm 8:32), nhất là những gì liên quan đến phần rỗi đời đời của cthành phần tạo sinh đã được Ngài ưu ái

dựng nên theo hình ảnh thần linh của Ngài (x Gen 1:26-27), nhất là đã được Con Ngài "trả giá cao" (1Cor 6:20, 7:23), bằng việc "thí mạng sống mình cho nhiều người" (Mt 20:28).

Bởi vậy, *Chuỗi Thương Xót* mới được ban cho chúng ta để sử dụng như một khí giới vô cùng lợi hại trong việc không phải trực tiếp tấn công Satan và bọn quỷ thần khủng khiếp của hắn cho bằng "tấn công" chính Thiên Chúa, chính ngai tòa của Lòng Thương Xót Chúa, khiến Ngài không thể nào không ban cho chúng ta những gì khác một khi đã không dưng g tha cho chính Con Ngài vì chúng ta.

Vấn đề được đặt ra ở đây là tại sao Thiên Chúa lại cần đến lời cầu nguyện của chúng ta, cần đến việc chúng ta lần Chuỗi Thương Xót mới có thể tỏ lòng xót thương, mới có thể cứu thế giới? Như vậy là Lòng Thương Xót vô biên của Ngài đã chẳng lệ thuộc vào tác nhân loài người hay sao, đã bị nhân loại điều kiện hóa hay sao? Nếu họ không cầu nguyện, tức không gõ thì Lòng Thương Xót Chúa không mở hay sao? Phải chăng đó là ý nghĩa của câu Mẹ Maria nói ở Fatima vào lần hiện ra thứ 4 ngày 19/8/1917: *"Hãy cầu nguyện thực nhiều và hy sinh cho tội nhân; nhiều linh hồn sa hỏa ngục vì không có ai hy sinh cầu cho họ"*?

Thật ra, tự mình, Thiên Chúa đã có thể cứu độ thế gian, từ tạo thiên lập địa cho tới tận thế, chẳng những một thế

gian mà cả muôn vàn ức triệu thế gian nữa nếu có và nếu cần, bởi công nghiệp vô giá của Con Ngài là Thiên Chúa Nhập Thể. Thế nhưng, theo dự án và công cuộc cứu độ, Ngài vẫn muốn sử dụng phương tiện loài người (như Mẹ Maria và Nhiệm Thể Giáo Hội) để thông ban sự sống thần linh của Ngài cho nhân loại. Bởi thế, hoa trái mới trở sinh ở cành nho là các chi thể của Chúa Kitô chứ không phải trực tiếp ở chính thân nho là Chúa Kitô (x Jn 15:5). Nhưng cành nho chỉ sinh hoa trái và muốn sinh hoa trái lại không thể nào không dính liền với thân nho để nhờ được hiệp thông sự sống thần linh của thân nho.

Như thế, việc cành nho dính liền với thân nho để có thể sinh hoa trái và mới có thể sinh hoa trái đây đều nhắm đến việc cứu độ, đến phần rỗi các linh hồn. Thân Nho là Chúa Kitô thông sự sống thần linh của mình cho các cành nho Kitô hữu của mình là để tiếp tục cứu độ nhờ các cành nho, và các cành nho được dồi dào nhựa sống của thân nho là để sinh hoa trái thiêng liêng là các linh hồn cho thân nho. Thực tế trong đời sống tu đức cũng cho thấy như thế. Ở chỗ, thánh nhân là thành phần sống cho tội nhân.

Thậm chí là thành phần, ở một nghĩa nào đó, nhờ có tội nhân mới trở thành thánh nhân. Dụ ngôn nén bạc về số phận của "người đã có lại được ban thêm cho dư dật" nhờ nén bạc của người bị lấy đi (x Mt 25:29), không phải chỉ cho riêng con người may lành (thánh nhân) này mà là để bù đắp cho con người bất hạnh (tội nhân) kia. Đó là lý do, cũng trong dụ ngôn về cây nho mới có chuyện: "cành nào

sinh hoa kết trái" sẽ được Thiên Chúa là Chủ Vườn Nho cắt tia đi cho "càng sai trái hơn" (Jn 15:2), nghĩa là cho họ có khả năng đồng công cứu độ với Chúa Kitô hơn, hay cho nhiều linh hồn được cứu rỗi hơn.

Đó là lý do thánh nhân (hơn là tội nhân) đã trở thành mỗi ngon của Lòng Thương Xót Chúa và cho Lòng Thương Xót Chúa. Ở chỗ, các vị trở thành lễ vật toàn thiêu, trở thành tế vật đền bù tội lỗi của thành phần tội nhân. Chẳng hạn như trường hợp của Chị Thánh Thérèse Hải Đông Giêsu, hay Chị Thánh Faustina, hoặc Chân Phước Giaxinta là một trong 3 Thiếu Nhi Fatima của Mẹ Maria năm 1917. Vấn đề trở thành mỗi ngon của Lòng Thương Xót Chúa và cho Lòng Thương Xót Chúa này chính là những gì liên quan tới việc đáp ứng Lòng Thương Xót Chúa, thể hiện và loan truyền Sứ Điệp của Lòng Thương Xót Chúa, trở thành chứng nhân cho Lòng Thương Xót Chúa, thành Tông Đồ Chúa Tình Thương, như Chân Phước Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, vị đã sống sao chết vậy, một cái chết vào ngay đêm vọng Lễ Kính Lòng Thương Xót Chúa 2/4/2005.

3- Sứ Điệp Lòng Thương Xót Chúa: tích cực hưởng ứng và chủ động đáp ứng

Trong một thời điểm thế giới càng văn minh con người càng bất an, càng lo sợ và càng bạo loạn ngày nay, con người mới cần và càng cần đến Lòng Thương Xót Chúa

hơn bao giờ hết, như cảm nhận của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II lần ngài về thăm quê hương Balan của ngài cuối cùng, lần ngài huấn dụ trong Bài Giảng Thánh Lễ Phong 4 tân Chân Phước Balan Chúa Nhật 18/8 tại Blonie Park ở Krakow Balan, đoạn 3 như sau:

- *"Có lẽ vì thế kỷ 20, mặc dù có những thành đạt không thể chỗi cãi về nhiều lãnh vực, cũng đã bị ghi dấu một cách đặc biệt bởi mâu nhiệm lỗi lầm 'mystery of iniquity'. Chúng ta đã tiến vào ngàn năm mới với di sản vừa thiện vừa ác này. Những chân trời mới trong việc phát triển đang mở ra trước nhân loại, kèm theo đó có cả những cái nguy hiểm chưa từng có.*

"Con người thường sống như thể Thiên Chúa không hiện hữu, thậm chí đặt mình vào vị thế của Thiên Chúa nữa. Họ tự cho mình quyền hành của một Vị Tạo Hóa trong việc can thiệp vào mâu nhiệm sự sống con người. Họ muốn định đoạt sự sống con người bằng cách léo lái việc truyền giống cũng như muốn thiết định giới hạn sự chết. Khi loại trừ lề luật thân linh và những nguyên tắc luân lý, họ công khai tấn công cơ cấu gia đình. Bằng những cách thức khác nhau, họ cố gắng làm cho Thiên Chúa phải im hơi lặng tiếng nơi tâm can của con người; họ muốn làm cho Thiên Chúa 'hoàn toàn khuất bóng' nơi văn hóa và lương tâm các dân tộc. 'Mâu nhiệm lỗi lầm' tiếp tục đánh dấu cái thực tại của thế giới này. (xin trích lại đoạn này một lần nữa ở đây để thấy được lý do tại sao con người đáng thương và cần đến lòng thương xót Chúa hơn bao giờ hết)

“Cảm nghiệm được mâu nhiệm ấy, con người mới sống trong nom nớp lo sợ về tương lai, lo sợ về tình trạng trống rỗng, lo sợ phải khổ đau, lo sợ bị hủy diệt. Có lẽ chính vì lý do này mà Chúa Kitô, qua việc sử dụng chứng từ của một Nữ Tu thấp hèn, đã đến với thời đại của chúng ta để tỏ cho chúng ta thấy một cách rõ ràng nguồn mạch sống khuây khỏa và hy vọng ở nơi tình thương đời đời của Thiên Chúa.

“ Sứ điệp tình yêu nhân hậu cần được vang vọng một cách mạnh mẽ một lần nữa. Thế giới cần đến thứ tình yêu này. Đã đến thời giờ cần phải mang sứ điệp của Chúa Kitô đến cho mọi người: cho các kẻ trị vì và thành phần bị áp bức, cho những ai có bản tính và phẩm vị bị tiêu ma trong mâu nhiệm lỗi lầm. Đã đến lúc sứ điệp Lòng Thương Xót Chúa có thể làm cho các tâm hồn tràn đầy hy vọng và trở nên tia sáng cho một nền văn minh mới, một nền văn minh yêu thương”.

Chính lời sâu xa cảm nhận và thiết tha kêu gọi trên đây của Vị Giáo Hoàng Totus Tuus của Lòng Thương Xót Chúa đã xuất phát một tổ chức được gọi là Nhóm Tông Đồ Chúa Tình Thương trong Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam Hải Ngoại từ ngày 4/4/2009 tại Đền Thánh Đức Mẹ dâng Con Corona California.

- *“Nhóm Tông Đồ Chúa Tình Thương vừa là một khởi hứng từ vừa là một đáp ứng cho lời kêu gọi minh tường, khẩn trương và hợp thời của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II”.*

Nhóm Tông Đồ Chúa Tình Thương chủ trương sứ vụ và thực hiện tác vụ như sau:

- *“Sứ vụ của Nhóm Tông Đồ Chúa Tình Thương là làm vang vọng một cách mạnh mẽ một lần nữa sứ điệp tình yêu nhân hậu cho mọi người để giúp cho các tâm hồn được tràn đầy hy vọng và trở nên tia sáng cho một nền văn minh yêu thương. Để giúp cho các tâm hồn được tràn đầy hy vọng và trở nên tia sáng cho một nền văn minh yêu thương, một trong những hoạt động thiết yếu và thiêng liêng của Nhóm Tông Đồ Chúa Tình Thương là tác vụ tĩnh tâm”.*

Nhóm Tông Đồ Chúa Tình Thương cố gắng tiếp nối vai trò của Chị Thánh Faustina theo tiến trình tu đức như lời Chúa dạy chị thứ tự như sau: cảm nghiệm được Lòng Thương Xót Chúa, loan truyền Lòng Thương Xót Chúa và chiếm đoạt các linh hồn cho Lòng Thương Xót Chúa:

1- Cảm nghiệm được Lòng Thương Xót Chúa:

- *“Cha muốn trái tim của con được hình thành theo khuôn mẫu của Trái Tim từ bi Cha. Con phải hoàn toàn thấm nhuần tình thương của Cha” (Nhật Ký 167)*

2- Loan truyền Lòng Thương Xót Chúa:

- *“Hỡi tông đồ của tình thương Cha, con hãy công bố cho cả thế giới biết tình thương vô hạn của Cha” . (Nhật Ký 1142)*

3- Chiếm đoạt các linh hồn cho Lòng Thương Xót Chúa:

- *"Sứ vụ của con là chiếm đoạt các linh hồn cho Cha bằng việc cầu nguyện và hy sinh, cũng như bằng việc khuyến khích họ tin tưởng vào tình thương của Cha". (Nhật Ký 1690).*

Trên thực tế, để có thể tiến đến chỗ chiếm đoạt các linh hồn cho Lòng Thương Xót Chúa, thành phần Tông Đồ Chúa Tình Thương chẳng những, theo cá nhân, phải thực hiện việc hy sinh cầu nguyện cho họ, mà nhất là, hiệp nhau thành một Nhóm trực tiếp giúp cho "các linh hồn cần đến lòng thương xót Chúa hơn" tin tưởng vào Lòng Thương Xót Chúa, một việc được Nhóm Tông Đồ Chúa Tình Thương ngay từ đầu đã chủ trương và thực hiện bằng các cuộc Tĩnh Tâm Hãy Đến Với Cha (cho chung cộng đồng) và Hãy Học Cùng Cha (cho riêng cán bộ) hằng năm ở các nơi.

Tiến trình tu đức 3 giai đoạn *cảm nghiệm - loan truyền - chiếm đoạt* trên đây của Nhóm Tông Đồ Chúa Tình Thương theo huấn dụ của Chúa Giêsu cho nữ Sứ Giả của Lòng Thương Xót Chúa Faustina hoàn toàn là linh đạo của Phúc Âm, đường lối Chúa Kitô đã thực hiện đối với các tông đồ là thành phần chứng nhận tiên khởi của Người:

- *"Bấy giờ Người lên núi và gọi những kẻ Ngài muốn và họ đã đến với Người. Người đã đặt một nhóm Mười Hai để họ*

ở với Ngài (cảm nghiệm) và để Ngài sai đi rao giảng (loan truyền)" (Mk 3:13-14);

"Không phải các con đã chọn Thầy mà là Thầy đã chọn các con để các con đi sinh hoa trái (chiếm đoạt)" (Jn 15:16).

Những gì các tông đồ cảm nghiệm đây là gì, nếu không phải là một Chúa Kitô Vượt Qua, một Chúa Kitô là "*Chúa và Thiên Chúa*" (Jn 20:28), Đấng họ đã được tận mắt thấy, tai nghe, tay sờ (xem 1Jn1:2-3), để nhờ đó có thể trở thành chứng nhân của Người và cho Người trong việc loan truyền Lòng Thương Xót Chúa như tin mừng cứu độ cho muôn dân:

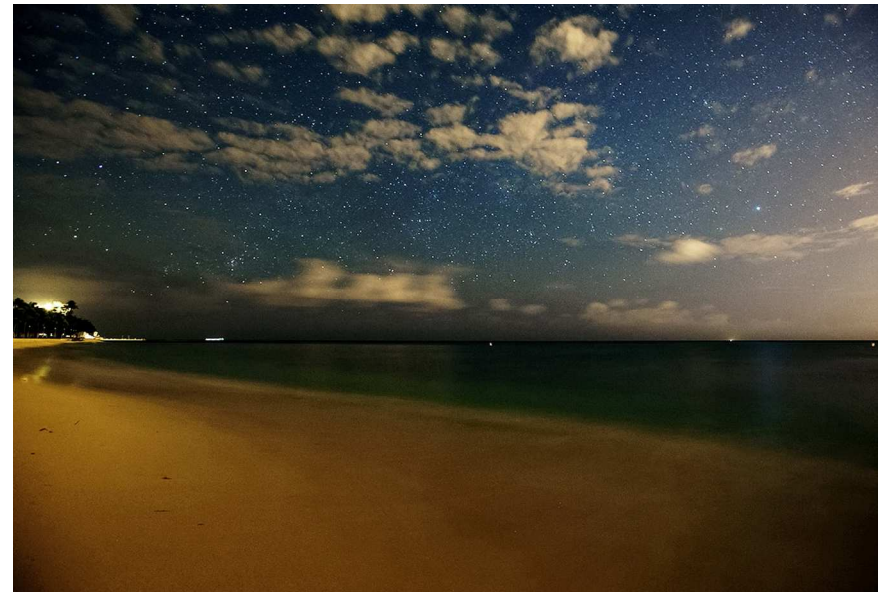
- *"Bấy giờ Người nói với các vị rằng: "Như đã được viết là Đức Kitô phải chịu khổ nạn và ngày thứ ba sống lại từ cõi chết. Việc hồi cải để được tha thứ tội lỗi phải nhân danh Người rao giảng cho mọi dân tộc khởi từ Yêrusalem. Các con là chứng nhân về các điều ấy" (Lk 24:46-48).*

Trong huấn từ trưa Chúa Nhật Thứ II Phục Sinh, 3/4/2005, tức sau khi qua đời mới được 15 tiếng đồng hồ, một bài huấn từ được ngài dọn sẵn cho Kinh Lạy Nữ Vương bấy giờ, Chân Phước Giáo Hoàng Gioan Phaolô II còn chia sẻ cảm nhận về Lòng Thương Xót Chúa liên quan tới Mâu Nhiệm Vượt Qua, về một nhân loại hết sức nguy vong và khốn cùng cần phải quay về với Lòng Thương Xót Chúa

để được cứu độ như sau (những chỗ in đậm do người viết tự ý nhấn mạnh):

- **“Chúa Kitô phục sinh đã hiến ban cho nhân loại, một nhân loại có những lúc dường như bị lạc mất và bị thống trị bởi quyền lực sự dữ, cái tôi và sợ hãi, tặng ân tình ngài yêu thương, một tình yêu tha thứ, hòa giải và phục hồi tinh thân hy vọng. Đó là một tình yêu hoán cải tâm can và ban phát an bình. Thế giới này cần phải hiểu biết và chấp nhận Lòng Thương Xót Chúa biết bao!..** Lạy Chúa, Đấng đã tỏ tình yêu thương của Chúa Cha qua Cuộc Tử Nạn và Phục Sinh của Chúa ra, chúng con tin tưởng vào Chúa và tin tưởng lập lại cùng Chúa hôm nay rằng: **Lạy Chúa Giêsu, con tin tưởng nơi Chúa, xin thương xót chúng con và toàn thế giới... Phụng vụ trọng thể của Lễ Truyền Tin là lễ sẽ được cử hành ngày mai, (biệt chú, năm 2005, Lễ Truyền Tin trùng vào Thứ Sáu Tuần Thánh nên được dời vào ngày 4/4/2005, Thứ Hai sau Chúa Nhật II Phục Sinh) đưa chúng ta đến việc chiêm ngưỡng mầu nhiệm vĩ đại của tình yêu nhân hậu xuất phát từ Thánh Tâm Chúa Giêsu này bằng ánh mắt của Mẹ Maria.”**

(bài chia sẻ cho Ngày sinh hoạt chủ đề “Tia Sáng Từ Balan
Thứ Bảy Đâu Tháng ngày 2/4/2011,
kỷ niệm đúng 6 năm qua đời của Đức GPII
tại Trung Tâm Công Giáo GP Orange)



“Sao trời cát biển”

trong

Lòng Thương Xót Chúa vô biên

Vào lần hiện ra thứ tư 19/8/1917, Mẹ Maria đã tiết lộ cho 3 Thiếu Nhi Fatima biết một bí mật đặc biệt nữa, tuy không chính yếu như Bí Mật Fatima vào lần hiện ra thứ ba 13/7/1917, tuy nhiên, bí mật đặc biệt này lại liên quan tới chính phần rỗi của mỗi người chúng ta cũng như của anh chị em chúng ta nói chung và những anh chị em được coi là hay gọi là “tội nhân đáng thương” nói riêng. Bí mật này đó là “*nhiều linh hồn sa hỏa ngục vì không có ai chịu hy sinh cầu nguyện cho họ*”. Phải, đây là một bí mật không phải là tầm thường, phải nói là rất kinh khủng và bàng hoàng hết chỗ nói. Ở chỗ, chúng ta phải chịu trách nhiệm về việc hư đi của thành phần anh chị em chúng ta bị sa hỏa ngục.

Dĩ nhiên, qua lời kêu gọi cũng là lời cảnh giác trách nhiệm cứu rỗi này của chúng ta, Mẹ Maria không phủ nhận tình trạng bị đời đời hư đi là do chính đương sự. Thế nhưng, chúng ta có trách nhiệm phần nào trong việc hư đi của thành phần tội nhân đáng thương này. Đó là lý do, ngay trước khi tiết lộ bí mật khủng khiếp này, Mẹ Maria đã kêu gọi 3 Thiếu Nhi Fatima Lucia, Phanxicô và Giaxinta rằng: “*Hãy cầu nguyện thực nhiều và hy sinh cho tội nhân*”. Nếu chúng ta thấu suốt được tầm mức cao trọng và giá trị vô cùng của phần rỗi đối với các linh hồn ra sao, trong đó có chính linh hồn của chúng ta, những linh hồn đã được cứu bằng “*giá máu vô giá của Chúa Kitô*” (1Pt 1:19) là Con Thiên Chúa làm người, chắc chắn, như các thánh, chúng ta không thể nào từ chối mà không liên li sẵn sàng chấp nhận mọi hy sinh đau khổ trên đời này cho chỉ một linh hồn mà thôi. Thánh Giacôbê Tông Đồ, trong bức thư duy nhất của mình, ở câu cuối cùng đoạn 5 câu 20, đã khẳng định rằng: “*Hãy nhớ điều này, đó là người nào mang một tội nhân trở về thì cứu được linh hồn mình khỏi chết và tẩy xóa được muôn vàn tội lỗi*”. Bởi vậy, chúng ta hãy cùng nhau ý thức vấn đề “*Phần Rỗi Tội Nhân*”, để có thể sống trọn ơn gọi nên thánh của Kitô hữu, một ơn gọi liên quan đến cả phần rỗi của bản thân mình cũng như đến số phận đời đời của anh chị em mình.

Thực tại hỏa ngục và lý do bị sa hỏa ngục theo mạc khải ở Fatima và qua Chị Faustina

Vấn đề đầu tiên được đặt ra ở đây cũng là vấn đề then chốt, đó là vấn đề có hỏa ngục hay chẳng? Bởi nếu không có hỏa ngục thì chẳng còn gì để nói! Chẳng có vấn đề phân rỗi nhiều hay ít nữa. Thế nhưng, nếu quả thực có hỏa ngục thì trong đó có các tội nhân khốn nạn bị trảm luân đòi đòi với Satan cùng thành phần ngục thần của hắn hay chẳng? Nếu có thì tại sao họ lại có thể bị lọt ra khỏi vực thăm Lòng Thương Xót vô đáy của Thiên Chúa mà rơi vào một chốn vô cùng bất hạnh như thế? Phải chăng chính vì Lòng Thương Xót Chúa vô đáy mới có hỏa ngục, mới có một số bị lọt xuống hỏa ngục? Tất nhiên, theo đức tin Kitô giáo, chúng ta tin có hỏa ngục là thực tại đã được chính Chúa Kitô xác nhận và được ghi lại trong các Phúc Âm, thường bằng lời diễn tả là *“nơi tôi tắm, ở đó khóc lóc nghiền răng”* (Lk 25:30), là *“lửa đời đời giành cho ma quỷ và các thần của hắn”* (Mt 25:41); là *“một vực thăm vĩ đại từ đó không thể qua đây và từ đây không thể qua đó”* (Lk 16:26), và là *“hồ lửa tức cái chết lần thứ hai”* như Sách Khải Huyền của Thánh Gioan cho biết đó chính ở đoạn 20 câu 14. Còn về lý do tại sao bị sa hỏa ngục, thì theo Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, những ai phạm tội trọng mà chưa kịp xưng tội hay ăn năn cách trọn trước khi chết. Theo Mạc Khải Phúc Âm, như Chúa Kitô khẳng định, thành phần sa hỏa ngục là thành phần phạm tới Thánh Linh, một tội *“không thể tha được ở cả đời này lẫn đời sau”*, như được Thánh Ký Mathêu ghi nhận ở đoạn 12 câu 32.

Ngoài những mạc khải chính thức buộc phải tin tưởng trên đây, chúng ta còn thấy một số mạc khải tư cho biết về

thực tại hỏa ngục cùng với các nguyên nhân làm cho một số linh hồn bị rơi vào đó, chẳng hạn như thị kiến hỏa ngục thuộc phần nhất Bí Mật Fatima ngày 13/7/1917, và thị kiến hỏa ngục của Chị Thánh Faustina ngày 20/10/1936 và được chị ghi lại trong cuốn Hồi Ký của chị ở đoạn 741.

Thực tại hỏa ngục trong Bí Mật Fatima ngày 13/7/1917

Thực tại hỏa ngục cũng đã được tỏ cho 3 Thiếu Nhi Fatima thấy ở phần thứ nhất của Bí Mật Fatima. Thật vậy, Mẹ Maria hiện ra với 3 Thiếu Nhi Fatima lần thứ ba vào trưa ngày 13-7-1917. Sau mấy câu mở đầu quen thuộc, Mẹ Maria nói:

- Hãy hy sinh cầu cho các tội nhân và sau mỗi một hy sinh các con hãy nói: (Con dâng hy sinh này) "Lạy Chúa Giêsu, vì yêu Chúa và để cầu cho tội nhân ăn năn thống hối cũng như để đền tạ Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ".

Nói xong, Đức Mẹ lại mở tay ra như hai lần trước. Lần này tia sáng thấu qua trái đất làm cho 3 Thiếu Nhi Fatima thấy, như Chị Lucia thuật lại trong tập Hồi Niệm 3 của chị như sau:

“Đức Mẹ chỉ chúng con thấy một biển lửa bao la hình như ở dưới lòng đất. Ngục lặn trong đó là ma quỷ và các linh hồn dưới hình người, giống như những cục than đỏ rực, như những cục sắt đen thui hay cháy đỏ, bùng bùng trong hỏa hào, khi bị cuốn lên với cuộn khói kinh sợ, như

lò tóe tia lửa, rồi rơi trở lại bất chấp đầu đuôi, những tiếng kêu la, than khóc vì đau đớn và tuyệt vọng làm chúng con kinh hoàng và run sợ. Có thể phân biệt được ma quỷ nhờ sự hung dữ và tàn bạo như những con thú kỳ lạ và khủng khiếp; đen đui và cháy thấu. Thị kiến chỉ kéo dài trong giây lát. Chúng con biết phải cảm tạ Mẹ Thiên Quốc nhân từ biết bao đã sửa soạn cho chúng con trong lần hiện ra lần đầu với lời hứa sẽ đem chúng con về thiên đàng. Nếu không chắc chúng con đã chết vì sợ hãi và lo lắng”.

- Các con vừa thấy hỏa ngục, nơi tội nhân khốn nạn rơi xuống. Để cứu các tội nhân khốn nạn, Thiên Chúa muốn thiết lập lòng tôn sùng Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ trên thế giới. Nếu những điều Mẹ dạy được thi hành thì nhiều linh hồn được cứu rỗi và thế giới sẽ có hòa bình...

Kết thúc Bí Mật Fatima ngày 13/7/1917, Mẹ Maria đã kêu gọi các em Thiếu Nhi Fatima đọc Lời Nguyện Mân Côi Fatima chúng ta vẫn đọc sau mỗi chục kinh cho đến nay, đó là câu:

- *“Lạy Chúa Giêsu, xin tha tội cho chúng con, xin cứu chúng con khỏi lửa hỏa ngục. Xin đem mọi linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần đến lòng Chúa thương xót hơn”.*

Thực tại hỏa ngục theo Thánh Faustina ngày 20/10/1936

“Hôm nay con được một Thiên Thần đưa vào vực thăm hỏa ngục. Đó là một nơi của cực hình khốn khổ; nó lớn lao và dữ dội khủng khiếp biết là chừng nào! Những loại cực hình con được trông thấy đó là: cực hình thứ nhất tạo nên hỏa ngục đó là mất Chúa; cực hình thứ hai là lương tâm đòi đòi than khóc; cực hình thứ ba là thân phận của con người không bao giờ đổi thay nữa; cực hình thứ bốn là lửa sẽ nung nấu linh hồn nhưng không bao giờ hủy diệt linh hồn, một thứ khổ đau khủng khiếp, vì nó là ngọn lửa hoàn toàn thiêng liêng bốc lên bởi cơn giận của Thiên Chúa; cực hình thứ năm là bóng tối tăm tùy thuộc và một mùi ghê tởm kinh khủng, và cho dù tối tăm mù mịt như thế các ma quỷ và các linh hồn bị trầm luân vẫn trông thấy nhau cùng tất cả mọi sự dữ của nhau và của mình; cực hình thứ sáu là liên li ở bên Satan; và cực hình thứ bảy là kinh hoàng tuyệt vọng, thù ghét Thiên Chúa, những lời nói ghê tởm, nguyên rủa và lộng ngôn. Có những cực hình đặc biệt nhắm vào những linh hồn riêng biệt. Có những cực hình về những thứ giác quan. Mỗi một linh hồn phải chịu đựng những khổ đau khủng khiếp và khôn tả, liên quan tới cách thức họ phạm tội. Có những hang động và những hầm hố của cực hình là nơi xảy ra những hình thức khổ đau quằn quại khác nhau. Con chết ngất trước cảnh tượng của những cực hình này nếu uy quyền toàn năng của Thiên Chúa không nâng đỡ con. Chớ gì tội nhân biết rằng họ sẽ bị cực hình đời đời kiếp kiếp, nơi

những giác quan họ dùng để phạm tội. *Con viết điều này theo lệnh của Chúa, để không một linh hồn nào có thể chữa mình nói rằng không có hỏa ngục, hay không người nào đã từng ở đó nói rằng chưa có ai cho biết nó như thế nào.*

“Con là nữ tu Faustina, theo lệnh Chúa truyền, đã viếng thăm các vực thẳm hỏa ngục để có thể nói với các linh hồn về nó và chứng thực về sự hiện hữu của nó. Giờ đây con không thể nói về nó; nhưng con được lệnh Chúa viết nó ra. Ma quỷ cảm thấy tràn đầy hận thù với con, nhưng chúng phải vâng phục con theo lệnh Chúa. Những gì con viết chỉ là một bóng mờ của những gì con đã thấy. Thế nhưng con nhận thấy một điều là hầu hết các linh hồn ở đó là những ai không tin rằng có hỏa ngục. Khi con tỉnh lại, con khó có thể thần nhiên không rùng mình hoảng sợ. Các linh hồn chịu khổ ở đó kinh hoàng khủng khiếp là chừng nào! Bởi thế con thiết tha nguyện cầu hơn nữa cho các tội nhân ơn ăn năn hoán cải. Con không ngừng nài xin tình thương của Thiên Chúa đoái đến họ. Ôi Chúa Giêsu ơi, con thà bị sầu đau cho tới tận thế, quằn quại với những khổ đau thượng thặng, còn hơn là xúc phạm đến Chúa bằng một tội nhỏ mọn nhất”.

Phải, vấn đề ở đây là cầu nguyện cho phần rỗi các tội nhân, kèm theo hy sinh chỉ cho họ nữa, bằng không, chúng ta phải chịu trách nhiệm về việc hư đi của họ, như Mẹ Maria đã khẳng định vào lần hiện ra thứ 4 ngày 19/8/1917 như sau: *“Hãy cầu nguyện thực nhiều và hy*

sinh cho tội nhân; nhiều linh hồn sa hỏa ngục vì không có ai hy sinh cầu cho họ”.

Hỏa ngục chỉ thu nhận được những cận bã xấu nhất của nhân loại ...là vì... là nhờ...

Để trả lời cho vấn nạn được một người đặt ra cho mình rằng: *“Lạy Thầy, số người được cứu độ ít lắm phải không?”* (Lk 13:23), Chúa Giêsu trả lời rằng: *“Hãy gắng mà vào qua cửa hẹp. Tôi bảo cho anh chị em biết là có nhiều người cố vào mà không được...”* (Lk 13:24). Qua câu trả lời này, Chúa Giêsu không trả lời hay cũng có thể nói là chưa trả lời dứt khoát là ít người được cứu độ, tức nhiều người bị hư mất đời đời, bị sa hỏa ngục. Người chỉ mình định là vấn đề được cứu độ là một việc khó khăn, phải cần đến ơn Chúa, chứ tự mình con người không thể nào tự cứu độ. Đó là lý do Người đã phán: *“nhiều người cố vào mà không được”*, và ở câu 27 Người đã dứt khoát là *“Ta không biết các người”*, thành phần ở ngay câu trước đó là câu 26 đã thừa cùng Người về tình trạng họ sống gần gũi thân tình với Người rằng: *“Chúng tôi là những người đã ăn uống với Thầy và Thầy đã giảng dạy chúng tôi nơi phố xá”*. Đó, dù Kitô hữu Công giáo chúng ta có *“ăn uống với Thầy”*, ở trong trường hợp của chúng ta có thể hiểu là việc chúng ta năng xưng tội rước lễ, và có được *“Thầy đã giảng dạy nơi phố xá”*, ở trong trường hợp của chúng ta có thể hiểu là chúng ta được công khai nghe giảng dạy trong Thánh Lễ hay trong các buổi tĩnh tâm chung v.v., chúng ta vẫn chưa chắc được cứu độ, trái lại,

còn bị hư đi là đấng khác, còn bị Chúa hoàn toàn và phủ phàng phủ nhận rằng: “Ta không biết các ngươi!”

Vậy thì quả thực, căn cứ vào chiều hướng này, chiều hướng con người không thể tự cứu được mình này, thành phần theo tự nhiên, như Chúa Giêsu khẳng định với Nghị Viên lão thành Nicôđê mô đến gặp người ban đêm rằng: “*chuyện tối tăm hơn ánh sáng*” (Jn 3:19), thành phần như Người cũng đã phải than lên trước 3 môn đệ thân tín nhất của Người đang mê man thiếp ngủ không còn biết trời đất đâu nữa, vào chính lúc Sư Phụ Thần Linh vô cùng đáng kính đáng mến của các vị bị bắt đi rằng: “*Tinh thần thì mau mắn nhưng bản chất lại bạc nhược*” (Mt 26:41), có thể nói rằng Chúa Giêsu đã “không dám” vạch trần sự thật cứu độ hết sức nghiệt ngã rằng: “Đúng, con số người được cứu độ thì ít ỏi lắm!”. Phải chăng đó là lý do đã làm cho Người phải than lên: “Linh hồn Thầy buồn đến chết được” (Mt 26:38), đến “đổ mồ hôi máu nhỏ xuống đất” (Lk 22:44)? Người cũng đã than thở với một trong các thụ khải viên của mình vào hậu bán thế kỷ 20 mang biệt danh Magarita người Bỉ trong Thông Điệp Tình Yêu Nhân Hậu gửi Đạo Binh Hồn Nhỏ rằng:

- “*Hỡi con gái của Cha ơi, con có biết cái thảm bại của một Vị Thiên Chúa là gì không? Đó là Người không thể cứu được hết tất cả mọi người bằng Hy Sinh của Người*” (18-5-1970); “*Những ý nghĩ của Cha (ở trên đôi Gôngôta) là những ý nghĩ thương hại và thương xót. Họ không biết rằng, chỉ bằng một cử chỉ là Cha đã có thể hủy diệt họ đi rồi.*”

Cha để cho họ tha hồ thỏa tay hành khổ Cha, vì trong thâm tâm của Cha, Cha đã chấp nhận Hy Sinh theo ý muốn Cha của Cha. Thế nhưng, nỗi sầu khổ của Cha đã tăng lên gấp bội, vì Cha đã biết rằng, cho dù Cha có để cho mình bị hành hình đến như vậy, Cha vẫn không sao cứu được tất cả mọi con cái của Cha, và đối với nhiều người, Hy Sinh của Cha sẽ trở thành lương công vô ích” (Thứ Sáu Tuần Thánh 30-3-1972).

...là vì...

Thế nhưng, vấn đề được đặt ra ở đây là, nếu nhân loại chúng ta, sau nguyên tội, đã trở nên mù quáng, mà còn biết khôn ngoan muốn tất cả những gì có lợi cho mình và dùng tất cả mọi phương tiện hay nhất để đạt được mục tiêu lợi lộc tối đa nhất cho mình khi làm bất cứ chuyện gì, thì phải nói làm sao về Thiên Chúa, Đấng vô cùng khôn ngoan thượng trí và toàn năng, Đấng đã dựng nên loài người là để cho họ được hiệp thông thần linh với Ngài, mà chẳng lẽ lại hoàn toàn thất bại, mà lại chịu thua Satan cùng bọn quỷ thần cũng là thành phần tạo vật của Ngài hay sao? Đó là lý do, cũng qua cùng nữ thụ khải viên trên đây, Chúa Giêsu đã bày tỏ tất cả tâm can của mình ra rằng:

- “*Khi Cha bị đóng đinh trên Thánh Giá như một tội nhân chỉ vì yêu, lẽ nào Cha lại chỉ được ôm lấy khoảng không trống rỗng*” (15/10/1966);

- *“Hỏa ngục chỉ thu nhặt được những căn bã xấu nhất của nhân loại. Con hãy tin rằng trước khi dành bỏ cho hỏa ngục một linh hồn, Cha đã thử dùng mọi phương thế theo lòng thương xót của Cha, để cứu rỗi linh hồn ấy...!”* (4/10/1967).

Vậy, Thiên Chúa vô cùng khôn ngoan và toàn năng sẽ làm như thế nào để cứu các linh hồn, để thực hiện dự án và lời hứa của mình về thân phận vô vàn linh hồn được cứu rỗi, chứ không phải là ít, khi Ngài phán với tổ phụ Abraham rằng: *“Ta sẽ làm cho con cháu của ngươi nhiều như sao trời cát biển”* (Gen 22:17, 32:13; 41:49).

Phải chăng Ngài luôn chơi trò 5-10-15-20-25-30-35-40-45-50 v.v. với con người, một trò chơi của trẻ con ở Việt Nam ngày xưa, một đứa lấy hai tay bịt mắt lại hay quay vào tường đọc từ 5 tới 100, cách nhau cứ 5 số như vậy, sau đó mở mắt ra đi tìm cho bằng được những đứa khác đã trốn mắt trong lúc đứa này đọc tràng số cứ cách nhau 5 như thế; nếu bắt được đứa nào trước nhất thì đứa ấy lại phải đọc câu thần chú là tràng số cách 5 này cho những đứa khác trốn? Đúng thế, Thiên Chúa đã chẳng sẵn lòng chơi trò này với tổ phụ Abraham là gì, khi Ngài, sau khi tỏ cho vị tổ phụ này biết rằng Ngài có ý định hủy diệt thành Sodoma tội lỗi, đã theo đuổi cho đến cùng cuộc mặc cả của vị tổ phụ này với Ngài về số người công chính, từ 50, 45, 40, 30, 20, 10, để có thể cứu thành Sodoma khỏi bị hủy diệt nhờ số người công chính thiểu số cũng sống ở trong cùng thành ấy (xem Gen 18:16-33). Cũng trong Cựu Ước, việc hy sinh giang tay ra cầu nguyện của một mình

Moisen cũng được Thiên Chúa sử dụng như một điều kiện bất khả thiếu để giành phần thắng lợi cho chung quân Do Thái trong trận chiến giữa dân Chúa tuyển chọn với quân Amalek trong sa mạc (xem Ex 17:11). Quả vậy, theo dự án thân linh của mình, ngay từ ban đầu, Thiên Chúa đã dựng nên con người “có nam có nữ” (Gen 1:26), tức đã dựng nên con người như một cộng đồng thế nào, thì khi cứu họ, Ngài cũng muốn cứu họ như một cộng đồng như thế, chứ không phải cứu riêng một cá nhân nào, như Ngài đã cứu cả gia đình Noe 8 người trong trận lụt đại hồng thủy vậy, một gia đình được cứu nhờ Noe sống công chính (xem Gen 7:1) và từ một gia đình này mọi loài cũng được cứu nữa (xem Gen 9:8-10).

Thật ra, không ai trên thế gian này, là loài người thuần túy, thậm chí cả đệ nhất tạo vật đầy ơn phúc Maria, có thể thực hiện được việc “yêu thay đền thay” theo chiều hướng cứu độ linh hồn bất tử và vô giá của con người, ngoại trừ một “Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người là Con Người Giêsu Kitô” (1Tim 2:5). Thế nhưng, theo dự án và công cuộc cứu độ của Thiên Chúa, nhờ Chúa Kitô và với Chúa Kitô là Đấng Cứu Chuộc Nhân Trần duy nhất, Đấng đã hóa thân làm người, đã liên kết với con người, con người cũng có thể cứu anh em mình nữa. Đó là lý do, lịch sử các thánh đã cho thấy Thiên Chúa đã tiếp tục công cuộc cứu độ các linh hồn qua các ngài. Chẳng hạn như Thánh Nữ Têrêsa Hải Đồng Giêsu, hay Thánh Faustina, v.v., những vị thánh đã cứu được rất nhiều các linh hồn bằng các việc âm thầm hy

sinh chịu khổ của các vị. Thậm chí các vị linh mục, dù về linh quyền các vị ban phát ơn cứu độ qua các phép bí tích, cũng mang lại vô vàn lợi ích thiêng liêng cho đàn chiên của mình hay cho thế gian bằng đời sống thánh thiện của các vị, chẳng hạn như Cha Piô Năm Dấu hay Cha Sở Họ A Gioan Maria Vianney. Những việc làm có tính cách yêu thay đền thay, thật sự có tác dụng cứu độ được vô vàn các linh hồn tội nhân đáng thương này của các thánh, như Thánh Gioan Maria Vianney và Thánh Faustina, theo tiểu sử của các ngài cho thấy, đã làm cho ma quỷ vô cùng hận tức đến nỗi có những lúc muốn ăn tươi nuốt sống các vị. Sở dĩ việc làm của Kitô hữu nói chung, thành phần còn ơn nghĩa Chúa, ít là không mắc tội trọng và có ý xấu, cho dù là việc nhỏ mọn mấy đi nữa, như quét nhà, rửa chén v.v. cũng có công trước mặt Chúa, cũng có giá trị cứu độ, có trị yêu thay đền thay, vì Chúa Kitô sống trong họ bởi Thánh Thần của Người, tức chính Người làm những việc đó trong họ và qua họ.

...là nhờ...

Việc yêu thay đền thay của một thiểu số các linh hồn được tuyển chọn không phải chỉ mang lại lợi ích cho các tội nhân đáng thương mà thôi, thật ra, trước hết và trên hết, mang lại lợi ích thiêng liêng cho chính họ, làm cho họ được thánh hóa, được càng ngày càng nên giống Đấng Tử Giá hơn. Đó là lý do, để cứu các tội nhân đáng thương, để yêu thay đền thay, các linh hồn được tuyển chọn thường phải hy sinh bản thân mình, thường phải chịu nhiều đau

khổ, thậm chí mang trên thân xác các dấu tích của Chúa Kitô, như trường hợp Cha Thánh Piô Năm Dấu. Chúa Kitô Phục Sinh nhưng vẫn còn mang trên thân xác dấu vết tử giá của Người, như Người tỏ cho các môn đệ thấy sau khi phục sinh để chứng thực rằng Người đã sống lại với các vị (xem Lk 24:40; Jn 20:27), và dấu vết tử giá của Đấng Phục Sinh ấy, Đấng ở lại cùng Giáo Hội cho tới tận thế ấy (xem Mt 28:20) ấy, trong giòng lịch sử Giáo Hội, vẫn liên tục và tiếp tục tỏ hiện nơi bản thân và cuộc đời của một thiểu số linh hồn tuyển chọn, điển hình nhất là các vị tử đạo, thuộc thành phần 5-10-15-20 của tổ phụ Abraham. Câu Thánh Phaolô nói rằng *"tôi mang trên thân xác tôi những dấu vết của Chúa Kitô"* (Gal 6:17), và *"tôi bù đắp nơi xác thịt tôi những gì còn thiếu nơi cuộc khổ nạn của Chúa Kitô phải chịu vì thân thể Người là Giáo Hội"* (Col 1:24) quả thực là chí lý theo ý nghĩa *"yêu thay đền thay"* có tính cách hiệp thông cứu độ này. Có thể nói, vì các tội nhân mà một thiểu số linh hồn đã trở thành ưu tuyển và được biệt đãi trong việc gắn gũi thân tình với Chúa, nhất là nên giống Người qua cuộc khổ nạn của Người, để nhờ công nghiệp của họ hợp với Người và qua thế giá của họ nơi Người, Người thương đoái thương đến các tội nhân. Như thế, trong ý định quan phòng thần linh của Thiên Chúa, tội nhân là mối lợi cho thánh nhân và thánh nhân sinh lợi cho tội nhân. Tương tự như đã xảy ra và đang xảy ra trong trường hợp giữa dân Do Thái và Dân Ngoại, ở chỗ, nhờ dân Do Thái cứng lòng mà Dân Ngoại đã được cứu cho tới khi đủ số Dân Ngoại thì dân Do Thái được cứu vậ (xem Rm 11:25-26).

Thậm chí Người cũng có thể sử dụng tất cả những hy sinh đau khổ của thành phần không phải là Kitô hữu nói chung và thành phần Kitô hữu Công giáo thánh thiện nói riêng nữa, để yêu thay đền thay, để cứu độ các linh hồn tội nhân đáng thương, thành phần càng không thể tự cứu mình. Chẳng hạn, Người có thể sử dụng những hy sinh của thành phần thai nhi vô tội bị sát hại trong bụng mẹ, như trường hợp các Thánh Anh Hài ngày xưa chết thay cho Hài Nhi Giêsu (xem Mt 2:13-18), hay thành phần vô tội bị sát hại bởi cả thiên tai (động đất, bão lụt, hỏa hoạn v.v.) lẫn nhân tai (chiến tranh, khủng bố v.v.), như trường hợp của một Simeon vì bất đắc dĩ phải vác đỡ thập giá của Chúa Kitô và với Chúa Kitô (xem Mt 27:32).

Thật ra, muốn làm một việc gì có công trước nhan Chúa, chủ thể cần phải hội đủ điều kiện ý thức, tuy nhiên, vì là những gì được Thiên Chúa cố ý sử dụng, nên việc vác đỡ thập giá Chúa Kitô của Simêon thành Cyrênê Phi Châu đây cũng có tác dụng cứu độ theo dự án của Thiên Chúa. Trường hợp các thai nhi cũng thế, sự sống của họ không phải là những gì vô ích. Nếu sự sống của các thai nhi vô tội còn quý hơn các loài hữu hình khác trên thế gian này (xem Mt 10:31, 6:26-34) thì bị triệt tiêu một cách vô ích như thế có hợp với ý định dựng nên của Thiên Chúa hay chẳng? Nếu Lời Nhập Thể đã liên kết với chung loài người và riêng từng người thế nào Người cũng tiếp tục là “những người anh em hèn mọn nhất” của chung nhân loại và của riêng thành phần Kitô hữu như thế, đến nỗi, ai làm ơn cho “một trong những người anh em hèn mọn

nhất” là làm ơn cho Người, hay ngược lại (xem Mt 25:40,45), thì quả thực sự sống của các thai nhi vô tội, vì là “thành phần anh em hèn mọn nhất” của Người, được liên kết một cách nào đó với Người là Lời Nhập Thể, đã có một giá trị được Người lợi dụng trong công cuộc cứu độ của Người vậy. Máu chiên bò trong Cựu Ước ngày xưa còn có giá trị chuộc đền và thánh hóa (xem Heb 9:13-14), huống chi mạng sống cao quý của thai nhi con người, loài được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa và tượng tự như Ngài (xem Gen 1:26-27). Nếu “Thiên Chúa đã sai Con Người đến trần gian không phải là để kết án thế gian mà để thế gian nhờ Con mà được cứu độ” (Jn 3:17), và vì thế, Chúa Kitô cũng thế, như Người tuyên bố: “Con Người đến để tìm kiếm và cứu lấy những gì đã trầm hư” (Lk 19:10), thì chẳng lẽ Người coi thường giá trị của một thai nhi con người vô tội và không lợi dụng giá trị ấy cho phần rỗi của các linh hồn đáng thương về luân lý, nhờ đó, nhờ giá trị cứu rỗi của mạng sống vô tội của mình, hợp với giá Máu vô cùng châu báu của Chúa Kitô, chính linh hồn các thai nhi cũng được cứu độ.

Chưa hết, nếu cha mẹ có thể thay cho đưa con sơ sinh của mình trong việc lãnh nhận phép rửa hiệu thành của chúng thế nào, thì các tâm hồn cầu nguyện cho thai nhi bị sát hại hay/và đau đớn trước cuộc thăm sát thai nhi vô tội này, trước nhan Chúa, cũng có thể được coi như cái đau thay cho thai nhi và của chính thai nhi, ý thức thay cho thai nhi và của chính thai nhi bị sát hại, nhờ đó, việc hy sinh của các thai nhi cũng đáng có một tác dụng yêu thay

đền thay. Nếu lưới đồng đâm vào cạnh sườn Chúa Kitô đã chết, lúc Người không còn cảm thấy gì nữa, không còn ý thức nữa, vẫn là những gì thuộc về công cuộc cứu độ, chứ không phải việc Người bị đâm thấu sau khi chết ấy không được tính vào việc cứu độ của Người thế nào, thì các thai nhi vô tội chưa ý thức cũng thế, họ bị sát hại không hoàn toàn vô ích đâu. Và lại, khi thấy Con Mình bị đâm như thế, chính Mẹ Maria đứng dưới chân thập giá Chúa (xem Jn 19:25) đã đau niềm đau của Chúa và thay cho Chúa, như bị gươm sắc thấu qua lòng (xem Lk 2:34-35); trường hợp các thai nhi vô tội bị sát hại cũng thế, họ dù chưa ý thức nhưng vẫn được trái tim Thiên Chúa yêu thương, một trái tim tiếp tục bị đâm thấu nơi các thai nhi bị phá, nhưng vẫn có thể cảm thấy đón đau qua con tim của những ai gắn bó với Người trong công cuộc cứu độ, trong việc phò sự sống, được Người tuyển chọn trong thành phần thiếu số 5-10-15-20, điển hình nhất là Chân Phước Giaxinta thiếu nhi nhỏ bé ở Fatima được Giáo Hội tuyên phong ngày 13/5/2000.

Tóm lại, theo dự án và công cuộc cứu độ thần linh vô cùng huyền nhiệm của vị "Thiên Chúa là tình yêu" (1Jn 4:8,16), Đấng đã dựng nên con người là để cho họ được sống, được muôn đời hiệp thông với Ngài, Đấng vô cùng toàn năng và khôn ngoan, thì con số được cứu độ, theo người viết này, nhiều hơn là ít, nhiều thật là nhiều, nhiều "như sao trời cát biển" trong đại dương bao la và vũ trụ bất tận của Lòng Thương Xót Chúa!

Các Tế Vật của Lòng Thương Xót Chúa cho các Tội Nhân đáng thương

Chân Phước Thiếu Nhi Fatima Giaxinta

Trong bài giảng phong Chân Phước cho Thiếu Nhi Giaxinta, người đã qua đời lúc gần 10 tuổi (11/3/1910-20/2/1920) tại Linh Địa Thánh Mẫu Fatima ngày 13/5/2000, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã nói về vị Á Thánh nữ trẻ nhất Giáo Hội này (ở đoạn 4) như sau:

- *"Giaxinta đã bị kích động sâu xa bởi thị kiến hòa ngục vào lần Đức Mẹ hiện ra 13/7, đến nỗi không một việc hy sinh hãm mình hay đền tội nào là quá sức đối với em trong việc cứu lấy các tội nhân".*

Thật thế, Giaxinta thực hiện nhiều việc hy sinh với mục đích rõ ràng là để cứu các tội nhân, như chị Lucia thuật lại trong Hồi Ký Thứ Nhất và Thứ Ba của chị (xin xem lại trang 80-86).

Chị Thánh Faustina

Ở trường hợp Chị Thánh Faustina, Chúa đánh động chị, và nhờ lời cầu nguyện của chị mà nhiều linh hồn đã được cứu rỗi, đến nỗi đã làm cho ma quỷ căm tức chị, muốn hủy diệt chị đi, như chị đã thuật lại trong Nhật Ký – Lòng

Thương Xót Chúa Trong Hồn Con ở những khoản sau đây:

“Ngày 16/12/1936. Thiên Thần bỗng mạng của con giục con cầu nguyện cho một linh hồn nào đó, và đến sáng con biết được có một người đàn ông hấp hối bắt đầu vào chính lúc ấy. Chúa Giêsu cho con biết điều này một cách đặc biệt khi có ai cần đến lời cầu nguyện của con. Con đặc biệt biết được khi nào một linh hồn hấp hối cần con cầu nguyện cho. Điều ấy hiện nay càng thường xuyên xảy ra hơn trước”. (820)

“Nhất là hiện nay, lúc con đang nằm nhà thương, con cảm thấy có một mối hiệp thông nội tâm với người hấp hối đang cần con cầu nguyện khi con hấp hối của họ bắt đầu. Chúa cho con được lạ lùng giao tiếp với người hấp hối! Vì điều này thường xảy ra hơn mà con có thể kiểm chứng sự việc xảy ra vào đúng giờ con cầu nguyện cho họ. ... Con cứ cầu nguyện cho đến khi con cảm thấy bình an trong tâm hồn, nhưng không phải bao giờ cũng dài cùng một thời lượng như nhau; vì đôi khi chỉ cần một kinh ‘Kính Mừng’ là con cảm thấy bằng an rồi... Đôi khi con phải cầu cả chuỗi kinh thương xót mới cảm thấy bình an. Con cũng thấy rằng nếu con cảm thấy buộc phải cầu nguyện lâu hơn, tức là cảm thấy lòng con cứ bồn chồn bất an, thì linh hồn ấy đang trải qua một cuộc chống chọi nặng nề và một con hấp hối cuối cùng lâu dài hơn... Đây là cách con kiểm chứng về giờ giấc xảy ra chính xác, đó là con có một chiếc đồng hồ, và con nhìn xem bấy giờ là mấy

giờ. Ngày hôm sau, khi họ nói với con về cái chết của người nào đó thì con hỏi họ xem đã xảy ra vào lúc mấy giờ, và đã xảy ra vào đúng giờ đó cũng như về cả thời lượng con hấp hối kéo dài nữa”. (835)

“Ngày 9 tháng 8 năm 1934. Châu đêm vào các Ngày Thứ Năm. Con làm giờ châu của con từ 11 đến 12 giờ đêm. Con dâng giờ châu này để cầu cho việc hoán cải các tội nhân cứng lòng, nhất là những ai mất hy vọng vào tình thương của Chúa...” (319) “... Sau giờ châu, khoảng nửa đường về đến phòng của con, con bị bao vây bởi một bầy chó đen bự con đang nhảy nhót và hú lên như muốn xé con ra thành từng mảnh. Con nhận ra rằng chúng không phải là chó mà là ma quỷ. Một tên trong chúng giận dữ nói rằng ‘vì đêm nay người đã giết khỏi chúng tao rất nhiều linh hồn mà chúng tao sẽ xé mày ra thành từng mảnh’. Con trả lời: ‘nếu đó là ý muốn của Thiên Chúa rất nhân hậu thì cứ xé ta thành từng mảnh, vì ta đáng bị như thế, bởi ta là tội nhân khốn nạn nhất trong các tội nhân, và Thiên Chúa là Đấng hằng Thánh Hào, công chính và vô cùng nhân hậu’. Nghe thấy những lời ấy tất cả đám quỷ đồng thanh trả lời rằng: ‘Chúng ta hãy tẩu thoát, vì nó không đơn thân; Đấng Toàn Năng đang ở với nó!’ Rồi chúng biến đi như bụi, như tiếng động ngoài đường, trong khi đó con tiếp tục bình an tiến về phòng của mình...” (320)

“Ngày 8 tháng 12 năm 1934. Con hiệp những đau khổ của con với những đau khổ của Chúa Giêsu và dâng chúng

cầu cho con và cho việc hoán cải của các linh hồn không tin tưởng vào lòng nhân lành của Thiên Chúa. Bỗng chốc phòng của con đầy những hình thù đen đui rất giận dữ thù ghét con. Một tên trong chúng nói rằng ‘Đồ khốn kiếp, nguoi và Đấng ở trong nguoi, vì nguoi đang bắt đầu hành hạ chúng tao ngay cả ở trong hỏa ngục’. Vừa khi con nói ‘Và Lò đã hóa thành nhục thể và ở giữa chúng ta’ thì những hình thù ấy liền vù vù biến khuất”. (323).

Các Kinh Nguyện Hiến Tế cho Lòng Thương Xót Chúa của một số Hồn Nhỏ

Tế Vật Hồn Nhỏ Têrêsa Hài Đồng Giêsu ngày 9/6/1895

Vào năm 1985 con đã được ơn hiểu biết hơn bao giờ hết là Chúa Giêsu muốn được mến yêu biết là chừng nào. Nghĩ về một ngày của những người dâng mình làm tế vật cho Đức Công Minh của Thiên Chúa, để cứu thành phần tội nhân cho khỏi bị trừng phạt bằng việc chấp nhận hình phạt ấy cho mình, con cảm thấy việc hiến dâng này là những gì cao quý và quảng đại, thế nhưng con lại không cảm thấy thu hút cho lắm. Từ tận đáy lòng của mình, con đã kêu lên rằng:

“Ôi Sư Phụ Thân Linh của con ơi, phải chăng chỉ có duy Đức Công Minh của Chúa mới chấp nhận những tế vật toàn thiêu?”

Chẳng lẽ Tình Yêu Nhân Hậu của Chúa cũng không cần hay sao? Tình Yêu Nhân Hậu của Chúa bao giờ cũng bị khinh thường, bị chê chổi... những con tim được Chúa tuôn đổ Tình Yêu Nhân Hậu này cho thì lại hướng về tạo vật để tìm kiếm hạnh phúc cho những thỏa mãn thấp hèn trong giây lát, thay vì nhào vào Vòng Tay của Chúa, vào lò lửa khôn lường của Tình Yêu Vô Cùng của Chúa.

“Ôi Chúa Trời con ơi! Chẳng lẽ Tình Yêu của Chúa bị khinh bỉ ấy lại cứ ẩn giấu trong Lòng của Chúa mãi hay sao? Theo con, nếu Chúa muốn tìm kiếm những linh hồn dâng mình làm tế vật toàn thiêu cho Tình Yêu Chúa, thì Chúa phải mau chóng thiêu hóa họ ngay đi; Chúa sẽ cảm thấy rất vui sướng khi những ngọn lửa vô cùng dịu dàng hằng nung nấu trong Trái Tim Chúa được thoát ra.

“Nếu Đức Công Minh của Chúa – những gì liên quan đến trái đất này – cần phải được thỏa đáng, thì Tình Yêu Nhân Hậu của Chúa còn muốn thiêu đốt các linh hồn hơn biết bao, vì ‘tình thương của Chúa vươn tới tận các tầng Trời’ (Cf. Psalm 35[36]:6). Ôi Chúa Giêsu! Xin cho con được làm tế vật diễm phúc được Chúa toàn thiêu bằng Lửa Tình Yêu Thân Linh!”

Mẹ yêu dấu, mẹ biết rằng tình yêu này, đúng hơn đại dương này của ân sủng đã ngập ngụa hồn con ngay sau khi con thực hiện Tác Động Toàn Thiêu này vào ngày 9/6/1895. Từ ngày đó, con đã được tình yêu thấm đẫm và bao bọc. Tình Yêu Nhân Hậu này liên li đổi mới và thanh tẩy con, không để một vết tích tội lỗi nào trong linh hồn

của con. Con không sợ Luyện Ngục; con biết rằng con không đáng thậm chí vào nơi đền tội ấy với các Linh Hồn Thánh Hào, thế nhưng, con biết rằng lửa của Tình Yêu còn thánh hóa hơn cả lửa Luyện Ngục nữa. Con biết rằng Chúa Giêsu không bao giờ lại muốn chúng ta chịu khổ vô ích, và Người sẽ không đánh động con có những ước muốn con đó nếu Người không muốn làm cho chúng nên trọn.

(Đoạn này trích dịch từ <http://www.gutenberg.org/dirs/1/6/7/7/16772/16772.txt> - The Story of a Soul -L'Histoire d'une Ame: The Autobiography of St. Therese of Lisieux with Additional Writings and Sayings of St. Therese - Translator: Thomas Taylor - Release Date: September 28, 2005 [EBook #16772] - Date last updated: January 3, 2009 - Chapter VIII Profession Of Soeur Therese)

Tế Vật Hồn Nhỏ Faustina ngày 29/3/1934

Cha muốn con thực hiện việc hiến dâng bản thân con cho tội nhân, nhất là cho những linh hồn đã mất niềm hy vọng vào tình thương của Cha.

Trước trời đất,/ trước tất cả triều thần Thiên quốc,/ trước nhan Rất Thánh Trinh Nữ Maria,/ trước tất cả mọi Quyền Năng thiên đình,/ con xin tuyên hứa cùng Thiên Chúa Duy Nhất Ba Ngôi là hôm nay,/ hiệp cùng Chúa Giêsu Kitô,/ Đấng Cứu

Chuộc của các linh hồn,/ con thực hiện/ một việc tự nguyện hiến dâng bản thân mình/ cho việc hoán cải của các tội nhân,/ nhất là cho những linh hồn/ đã mất niềm hy vọng vào tình thương của Chúa./

Việc hiến dâng này là ở chỗ,/ hoàn toàn vui lòng thuận phục ý Chúa,/ con chấp nhận tất cả mọi đau khổ,/ sợ hãi và kinh hoàng tràn đầy nơi các tội nhân./ Ngược lại,/ con sẽ hiến cho họ/ tất cả mọi niềm an ủi linh hồn con nhận được/ từ việc hiệp thông với Chúa./ Tất một lời,/ con xin cống hiến hết mọi sự cho họ:/ Các Thánh Lễ,/ những lần Hiệp Lễ,/ các việc thống hối,/ những hãm mình khổ chế,/ các lời nguyện cầu./

Con không sợ những giáng phạt,/ những giáng phạt của đức công minh thân linh,/ vì con liên kết với Chúa Giêsu./ Ôi Chúa Trời con,/ nhờ đó,/ con muốn bù đắp cho Chúa/ thay thế những linh hồn/ không tin tưởng vào lòng nhân lành của Chúa./ Trong tận cùng tuyệt vọng/ con hy vọng vào tình thương bao la của Chúa./

Lạy Chúa con và lạy Thiên Chúa của con,/ là phân phúc của con/ - phân phúc muôn đời của con,/ con không cậy sức mình để thực hiện việc hiến dâng này,/ nhưng dựa vào sức mạnh/ xuất phát từ các công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô./ Hằng ngày/ con sẽ lập lại việc hiến dâng bản thân này/ bằng việc xuống lên lời nguyện/ chính Chúa đã dạy con sau đây:/ 'Ôi Máu và Nước tuôn ra từ Trái Tim Chúa Giêsu/ như Mạch Nguồn Tình Thương cho chúng con,/ con tin tưởng nơi Chúa'.

*Nữ Tu Maria Faustina Bí Tích Thánh
Thứ Năm Tuần Thánh, trong Thánh Lễ, 29/3/1934*

(Đoạn này trích dịch từ Lòng Thương Xót Chúa trong Hồn Con - Nhật Ký của Chị Thánh Faustina, số 308-309)

Tế Vật Hồn Nhỏ biệt danh Marguerite ngày 16-7-1966

Đối với riêng nhân vật mà Chúa Giêsu gọi là "sứ giả nhỏ bé của Tình Yêu Cha" (9-5-1966), "người mà Cha đã chọn để chuyển đạt Thông Điệp Tình Yêu của Cha" (31-5-1966), "sứ mệnh của con là nền tảng cho Đạo Bình thiêng liêng các Hồn Nhỏ" (12-8-1974), thì Người đã yêu cầu tận hiến cho Người như sau:

"Con gái của Cha ơi, con có muốn hy sinh để làm môi cho tình yêu không? Cha muốn con long trọng tuyên khẩn phó thác trọn vẹn và trung thành cho Tình Yêu Nhân Hậu của Cha" (26-6-1966).

Người nữ sứ giả mà sau này Chúa Giêsu nói là "sau khi đã làm môi cho tội lỗi, đã trở thành môi cho tình yêu" (2-9-1966), vì "bao lâu nay Cha vẫn hình thành linh hồn bé nhỏ của con" (15-9-1966), vào ngày lễ Đức Mẹ Carmêlô 16-7-1966, đã chính thức tuyên hứa cùng Chúa như sau:

"Lạy Chúa Trời con, con sắp mình trước nhan Chúa, có Đức Mẹ nhân từ và triều đình thiên quốc chứng giám, con long

trọng cam kết trung thành với Chúa, và con hân hoan tận hiến làm của lễ toàn thiêu cho Tình Yêu Nhân Hậu của Chúa.

Con xin Chúa nung nấu con trong lửa tình yêu thánh thiện của Chúa, thứ tình yêu tạo nên các vị thánh. Lạy Chúa Trời con, vì lẽ con quá yếu đuối, nên con nài xin Chúa giúp con giữ trọn lời con tuyên hứa cùng Chúa hôm nay, là luôn luôn đáp ứng tiếng gọi của Chúa.

Nếu cần, xin Chúa nhắc lại cho con nhớ rằng con đã từ bỏ thế gian để chỉ kết hiệp làm một với Chúa mãi mãi. Con xin hiến dâng cho Chúa tất cả những gì thuộc về con và trọn bản thân con.

Con xin hiến dâng toàn vẹn và vĩnh viễn ý muốn của con cho Chúa. Nguyện xin thánh sứng Chúa cho con được sức mạnh để giữ trọn lời khẩn mà con đonan nguyện trước nhan Chúa hôm nay. Amen."

Cũng thế, đối với chung các Hồn Nhỏ muốn gia nhập Đạo Bình Hồn Nhỏ của Người, Chúa Giêsu cũng đã kêu gọi hiến thân cho Người như sau:

- *"Hỡi các Hồn Nhỏ, các con có muốn là những con cái của Ôn Cứu Chuộc cùng với Cha không? Giờ đây Cha xin các con điều mà Cha của Cha đã xin Cha. Song các con đừng sợ. Các con sẽ hiến dâng cho Cha nhân tính thấp hèn của các con đã được ân sủng thăng hóa mà các con có thể dâng*

lên cho Cha. Phần Cha, Cha lấy làm biết ơn khi nhận lấy những tặng vật của các con” (5-7-1967).

(Những đoạn ghi ngày tháng trên đây được trích trong cuốn Thông Điệp Tình Yêu Nhân Hậu Chúa Giêsu Anh ngữ Message of Merciful Love to Little Souls, American Edition 1986, Pope Publications)

Tế Vật Hồn Nhỏ Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL, ngày 5/4/2009

Giêsu ơi, con tin nơi Chúa!

Thế nhưng, lạy Chúa, nếu Chúa không chiếm đoạt con, con không thể nào tin nơi Chúa như Chúa muốn.

Vì con không thể nào thấu suốt được bản tính là tình yêu vô cùng nhân hậu của Chúa.

Giêsu ơi, con tin nơi Chúa!

Con biết rằng lý do duy nhất Chúa yêu con đó là vì Chúa thương con,

một thụ tạo vô cùng hèn hạ và tội lỗi trước nhan Chúa. Và sở dĩ Chúa thương con là vì Chúa chính là Tình Yêu.

Và tột đỉnh và tất cả Tình Yêu của Chúa được thể hiện nơi lòng Chúa thương con, đến nỗi

Chúa đã trở thành đáng thương hơn cả con đáng thương.

Giêsu ơi, con tin nơi Chúa!

Con biết rằng con là của Chúa và hoàn toàn thuộc về Chúa, vì Chúa đã thương dựng nên con và cứu chuộc con.

Nhưng trên thực tế con vẫn sống như không có Chúa, vẫn là chúa tể cuộc đời mình, vẫn mù quáng theo ý riêng và tự quyết. Thế mà Chúa vẫn liên tục theo đuổi con bằng những tác động thần linh cảnh báo, thanh tẩy và lôi kéo con cho đến cùng.

Giêsu ơi, con tin nơi Chúa!

Vâng, chính vì con tin nơi Chúa mà con xin Chúa hãy hoàn toàn và vĩnh viễn chiếm đoạt trái tim con, để con thực sự và trọn vẹn thuộc về Chúa, nhờ đó, không một sự gì trên thế gian này, dù cám dỗ, khổ đau hay tội lỗi có thể làm con xa Chúa, và cũng nhờ đó,

Chúa có thể thực hiện mọi sự Chúa muốn nơi con.

Giêsu ơi, con tin nơi Chúa!

Con biết rằng một khi được Chúa chiếm đoạt, đời con sẽ chẳng còn gì vui sướng trên trần gian này nữa, trái lại, nó sẽ trở thành một thung lũng tối, một đêm đẫm mồ hôi máu, một chiều Canvê tận tuyệt.

Nhưng nhờ thế con mới được diễm phúc sâu xa hiệp thông với tình yêu nhân hậu Chúa như Mẹ Maria, và nhờ đó con mới trở thành tông đồ và nhân chứng phản ảnh trung thực cho Chúa là Tình Yêu.

Giêsu ơi, con tin nơi Chúa!

Xin Chúa hãy biến bản thân con được Chúa chiếm đoạt thành giá cứu chuộc cho những linh hồn cần đến Lòng Thương Xót Chúa hơn, để đời con được trở thành

*cuộc hành trình tìm kiếm con chiên lạc của Chúa,
và để quyền năng phục sinh
chiến thắng tội lỗi và sự chết của Chúa tỏ hiện
qua những dấu vết tử giá của Chúa
nơi thân xác tro bụi của con.*

Giêsu ơi, con tin nơi Chúa!

Lạy Thánh Tâm Chúa Giêsu

hiên lành và khiêm nhường trong lòng

Xin hoán cải con trở nên

như những trẻ nhỏ của Lòng Thương Xót Chúa

để con biết nhìn tất cả mọi anh chị em con

bằng con tim của tình yêu vô cùng nhân hậu Chúa

như Mẹ Maria,

*cho tất cả được hiệp nhất nên một nhiệm thể của Chúa
trong Cha và Con và Thánh Thần. Amen.*

Lạy Chúa, con tin rằng Chúa đã thực sự nhận lời con, ở chỗ, Chúa đã bắt đầu chiếm đoạt con một cách hoàn toàn bất ngờ, ngay sau ngày con soạn dọn và đọc kinh này vào tối hôm trước, Chúa Nhật Lễ Lá 5/4/2009, và cuộc chiếm đoạt này đã thực sự xảy ra hôm Thứ Hai 6/4/2009, khi con bị mất việc làm chỉ vì lý do được cho biết là không qualify - tức không đủ khả năng làm cùng một việc con đã làm suốt, sau 24 năm là phối hợp viên phục vụ anh chị em bị chậm phát triển.

*Bài viết được Nguyệt San Hiệp Nhất
phổ biến trong số báo tháng 11-12/2009*



CHUỖI KINH TÌNH YÊU NHÂN HẬU

*(Lần Chuỗi Thương Xót theo các Dụ Ngôn
được Thánh Luca thuật lại ở đoạn 15
theo bản dịch của Cha Nguyễn Thế Thuấn, CSsR)*

Chuỗi Kinh Tình Yêu Nhân Hậu chực thứ 1

“Con chiên lạc”

Phúc Âm theo Thánh Luca (15:1-7):

¹ Các người thu thuế, cùng những kẻ tội lỗi hết thầy thường lui tới bên Ngài để nghe lời Ngài. ² Và Biệt phái kêu trách. Họ nói: "Ông ấy tiếp đón quân tội lỗi và cùng ăn với chúng". ³ Ngài mới nói cùng họ ví dụ này, rằng:

⁴ "Ai trong các ông, giả sử có trăm con chiên và lạc mất một con, há người ấy lại không bỏ chín mươi chín con ngay nơi hoang vắng, mà ruổi theo con chiên lạc, cho đến khi tìm ra con chiên lạc đó ư? ⁵ Tìm được rồi, há người ấy lại không mừng rỡ, quàng nó trên vai mình, ⁶ và về đến nhà, lại không gọi cả bạn bè hàng xóm, mà phân phô với

họ thế này sao: Bà con hãy chia vui với tôi, tôi may đã tìm thấy con chiên lạc của tôi!?" ⁷ Tôi bảo các ông: Cũng vậy, trên trời sẽ có vui mừng vì một người tội lỗi hối cải, hơn là vì chín mươi chín người công chính, những kẻ không cần phải ăn năn!"

Suy Niệm:

Thiên Chúa Hóa Công dù bị nguyên tội xúc phạm chẳng những đã thông cảm, mà còn hiện thực cao vọng của con người ‘muốn nên như Thiên Chúa’ ngay từ ban đầu nữa, khi Ngài tự động hứa ban cho họ một vị cứu tinh, xuất phát từ chính giòng dõi của họ (x Gen 3:15), Đấng là Lời Nhập Thể, Đấng đã bỏ muôn vàn thần trời tốt lành để đi tìm kiếm con chiên lạc đáng thương của mình là loài người ngây ngô như chiên giữa sỏi rừng ma quỷ ngay từ ban đầu trên trần gian, cũng chính là Đấng đã vừa kêu gọi họ ‘nên trọn lành như Cha của các con ở trên trời là Đấng trọn lành’ (Mt 5:48), vừa ban cho họ đủ mọi phương cách và phương tiện thiết yếu để nhờ đó họ có thể đạt được tham vọng ban đầu của họ nhưng tự mình họ không thể nào chiếm đạt. Người đã đến với vai trò là một mục tử nhân lành hiến mạng sống mình vì chiên, cho chiên được sự sống và là một sự sống viên mãn (x Jn 10:10). Hình ảnh người mục tử vui mừng vác con chiên lạc trên vai được thể hiện rõ ràng nhất nơi Đấng Cứu Thế vác thập giá cứu chuộc vậy.

Lần Chuỗi:

Xuống: *Lạy Cha Hằng Hữu, / con xin dâng lên Cha Mình Máu, / Linh Hôn / và Thiên Tính Con Chí Ái Cha là Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng con, / để đền bù tội lỗi của chúng con và của thế giới.*

Chung: *Vì cuộc tử nạn đau thương của Người, / xin Cha thương đến chúng con và toàn thế giới (10 lần).*

Chuỗi Kinh Tình Yêu Nhân Hậu chục thứ 2

“Đồng bạc mất”

Phúc Âm theo Thánh Luca (15:8-10):

⁸ “Hay là: Bà nào có mười đồng bạc, nếu rớt mất một đồng, há bà ấy lại không chong đèn lên, quét nhà mà tìm moi tìm móc cho kỳ được đó ư? ⁹ Tìm được rồi, há bà ấy lại không gọi cả bạn bè hàng xóm mà phân phô thế này sao: Bà con hãy chia vui với tôi, tôi đã tìm thấy đồng bạc tôi đánh mất!? ¹⁰ Cũng vậy, tôi bảo các ông: Vui mừng ắt ran lên giữa các thiên thần của Thiên Chúa vì một người tội lỗi hối cải!”

Suy Niệm:

Căn cứ vào đồng tiền Rôma có hình ảnh và huy hiệu của Hoàng Đế Ceasar, Chúa Giêsu, trong câu trả lời thành phần đến gài bẫy Người về việc có nên nộp thuế cho Ceasar hay chẳng, đã khẳng định rằng: ‘Của Ceasar hãy trả về cho Ceasar, nhưng của Thiên Chúa hãy trả về cho Thiên Chúa’ (Mt 22:21). Chính vì phẩm

vị của con người là những gì mang hình ảnh thần linh và huy hiệu thần linh giống như Thiên Chúa, mà con người phải qui về thần linh và chỉ tìm thấy an nghỉ trong ‘Thiên Chúa là thần linh’ (Jn 4:24), Đấng duy nhất có thể thỏa đáng tất cả mọi khát vọng sâu xa chân thiện mỹ của con người. Tuy nhiên, ngay từ ban đầu, nơi hai nguyên tố, con người, đã làm lu mờ đi hình ảnh thần linh của mình, bằng việc tự động muốn nên bằng Thiên Chúa theo ý riêng mình, cũng như đã bị ma quỷ bôi bẩn hình ảnh thần linh này, bằng những lời gian trá của hắn được họ sẵn sàng chấp nhận tuân hành. Việc con người làm lu mờ hình ảnh thần linh của mình, và bị ma quỷ bôi bẩn hình ảnh thần linh nơi mình, chẳng khác gì như họ đã làm mất đi cái giá trị siêu việt của mình, cái phẩm giá thần linh được làm con cái Thiên Chúa của mình là những gì chỉ thấy nơi duy Người Nữ Hoàn Thai Vô Nhiễm, người đàn bà đã tìm lại được đồng bạc bị thất lạc nơi ơn cứu độ của Con Mình.

Lên Chuỗi:

Xuống: *Lạy Cha Hằng Hữu,..*

Chung: *Vì cuộc tử nạn đau thương của Người, (10 lần).*

Chuỗi Kinh Tình Yêu Nhân Hậu chục thứ 3

“Người cha đã chia gia tài cho các con”

Phúc Âm theo Thánh Luca (15:11-19):

¹¹ Ngài còn nói: "Người kia có hai đứa con. ¹² Con thứ nói với cha: 'Thưa cha, xin ban cho con phần gia sản thuộc về con!' Vậy người cha đã phân chia của cải cho chúng nó. ¹³ Không mấy ngày sau, con thứ tiêu tốn hết cả vốn liếng mà chạy đi phương xa. Và ở đó, nó sống trác táng đã phá tan sản nghiệp".

¹⁴ "Khi nó tiêu sạch cả rồi, thì khắp miền đó, lại xảy ra nạn đói kém khủng khiếp và nó bắt đầu lâm phải túng thiếu. ¹⁵ Nó đi sống bám nhờ một người dân trong vùng ấy; và người này sai nó ra đồng chăn heo. ¹⁶ Nó ước gì có thể lấy muồng muồng heo ăn mà thốn cho đầy bụng, mà cũng chẳng có ai mà bố thí cho nó. ¹⁷ Hồi tâm lại, nó nói: Biết bao nhiêu người làm công cho cha tôi có dư thừa bánh ăn, còn tôi thì phải chết đói ở đây! ¹⁸ Thôi dậy! tôi sẽ về cùng cha tôi, tôi sẽ nói với người: 'Thưa cha, con đã trót phạm tội nghịch với trời và trước mặt cha; ¹⁹ con không còn đáng gọi là con cha nữa, xin xử với con như một người làm công của cha thôi'.

Suy Niệm:

Thiên Chúa đã thực hiện việc chia gia tài của mình bằng Bí Tích Rửa Tội, làm cho 'những ai tin vào phúc âm mà lãnh nhận sẽ được cứu rỗi' (Mk 16:16), tức là được hiệp thông thần linh với Ngài, được nên con cái thừa nhận của Ngài (x Gal 4:4), được ở trong Nhà của Người là Tình Yêu Nhân Hậu của Ngài đối với họ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, gia tài thần linh Kitô hữu được Thiên Chúa ban cho nơi Phép Rửa là 'quyền được làm

con cái Thiên Chúa' (Jn 1:12) này, vẫn có thể bị mất đi bởi cuộc sống phung phá của Kitô hữu với những trọng tội họ phạm, những trọng tội họ phạm đến 'Thiên Chúa' chân thật duy nhất, bằng việc tôn thờ ngẫu tượng của họ, coi tạo vật hơn Ngài, và phạm đến 'cha' là Vị đã sinh ra họ và yêu thương họ, phạm bằng những hành động phản bội và vô ơn bội nghĩa của họ đối với Ngài. Thế nhưng, Ngài chẳng những đã nhưng không ban cho họ gia tài thần linh họ không xứng đáng lãnh nhận, mà còn biến dữ thành lành cho họ, ở chỗ, để cho họ phải rơi vào tình trạng tận cùng đau thương nhục nhã do chính tội lỗi của họ gây ra cho họ, nhờ đó họ mới có thể mở mắt ra để thấy được rằng một khi sống không có Thiên Chúa, sống xa Cha của mình, bỏ Ngài mà đi, họ chỉ gặp toàn là bất hạnh và bất an, họ chỉ đi đến chỗ tự hủy diệt mình, cho đến khi họ dứt khoát quay trở về với Đấng là nguồn hạnh phúc chân thật duy nhất và là Đấng có thể làm thỏa đáng tất cả mọi khát vọng vĩnh phúc của họ.

Lên Chuỗi:

Xướng: *Lạy Cha Hằng Hữu...*

Chung: *Vì cuộc tử nạn đau thương của Người, (10 lần).*

Chuỗi Kinh Tình Yêu Nhân Hậu chực thứ 4

“Con ta đã chết được hoàn sinh”

Phúc Âm theo Thánh Luca (15:20-24):

²⁰ “Và nó đã chỗi dậy mà về cùng cha nó. Nó còn ở đằng xa, thì cha nó đã thấy nó, và ông chạnh lòng thương: chạy lại, ông bá lấy cổ nó mà hôn lấy hôn để. ²¹ Người con mới nói với ông: ‘Thưa cha, con đã trót phạm tội nghịch với Trời và trước mặt cha, con không còn đáng gọi là con cha nữa!’ ²² Nhưng cha nó đã nói cùng tôi tớ: ‘Mau mau! đem áo thượng hạng mà mặc cho nó, hãy xỏ nhẫn vào tay nó, và giày vào chân nó; ²³ rồi đem con bò tơ nầy mà hạ đi! ta phải ăn khao mới được, ²⁴ Vì này con ta đây: nó đã chết mà lại hoàn sinh, đã mất đi mà lại tìm thấy được’. Và người ta mở tiệc ăn khao’.

Suy Niệm:

Trong dụ ngôn này, người con tìm về với cha chứ cha không đi tìm con, dù có yêu con đến thế nào chẳng nữa. Bởi vì, trong dụ ngôn con chiên lạp và đồng bạc mất trước đó, Vị “Thiên Chúa là tình yêu” (1Jn 4:8,16), qua Con Ngài là Lời Nhập Thể Vượt Qua cũng như nhờ Người Mẹ của Con mình, Ngài đã đi tìm kiếm và đã thực sự cứu vớt những gì đã hư trầm (xem Lk 19:10) là loài người sa đọa, với một bản tính bị băng hoại bởi lây nhiễm nguyên tội. Đó là lý do, nhờ đã được cứu độ bởi Chúa Giêsu Kitô cùng với Người Mẹ đồng công cứu

chuyện của Người, con người mới bắt đầu được thừa hưởng gia tài thần linh nơi Bí Tích Rửa Tội. Ở đây, sau khi phung phá gia tài thần linh của mình bằng những tội trọng, Kitô hữu hồi nhân quả thực, qua Bí Tích Hòa Giải, đã được phục hồi tất cả những gì đã bị mất đi bởi trọng tội trước đó, chẳng những chính Thánh Sùng là quyền làm con Thiên Chúa mà còn các nhân đức và công nghiệp họ lập được với tư cách là con cái của Thiên Chúa. Và cũng nhờ Bí Tích Hòa Giải này, họ được tái tham dự Bàn Tiệc Thánh, nơi việc hiệp lễ, việc được rước lấy Mình Thánh Máu Thánh Chúa Kitô, một thân lương làm cho họ no thỏa Thánh Linh, chứ không phải như thứ của ăn của loài heo tiêu biểu cho những gì là xác thịt mà họ thèm khát cũng không được thưởng thức trong giai đoạn họ ở trong vực thẳm khốn cùng bất hạnh của mình trước đó.

Lên Chuỗi:

Xương: *Lạy Cha Hằng Hữu,..*

Chung: *Vi cuộc tử nạn đau thương của Người, (10 lần).*

Chuỗi Kinh Tình Yêu Nhân Hậu chực thứ 5

«Tất cả của cha đều là của con»

Phúc Âm theo Thánh Luca (15:25-32):

²⁵ “Nhưng con cả của ông thì ở ngoài đồng. Thoạt khi nó vừa lại gần nhà, thì nghe có đàn ca múa hát. ²⁶ Chàng gọi một tên đầy tớ lại mà dò hỏi xem có gì thế. ²⁷ Tên đầy

tó nói với chàng: ‘Ấy em cậu vừa về đó, và cha cậu đã cho hạ bò tơ nấy, vì cậu đã được lại con an lành mạnh khỏe’.²⁸ Chàng liền nổi giận và không thèm vào nhà. Cha chàng phải ra dỗ chàng.²⁹ Chàng đáp lại mà nói với cha: ‘Này đã bao nhiêu năm trời, tôi làm cho ông, cũng chưa hề lướt lệnh ông; thế mà có bao giờ ông cho tôi được một con dê con để ăn mừng với chúng bạn.’³⁰ Còn khi thằng con ông này đã ngốn xong cả sản nghiệp của ông với đàn đĩ mà về, thì ông lại hạ bò tơ nấy mừng nó’.

³¹ “Cha chàng mới nói: ‘Này con! con hằng ở luôn với cha, thì tất cả của cải cha đều là của con.’³² Nhưng phải ăn khao mà mừng chứ, vì em con đó, nó đã chết mà lại sống, đã mất đi mà lại tìm thấy được”.

Suy Niệm:

Đúng là xa cha thì phung phá nhưng gần cha lại hoang đàng. Ở chỗ, trong khi người con phung phá bỏ nhà ra đi lại là người hiểu cha mình hơn ai hết, thậm chí hơn cả người anh luôn ở gần cha, bởi đó người con xa cha này đã dám tin tưởng trở về với cha và quả đã được cha chờ đón hết sức thương yêu và trân quý ngoài lòng mong ước của nó, trong khi người anh không hề làm trái lệnh cha tí nào, không hề bỏ cha mà đi, luôn ở cùng nhà với cha, nhưng lại chẳng hiểu cha gì hết, đến độ, tưởng mình chỉ là người ở ké trong nhà cha, tương tự như thành phần làm thuê cho cha, làm gì cũng cần phải được tưởng thưởng và trả công tương xứng, chứ không phải là con, không phải là người chắc chắn sẽ được thừa kế gia nghiệp của cha, vì không coi ‘tất cả

của cha là của con’ như lòng mong ước và ý định của người cha, và như quyền bẩm sinh của một người làm con. Chính vì có một tâm trạng không thực sự hiệp thông với cha của mình như thế mà người con hằng gần cha ấy đã cảm thấy ghen tị với người em phung phá của mình khi nó được cha tiếp nhận một cách trọng thể, và đã tỏ thái độ uất hận với cha, không muốn ở với cha nữa. Thái độ của người con gần cha tỏ ra với người em xa cha trở về cho thấy người con gần cha này quả là xa cha hơn còn là người em phung phá nữa. Người con gần cha mà lại xa cha hơn ai hết và hơn bao giờ hết này là thành phần được Chúa Giêsu huấn dụ rằng: “Hãy đi mà học ý nghĩa của những lời này ‘Tôi cần tình thương chứ không phải hy tế. Tôi đến để kêu gọi các tội nhân chứ không phải thành phần tự cho mình là công chính’” (Mt 9:12-13).

Lên Chuỗi:

Xướng: *Lạy Cha Hằng Hữu,/ con xin dâng lên Cha Mình Máu,/ Linh Hôn/ và Thiên Tính Con Chí Ái Cha là Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng con,/ để đền bù tội lỗi của chúng con và của thế giới.*

Chung: *Vì cuộc tử nạn đau thương của Người,/ xin Cha thương đến chúng con và toàn thế giới (10 lần).*

CHUỖI KINH SỰ SỐNG

(Lên Chuỗi Thương Xót
chiêm ngưỡng Lòng Thương Xót Chúa
nơi biến cố Lazarô được hồi sinh
theo Phúc Âm Thánh Gioan đoạn 11)

“Ai tin Thầy dầu có chết cũng sẽ được sống”
(John 11:1-45)

Mầu Nhiệm 1
“Lagiarô bạn chúng ta đang ngủ”

Phúc Âm:

Khi ấy, có một người đau liệt tên là Lagiarô, ở Bêtania, làng quê của Maria và Martha. Maria này chính là người đã xức dầu thơm cho Chúa, và lấy tóc lau chân Người. Em trai bà là Lagiarô lâm bệnh. Vậy hai chị sai người đến thưa Chúa Giêsu rằng: *“Lạy Thầy, người Thầy yêu đau liệt”*. Nghe tin ấy, Chúa Giêsu liền bảo: *“Bệnh này không đến nỗi chết, nhưng để làm sáng danh Thiên Chúa, nhờ đó Con Thiên Chúa sẽ được vinh hiển”*. Chúa Giêsu

thương Martha và em là Maria và Lagiarô. Khi hay tin ông này đau liệt, Người còn lưu lại đó hai ngày. Rồi Người bảo môn đệ: *“Chúng ta hãy trở lại xứ Giuđêa đi”*. Môn đệ thưa: *“Thưa Thầy, mới đây người Do Thái tìm ném đá Thầy, mà Thầy lại còn muốn trở về đó hay sao?”* Chúa Giêsu đáp: *“Một ngày lại chẳng có mười hai giờ sao? Nếu ai đi ban ngày thì không vấp ngã, vì họ thấy ánh sáng mặt trời; nhưng kẻ đi ban đêm sẽ vấp ngã vì không có ánh sáng”*. Người nói thế, rồi lại bảo họ: *“Người bạn Lagiarô của chúng ta đang ngủ, dầu vậy Ta cũng hãy đi đánh thức anh ta dậy”*.

Suy Niệm:

Đúng là tình yêu có những lý lẽ của mình, đến nỗi trí khôn tự nhiên nhiều khi không thể nào hiểu nổi và lòng muốn không thể nào chấp nhận được. Chúa Giêsu thương chị em Lazarô, nhưng khi hay tin bạn thân của mình đau nặng Người cũng không chịu đến thăm ngay. Mà phải chờ cho tới khi người bạn thân này chết đã rồi mới tới. Thế nhưng, Chúa Giêsu chẳng những thương chị em Lazarô mà còn thương hết mọi người khác nữa. Bởi đó, Người muốn dùng chính người bạn thân của mình làm tế vật để tỏ lòng thương những người khác. Tức là Người để cho người bạn thân Lazarô của mình phải qua đời, để nhờ việc qua đời của Lazarô đối với Người như là một giấc ngủ này mà tỏ mình ra bằng việc đánh thức dậy, nhờ đó nhiều người sẽ tin vào Người mà được cứu độ.

Câu Xin:

Bởi thế, Lạy Chúa, mỗi khi chúng con hay những người thân yêu của chúng con phải chịu đau khổ thử thách và bất hạnh trên đời này, xin cho chúng con hãy vững lòng trông cậy vào việc quan phòng thần linh đầy yêu thương của Chúa. Và xin cho chúng con hằng biết thâm tín rằng tất cả những gì Chúa làm, dù làm cho chúng con là loại sống trong xác thịt khổ đau mấy đi nữa, đều mang lại lợi ích cho những ai tin tưởng nơi Chúa (xem Rôma 8:28). Nếu Chúa là Đấng đã không dung tha cho chính Con Một của mình, trái lại, đã phũ phàng phó nộp Người vì tất cả chúng con (x Rôma 8:32), thì chẳng lẽ Chúa lại vui thích khi thấy chúng con là con cái Chúa yêu thương bị quẫn quại khổ đau hay sao? Nếu những đau khổ của chúng con đây là những gì làm vinh danh Chúa, lợi ích cho cả người ra đi trước chúng con cũng như cho những ai còn ở lại như chúng con, thì chúng con xin dâng lên Chúa tất cả mọi đau khổ của những ai vô tội đang gặp đau thương khốn khó phần hồn hay phần xác hoặc cả hai trên thế giới này, để xin Chúa thánh hóa bản thân họ, cứu các tội nhân và ban hòa bình cho thế giới.

Lân Chuỗi:

Xướng: *Lạy Cha Hằng Hữu,/ con xin dâng lên Cha Mình Máu,/ Linh Hôn/ và Thiên Tính Con Chí Ái Cha là Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng con,/ để đền bù tội lỗi của chúng con và của thế giới.*

Chung: *Vì cuộc tử nạn đau thương của Người,/ xin Cha thương đến chúng con và toàn thế giới (10 lần).*

Mầu Nhiệm 2 **“Lagiarô đã chết”**

Phúc Âm:

Môn đệ thưa: *“Thưa thầy, nếu anh ta ngủ, thì anh ta sẽ thức dậy thôi”*. Chúa Giêsu có ý nói về cái chết của Lagiarô, nhưng môn đệ lại nghĩ Người nói về giấc ngủ. Bấy giờ Chúa Giêsu mới nói rõ: **“Lagiarô đã chết rồi. Nhưng ta mừng cho các con, vì Ta không có mặt ở đó để các con tin. Vậy chúng ta hãy đi đến nhà của anh ta”**. Lúc đó Tôma cũng có tên là Đidimô nói với đồng bạn: *“Chúng ta cũng hãy cùng đi để chết với Người”*. Đến nơi, Chúa Giêsu thấy Lagiarô đã được an táng bốn ngày rồi. (Bêtania chỉ cách Giêrusalem chừng mười lăm dặm). Nhiều người Do Thái đến nhà Martha và Maria để an ủi hai bà vì người em đã chết.

Suy Niệm:

Đúng thế, Chúa Giêsu quả thực đã cố ý để cho Lazarô bạn thân của mình chết hoàn toàn rồi mới xuất hiện. Bởi vì, Người biết rằng cái chết của người bạn thân này, cái chết bất hạnh với chính bản thân anh ta cũng như bất hạnh cho cả hai người chị của anh ta, sẽ mang lại lợi ích thiêng liêng cho cả 3 chị em, cho thành phần dân chúng láng giềng của 3 chị em chứng kiến thấy việc cả thể Chúa làm nói chung, và nhất là cho các môn đệ chứng nhân tiên khởi của Người nói riêng: *‘Lagiarô đã chết rồi. Nhưng Thầy mừng cho các con, vì Thầy không có mặt ở đó để các con tin’*.

Cầu Xin:

Vâng, Lạy Chúa, nếu việc Chúa tỏ mình ra hoàn toàn và trọn vẹn nhất là khi Chúa bị treo trên cây thập tự giá thì chúng con cũng chỉ gặp thấy Chúa nơi thập giá mà thôi: “Khi nào Tôi bị treo lên khỏi mặt đất, Tôi sẽ kéo tất cả mọi người lên cùng Tôi” (Gioan 12:32). Xin Chúa cho chúng con ý thức được rằng thập giá là biểu hiệu cho tội lỗi và sự chết, sau khi Chúa đã tự nguyện hy hiến mạng sống mình vì chúng con trên đó, thì nó đã trở thành Thánh Giá, đã trở thành phương tiện Chúa dùng để cứu chuộc loài người chúng con. Nếu thực sự Chúa muốn tiếp tục tỏ mình ra trên thế gian qua các đau khổ thử thách của chúng con, để Sự Sống Thần Linh và Quyền Năng Phục Sinh của Chúa được thể hiện rạng ngời nơi bản thân yếu hèn của chúng con (xem 2Corintô 4:10-11), thì xin Chúa hãy ban cho chúng con sức mạnh để chúng con thà chịu khổ mà sống bằng an và đẹp lòng Chúa hơn là được mọi may lành lại tội lỗi mất lòng Chúa.

Lên Chuỗi:

Xương: *Lạy Cha Hằng Hữu, / con xin dâng lên Cha Mình Máu, / Linh Hồn / và Thiên Tính Con Chí Ái Cha là Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng con, / để đền bù tội lỗi của chúng con và của thế giới.*

Chung: *Vì cuộc tử nạn đau thương của Người, / xin Cha thương đến chúng con và toàn thế giới (10 lần).*

Mẫu Nhiệm 3

“Lazarô em con sẽ sống lại”

Phúc Âm:

Khi hay tin Chúa Giêsu đến, Martha đi đón Người, còn Maria vẫn ngồi nhà. Martha thưa Chúa Giêsu: *“Thưa Thầy, nếu Thầy có mặt ở đây thì em con không chết. Tuy nhiên, ngay cả bây giờ, con biết Thầy xin gì cùng Thiên Chúa, Thiên Chúa cũng sẽ ban cho Thầy”*. Chúa Giêsu nói: *“Em con sẽ sống lại”*. Martha thưa: *“Con biết ngày tận thế, khi kẻ chết sống lại, thì em con cũng sẽ sống lại”*. Chúa Giêsu nói: *“Ta là sự sống lại và là sự sống, ai tin Ta thì dầu có chết cũng sẽ được sống. Và kẻ nào sống mà tin Ta, sẽ không phải chết bao giờ. Con có tin điều đó hay chăng?”*

Suy Niệm:

Phải, để Chúa có thể tỏ mình ra, con người phải biết tin tưởng nơi Người. Tức là, chỉ có con mắt đức tin mới thấy được việc làm của Thiên Chúa, mới thấy được những dấu chỉ thời đại, mới thấy được sự hiện diện thần linh trong cuộc đời của chúng ta. Nếu “Thiên Chúa là Tình Yêu” (1John 4:8,16), tức Ngài không thể nào là Thiên Chúa mà không yêu, thậm chí Ngài yêu chúng ta cả khi chúng ta còn là những tội nhân (xem Rôma 5:8), chẳng tốt lành gì, hay khi chúng ta còn là những kẻ thù phạm đến Ngài, đáng phải trầm luân muôn đời, thì Ngài luôn ở với loài người chúng ta, luôn tìm kiếm từng con chiên lạc chúng ta và hân hoan hơn hờ khi thấy chúng ta như đứa

con hoang đang trở về với Ngài. Tội lỗi loài người chúng ta xúc phạm đến Vị Thiên Chúa là Tình Yêu này nhất, không phải là tội giết người, tội loạn luân, cho bằng tội không tin tưởng vào tình thương vô cùng nhân hậu của Ngài.

Cầu Xin:

Đó là lý do, lạy Chúa, chúng con tin rằng nhiều linh hồn được cứu chuộc hơn là bị hư đi. Hỏa ngục chỉ vớ được chút cặn bã của thế gian mà thôi. Thật vậy, nếu loài người chúng ta làm việc gì cũng phải có lợi mới làm, thì chẳng lẽ việc Thiên Chúa dựng nên loài người lại là việc thiệt hại mà Ngài cứ làm hay sao?! Nếu không một ai khôn ngoan và toàn năng hơn Chúa, thì chẳng lẽ Chúa lại thua ma quỷ trong việc cứu rỗi các linh hồn hay sao!? Nếu phần rỗi của loài người nói chung và của từng linh hồn nói riêng cao quý đến nỗi Chúa đã phải hạ mình xuống làm người vô cùng hèn hạ và tử nạn vô cùng khốn nạn, thì chẳng lẽ Chúa lại đành để cho loài người hết sức mù tối và yếu đuối chúng con phải đời đời hư đi hay sao?! Nếu một lúc nào đó trong đời chúng con không còn thể tự cứu được mình nữa, thì đã có đức tin của anh chị em chúng con nâng đỡ chúng con. Đó là lý do, nhờ việc tuyên xưng của Matta chị mình mà thầy ma Lazarô không tự mình tuyên xưng đức tin cũng đã được cải tử hoàn sinh bước ra khỏi mồ, để việc Chúa được tỏ hiện và Chúa được nhận biết. Xin Chúa cho chúng con cũng biết hy sinh cứu các tội nhân như 3 Thiếu Nhi Fatima, nhất là như Chân Phước Giaxinta.

Lên Chuỗi:

Xương: *Lạy Cha Hằng Hữu,/ con xin dâng lên Cha Mình Máu,/ Linh Hồn/ và Thiên Tính Con Chí Ái Cha là Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng con,/ để đền bù tội lỗi của chúng con và của thế giới.*

Chung: *Vì cuộc tử nạn đau thương của Người,/ xin Cha thương đến chúng con và toàn thế giới (10 lần).*

Mầu Nhiệm 4

“Lagiarô đã được chôn táng ở đâu?”

Phúc Âm:

Bà thưa: *“Thưa Thầy: vâng, con đã tin Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống đã đến trong thế gian”*. Nói xong bà về gọi Maria em gái bà và nói thầm với em rằng: *“Thầy ở ngoài kia, Người gọi em đó”*. Nghe vậy, Maria vội vàng đứng dậy và đi đến cùng Chúa. Vì lúc đó Chúa Giêsu chưa vào trong làng, Người còn đang đứng ở nơi Martha đã gặp Người. Những người Do Thái cùng ở trong nhà với Maria và an ủi bà, khi thấy bà vội vã đứng dậy ra đi, họ cũng đi theo bà, tưởng rằng bà đi ra khóc ngoài mộ. Vậy khi Maria đến chỗ Chúa Giêsu đứng, thấy Người, bà liền sấp mình xuống dưới chân Người và nói: *“Thưa Thầy, nếu Thầy có mặt đây, thì em con đâu có chết”*. Khi thấy bà khóc nức nở và những người Do Thái theo bà cũng khóc, Chúa Giêsu thôn thức và xúc động. Người hỏi: *“Đã an táng Lagiarô ở đâu?”* Họ thưa: *“Thưa Thầy, xin đến mà xem”*. Chúa Giêsu roi lệ. Người Do Thái liền nói: *“Kìa, xem Ngài thương ông ấy biết bao”*.

Suy Niệm:

Tại sao Chúa Giêsu lại khóc? Phải chăng vì Người không cầm được lòng khi thấy Maria khóc? Nhưng Maria sở dĩ khóc là vì Lazarô thân yêu của chị em cô đã chết, trong khi đó, Chúa Giêsu biết chắc chắn rằng Người có thể làm Lazarô cải tử hoàn sinh cho chị em cô cơ mà! Vậy thì phải chăng động lực thúc đẩy Người khóc, cử chỉ hết sức hiếm hoi và đặc biệt được Phúc Âm lần đầu tiên ghi nhận này, là vì, ngay lúc bấy giờ, Người nghĩ đến các linh hồn bất tử vô cùng cao quý nói chung, nhất là linh hồn của thành phần bạn thân của Người nói riêng, sẽ đời đời bị chôn vùi trong nấm mồ sự chết, không bao giờ bước ra khỏi ngôi mồ vĩnh tử này nữa, không còn nghe thấy tiếng gọi của Người nữa, khi Người lên tiếng gọi họ như đã gọi Lazarô “*hãy bước ra khỏi mồ*”.

Câu Xin:

Đúng thế, về phương diện tâm linh, con người tội lỗi trên đời này là một con người sống trong sự chết, một sự chết, đối với Chúa, chẳng khác gì như là một giấc ngủ (xem Mt 9:24; Jn 11:11), Người cần phải gọi họ dậy, lay tỉnh họ dậy, bằng hiện sủng, thậm chí bằng cả thánh giá đau khổ. Vì là một giấc ngủ, dù có ngủ say, ngủ mê ngủ mệt đến mấy, đến độ “*xông mùi*” đi nữa, như trường hợp của Lazarô, bởi “*lời Chúa là những gì sống động và tác hiệu, sắc hơn gươm hai lưỡi. Thấu nhập và chia cắt hồn thiêng, xương tủy; phán quyết tâm tưởng của cõi lòng*” (Heb 4:12), con người tội lỗi vẫn còn khả năng nghe được tiếng “*Thiên Chúa là Thân Linh*” (Jn 4:24): “*Kẻ chết sẽ nghe*

thấy tiếng của Con Thiên Chúa và những ai nghe theo tiếng ấy sẽ được sống” (Jn 5:25). Đó là lý do, lay Chúa, chỉ có kẻ nào muốn đời đời hư đi mới bị hư đi mà thôi, chỉ có kẻ nào nhất định chọn Satan và ma quỷ làm bạn, chọn hỏa ngục làm thiên đường mới vĩnh viễn mất Chúa là cùng đích của mình mà thôi. Xin Chúa đừng để chúng con bao giờ hồ nghi lòng thương xót vô cùng bao la rộng lượng của Chúa, trái lại, càng tội lỗi chúng con càng cần đến lòng thương xót Chúa, càng gần lòng thương xót Chúa hơn ai hết và hơn bao giờ hết.

Lân Chuỗi:

Xương: *Lạy Cha Hằng Hữu,/ con xin dâng lên Cha Mình Máu,/ Linh Hôn/ và Thiên Tính Con Chí Ái Cha là Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng con,/ để đền bù tội lỗi của chúng con và của thế giới.*

Chung: *Vì cuộc tử nạn đau thương của Người,/ xin Cha thương đến chúng con và toàn thế giới (10 lần).*

Mầu Nhiệm 5

“Lagarô! Hãy ra đây!”

Phúc Âm:

Nhưng có mấy kẻ trong đám nói: “*Ông ấy đã mở mắt người mù từ khi mới sinh lại chẳng lẽ không làm được cho người này khỏi cái chết ư?*” Chúa Giêsu lại xúc động; Người đi đến mộ. Mộ đó là một hang nhỏ có tảng đá đặt trên. Chúa Giêsu bảo: “**Hãy đẩy tảng đá ra**”. Martha là chị

người chết, thưa: “Thưa Thầy, đã nặng mùi rồi vì đã qua cả bốn ngày”. Chúa Giêsu lại nói: “**Ta đã chẳng bảo con rằng: Nếu con tin, con sẽ được xem thấy vinh quang của Thiên Chúa sao?**”? Thế là người ta cất tảng đá ra. Chúa Giêsu ngược nhìn lên và nói: “**Lạy Cha, con cảm tạ Cha đã nhậm lời con. Con biết: Cha hằng nghe lời con. Nhưng con nói lên vì những người đứng xung quanh đây, để họ tin rằng Cha đã sai Con**”. Nói rồi, Người kêu lớn tiếng: “**Lagiarô! Hãy ra đây!**”. Người đã chết đi ra, chân tay còn quấn những mảnh vải, trên mặt quấn khăn liệm. Chúa Giêsu bảo: “**Hãy cởi ra cho anh ấy đi**”. Một số người Do Thái đến thăm Maria, khi được chứng kiến những việc Chúa Giêsu làm, thì đã tin vào Người.

Suy Niệm:

Phải, sự kiện thân xác của con người Lazarô dù đã bắt đầu xông mùi hôi thối, báo hiệu tình trạng rữa nát, mà Chúa Giêsu vẫn còn cải tử hoàn sinh để có thể tự bước ra khỏi mộ, là những gì Người muốn tỏ cho con người biết rằng, dù linh hồn con người có tội lỗi đến đâu chẳng nữa, có xông mùi âm ti hỏa ngục đi nữa, Người vẫn có thể cải tử hoàn sinh linh hồn ấy. Vì chính Người “là Sự Sống lại và là Sự Sống”. Người đã toàn thắng tội lỗi và sự chết, đã phá đổ quyền năng vương quốc cùng tất cả mọi việc làm của ma quỷ (x 1Jn 3:8). Người vẫn ở cùng Giáo Hội của Người cho đến tận thế (x Mt 28:20). Người vẫn hiện diện và thông mình ra qua các Bí Tích Thánh, nhất là Bí Tích Thánh Thể. Thánh Linh Người thông cho các tông đồ từ thân xác phục sinh của Người vào buổi sáng ngày Người

sống lại từ cõi chết (x Jn 20:22), vẫn đang canh tân bộ mặt trái đất qua hoạt động truyền bá phúc âm hóa của Giáo Hội, để tất cả mọi sự được tạo dựng từ ban đầu trở thành trời mới đất mới (x Rev 21:1), nơi Thiên Chúa là tất cả trong mọi sự muôn đời ngự trị (x 1Cor 15:28; Rev 21:3).

Câu Xin:

Vâng, lạy Chúa Giêsu Kitô, để chúng con được tái sinh bởi trên cao (x Jn 3:3), Chúa đã ban Thánh Linh là Đấng ban sự sống cho chúng con qua Cuộc Vượt Qua của Chúa. Chính Thánh Linh là Đấng ở trong chúng con như Đền Thờ của Ngài đã làm cho chúng con được sống và sống viên mãn (x Jn 10:10). Đến nỗi, thân xác mang mầm mống chết chóc của chúng con, ở chỗ nó luôn xu hướng về xác thịt, tác hành phản lại lề luật và tinh thần phúc âm của Chúa (x Rm 8:15-23), đang được phục sinh từ từ, đang được Ngài biến đổi cho nên giống như thân xác phục sinh hiển vinh của Chúa (x Phil 3:21; Rm 8:11). Chúng con xin hiến dâng thân xác tro bụi của chúng con đây cho Chúa, xin Chúa hãy tùy ý sử dụng nó, để nó không còn là khí cụ hành ác mà, theo tác động canh tân của Thánh Thần, trở thành khí cụ công chính hành thiện (x Rm 6:13) trong việc phục vụ Giáo Hội Chúa và xã hội loài người, dù có phải hiến mạng sống mình đi nữa, cho “Danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời” (x Mt 6:9-10) .

Lên Chuỗi:

Xuống: *Lạy Cha Hằng Hữu,/ con xin dâng lên Cha Mình Máu,/ Linh Hồn/ và Thiên Tính Con Chí Ái Cha là Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng con,/ để đền bù tội lỗi của chúng con và của thế giới.*

Chung: *Vì cuộc tử nạn đau thương của Người,/ xin Cha thương đến chúng con và toàn thế giới (10 lần).*

Tổng Nguyên:

Lạy Thiên Chúa là Tình Yêu, Chúa đã dựng nên chúng con vì Chúa và cho Chúa nên lòng chúng con khắc khoải cho tới khi được nghỉ an trong Chúa, cho tới khi chúng con tìm được Chúa. Thế nhưng, Chúa quá biết loài người tạo vật chúng con không thể nào có thể đến với Chúa, nên Chúa đã tự động đến với chúng con nơi Lời Nhập Thể, đã tìm gặp chúng con nơi Chúa Kitô Tử Giá và Phục Sinh, đang ở với chúng con qua Chúa Giêsu Thánh Thể và luôn sinh động trong chúng con bằng quyền lực Thánh Thần. Giờ đây, qua Bí Tích Rửa Tội Tái Sinh, chúng con đã được trở nên con cái Chúa là Cha chúng con ở trên trời, trở nên chi thể của Chúa Kitô là Đầu của Nhiệm Thể Giáo Hội, và trở nên Đền Thờ của Chúa Thánh Thần là Đấng sống trong chúng con, để chúng con được Hiệp Thông Sự Sống Thần Linh với Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất của chúng con.

Lạy Mẹ Maria, Mẹ quá biết đời sống Kitô hữu thành phần môn đệ của Chúa Kitô là một cuộc hành trình đức tin đầy chông gai hiểm hóc, chẳng những phải sống vượt lên trên

bản tính tự nhiên mang đầy mầm mống tội lỗi của mình, còn phải sẵn sàng chấp nhận thân phận bị thế gian chống đối, ghen ghét và bách hại nữa. Nếu các vị tông đồ được Chúa Kitô trực tiếp kêu gọi, huấn luyện và tỏ mình ra còn bán Chúa, bỏ Chúa và chối Chúa, thì chúng con làm sao có thể bỏ mình và vác thập giá mình mà theo Chúa là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống cho đến khi đứng dưới chân thập giá của Chúa như Mẹ. Xin Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ là nơi chúng con nương náu và là đường đưa chúng con đến với Thiên Chúa muôn đời. Amen.

Thiên Chúa Quan Phòng Toàn Thiện ... Tại sao sự dữ xảy ra?

Một trong những vấn đề làm nhiều người không thể hay chưa thể chấp nhận Thiên Chúa, hay thậm chí vì Ngài mà mất đức tin, hoặc bị rơi đạo (như phong trào Thần Học Giải Phóng ở Nam Mỹ Châu trong thập niên 1970), đó là vấn đề rất thực tế liên quan nhân sinh, tức vấn đề tại sao sự dữ xảy ra, nhất là xảy ra cho những người vô tội, như thành phần thai nhi bị sát hại ngay trong bụng mẹ của mình. Điển hình nhất và hiển nhiên nhất trước mắt toàn thế giới qua phương tiện truyền thông xã hội tân tiến, là biến cố nhân tai 11/9/2001, khi đệ nhất cường quốc Hoa Kỳ bị khủng bố tấn công ngay giữa thanh thiên bạch nhật tại chính những địa điểm trọng yếu nhất của mình là trung tâm về kinh tế Tháp Đôi Thương Vụ Thế Giới cũng như về quân sự là Ngũ Giác Đài của mình, một biến cố sát hại 3 ngàn người trong

vòng chưa đầy 1 tiếng đồng hồ, và biến cố thiên tai biến động đại sóng thần ở Nam Á Châu ngày 26/12/2004, một thiên tai đã sát hại trên 150 ngàn người trong vòng một tuần lễ.

Trước những biến cố về nhân tai và thiên tai như thế, thành phần con người còn sống sót, nhất là thành phần thân nhân ruột thịt của nạn nhân trong cuộc tự nhiên cảm thấy có một cái gì đó không ổn nơi niềm tin của mình: Nếu quả thực có Đấng Tối Cao, tại sao lại có sự dữ, và nếu Đấng Tối Cao toàn năng cũng không thể chế ngự được sự dữ thì phải chăng sự dữ cũng là Đấng Tối Cao, theo chiều hướng của Nhị Nguyên Thuyết vốn được chung dân gian đa thần ngày xưa quan niệm, một quan niệm được chủ trương một cách rõ ràng bởi các triết thuyết Manichaeism, Zoroastrianism, Gnosticism, Taoist v.v.? Tại sao, thành phần theo Thiên Chúa giáo như Do Thái giáo, Kitô giáo và Hồi giáo cũng có thể đặt vấn đề, Thiên Chúa quan phòng toàn thiện lại có thể để xảy ra những điều quá dữ tợn như thế? Theo tâm lý bình thường thiên về thuyết nhân quả, ác quả ác báo, gây gió gặt bão v.v., cũng như theo niềm tin vào việc thưởng phạt công minh của Thiên Chúa, con người ta sẽ nghĩ rằng, những con người nạn nhân có làm gì nên tội tình gì hay chẳng mà Ngài lại ra tay quá mạnh như vậy?

Nếu triết lý thuần túy bị khựng lại ở vấn đề nguồn gốc hiện hữu của mọi hữu thể, nếu khoa học thuần túy (nhất là vật lý học và sinh vật học) bí tắc trước vấn đề nguồn

gốc của sự sống, và nếu thần học Kitô giáo vẫn đang tìm câu giải đáp thỏa đáng cho vấn đề nguồn gốc của tội lỗi (tội lỗi từ đâu mà có?), thì khoa luân lý thuần túy cũng vẫn cứ luẩn quẩn trước vấn đề nguồn gốc của sự dữ (tai họa thiên nhiên và nhân tạo) như vậy.

Theo niềm tin Kitô giáo, một niềm tin được dựa vào mạc khải Thần Linh, cả Thánh Kinh Cựu Ước lẫn Tân Ước, thì:

- 1) Thiên Chúa là Đấng Toàn Thiện không dựng nên sự dữ và không thể nào tạo nên sự dữ (sự dữ đây được hiểu là tội lỗi về luân lý, đau khổ về cả tâm lý lẫn thể lý và chết chóc về thể lý);
- 2) Sự dữ phát xuất từ tội lỗi của con người, bắt nguồn từ nguyên tội, từ việc con người có tự do đã tự ý chấp nhận sự dữ;
- 3) Thiên Chúa vô cùng Toàn Thiện và Toàn Năng đã biến sự dữ của con người thành sự lành cho con người, tức đã sử dụng chính sự dữ phát xuất từ con người ấy, một sự dữ được biểu hiện nơi cây thập tự giá, để cứu độ con người khỏi tội lỗi và sự chết, như Ngài vẫn làm trong Lịch Sử Cứu Độ của dân Do Thái thời Cựu Ước, nhất là qua Biến Cố Vượt Qua (Tử Giá và Phục Sinh) của Đấng Thiên Sai là Đức Giêsu Kitô;
- 4) Nếu nơi Mẫu Nhiệm Nhập Thể của Con Thiên Chúa Làm Người, nhân tính của con người đã được thần linh hóa thế nào, thì nơi Mẫu Nhiệm Vượt Qua của Vị Thiên Chúa Làm Người này, sự dữ (là tội lỗi và sự chết gồm tóm tất cả mọi khổ đau của con người) cũng đã được chế ngự như thế;
- 5) Cho dù sự dữ đã bị chế ngự bởi Biến Cố Vượt Qua của Lời Nhập Thể là Chúa Giêsu Kitô, nhưng vẫn được Thiên Chúa sử dụng (x Rev 20:1-3) như quyền năng

cứu độ (x 1Cor 1:18) để hoàn thành công cuộc cứu độ của Ngài nơi lịch sử loài người, khi Chúa Kitô tái giáng trao trả mọi sự về cho Ngài để Ngài là tất cả trong mọi sự (x 1Cor 15:28).

Áp dụng những điều xác tín này vào những tai họa vừa xảy ra cho nhân loại, điển hình là cuộc khủng bố taná công Hoa Kỳ 11/9/2001 và cuộc biến động sóng thần Nam Á ngày 26/12/2004, chúng ta cần phải cảm nhận như sau:

Về nguyên tắc, Thiên Chúa thực sự chủ động muốn sử dụng sự dữ để làm ích cho nhân loại. Thần học Kitô giáo rất cẩn thận về điểm này. Ở chỗ, thường sử dụng chữ “*đê*”, “*để sự dữ xảy ra*”, nghĩa là thái độ “*mãn ngo*”, thái độ thụ động, chứ không chủ động nhúng tay vào, chủ động sử dụng chính sự dữ, nên tránh cả việc sử dụng chữ “*gửi*”, “*gửi sự dữ đến cho*”. Thật ra, như những xác tín đầu tiên trên đây cũng công nhận rằng “*Thiên Chúa là Đấng Toàn Thiện không dựng nên sự dữ và không thể nào tạo nên sự dữ*”, và “*sự dữ phát xuất từ tội lỗi của con người, bắt nguồn từ nguyên tội, từ việc con người có tự do đã tự ý chấp nhận sự dữ*”. Tuy nhiên, một khi sự dữ đã xuất hiện như cớ lòng do kẻ thù của Ngài gây ra (x Mt 13:25,28), Thiên Chúa phải chủ động và tích cực ra tay diệt trừ nó cho con người, bằng cách, nơi Chúa Giêsu Kitô Con Minh, Ngài đã trở thành tội lỗi (x 2Cor 5:21), thành một thứ đồ bị nguyên rửa (x Gal 3:13). Và, chỉ trở thành sự dữ như thế Vị Thiên Chúa vô cùng khôn ngoan và toàn năng mới làm cho con người thấy được sự chết nơi

họ và của họ đã được sự sống của Ngài và nơi Ngài nuốt đi (x 1Cor 15:54).

Việc Thiên Chúa chủ động muốn sử dụng sự dữ để làm ích cho chung nhân loại là những gì rất hiển nhiên trong Thánh Kinh. Trước hết là câu Ngài tuyên bố qua miệng Tiên Tri Isaia: “Ta làm nên ánh sáng và tạo ra bóng tối, Ta làm nên phúc hạnh và gây ra khốn nạn” (45:7). Sau nữa, việc Ngài muốn (bằng cách ra lệnh cho) tổ phụ Abraham sát tế đứa con duy nhất của mình là Isaac (x Gen 22:2), trước con mắt của Dân Ngoại, không phải là một điều quái ác hay sao, không phải là một hành động của một vị ác thần, một vị thần linh ăn thịt người hay sao, tìm vinh danh nơi khổ ải và chết chóc của tạo vật? Cả trong việc Ngài lệnh cho vua Saolê bắt buộc phải sát hại tất cả người lẫn vật của Amalek vì đã cản đường đi của Dân Chúa cũng không quá tàn ác hay sao (x 1Sam 15:2-3,18-19; Ex 17:8)? Thật ra, Chúa ra tay dữ dần với các Dân Ngoại, như dân Ai Cập, Amalek hay các dân vốn ở Đất Hứa là để cho cả Dân Ngài lẫn Dân Ngoại nhận biết Ngài qua những việc Ngài làm theo quyền năng và phép công bằng của Ngài. Trong trận lụt Đại Hồng Thủy, Thiên Chúa Hóa Công “đề” cho thiên tai vô tiền khoáng hậu này xảy ra, hay Ngài cố ý muốn gây ra biến cố ấy để thanh tẩy loài người đã quá băng hoại làm ô uế cả mặt đất (x Gen 6:5-7)? Nếu bảo rằng Thiên Chúa được quyền dùng tai ương để trừng phạt con người tội lỗi thì phải nói làm sao khi Ngài cố tình bắt chính Người Con vô tội vô cùng thánh thiện của Ngài phải uống cạn chén đắng khổ đau (x Mt

26:39 và Rm 8:32), chứ không phải chỉ “đề” thập giá xảy ra cho Người.

Tuy nhiên, việc Thiên Chúa thực sự chủ động sử dụng sự dữ để làm ích cho nhân loại đây, điển hình là trường hợp tử nạn của Chúa Giêsu Kitô, không phải là Ngài chủ động xui bẩy kẻ dữ làm bậy hay phạm tội. Không. Hoàn toàn không phải là như thế. Ở chỗ này đúng là Ngài “đề” cho kẻ dữ làm bậy hay phạm tội tùy theo tự do của họ. Sở dĩ Ngài “đề” xảy ra như thế, trước hết, là vì tự do của con người, thành phần chịu trách nhiệm về hành vi cử chỉ của họ; sau nữa, là vì Ngài thấy rằng Ngài có thể lợi dụng sự dữ do họ gây ra để tạo nên một thiện ích lớn hơn; bằng không, sau hết, nếu sự dữ do con người gây ra không mang lại hay chưa tới lúc mang lại lợi ích hơn ít là cho chính đương sự, thì Đấng làm chủ lịch sử con người như Ngài không để cho những sự dữ ấy xảy ra, như nơi những vụ tự tử không thành hay những vụ thoát chết trong đường tơ kẽ tóc.

Trong trường hợp tử nạn của Chúa Kitô, thành phần cố tình nhúng tay vào việc giết Con Thiên Chúa, như hầu hết Hội Đồng Do Thái bấy giờ, cũng như thành phần trực tiếp ra tay sát hại Người, như thẩm quyền đế quốc Rôma qua Tổng Trấn Philatô và lực lượng quân đội của họ, đã được Thiên Chúa “đề” cho họ phạm đến Con của Ngài, hay cho phép họ thi hành được hành động phạm thượng đáng lẽ họ không làm được (về quyền năng thể lý) và không được làm (về quyền hạn luân lý), bằng cách “đề” cho “họ lầm

không biết việc mình làm” (Lk 23:34; x Acts 3:17), nhờ đó, chính họ, cũng có thể nhờ chính việc xấu họ làm, nhận ra Chân Lý (x Lk 23:47-48), bằng không, nếu họ biết được mâu nhiệm của Thiên Chúa, họ sẽ không dám làm như họ đã làm (x 1Cor 2:8). Đó là lý do Chúa Kitô đã minh nhiên tuyên bố: “Khi nào Tôi được treo lên khỏi mặt đất, Tôi sẽ kéo tất cả mọi người lên cùng Tôi” (Jn 12:32). Ôi, Thiên Chúa vô cùng khôn ngoan và thượng trí là dường nào! Ôi, Ngài toàn thiện và toàn năng biết bao!!

Phải, chỉ có một mình Thiên Chúa mới là Đấng duy nhất chẳng những có quyền hạn (right/authority) mà còn có cả quyền năng (power/ability) làm sự dữ để mang lại sự lành thôi. Nếu thấy nhà mình bị hư hại không thể ở được nữa, chẳng lẽ chúng ta không có quyền phá nó đi để xây lại ngôi nhà mới. Cũng thế, việc Thiên Chúa “phá” con người đã bị băng hoại, như Ngài đã làm thời Noe, bằng những sự dữ, như bằng lụt đại hồng thủy vào thời Noe bấy giờ, không phải là việc Ngài làm hại họ, trái lại, là việc Ngài muốn làm và cần làm cho họ nhờ đó được nên tốt hơn, được tái sinh bởi trời (x Jn 3:3). Ngoài ra, bất cứ ai muốn nên ngang hàng với Thiên Chúa hay nên bằng Thiên Chúa (x Gen 3:3-5), trong việc quyết định lành dữ (như việc hợp thức hóa vấn đề hôn nhân đồng tính chẳng hạn), cũng như trong việc biến sự dữ thành sự lành (như trong việc triệt sinh an tử hay tạo sinh sao bản trị liệu chẳng hạn), họ sẽ thấy rằng những gì họ làm chỉ khiến cho chính họ nói riêng và xã hội của họ nói chung dần dần đi đến chỗ hỗn loạn và diệt vong mà thôi, như hiện

trạng thế giới văn minh về vật chất (khoa học và kỹ thuật) cũng như về nhân bản (văn hóa và quyền lợi) ngày nay cho thấy.

Chính vì con người văn minh càng ngày càng tội lỗi và băng hoại mà Thiên Chúa đã phải sử dụng đến nhiều sự dữ khủng khiếp, không phải để trừng phạt con người cho bằng để lay tỉnh con người, hay nói một cách dung hòa hơn, để trừng phạt con người cho con người có thể bùng tỉnh. Đó là lý do, trong phần Bí Mật Fatima thứ hai, Mẹ Maria cũng đã nói đến vấn đề tai ương liên quan đến việc trừng phạt của Thiên Chúa để cứu độ con người như sau:

“Các con vừa thấy hỏa ngục, nơi tội nhân khốn nạn rơi xuống. Để cứu họ, Thiên Chúa muốn thiết lập lòng tôn sùng Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ trên thế giới. Nếu những điều Mẹ dạy được thi hành thì nhiều linh hồn được cứu rỗi và thế giới sẽ có hòa bình. Chiến tranh sắp chấm dứt, nhưng *nếu người ta không thôi xúc phạm đến Thiên Chúa, một cuộc chiến khốc liệt hơn sẽ bùng nổ trong đời Đức Piô XI*. Khi các con thấy ánh sáng lạ lùng chiếu giữa ban đêm, thì các con hãy biết rằng đó là điềm lạ vĩ đại Thiên Chúa muốn cho các con hay *Ngài sắp sửa trừng phạt thế giới tội lỗi, bằng chiến tranh, đói khát và việc bắt bớ Giáo Hội cùng Đức Thánh Cha*. Để ngăn ngừa điều này, Mẹ sẽ đến để xin dâng hiến Nước Nga cho Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ và xin rước lễ đền tạ các ngày Thứ Bảy Đầu Tháng. *Nếu người ta nghe lời Ta yêu cầu, Nước Nga sẽ trở lại và sẽ có hòa bình. Bằng không, Nước Nga sẽ truyền bá*

lâm lạc khắp thế giới, gây chiến tranh và bách hại Giáo Hội. Nhiều người lành bị giết, Đức Thánh Cha sẽ khổ; nhiều nước sẽ biến mất, nhưng cuối cùng Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ sẽ thắng. Đức Thánh Cha sẽ dâng hiến Nước Nga cho Mẹ, Nước Nga sẽ trở lại, và thế giới sẽ được ban cho một thời gian hòa bình”.

Như thế, con người nạn nhân gặp tai ương hoạn nạn về thiên tai hay nhân tai có thể là vì chính tội lỗi của họ, như trường hợp thành Sôđôma và Gômôra trong Cựu Ước (x Gen 18:20-21, 19:4-11,24-25), mà cũng có thể là vật hy sinh cho việc Thiên Chúa được tỏ hiện như trường hợp người mù từ lúc mới sinh (x Jn 9:3), hay như trường hợp Lazarô phải chết đi và nằm trong mồ 4 ngày (x Jn 11:6, 39-44). Chính Chúa Giêsu đã xác nhận lương tâm của sự dữ gây ra cho cả người vô tội lẫn có tội, khi Người trả lời cho những kẻ báo tin về vụ một số người Galilê đã bị Tổng Trấn Philatô lấy máu của họ hòa với các lễ tế của họ, như sau: “Quý vị có nghĩ rằng những người Galilê này tội lỗi nhất ở Galilê vì họ phải chịu như thế hay chăng? Không phải đâu! Nhưng Tôi nói cho quý vị nghe là nếu không xám hối tất cả quý vị cũng sẽ phải chịu y như thế thôi. Hay vụ 18 người bị thác Siloe đè chết. Quý vị cho rằng họ là những người tội lỗi hơn các người ở Giêrusalem hay chăng? Chắc chắn không! Thế nhưng, tôi nói cho quý vị hay, nếu quý vị không hoán cải, tất cả quý vị cũng chịu y như thế thôi” (Lk 13:1-5).

Qua câu huấn đáp này, Chúa Giêsu muốn nói rằng, thành phần nạn nhân của vụ nhân tai bị Philatô đổ máu hay của vụ thiên tai bị thác Siloe đè chết có thể là những người vô tội, nhưng cũng có thể là hình phạt cho ai có tội, cho ai không biết ăn năn hối cải. Qua câu huấn đáp này, Chúa Giêsu còn có ý muốn nói rằng, sự dữ nhân tai hay thiên tai là những gì được Thiên Chúa dùng để cảnh giác con người về đời sống luân lý của họ, nhất là thành phần nghĩ mình công chính hơn người, nghĩ mình không có tội nên không bị tai ương hoạn nạn như thành phần tội lỗi xấu số. Những nạn nhân của thiên tai và nhân tai, nếu là thành phần vô tội thì là vật hy sinh được Chúa dùng để cảnh giác phần rỗi nơi anh chị em đồng loại của họ, (tất nhiên sự hy sinh của họ sẽ được Ngài đền bù cân xứng như trường hợp các Thánh Anh Hải chết thay cho Người được Phúc Âm Thánh Mathêu thuật lại ở đoạn 2 câu 16, chẳng hạn nhờ sự hy sinh vô tội của họ mà nhiều người còn sống sợ chết nghĩ lại sống tốt lành hơn), và nếu nạn nhân may mắn còn sống là thành phần thực sự có tội thì tai ương họ trải qua chính là một thứ hình phạt được Thiên Chúa dùng để cứu độ họ, nếu họ biết nhìn ra dấu chỉ thời đại mà giác ngộ trở về với Ngài, (như trường hợp người nữ ngoại tình bị bắt quả tang nhưng nhờ đó lại gặp được Chúa, một câu truyện trong Phúc Âm Thánh Gioan ở đoạn 8 câu 1-11).

Từ những suy tư được căn cứ vào Mạc Khải Thần Linh trên đây, chúng ta cảm nhận được rằng: Qua biến cố nhân tai khủng bố tấn công ngày 11/9/2001 ở Hoa Kỳ, và thiên

tai biến động sóng thần ở Nam Á ngày 26/12/2004, Thiên Chúa muốn lay tỉnh loài người càng ngày càng duy vật vô thần hiện đại nhớ rằng: Ngài vẫn còn hiện diện trong lịch sử loài người đầy, chứ chưa có chết như họ tưởng bỏ đâu, và Ngài là Đấng rất công thẳng, nếu không biết ăn năn thống hối, Ngài sẽ làm hết sức, kể cả bằng các thứ sự dữ do thiên nhiên hay do chính con người gây ra, như khủng bố và chiến tranh, để cho họ nhận biết Ngài mới thôi, chỉ vì Ngài yêu thương họ, muốn họ nhận biết chân lý để được cứu độ.

Tóm lại, vì phần rỗi của loài người, và chính vì phần rỗi của loài người là vấn đề hệ trọng trên hết mọi sự trên thế gian này mà Thiên Chúa toàn thiện và toàn năng vô cùng khôn ngoan làm mọi cách, thậm chí sử dụng cả sự dữ, để cứu độ con người yếu đuối và mù tối vô cùng đáng thương. Đó là lý do, trong Thông Điệp Tình Yêu Nhân Hậu gửi Các Hồn Nhỏ, Chúa Giêsu đã tâm sự với người nữ sứ giả giáo dân biệt danh Magarita ở Bỉ của mình vào ngày 19/12/1973 như sau:

- *“Một Thiên Chúa báo oán chỉ là một người Cha tội nghiệp, khi phải trừng phạt con cái mình để buộc chúng phải hồi tâm nghĩ lại”.*

*Bài viết được Nguyệt San Dân Chúa Mỹ Châu
phổ biến trong số báo tháng 3/2005*



LÂM BÔ CÓ THỰC SỰ HIỆN HỮU?

Trẻ Em chết trước khi được lãnh nhận Phép Rửa có được rỗi hay chẳng? (*Zenit 3/10/2006*)

Đây là một trong những vấn đề cần được bàn luận và được nêu lên trong văn kiện soạn thảo cho cuộc họp thường niên của Ủy Ban Thần Học Quốc Tế do chính Đức Hồng Y Tổng Trưởng Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin làm đầu là William Levada. Cuộc họp thường niên của ủy ban này năm 2006 được bắt đầu hôm Thứ Hai 2/10, và các văn kiện của ủy ban này không thuộc về huấn quyền của Giáo Hội, mà chỉ là gợi ý mà thôi.

Ngoài vấn đề phân rỗi của trẻ em tiền phép rửa ra, bản thông báo của văn phòng báo chí của tòa thánh về cuộc họp thường niên này còn cho biết hai vấn đề khác cũng được bàn tới, đó là vấn đề nhận định bản chất và phương pháp của thần học như là một khoa học đức tin “scientia

fidei”, và vấn đề về nền tảng của luật luân lý tự nhiên theo chiều hướng hai thông điệp của Cố Giáo Hoàng Gioan Phaolô II là “Rạng Ngời Chân Lý – Veritatis Splendor” và “Đức Tin và Lý Trí – Fides et Ratio”.

Riêng về vấn đề hiện hữu của lâm bô cho trẻ em chết trước khi lãnh nhận bí tích rửa tội, vào tháng 12/2005, vị tổng thư ký của ủy ban này là linh mục dòng Tên Luis Ladaria đã nói về bản văn này trên Đài Phát Thanh Vatican rằng “không có vấn đề định tín” và “vấn đề đấu giá tín lý Công Giáo” về lâm bô.

“Chúng ta biết rằng qua nhiều thế kỷ vẫn được tin tưởng rằng thành phần trẻ em này đi vào lâm bô, nơi họ hoan hưởng một hạnh phúc tự nhiên, nhưng không được Phúc Kiến. Căn cứ vào những diễn tiến mới đây, chẳng những về thần học mà còn về cả ghuấn quyền nữa, niềm tin này ngày nay đang bị chao đảo.

“Chúng ta cần phải bắt đầu bằng sự kiện là Thiên Chúa muốn cho tất cả mọi người được cứu rỗi và không muốn loại trừ bất cứ một ai; chúng ta cần phải dựa vào dữ kiện là Chúa Kitô đã chết cho tất cả mọi người, và Giáo Hội là một bí tích cứu độ phổ quát, như giáo huấn của Công Đồng Chung Vaticanô II.

“Bởi thế, nếu chúng ta bắt đầu từ những giả thiết ấy, vấn đề cần phải được lãnh nhận phép rửa là những gì có tính cách bao rộng hơn nữa”.

Hội Nghị của Ủy Ban Thần Học Quốc Tế với những chia sẻ về Lâm Bô và Trẻ Em chết chưa được lãnh nhận Phép Rửa (theo CNS 6/10/2006)

Hội nghị của Ủy Ban Thần Học Quốc Tế do Đức Hồng Y Levada Tổng Trưởng Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin lãnh đạo đã diễn tiến trong thời khoảng 2-6/2006. Một trong những vấn đề được bàn tới là Lâm Bô và phần rỗi của thành phần trẻ em chết trước khi lãnh nhận phép rửa. Ủy ban này sẽ tiếp tục soạn thảo một văn kiện cho biết lý do tại sao trong giáo huấn của Giáo Hội lại có quan niệm về Lâm Bô, tại sao nó chưa bao giờ chính thức được xác định là tín lý của Giáo Hội, và tại sao niềm hy vọng họ được cứu độ là những gì chấp nhận được.

Nói chung, cho dù không ai nắm chắc được số phận của các em bé chết chưa được lãnh nhận phép rửa, các tham dự viên đồng ý là các em được cứu độ bởi Lòng Thương Xót Chúa, tức các em được về trời hơn là vào lâm bô. Có 30 phần tử đồng ý về những ý chính trong văn kiện, thế nhưng, họ sẽ bỏ phiếu bằng thư tín ẩn bản cuối cùng, trước khi bản văn đúc kết được phổ biến vào năm 2007.

Hội nghị này cũng vẫn thận trọng về vấn đề Phép Rửa liên quan tới tính cách khẩn thiết của bí tích này trong việc bảo đảm phần rỗi và thúc giục cha mẹ hãy cho con cái rửa tội.

Ủy ban này đã bắt đầu nghiên cứu vấn đề này vào năm 2004 khi Hồng Y Joseph Ratzinger hiện nay là Giáo Hoàng Biển Đức XVI là chủ tịch của ban cố vấn và là chủ tịch Chủ Tịch Tín Lý Đức Tin.

Đức Thánh Cha đã cử hành Thánh Lễ hôm 6/10/2006 với các phần tử của ủy ban này; trong bài giảng của mình, ngài đã nói về vai trò của các nhà thần học trong việc lắng nghe lời Chúa để giúp cho người khác nghe tin mừng. Thế nhưng ngài không đã động gì tới văn kiện về lâm bô này tí nào hết.

Ủy Ban này bắt đầu quan tâm tới vấn đề này là vì các vị linh mục và giám mục trên thế giới đã yêu cầu hồng y Ratzinger bấy giờ hãy “ban bố một bản tuyên cáo Công Giáo cập nhật hóa để đáp ứng tình trạng cảm thấy buồn chán” nơi thành phần cha mẹ than khóc cho việc mất mát một thơ nhi trước khi lãnh nhận phép rửa.

Như Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo giải thích: “Được sinh ra với một bản tính nhân loại sa đọa và bị nhiễm mắc nguyên tội, trẻ em cũng cần một cuộc tái sinh mới trong phép rửa để được giải phóng khỏi quyền lực tối tăm và mang vào lãnh giới tự do của thành phần làm con cái Thiên Chúa là lãnh vực tất cả mọi con người được kêu gọi tới. Thế nhưng, cuốn giáo lý được xuất bản năm 1992 đã không đề cập tới Lâm Bô.

Lâm Bô có thực sự hiện hữu hay chẳng? – Cảm nghĩ của nguyên Hồng Y Tổng Trưởng Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin Joseph Ratzinger

Trong cuốn “The Ratzinger Report”, ấn bản Anh ngữ được nhà xuất bản Ignatius ấn hành năm 1985, một tác phẩm có nội dung là một cuộc phỏng vấn, bao gồm tất cả các câu vấn đáp liên quan đến mọi vấn đề, được đặt ra bởi chính ký giả Vittorio Messori sau này là nhân vật đã phỏng vấn Đức Gioan Phaolô II trong tác phẩm “Vượt Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng” (xuất bản năm 1994).

Tác phẩm này như là một “bản tường trình của Đức Hồng Y Ratzinger” về tình hình Giáo Hội sau 20 năm bế mạc Công Đồng Chung Vatican II. Trong các vấn đề sôi nổi được bàn tới, chẳng hạn về chính Công Đồng Chung Vaticanô II, về cuộc khủng hoảng nơi ý nghĩ về Giáo Hội, về các vị linh mục và giám mục, về thẩm kịch luân lý, về nữ giới, về phụng vụ, về đại kết, về thần học giải phóng v.v., có vấn đề về cánh chung, ở chương 10, dưới tựa đề “Về một số ‘Những Sự Sau Hết’”, bao gồm cả Luyện Ngục và Lâm Bô.

Riêng về vấn đề Lâm Bô, ở trang 147, vị nguyên tổng trưởng thánh bộ Tín Lý Đức Tin của Tòa Thánh Vatican bấy giờ đã chia sẻ cảm nhận cá nhân của ngài như sau:

“Lâm Bô không bao giờ là một sự thật xác quyết của đức tin cả. Theo cá nhân tôi – ở đây tôi nói với tư cách là một thần học gia chứ không phải là vị Tổng Trưởng của Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin – tôi không chấp nhận nó vì nó chỉ là một giả thiết theo thần học mà thôi. Nó là một thứ phụ đề nâng đỡ cho một sự thật tuyệt đối mang tính cách quan trọng trên hết đối với đức tin, đó là tầm quan trọng của phép rửa. Nếu nói theo những lời của Chúa Giêsu phán cùng Nicôđêmô thì ‘Thật vậy, thật vậy, Tôi nói cho ông hay, nếu con người không được tái sinh bởi nước và Thần Linh, thì họ không được vào Vương Quốc của Thiên Chúa’ (Jn 3:5). Người ta không được chần chừ trong việc từ bỏ ý nghĩ về ‘lâm bô’ nếu cần (và cũng đáng ghi nhận rằng chính các thần học gia cho rằng có ‘lâm bô’ cũng nói là thành phần cha mẹ có thể cứu con cái mình khỏi vào lâm bô bằng lòng khao khát cho con cái mình được lãnh nhận phép rửa và nhờ lời nguyện cầu); thế nhưng, cũng không được thoái lui trước mỗi quan tâm ở đằng sau ý nghĩ về lâm bô này. Phép rửa không bao giờ lại là vấn đề bên lề đối với đức tin; phép rửa không phải là hiện tại (now), cũng không phải thường tại (ever)”.

Ở đây, qua câu phát biểu ngắn ngủi về một vấn đề cần phải bàn luận sâu rộng này, theo người đọc hiểu thì Đức Hồng Y Joseph Ratzinger là vị đương kim Giáo Hoàng Biển Đức XVI không chấp nhận thực tại Lâm Bô, nhưng vẫn không phủ nhận tầm quan trọng của Phép Rửa cứu độ. Bởi thế, vấn đề vẫn còn kẹt ở đây là: nếu chưa được lãnh nhận phép rửa, thì thành phần trẻ em chưa đủ trí

khôn nói chung, nhất là thành phần sơ sinh hay còn là một bào thai bị phá hoặc bị chết trong lòng mẹ, như các bào thai bị phá chẳng hạn, sẽ đi đâu ngay sau khi chết. Vì bây giờ họ tuy chưa có tư tội nhưng vẫn chưa được thanh tẩy cho khỏi nguyên tội? Xuống hỏa ngục thì cũng không phải mà lên thiên đàng cũng chẳng đáng? Vậy thì phải có một nơi cho họ chứ, một nơi mà cho tới nay tín hữu Công Giáo nói chung vẫn được truyền dạy và tin tưởng là Lâm Bô.

Lâm Bô có thực sự hiện hữu hay chẳng? – Cảm nghĩ của người viết

Theo thiển nghĩ của người viết thì Lâm Bô có hiện hữu, nhưng chỉ hiện hữu một cách tạm thời, cho tới ngày cánh chung mà thôi, như ngục tổ tông ngày xưa, cho tới khi Chúa Kitô hoàn tất công cuộc cứu chuộc của Người. Bởi vì, như các vị thời Cựu Ước vào ngục tổ tông chờ Chúa Kitô đến cứu chuộc xong mới được vào thiên đàng thế nào, thì các trẻ sơ sinh chết chưa được lãnh nhận phép rửa (và kể cả thành phần bị chậm phát triển - developmental disabilities, liên quan đến tình trạng bị chậm trí khôn - mental retardation, ngây ngô khờ khạo không biết gì), sẽ vào lâm bô chờ Chúa Kitô đến lần thứ hai để được vào thiên đàng như vậy.

Nếu Thiên Chúa muốn tất cả mọi người được cứu rỗi (1Tim 2:4), và Chúa Kitô đến lần thứ hai là để cứu những ai thiết tha trông đợi Người (x Heb 9:28), thì các linh hồn

chết trong tình trạng nguyên tội thật sự cũng đang chờ được cứu độ, như toàn thể tạo sinh vẫn đang quần quai chờ đợi cuộc tỏ hiện của con cái Thiên Chúa vậy (x Rm 8:21).

Chẳng lẽ thành phần trẻ em chết một cách vô tội trong tình trạng vẫn còn vương mắc nguyên tội lại hư đi vào thời điểm cánh chung, thời điểm mà tất cả mọi sự sẽ được canh tân (x. Rev 21:5), để cuối cùng “Thiên Chúa là tất cả trong mọi sự” (x 1Cor 15:28). Thành phần trẻ em còn mắc nguyên tội, dù theo lý luận tự nhiên, chứ chưa nói đến lòng thương xót Chúa và đức công minh của Ngài, không thể nào lại thuộc về thành phần bị chung số phận với ma quỷ, với con mãnh thú và với thành phần tiên tri giả (x Rev 20:10), đây gian ác đã từng làm hại nhiều linh hồn, đáng chịu số phận bị quăng vào hồ lửa là cái chết lần thứ hai (x Rev 20:15) vĩnh viễn hư đi.

Trái lại, trường hợp thành phần trẻ em bị chết trước khi được lãnh nhận phép rửa cũng có thể cho là tương tự với trường hợp của thành phần trẻ em Do Thái ở Bêlem và các vùng lân cận bị quận vương Hêrôđê thám sát khi Chúa Kitô mới giáng sinh (x Mt 2:16).

Nếu thành phần được Giáo Hội gọi là các Thánh Anh Hài, và được Giáo Hội cử hành Lễ kính vào những ngày ngay sau Lễ Chúa Kitô Giáng Sinh, 28/12 hằng năm, chết lúc chưa có trí khôn và lúc đang mắc nguyên tội, thì thành phần trẻ em chưa lãnh nhận phép rửa cũng thế, cũng chết

vào lúc chưa có trí khôn và chưa được lãnh nhận ơn cứu độ.

Nếu thành phần các Thánh Anh Hài đã được Chúa Giêsu xuống ngục tổ tông cứu độ sau khi Người hoàn tất công cuộc cứu độ của Người trên Thánh Giá thế nào, thì thành phần trẻ em vẫn còn mắc nguyên tội, tức vẫn còn đang mong chờ ơn cứu độ của Chúa Kitô, chẳng lẽ không được Người cứu độ khi Người đến lần thứ hai ban ơn cứu độ cho những ai thiết tha trông đợi Người hay sao!

*Bài viết được Nguyệt San Dân Chúa Âu Châu
phổ biến trong số báo tháng 12/2006*



Chúa có thương ma quỷ và các linh hồn bị hư đi trong hỏa ngục?

Trong thời gian ngọt ngào căng thẳng sắp sửa xảy ra trận chiến Hoa Kỳ tấn công Iraq vào ngày Lễ Thánh Giuse 19/3/2003, tôi đã kêu gọi gia đình tôi cầu nguyện cho hòa bình thế giới vào mỗi buổi kinh tối chung nhà. Có một lần đưa con trai thứ hai 17 tuổi của tôi đặt vấn đề đại ý thế này: Bố có nghĩ là thế giới sẽ có hòa bình hoàn toàn hay chẳng? Nếu không thì cầu nguyện làm gì, vì hòa bình không bao giờ có, không bao giờ sẽ xảy ra cả. Tôi đột nhiên bị chùng hứng trước vấn nạn bất ngờ nhưng rất hữu lý của một con người trẻ đang lớn trong một thế giới đầy bạo loạn ngày nay. Cháu là đứa trẻ ngay từ nhỏ đã có những suy tư về đạo rất nan giải.

Thế rồi, vào hôm Chúa Nhật II Mùa Vọng 10/12/2006, trong buổi nói chuyện riêng vào buổi tối hằng tháng giữa hai cha con với nhau, cháu lại đặt ra cho tôi một vấn đề khác. Cháu nói rằng, tuần trước, con nghe bố nói với ông bà ngoại về (một trong những người con của ông bà cần nhiều lời cầu nguyện và khuyên bảo) rằng chúng ta là cha mẹ, sinh ra con cái về phần xác, mà còn biết thương đến phần hồn của con cái mình, thì Thiên Chúa, Đấng tạo dựng nên họ cả hồn lẫn xác, còn thương họ biết bao. Thiên Chúa vô cùng nhân từ chỉ mong muốn cứu độ con người, thì chẳng lẽ mình cầu nguyện cho nhau được rồi lại không đúng ý Chúa hay sao, lại không được Chúa nhận lời hay sao?! Nếu chính việc chúng ta mong muốn cho con cái mình được rồi và cầu nguyện cho họ cũng là do Chúa tác động, thì Ngài cũng sẽ hoàn tất những gì Ngài tác động nơi chúng ta. Trong trường hợp này, chính Ngài thương họ qua cha mẹ vậy.

Căn cứ vào những ý tưởng mà cháu, từ trong phòng riêng của mình, nghe được những điều tôi chia sẻ với ông bà ngoại của cháu ở bàn ăn hôm ấy như thế, một sinh viên như cháu, đang học triết năm thứ 3 (ở một đại học đời vì chưa được Chúa gọi), đã tự nhiên suy nghĩ từ lúc bấy giờ cho tới buổi gặp gỡ với tôi. Sau khi bố con nói chuyện với nhau về nhiều vấn đề khác nữa gần một tiếng đồng hồ, cuối cùng cháu hỏi tôi rằng:

“Bố, Chúa có thương ma quỷ và các linh hồn bị hư đi trong hỏa ngục hay chẳng?”

Nói chuyện với cháu, tôi vẫn sẵn sàng và đã sẵn sàng để nghe thấy những vấn nạn bất ngờ và nan giải như thế. Mỗi lần đi lễ về, nghe các bài đọc trong Lễ hay nghe những gì cha giảng giải, nếu có thắc mắc gì, cháu vẫn tìm đến với tôi để tìm câu trả lời cho đến khi cảm thấy hoàn toàn thỏa đáng. Kể cả những vấn đề trong lớp học, cháu cũng mang ra bàn luận với bố, bất cứ lúc nào cháu cần. Bởi vậy, lần này, cũng như mọi lần, căn cứ vào Thánh Kinh và giáo lý, tôi đã từ từ trả lời cháu như thế này:

Theo Thánh Kinh Tân Ước, vì 'Thiên Chúa là tình yêu' (1Gioan 4:8,16), nên Thiên Chúa không thể nào không yêu và không lúc nào không yêu. Bằng không, Ngài không còn là Thiên Chúa nữa hay không phải là Thiên Chúa, một Vị Thiên Chúa toàn thiện vô cùng từ ái, như Ngài đã tỏ mình ra nơi Lời Nhập Thể là Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã tỏ cho con người thấy Thiên Chúa đã yêu thương nhân loại là loài tạo sinh và tội lỗi đến không dung tha cho Con Mình, nhưng đã phó nộp Người vì tất cả chúng ta (xem Rôma 8:32).

Như thế, nếu mặt trời không bao giờ thôi chiếu sáng thế nào, Thiên Chúa bao giờ cũng yêu thương như vậy, nhưng, như ánh sáng mặt trời làm nhức nhối những con mắt bị đau thế nào, tình yêu vô biên vô cùng của Thiên Chúa cũng thế, đối với thành phần hư đi trong hỏa ngục là ma quỷ và các linh hồn, cũng làm cho họ cảm thấy khổ sở đón đau, đến nỗi, lúc nào cũng 'khóc lóc nghiêng rặng' (xem Mathêu 8:12, 13:42, 13:50, 22:13, 24:51, 25:30), đúng

như thành ngữ Chúa Giêsu vẫn sử dụng để nói về tình trạng hư đi của các linh hồn. Họ 'khóc lóc' vì đau khổ bị đời đời mất đi vị Thiên Chúa là Tình Yêu, cùng đích của cuộc đời họ, Đấng làm cho hữu thể họ được nên trọn. Và họ 'nghiến răng' vì họ cảm thấy tình trạng bị hư mất đời đời vô cùng bất hạnh này của họ là do chính họ gây ra, chứ không phải vị Thiên Chúa là Tình Yêu, vị Thiên Chúa đã chẳng những yêu thương chung nhân loại, mà còn yêu thương từng người, dù họ là con chiên lạc duy nhất (xem Luca 15:4-7), khi hóa thành nhục thể (xem Gioan 1:14), đến không phải để được phục vụ mà là để phục vụ, để hiến mình làm giá chuộc cho nhân loại (xem Mathêu 20:28).

Thấy bố chưa trả lời trực diện và dứt khoát vấn nạn của mình, cháu lặp lại câu hỏi ở thể khẳng định thế này: "Như vậy là Chúa có thương ma quỷ và các linh hồn bị hư đi trong hỏa ngục!" Thông cảm với cháu, tôi tiếp tục dẫn giải thêm:

Theo lời Thánh Phaolô, trong Thư gửi cho giáo đoàn Do Thái thì 'nếu chúng ta phủ nhận Ngài thì Ngài phủ nhận chúng ta – If we deny him he will deny us. Nếu chúng ta có bất trung thì Ngài vẫn trung thành, vì Ngài không thể phủ nhận chính mình Ngài – If we are unfaithful he will still remain faithful, for he cannot deny himself' (2Timôthêu 2:12-13). Cho dù chúng ta có bất trung với Chúa, tức tiếp tục sống trong tình trạng tội lỗi, không trung thành với lề luật của Ngài, không tuân phục Thánh

Ý của Ngài, thì Ngài vẫn trung thành thương yêu chúng ta, như Ngài vẫn thương yêu dân Do Thái, như được thuật lại trong Cựu Ước, chỉ vì Ngài không thể phủ nhận chính mình Ngài, tức lúc nào Ngài cũng yêu thương, dù chúng ta có tội lỗi bất trung với Ngài đi nữa.

Thế nhưng, cho đến khi, thường xảy ra vào giây phút cuối cùng của cuộc sống trên trần gian, chúng ta phủ nhận Người, tức cho tới khi chúng ta dứt khoát không chấp nhận tình yêu của Ngài, không tin rằng Ngài có thể tha thứ tội lỗi của chúng ta và cho chúng ta, mà phủ nhận tình yêu vô cùng nhân hậu ấy là phủ nhận chính vị Thiên Chúa có bản tính Tình Yêu, là chúng ta phạm đến Chúa Thánh Thần, một tội không thể tha được cả đời này lẫn đời sau (xem Mathêu 12:32). Khi chúng ta đi đến chỗ hoàn toàn phủ nhận Thiên Chúa ở giây phút cuối cùng của mình như thế là tự nhiên chúng ta tự rước lấy hình phạt trầm luân vào thân, vì Ngài vẫn là Tình Yêu, vẫn không thể phủ nhận chính mình Ngài – he cannot deny himself, mà vì Ngài vẫn là Tình Yêu, vẫn như mặt trời không thể không soi chiếu như thế, mà tình yêu của Ngài đã trở thành một cái gì trừng phạt nhân loại chúng ta trong tình trạng chúng ta cùng với ma quỷ bị hư đi đời đời, như thế “Ngài phủ nhận chúng ta – he will deny us”.

Thấy bố vẫn cứ tiếp tục như đi vòng vo lòng vòng làm sao ấy, cháu tiếp tục nhấn mạnh đến cái cốt lõi của vấn đề là “Chúa có thương ma quỷ và các linh hồn bị hư đi trong hỏa ngục hay chẳng?” Tôi mỉm cười nhún nhả dẫn giải

tiếp, vì muốn hiểu được vấn đề gai góc hóc búa này, một vấn đề cháu tưởng là giản dị đối với bố của cháu, và theo máu hung hăng của tuổi trẻ, cháu mong có câu giải đáp tức khắc, yes or no!

Vấn đề con hỏi ở đây liên quan tới một vấn đề hết sức quan trọng đó là vấn đề “của người ở đâu lòng người ở đó” (xem Mathêu 6:21). Tức là nếu con thương ai thì con luôn nghĩ tới người mình yêu, lòng con luôn gắn bó với họ, ở với họ, dù con không ở gần họ về không gian. Bởi đó tiếng Việt mới có một câu nói rất hay: ‘Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng’’. (Tất nhiên là tôi phải bỏ giờ ra dẫn giải thêm cho người con sinh tại Mỹ đang cố gắng nói chuyện với bố bằng Việt ngữ này từng chữ của câu Hán Việt ấy để cháu hiểu được ý nghĩa của vấn đề tôi đang nói tới). Tức là, nếu Chúa thực sự còn thương thành phần vô cùng bất hạnh đời đời hư đi trong hỏa ngục, bao gồm cả ma quỷ và nhân loại, thì lòng Ngài vẫn ở với họ, tức Thánh Linh là mối Hiệp Thông Thần Linh nội tại (internal divine communion) giữa Cha và Con cũng sẽ ở với họ, tức họ cũng có Thánh Linh như thành phần được muôn đời vinh phúc hưởng kiến Thiên Chúa vô cùng toàn thiện của Thiên Chúa trên thiên đàng, và nhờ Thánh Linh này, họ cũng được Sự Sống Thần Linh để hiệp thông với Thiên Chúa chân thật duy nhất là Cha và Con và Thánh Thần. Như thế thì đâu còn gì là khoảng cách vô cùng không thể vượt qua giữa hỏa ngục và thiên đàng nữa (xem Luca 16:26).

Căn cứ vào yếu tố yêu thương hay nguyên tắc yêu thương ở chỗ thông ban Thánh Linh này thì Thiên Chúa không thể nào yêu thương thành phần hư đi được. Thế nhưng, vấn đề nan giải ở đây là 'he cannot deny himself – không thể phủ nhận bản thân mình', không thể phủ nhận Ngài là Tình Yêu, không thể nào không yêu thương mà còn là Thiên Chúa. Vậy thì chẳng lẽ chúng ta đi đến chỗ 'no way out – không lối thoát', hay đi đến 'dead end – đường cùng' hay sao về vấn đề này?

Theo bố, nếu thành phần loài người bị hư đi trong hỏa ngục, giống như thành phần loài người được vĩnh phúc trên thiên đàng, cũng nhận biết Thiên Chúa là Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất, Vị Thiên Chúa yêu thương nơi Lời Nhập Thể là Chúa Giêsu Kitô được Ngài sai đến cứu chuộc nhân loại, một nhận biết được Phúc Âm Thánh Ký Gioan cho là chính sự sống đời đời (xem Gioan 17:3), nhưng thành phần hư đi trong hỏa ngục chỉ nhận biết chân lý này, vì sự thật thần linh này tự bản chất vô cùng hiển nhiên họ không thể chối cãi hay phủ nhận (deny) được nữa trong cõi đời đời, chứ không phải họ nhận biết vì có Thánh Linh tràn đầy trong họ, vị Thánh Linh thấu suốt thâm tâm Thiên Chúa (xem 1 Côrintô 2:10), như thành phần được hưởng kiến trên thiên đàng, thì Thiên Chúa vẫn yêu thương thành phần hư đi trong hỏa ngục theo bản tính là tình yêu của Ngài, vì Ngài không thể phủ nhận chính mình Ngài – he cannot deny himself, nhưng thành phần hư đi đời đời chẳng những không thể lãnh nhận Thánh Thần yêu thương được nữa, không đáp ứng

tình yêu được nữa, mà còn cảm thấy vô cùng nhức nhối đến 'khóc lóc nghiêng răng'. Dù Thiên Chúa cũng hiện diện ở ngay trong hỏa ngục đi nữa, nhưng Ngài hiện diện ở đây bằng quyền năng và đức công minh của Ngài, và vì Ngài 'là Thần Linh' (Jn 4:24), một Đấng toàn tri, thông biết mọi sự và mọi sự ở trước nhan Ngài.

Tôi không biết người con trai có bộ lông mày thật là đậm rậm này của tôi hiểu tới đâu những gì tôi cố gắng trình bày cho nó ở tầm mức có thể lĩnh hội của nó. Chỉ biết rằng, theo bản tính tự nhiên thích lập luận của mình, nó sẽ tiếp tục hỏi tiếp nếu chưa cảm thấy mãn nguyện với những gì được giải đáp. Cuối cùng, cháu nhìn tôi mà nói: "Con cảm ơn bố!"

Viết đến đây tôi nhớ đến một cuộc trao đổi khác giữa tôi và một em Thiếu Nhi Fatima ở Tổng Giáo Phận Los Angeles qua điện thư mà tôi còn giữ rất kỹ. Sau đây là nguyên văn điện thư của em và những gì tôi trả lời cho em.

From: kissme18@hotmail.com

To: hailmaryqueen@thoidiemmaria.net

Sent: Wednesday, April 06, 2005 6:06 PM

Xin thân mến chào Chú và lời thăm đến gia đình. Cháu có câu hỏi nhờ Chú elaborate thêm. Cho cháu xin đánh bằng tiếng Anh. I have learned that everytime we sin, i'm encouraged, or maybe mandatory to go confession right

after. And during confession, i'm seriously sorry for my sins and honestly try my best to not sin again. From this confession, i gained graces and blessings if i'm not mistaken. And from these graces and blessings, it helps me not to sin. But as we all know...that's not likely the case. I am doomed to fail and sin the same sins over and over again. So my question is, is God's graces and blessings stronger? or is the evil and temptation stronger?? Because evidently....everyone sins over and over again, which seems like sins and temptation over shadows the graces of our God. Cháu muốn nghe thêm về sự suy nghĩ của Chú. Xin cảm ơn.

From: hailmaryqueen@thoidiemmaria.net

To: kissme18@hotmail.com

Sent: Friday, April 08, 2005 1:28 PM

Về những gì Q. đặt ra, từ cảm nghiệm sống đạo đến vấn đề đức tin, có thể tóm như sau:

1) Cảm nghiệm sống đạo: Con người chúng ta không thể nào giữ mình sạch tội - "But as we all know...that's not likely the case. I am doomed to fail and sin the same sins over and over again."

2) Vấn đề đức tin: Nếu con người không thể giữ mình sạch tội thì ơn cứu độ (salvation) của Thiên Chúa không có công hiệu hay tác dụng (effect) nơi con người - "So my question is, is God's graces and blessings stronger? or is

the evil and temptation stronger?? Because evidently....everyone sins over and over again, which seems like sins and temptation over shadows the graces of our God."

Vấn đề của Quân đặt ra ở đây có thể tóm lại như sau: Con người tội nhân chúng ta có thể nên thánh được hay chẳng? Trước hết, không ai có thể chối cãi (deny) được rằng trên thế gian này có những vị thánh, cho dù không phải là Kitô hữu.

Chẳng hạn Đức Phật (Buddha: 560-477 BC) bên Phật giáo (Buddhism), hay Đức Khổng (Confucius: 551-479 BC) bên Khổng giáo (Confucianism) v.v., những con người không có hay chưa có ơn cứu độ của Chúa Kitô (vì sinh ra trước Ngài) mà cũng đã có thể sống vượt trên tầm mức của một con người tự nhiên, đến nỗi có thể giảng dạy cho con người con đường cứu độ, con đường giải thoát (the way of salvation), làm cho con người cảm phục và tôn sùng cho tới ngày nay cả 2500 năm.

Còn Kitô giáo chúng ta, ngay trong thời hiện đại của chúng ta đây (in our modern/comtemporary time), đã có những vị nổi tiếng là thánh ngay khi còn sống, điển hình nhất là Mẹ Têrêsa Calcutta, hay ngay khi vừa qua đời, như Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II. Những vị này có một đời sống phi thường, đến nỗi, đã làm cho cả thế giới phải cảm phục và suy tôn, một lòng cảm phục và suy tôn được tỏ ra một cách rõ ràng nhất qua tang lễ (funeral

ceremony/Mass) vĩ đại chưa từng thấy của các vị trong lịch sử loài người.

Nếu chúng ta không thể chối cãi được trên thế gian này có những con người phi thường (extraordinary persons), dù rất hiếm, những con người được Kitô hữu chúng ta gọi là Thánh nhân (saint), như Mẹ Têrêsa Calcutta hay Đức Gioan Phaolô II, và gọi là thánh nhân quân tử hay vĩ nhân tôn giáo (great man), như Đức Phật hay Đức Khổng, thì chúng ta cũng không thể phủ nhận được vấn đề con người có thể nên thánh.

Đó là lý do vấn đề cần phải giải quyết hay giải đáp ở đây là làm sao (how) những nhân vật được gọi là Thánh nhân hay vĩ nhân ấy, cũng là người tội lỗi như chúng ta, lại có thể nên Thánh, nên cao cả như vậy?

Theo tín lý (doctrine) và tu đức (spirituality) Kitô giáo thì:

1) Con người không thể tự cứu độ (self-saved), như bên Phật giáo chủ trương (Buddhism's belief/conviction). Đó là lý do, sau khi hai nguyên tố sa ngã phạm tội theo tự do của mình, làm điều nghịch lại ý muốn tối cao của Đấng Tạo Dựng nên mình, thì Thiên Chúa đã tự động hứa ban đấng cứu độ cho con người là Chúa Giêsu Kitô (xem Genesis 3:15);

2) Chúa Giêsu Kitô là Lời Nhập Thể (God incarnate) thực sự đã cứu độ con người bằng cuộc Vượt Qua

(Paschal) của Người, tức bằng việc Người Tử Nạn (Passion) và Phục Sinh (Resurrection), để chẳng những giải thoát con người khỏi tội lỗi và sự chết (free human being from sin and death), mà còn ban sự sống thần linh (divine life) cho con người bằng Thánh Thần Người thông cho con người nữa (xem John 3:1-5 and 20:22).

3) Con người mắc nguyên tội (original sin) được cứu độ, tức được giải thoát khỏi tội lỗi và sự chết cũng như được sự sống thần linh khi họ lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội, một bí tích làm cho họ trở thành con cái Thiên Chúa, làm cho họ được hiệp thông với Thiên Chúa (communion with God), nhờ Thánh Thần (Holy Spirit) ngự trong họ, vì Thánh Thần sẽ làm cho họ nhận biết Chúa Kitô, nên một với Chúa Kitô (union with Christ), nên giống Chúa Kitô (become another Christ), cho đến khi họ thực sự trở thành chứng nhân của Chúa Kitô (Christ's witness), như một Mẹ Têrêsa Calcutta hay một Đức Gioan Phaolô II.

4) Cho dù con người, nhờ Bí Tích Rửa Tội, đã được cứu độ, thế nhưng, sự sống thần linh con người lãnh nhận từ ban đầu ấy mới chỉ như là một hạt giống (seed) gieo vào mảnh đất nhân tính (the ground of our humanity) của con người Kitô hữu mà thôi, một hạt giống thần linh chỉ có thể nảy nở (develop) thành một cây cao lớn khi gặp được một mảnh đất tốt (good soil), bằng không, theo tự nhiên (according to natural law), nó sẽ bị chết đi (corrupted) hay chẳng sinh hoa trái gì, như trong dụ ngôn người gieo giống cho thấy (xem Matthew 13:4-23).

5) Như thế, việc nên thánh của con người tội nhân chúng ta, nhất là của thành phần tội nhân song đã được thánh hóa (sanctification), đã trở nên Thánh, nhờ sự sống thần linh nơi linh hồn của chúng ta khi chúng ta lãnh nhận Phép Rửa, là việc chúng ta cộng tác với ơn Chúa, tức là việc chúng ta làm sao cho tâm hồn mình trở thành một mảnh đất tốt, để cho sự sống thần linh như một hạt giống được gieo nơi chúng ta sau khi chúng ta lãnh nhận Phép Rửa ấy có thể nảy mầm, mọc lên và phát triển.

6) Để cho mảnh đất tâm hồn của chúng ta có thể trở thành một mảnh đất tốt cho sự sống thần linh như hạt giống nảy mầm, mọc lên và phát triển trọn vẹn (completely), Kitô hữu chúng ta cần phải làm hai điều, nhổ cỏ (về phương diện tiêu cực - negatively) và chăm bón (về phương diện tích cực - positively): "Nhổ cỏ" ở chỗ hy sinh hãm mình, tránh dịp tội và sửa các tính mê nết xấu; "chăm bón" ở chỗ đọc kinh cầu nguyện và năng chịu các bí tích, nhất là Bí Tích Hòa Giải và Thánh Thể. Không một vị thánh Kitô giáo nào đã nên thánh mà lại không làm hai điều căn bản tối ư quan trọng và bất khả châm chước (no exception) này.

7) Nếu thực sự chúng ta đã cố gắng hết sức (try our best) để thực hiện cả hai phương diện tiêu cực lẫn tích cực như thế, tức chúng ta tỏ ra thực sự muốn nên thánh, muốn sống xứng đáng với ơn gọi làm con Thiên Chúa của mình, thì chắc chắn 100%: "Ai khao khát nhân đức trọn lành ấy là phúc thật, vì chúng sẽ được no thỏa vậy - Blest

are they who hunger and thirst for holiness; they shall have their fill" (Matthew 5:6).

8) Nếu chúng ta thực sự có lòng khao khát nhân đức trọn lành này, chúng ta chẳng những không nản chí khi thấy mình cứ sa đi ngã lại hoài một tội mình muốn chữa và xung thú, trái lại, còn vì thế và chính vì thế (vì cảm thấy mình vô cùng yếu đuối bất lực) mà tin tưởng mãnh liệt hơn nữa vào lòng thương xót Chúa, để rồi, chính khi chúng ta biết mình và vào sâu trong lòng thương xót Chúa là chúng ta đã nên thánh một cách short cut – đột giai đoạn rồi vậy, như trường hợp của người trộm ở bên phải thập giá Chúa Kitô (xem Luca 23:39-43).

9) Như thế, nên thánh ở đây còn là và chính là biết mình vô cùng yếu đuối bất lực và hoàn toàn tin tưởng vào lòng thương xót Chúa, nhờ đó, con người tội nhân chúng ta chẳng những không dám khinh thường bất cứ một tội nhân nào (xem Luke 18:9-14), trái lại, còn biết cảm thông với những ai sa ngã phạm tội, để hy sinh cầu nguyện cho họ như Thiếu Nhi Fatima Giaxinta, nhất là biết tha thứ cho cả những người làm khốn mình, phạm đến mình, thì không phải mình đã nên giống Chúa Kitô (xem Luke 23:34), đã nên trọn lành như Cha trên trời (xem Matthew 5:43-48; Lk 6:35-36) rồi hay sao?

10) Tóm lại, việc nên thánh là do Chúa hơn là do con người. Chúa muốn chúng ta nên thánh thế nào thì chúng ta nên thánh như vậy. Nếu chúng ta không thể nên thánh

như Mẹ Têrêsa Calcutta hay như Đức Gioan Phaolô II, chúng ta vẫn có thể nên thánh short cut như người trộm lành, bằng cách không thôi khao khát nhận đức trọn lành, một lòng khao khát được tỏ ra bằng nhận thức con người vô cùng yếu đuối bất lực của mình để hoàn toàn tin tưởng vào lòng thương xót Chúa. Dù nên thánh cách nào đi nữa, Kitô hữu chúng ta cũng gặp nhau ở chỗ lòng thương xót Chúa: Nếu con người nên thánh "lớn" là con người đã được lòng thương xót Chúa chiếm đoạt để trở thành dụng cụ ban phát lòng thương xót Chúa cho tội nhân, như Mẹ Têrêsa Calcutta và Đức Gioan Phaolô II, thì con người nên thánh "nhỏ" là con người cần đến lòng thương xót Chúa hơn, để càng ngày họ càng nhận biết mình yếu đuối bất lực mà tin tưởng vào lòng thương xót Chúa.

Lời Nguyện Fatima sau mỗi chục kinh như Đức Mẹ dạy: "*Lạy Chúa Giêsu, xin tha tội cho chúng con, xin cứu chúng con khỏi lửa hỏa ngục, xin đem các linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần đến lòng Chúa thương xót hơn*".

Lời than thở Chúa Giêsu dạy chị Thánh Faustina viết ở dưới bức ảnh Chúa Tình Thương: "*Chúa Giêsu ơi, con tin tưởng nơi Chúa*".

*Bài viết được Nguyệt San Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp
phổ biến trong số báo tháng 2/2007*



NẾU TRÊN GIAN CÓ MA ... ẮT THIÊN ĐÀNG CÓ QUẢ!

Có một người bạn, khi đọc thấy mấy lời đầu tiên ở ngay trang thứ nhất của tác phẩm “*Con Khát Núi Sợ*” do tôi tặng, xuất bản 5/2005, đã đặt vấn đề với tôi. Mấy lời đó là: “*Thánh nhân và tội nhân đều gặp nhau nơi Lòng Thương Xót Chúa*”. Vấn đề được người bạn của tôi đặt ra ở đây là:

- Ở đây, qua câu này, phải chăng anh có ý nói rằng thánh nhân và tội nhân đều bằng nhau và như nhau?

- Đúng thế, tôi tâm tín và tuyên xưng rằng “thánh nhân và tội nhân” đều bằng nhau và như nhau “nơi Lòng Thương Xót Chúa”. Đó là lý do, trước khi viết câu ấy, tôi đã viết ở ngay câu trên là: “Chỉ khi nào con người cảm nghiệm được Lòng Thương Xót Chúa, bấy giờ họ mới có thể thực sự hiệp thông với nhau”.

- Theo tôi như vậy là không “fair”, là bất công. Vì trong khi thánh nhân suốt một đời hy sinh cố gắng lắm mới nên thánh được. Nên thánh đâu phải là chuyện dễ. Đó là lý do, chắc anh còn nhớ Lời Chúa Giêsu khẳng định là kể từ Gioan Tẩy Giả phải có sức mạnh mới chiếm được Nước Trời hay sao (xem Mathêu 11:12)? Còn tội nhân sống theo đam mê nhục dục, theo ý riêng, hưởng thụ v.v. không thể nào làm đẹp lòng Thiên Chúa (xem Rôma 8:5-8), tức không thể nào chiếm được Thiên Đàng như các vị thánh. Bằng không, thiên đàng không phải là và không còn là thiên đàng nữa.

- Anh nói thế cũng hơi quá. Vẫn biết thiên đàng được giành cho thành phần được rồi, thành phần thần lành và thánh nhân. Điều này là một sự thật hiển nhiên, theo nguyên tắc công bằng không ai có thể chối cãi được. Cả thần lành lẫn thánh nhân, loài có tự do, đều phải trả qua thử thách mới được vào đó, mới được hưởng vinh phúc trường sinh, đòi đòi hiệp thông thân linh với Thiên Chúa duy nhất là Cha và Con và Thánh Thần. Khi mới được dựng nên, không phải các thiên thần đã được hưởng phước thiên đàng ngay, mà chỉ sau khi bị thử thách (xem Khải Huyền 12:1-9 đối chiếu với Khởi Nguyên 1:4). Tuy nhiên, trên thực tế, xét về quyền sở hữu, thì chắc anh cũng công nhận thiên đàng là của Chúa chứ không phải của con người, nên Chúa muốn ban cho ai thì người ấy được. Theo tôi đó là ý nghĩa câu nói của Thánh Phaolô Tông Đồ, một vị thánh đã nhận mình là tồi lỗi nhất trong các tội nhân (xem 1Timothêu 1:15), xác tín và khẳng định:

“Thiên Chúa thương ai thì thương” (Roma 9:18 và 15; Xuất Hành 33:19).

- Anh nói vậy có nghĩa là nơi Thiên Chúa chỉ có tình thương mà không có đức công minh. Cả tội nhân Ngài cũng có thể và có quyền cho vào thiên đàng với các thân lành và thánh nhân hay sao?

- Theo tôi, nếu chúng ta chưa thấu triệt được tình yêu vô cùng nhân hậu của Thiên Chúa, thì dù công chính và thánh thiện mấy đi nữa, chúng ta cũng vẫn vô tình rơi vào trường hợp bất hạnh của người con cả trong dụ ngôn người cha nhân lành, tức là người con không phụng phả như đứa em của mình, nhưng lại là đứa con hoang đàng, vì ở gần cha mà chẳng hiểu cha gì, mà xa cha hơn cả đứa em phụng phả nữa (xem Luca 15:11-32). Nếu anh đọc bài “Xa Cha Phụng Phả – Gần Cha Hoang Đàng...” ở chương hai cuốn sách tôi tặng anh, anh sẽ hiểu rõ vấn đề. Bằng không, tôi sợ rằng, thành phần chống cộng trên thế gian này vừa vào thiên đàng, mà chẳng may trông thấy Marx, Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Pol Pot v.v., hay ít nhất một trong thành phần trùm cộng sản này, tươi cười ra đón mừng họ, họ liền dội lại, cho rằng đây không phải là thiên đàng. Hay thành phần Công Giáo, vừa vào thiên đàng, chợt trông thấy Giuđa Íchca, Luthêrô, Hitler v.v. liền choáng váng ngất xỉu, vì trước mắt họ là cả một hỏa ngục chứ không phải thiên đàng mà họ mơ ước...

Chẳng cần nói đâu xa, ngay trên trần gian này, tôi đã thấy nhiều người rất tốt lành đạo đức, thậm chí thánh thiện nữa là đằng khác, thế mà cuộc đời họ vẫn cảm thấy lo âu sợ hãi trước những bóng ma chập chờn. Họ lên rước lễ mỗi khi tham dự Thánh Lễ, rước lấy vị “Thiên Chúa là tình yêu” (1Gioan 4:8,16) đấy, nhưng họ vẫn tránh né thành phần họ không thích, vẫn sợ gặp những ai chống đối họ. Nếu trên trần gian này chúng ta còn sống trong tâm trạng sợ ma như thế, còn sống không đội trời chung với thành phần chúng ta không thích hay mộ phạm đến chúng ta như thế, thì quả thực thiên đàng chẳng khác gì hỏa ngục: có họ sẽ không có chúng ta - họ được vào thiên đàng thì chúng ta thà ở hỏa ngục còn hơn....

- Những điều anh nói không phải là không có lý. Thậm chí khó có thể bẻ lại được. Nghe anh nói tôi cảm thấy anh như là một nhà luật sư thiên tài có khả năng hùng hồn biện hộ cho thành phần tội nhân trước tòa án, một luật sư khéo léo biến đen ra trắng, biến dữ thành lành. Như thế, theo tôi cái “hu hu thật thật” này cũng là những gì dường như phản ánh một thứ chủ nghĩa tương đối theo ý hệ duy nhân hiện nay, một chủ nghĩa bị Đức Thánh Cha Biển Đức XVI liên li và kịch liệt chống đối bài bác. Nhất là, tôi chỉ sợ rằng nghe thấy lập luận của anh, một lập luận hầu như tất cả mọi thành phần ma đầu gian manh độc hại nhất trên trần gian này đều có thể được cứu rỗi. Để rồi, từ đó, những kẻ vốn đang sống như không có Thiên Chúa, hay như Thiên Chúa đã chết trong thế giới hiện sinh ngày nay, lại càng vui mừng vì thấy rằng dường như không có hỏa ngục mà chỉ có thiên đàng thôi. Nghĩa là, cứ phạm tội, dù là tội gì, tội

trọng đến đâu và tội nhiều đến đâu, rồi cuối cùng cũng được cứu rỗi theo Lòng Thương Xót Chúa, phải không?

- Tôi không phủ nhận thực tại hỏa ngục. Chúa Giêsu nói không ít về thực tại này, và diễn tả tình trạng của thành phần ở trong thực tại ấy bằng thành ngữ “khóc lóc nguyền rủa” (Mathêu 8:12; 13:42,50; 22:13; 24:51; 25:30). Sau cuộc chung thẩm, Người còn nói rõ về số phận của thành phần dè dặt rằng: “những người này sẽ bị trừng phạt đời đời” (Mathêu 25:46).

Trong dụ ngôn về người phú hộ và Lazarô, Người còn nói rõ về khoảng cách vô cùng bất khả lập giữa thiên đàng và hỏa ngục là “từ đó không thể qua đây và từ đây không thể qua đó” (Luca 16:26). Sách Khải Huyền cũng nói tới thực tại ấy, và gọi đó là “cái chết thứ hai” (20:6,14). Tuy nhiên, về số phận đời đời của bất cứ ai, ngoại trừ thành phần thân dữ là thành phần đã bị hư đi, được Thánh Kinh ghi nhận theo mạc khải thần linh (xem Khải Huyền 12:8; Gioan 8:44), thì không ai trong chúng ta biết được chắc chắn và quyết đoán, kể cả số phận đời đời của những tên tuổi lừng danh khét tiếng trong lịch sử thế giới được tôi kể tới.

Thậm chí, thân phận của Giuđa Íchca là nhân vật, theo chúng ta, có thể nói là đứng đầu trong danh sách của các kẻ đáng bị hư đi, cũng không ai biết rõ ra sao. Không biết anh có đọc cuốn “Vượt Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng” của Đức Gioan Phaolô II hay chưa, (ấn bản Anh ngữ, xuất bản

năm 1994), vị Giáo Hoàng của Lòng Thương Xót Chúa này, vị chết vào thời điểm áp lễ Chúa Tình Thương 2/4/2005, với lời di chúc cho toàn thể Giáo Hội về Lòng Thương Xót Chúa qua bài huấn từ truyền tin được ngài dọn sẵn cho Chúa Nhật Lễ Chúa Tình Thương hôm sau, ngày 3-4, đã viết gì về số phận đời đời của Giuđa ở trang 186, nếu không phải những lời sau đây: “Thậm chí kể cả lời Chúa Giêsu nói về Giuđa là kẻ phản bội rằng ‘thà con người ấy đừng sinh ra thì hơn’ (Mt 16:24), thì những lời của Người cũng không ám chỉ một cách chắc chắn về tình trạng muôn đời trầm luân”.

- *Như thế thì theo anh vấn đề “phải chăng có ít kẻ được cứu rỗi?” (Luca 13:23), một vấn nạn được một người đặt ra cho Chúa Giêsu này là sai. Vì theo chiều hướng biện hộ của anh, nhiều người, nếu không muốn nói là đa số, thậm chí là hầu hết, được cứu rỗi phải không?*

- Đúng vậy, trong chương 11 của tác phẩm “Con Khát Núi Sọ” tôi tặng anh, chương có nhan đề “Hỏa Ngục Chỉ Lượm Được Cặn Bã Thế Gian”, ở trang 131, tôi đã cảm nhận thế này: “Nếu là người, làm gì chúng ta cũng phải làm sao để mang lại lợi ích nhất cho mình, và càng khôn ngoan và quyền năng, chúng ta càng đạt được ý muốn mưu lợi của mình thế nào, thì vô cùng khôn ngoan và toàn năng như Thiên Chúa, chẳng lẽ một việc cứu chuộc con người vô cùng quan trọng, đến nỗi Người đã phải nhập thể vô cùng hèn hạ và tử giá vô cùng nhục nhã như

thế, lại chỉ mang về được một thiếu số linh hồn vô giá bất tử, thua quyền lực của Satan là tạo vật của Người!?!?

Đó cũng là lý do, Chúa Giêsu đã khẳng định với người nữ sứ giả giáo dân (Magarita người Bi), như sau: ‘Khi Cha bị đóng đinh trên Thánh Giá như một tội nhân chỉ vì yêu, lẽ nào Cha lại chỉ được ôm lấy khoảng không trống rỗng’ (Thông Điệp Tình Yêu Nhân Hậu ngày 15/10/1966); ‘Hỏa ngục chỉ thu nhận được những căn bã xấu nhất của nhân loại. Con hãy tin rằng trước khi đành bỏ cho hỏa ngục một linh hồn, Cha đã thử dùng mọi phương thế theo lòng thương xót của Cha, để cứu rỗi linh hồn ấy. Ai là người muốn được cứu rỗi? Người công chính và tội nhân thống hối. Ai từ chối không muốn được cứu rỗi? Kẻ tội lỗi cứng lòng. Ai sẽ được cứu rỗi? Người ao ước được cứu rỗi với lòng tin tưởng và cậy trông’ “ (cùng nguồn, ngày 4/10/1967).

Thực tế cho thấy, về phương diện tâm linh, con người tội lỗi trên đời này là một con người sống trong sự chết, một sự chết, đối với Lời Nhập Thể là Chúa Giêsu Kitô thì chẳng khác gì như là một giấc ngủ (xem Mathêu 9:24; Gioan 11:11), Người cần phải gọi họ dậy, lay tỉnh họ dậy, bằng hiện sủng, thậm chí bằng cả thánh giá đau khổ. Vì là một giấc ngủ, dù có ngủ say, ngủ mê ngủ mệt đến mấy, đến độ “xông mùi” (Gioan 11:39) đi nữa, như trường hợp của Lazarô, nhưng bởi “lời Chúa là những gì sống động và tác hiệu, sắc hơn gươm hai lưỡi. Thấu nhập và chia cắt hồn thiêng, xương tủy; phán quyết tâm tưởng của cõi

lòng” (Do Thái 4:12), mà con người tội lỗi vẫn còn khả năng nghe được tiếng “Thiên Chúa là Thần Linh” (Gioan 4:24): “Kẻ chết sẽ nghe thấy tiếng của Con Thiên Chúa và những ai nghe theo tiếng ấy sẽ được sống” (Gioan 5:25).

Đó là lý do, theo tôi, chỉ có kẻ nào muốn đời đời hư đi mới bị hư đi mà thôi, chỉ có kẻ nào nhất định chọn Satan và ma quỷ làm bạn, chọn hỏa ngục làm thiên đường mới vĩnh viễn mất Chúa là cùng đích của mình mà thôi. Nếu anh hiểu được sâu xa câu Chúa Giêsu nói trên cây thập giá, “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ lầm, không biết việc họ làm” (Luca 23:34), anh sẽ cảm thấy tin tưởng vào Lòng Thương Xót Chúa hơn. Theo tôi hiểu, lời Chúa Giêsu nói ở đây ám chỉ chung thành phần loài người tội nhân chúng ta, (vì nếu loài người không sa ngã phạm tội thì Người đã không cần phải chết), cách riêng những ai trực tiếp can dự vào cuộc khổ nạn và tử giá vô cùng đau thương nhục nhã của Người.

Thế nhưng, dù sao việc họ làm cũng là vì lầm lẫn, như vị lãnh đạo tông đồ đoàn Phêrô đã lên tiếng trong những Bài Giảng Tiên Khởi (xem Tông Vụ 3:17). Bởi họ nghĩ rằng họ sát hại một tên lộng ngôn phạm thượng, “chỉ là người mà dám cho mình ngang hàng với Thiên Chúa” (Gioan 10:33), chứ không nghĩ là sát hại một vị Thiên Chúa Làm Người, bằng không, như Thánh Phaolô quả quyết “họ sẽ không bao giờ đóng đinh vị Chúa hiển vinh này” (1Corintô 2:8). Chính vì họ chỉ bị “nhầm lạc” trước nhân tính của Chúa Kitô, chứ không phải phạm đến “thần

tính” của Người, phạm đến “Thánh Linh”, mà tội lỗi của họ vẫn được thứ tha, như Người khẳng định: “Ai nói phạm đến Con Người sẽ được thứ tha, còn ai nói phạm đến Thánh Linh sẽ không được tha thứ, dù ở đời này hay ở đời sau” (Mathêu 12:32).

Đó là lý do, tiến trình tu đức Kitô giáo là tiến trình “vượt qua sự chết mà vào sự sống” (Gioan 5:24), “từ tối tăm ra ánh sáng lạ lùng” (1Phêrô 2:9), từ tình trạng không nhận biết tới chỗ nhận biết, một nhận biết làm cho con người được sống đời đời (xem Gioan 17:3). Tuy nhiên, để chúng ta có thể nhận biết mình, rồi từ đó nhận biết Ngài, Ngài bao giờ cũng thanh tẩy những xấu xa và bất xứng của chúng ta, bằng chính những gì của chúng ta và nơi chúng ta, như tuyệt chiêu “gậy ông đập lưng ông” hay phương pháp trị liệu “của độc giải độc”.

Thật vậy, nếu Thiên Chúa vô cùng khôn ngoan và toàn năng song Ngài vẫn không dùng cách nào khác ngoài thập giá, là biểu hiệu cho nguyên rủa và sự chết đối với loài người, để cứu chuộc chúng ta thì Ngài cũng dùng sự dữ, thậm chí kể cả tội lỗi của chúng ta là những gì phạm đến Ngài, để thánh hóa chúng ta, để làm cho chúng ta biết mình, nhờ đó, nhận biết Ngài. Đó là cảm nghiệm tôi chia sẻ trong cuốn sách tôi tặng anh, ở chương 9, với tựa đề “*Thiên Chúa Trừng Phạt là Người Cha Tội Nghiệp*”.

- Anh nói làm chính bản thân tôi cũng cảm thấy hết sức an ủi và vững tâm hơn. Thế nhưng, như anh quá rõ, chúng ta đang

sống ở giữa một xã hội toàn cầu hóa văn minh hầu như tuyệt đỉnh ngày nay, thời điểm con người đã hầu như mất hết ý thức tội lỗi, không còn biết tội là gì, nhất là lại cho thiện là ác và ác là thiện, nếu không muốn nói rằng con người theo khuynh hướng “pro-choice” đã đi đến chỗ công đồng mù quáng tự định đoạt lấy thiện ác, ở chỗ, tất cả những gì họ nghĩ đều là chân, và tất cả những gì họ muốn đều là thiện. Bởi thế, đời sống đạo, đời sống tu đức ngày nay, vấn đề giữ mình trong sạch và sạch tội đã là những gì hết sức khó khăn, nếu không muốn nói là bất khả đối với không ít người, chưa nói gì đến vấn đề nên thánh và làm chứng nhân. Anh có nghĩ rằng chúng ta có thể giữ mình sạch tội, nên thánh và làm chứng nhân được trong thời buổi mà tôi cảm thấy hình như ứng nghiệm lời Chúa Giêsu tiên báo về thời tận thế: “*Vì sự dữ gia tăng mà lòng mến trở nên nguội lạnh nơi nhiều người*” (Mathêu 24:12), đến nỗi, “*không biết khi Con Người tới, liệu Người có còn thấy đức tin trên thế gian này hay chăng?*” (Luca 18:8), vì “*có những thiên sai giả và tiên tri giả xuất hiện, làm được những dấu kỳ cùng sự lạ vĩ đại tới độ lừa được cả thành phần được tuyển chọn nữa*” (Mathêu 24:24)?

- Theo tôi thì được, nhất định là được. Tại sao? Nếu anh để ý sẽ thấy, ngay sau mấy câu Phúc Âm Chúa Giêsu nói về thời tận thế anh vừa trưng dẫn, Người mở ra cho chúng ta thấy một chân trời đầy hy vọng như sau: “*Ai bền đỗ đến cùng sẽ được cứu độ. Tin mừng về nước trời sẽ được rao giảng khắp thế giới như một chứng từ cho tất cả mọi dân nước. Chỉ sau đó mới tới ngày cùng tháng tận*” (Mathêu 24:13-14). Đó, anh thấy không, ngay chính

lúc thế giới đang đắm đầu xuống hố diệt vong thì ơn cứu độ xuất hiện qua việc truyền bá phúc âm hóa khắp nơi, điển hình nhất từ Công Đồng Chung Vaticanô II (11/10/1962-8/12/1965) tới nay.

Ngoài ra, chính Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã khẳng định điều này với thành phần giới trẻ trong Sứ Điệp gửi cho họ vào thời điểm Đại Năm Thánh 2000 như sai:

“Các con sẽ hỏi Cha: thế nhưng ngày nay còn có thể làm thánh được sao? Nếu chúng ta chỉ cậy dựa vào sức mạnh loài người thì thực sự là không thể làm được việc này. Thật vậy, các con đã quá rõ về những thành quả cũng như thất bại của mình; các con cũng biết được những gánh nặng đè trên con người, nhiều nguy hiểm đe dọa họ và những hậu quả do tội lỗi của họ gây ra. Có những lúc chúng ta bị chán nản kềm giữ, đến nỗi nghĩ rằng không thể nào thay đổi được gì hết, cả ở nơi thế gian cũng như nơi bản thân mình. Cho dù cuộc hành trình khó khăn, chúng ta cũng có thể làm được mọi sự trong Vị là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta. Vậy các con đừng hướng về một ai khác ngoài Chúa Giêsu. Các con đừng nhìn đâu khác ngoài nơi mà chỉ có Người mới có thể ban cho các con, vì ‘trong tất cả mọi danh hiệu trên thế gian được ban cho loài người thì chúng ta được cứu độ chỉ do nơi danh hiệu duy nhất này mà thôi’ (Acts 4:12).

Với Chúa Kitô thì sự thánh thiện Thiên Chúa muốn nơi mọi người lãnh nhận bí tích rửa tội vẫn có thể đạt thành.

Các con hãy cậy dựa nơi Người; các con hãy tin tưởng vào quyền năng vô địch của Phúc Âm và hãy lấy đức tin làm nền tảng cho niềm hy vọng của mình. Chúa Giêsu bước đi với các con, Người canh tân tâm hồn các con và kiên cường các con bằng sức mạnh của Thần Linh Người. Hỡi giới trẻ của mọi địa lục, các con đừng sợ là những vị thánh của thiên niên mới! ... Chúa muốn các con là những tông đồ gan dạ cho Phúc Âm của Người và là những nhà xây dựng cho một nhân loại mới.

Thật vậy, các con làm sao có thể tin vào vị Thiên Chúa làm người mà lại không đứng vững trước tất cả những gì hủy hoại bản vị con người và gia đình con người? Nếu các con tin rằng Chúa Kitô đã tỏ cho thấy tình yêu của Chúa Cha đối với mọi người thì các con không thể không nỗ lực đóng góp vào việc xây dựng một thế giới mới, được xây dựng trên quyền năng của yêu thương và tha thứ, chống lại với bất công và tất cả mọi thảm cảnh về thể lý, luân lý và tinh thần, qui hướng chính trị, kinh tế, văn hóa và kỹ thuật vào việc phục vụ con người và việc phát triển toàn vẹn của con người”.

Có một em Thiếu Nhi Fatima ở TGP/LA một lần đã email hỏi tôi một vấn đề sống đạo rất thực tế là xưng tội và giữ mình sạch tội, nhưng vẫn cứ sa ngã phạm tội thì, theo em, hình như ân sủng thua sự dữ nơi con người của chúng ta. Sau khi đã lấy lời Chúa và gương sống thánh của một số vị để chứng minh cho em thấy rằng nên thánh được, tức ân sủng thắng sự dữ, tôi đã khuyến khích em như thế

này: “nên thánh ở đây còn là và chính là biết mình vô cùng yếu đuối bất lực và hoàn toàn tin tưởng vào lòng thương xót Chúa, nhờ đó, con người tội nhân chúng ta chẳng những không dám khinh thường bất cứ một tội nhân nào (xem Luke 18:9-14), trái lại, còn biết cảm thông với những ai sa ngã phạm tội, để hy sinh cầu nguyện cho họ như Thiếu Nhi Fatima Giaxinta, nhất là biết tha thứ cho cả những người làm khốn mình, phạm đến mình, thì không phải mình đã nên giống Chúa Kitô (xem Luke 23:34), đã nên trọn lành như Cha trên trời (xem Matthew 5:43-48; Lk 6:35-36) rồi hay sao?

Tóm lại, việc nên thánh là do Chúa hơn là do con người. Chúa muốn chúng ta nên thánh thế nào thì chúng ta nên thánh như vậy. Nếu chúng ta không thể nên thánh như Mẹ Têrêsa Calcutta hay như Đức Gioan Phaolô II, chúng ta vẫn có thể nên thánh short cut - đột giai đoạn như người trộm lành, bằng cách không thôi khao khát nhân đức trọn lành, một lòng khao khát được tỏ ra bằng nhận thức con người vô cùng yếu đuối bất lực của mình để hoàn toàn tin tưởng vào Lòng Thương Xót Chúa. Dù nên thánh cách nào đi nữa, Kitô hữu chúng ta cũng gặp nhau ở chỗ lòng thương xót Chúa: Nếu con người nên thánh ‘lớn’ là con người đã được lòng thương xót Chúa chiếm đoạt để trở thành dụng cụ ban phát lòng thương xót Chúa cho tội nhân, như Mẹ Têrêsa Calcutta và Đức Gioan Phaolô II, thì con người nên thánh ‘nhỏ’ là con người cần đến lòng thương xót Chúa hơn, để càng ngày

họ càng nhận biết mình yếu đuối bất lực mà tin tưởng vào Lòng Thương Xót Chúa”.

- Qua những gì anh chia sẻ, tôi quả thực cảm nhận được rằng “chỉ khi nào con người cảm nghiệm được Lòng Thương Xót Chúa, bấy giờ họ mới có thể thực sự hiệp thông với nhau. Thánh nhân và tội nhân đều gặp nhau nơi Lòng Thương Xót Chúa”. Đã vào thiên đàng ai cũng là thánh, và đều cùng với đệ nhất tạo vật về ân sủng “đầy ơn phúc” (Luca 1:28) muôn đời tri ân cảm tạ rằng: “Linh hồn tôi ngợi khen Chúa, và thân trí tôi hớn hở mừng rỡ trong Thiên Chúa Đấng cứu chuộc tôi. Ngài đã thương đến phận thấp hèn tôi tớ của Ngài. Vậy từ nay muôn đời sẽ khen tôi diễm phúc. Thiên Chúa là Đấng toàn năng đã làm cho tôi những sự trọng đại, danh Ngài là Thánh. Lòng thương xót Ngài trải qua đời nọ đến đời kia, hằng bao bọc những người kính sợ Chúa” (Luca 1:46-50). Bằng không, nếu trần thế có ma Ắt thiên đàng có quỷ vậy!

ĐÂU LÀ CHÂN TƯỢNG TIÊN TRI GIẢ – PHẢN KITÔ

Những Hiện Tượng Lạ Hiện Nay

Có một số người kể cả giới trẻ, hỏi tôi về một số vấn đề liên quan tới những hiện tượng thường xảy ra. Chẳng hạn như một số hiện tượng rất thông dụng và tỏ tường hiện nay, đó là hiện tượng cầu nguyện bằng tiếng lạ, hiện tượng đặt tay ngã lăn quay, hiện tượng Đức Mẹ Mễ Du ở Nam Tư, hiện tượng bùa ngải v.v.

Về hiện tượng cầu nguyện bằng tiếng lạ, vào dịp Đại Hội Hồn Nhỏ Việt Nam Hải Ngoại 20 năm ở Orange County năm 1998, sau khi nghe tôi chia sẻ về chủ đề Hồn Nhỏ hôm đó, một chị bạn của nhà tôi ở San Dimas thuộc Tổng Giáo Phận Los Angeles đã đến với tôi trong giờ nghỉ giải lao và cho tôi biết là chị được ơn cầu nguyện bằng tiếng lạ suốt mấy tiếng đồng hồ. Đó là lần đầu tiên tôi được một người trực tiếp đến nói với tôi về hiện tượng này. Tôi

vui vẻ hỏi chị rằng vậy khi cầu nguyện bằng tiếng lạ như vậy chị có biết chị nói gì hay chẳng, và chị trả lời là “không”, hay người khác có hiểu chị nói gì hay chẳng, chị cũng đáp là “không”.

Sau này, có một người bạn thân của tôi, cũng tích cực tham gia những sinh hoạt như người chị em này, đã cho tôi biết rằng cầu nguyện bằng tiếng lạ mà chính mình và người khác không hiểu gì là vì đó là “*những lời than khôn tả*” do Chúa Thánh Thần ở trong người được ơn cầu nguyện bằng tiếng lạ, như Thánh Phaolô nói tới trong Thư gửi giáo đoàn Rôma, đoạn 8 câu 26. Nghe thế, tôi lấy làm thắc mắc và đặt vấn đề với người bạn tôi như sau: Nếu vậy thì tại sao Kinh Lạy Cha là Kinh Chúa Dạy, hay Ca Vịnh Ngợi Khen của Mẹ Maria, những kinh tràn đầy Thánh Linh hơn bất cứ một lời nguyện cầu nào hết, thế mà đọc lên ai cũng hiểu, lại không được gọi là kinh tiếng lạ?

Có dịp đọc những điện thư tranh luận về vấn đề thực hư liên quan tới một số hiện tượng nơi Phong Trào Thánh Linh, tôi cảm thấy một điều hết sức mâu thuẫn nơi những người anh chị em tỏ ra “pro” Phong Trào Thánh Linh nói chung và phò hiện tượng cầu nguyện bằng tiếng lạ nói riêng, ở chỗ, họ mau chóng “nói tiếng lạ” với những ai không đồng ý với họ, khiến “đối phương” của họ chẳng thể nào hiểu nổi họ đang nói gì: tại sao những người cho mình được ơn Thánh Linh và đầy Thánh Linh như họ mà

lại có thể nói lên những lời đầy hận thù ghen ghét những ai không về "phe" của họ như vậy!?!

Về hiện tượng đặt tay ngã ngựa, thì chúng nhân là một người thân yêu trong đại gia đình của chúng tôi. Người nữ này đi tham dự những lễ nghi này với chồng, vào giữa thập niên 1990, tại một cộng đoàn thuộc Tổng Giáo Phận Los Angeles ở Altadena California. Trong khi người chồng tò mò tìm đến xem sao, như chẳng tin tưởng gì, nên không hề hấn chi, còn người vợ thì thú rằng khi vừa được đặt tay lên đầu một chút thì tự nhiên cảm thấy choáng váng, tối tăm mặt mũi lại, rồi ngã lăn đùng ra. Tôi có hỏi người vợ thì được cho biết là bà tự nhiên cảm thấy tối tăm mặt mũi lại, rồi ngã ra đằng sau, không biết gì nữa. Còn ông chồng cho biết thêm rằng trong số những người bị ngã có một bà của cựu tướng lãnh Việt Nam cũng bị ngã nhưng không dạy được đến nỗi vị linh mục chủ sự bấy giờ tỏ ra cuống lên đến độ phải làm phép trừ quỷ cho bà ấy... (Vị linh mục này tôi rất quen biết. Ngài đã xin ra khỏi dòng từ thập niên 1980; sau xin trở về dòng vẫn còn lén lút bề trên để làm những việc bề trên không đồng ý; cuối cùng ngài đã chết đột xuất trong dòng).

Sau khi nghe thuật lại như thế, tôi nói với người nữ thân thuộc ruột thịt này rằng, nếu "*Thiên Chúa là ánh sáng, trong Ngài không hề có tối tăm*" (1Gioan 1:5), thì Ngài phải kéo con người đến với ngài, như trường hợp xảy ra nơi một số vị thánh, cầu nguyện đến xuất thần ngất trí, thậm chí có vị còn bay bổng cả thân mình trên cả mặt đất nữa,

chứ Ngài đâu có đẩy mình ra, xô mình ngã bổ ngựa như vậy, chẳng còn biết trời đất đâu nữa, chẳng biết mình ở đâu nữa là làm sao? Ngoài ra, còn một điều tôi cảm thấy quái gở nữa là ban đầu thì bảo là do Thánh Thần làm ngã ra sau đó lại phải trừ quỷ mới đứng dậy được là thế nào nhỉ? Một vị linh mục tiến sĩ giáo luật rất quen thân với tôi phỏng đoán hiện tượng này có liên quan tới vấn đề nhân điện sao đó.

Có vị linh mục trẻ Việt Nam ở Giáo Phận Orange vẫn hoạt động trong phong trào Thánh Linh, hôm Thứ Ba, 24/4/2007, trong bài giảng cho lễ trưa hàng ngày ở Trung Tâm Mục Vụ (Tòa Giám Mục), căn cứ vào bài Phúc Âm về Thánh Thể hôm ấy (Gioan 6:30-36), kể kinh nghiệm mấy tuần trước, tại một nơi ở Michigan tiểu bang Illinois, đã xảy ra một hiện tượng là trong khi ngài đặt tay lên đầu của tham dự viên, thì bên phải của ngài mọi người đều ngã xuống hết, còn bên kia thì không. Thấy hiện tượng khác nhau như vậy, chính ngài và một người bạn linh mục của ngài bấy giờ lấy làm lạ, cuối cùng ngài mới khám phá ra rằng ở đằng sau bên phía mọi người ngã xuống hết ấy có nhà tạm. Một lần khác, vị linh mục trẻ này kể tiếp, ở Oakland, California, ngài cảm thấy có một sức mạnh từ Thánh Thể xuyên thấu thân xác của ngài, song ngài không nói ra điều ấy, thế mà sau khi giảng, có một bà đã đến nói với ngài rằng bà thấy một ánh sáng phát ra từ thân thể của ngài.

Nghe vị linh mục kể 2 trường hợp như thế, chắc mọi người Mỹ tham dự Thánh Lễ với tôi bấy giờ đều công nhận rằng ngài cố ý nhấn mạnh đến quyền lực của Chúa Giêsu Thánh Thể, chứ không phải quyền lực riêng của ngài. Tuy nhiên, theo tôi, vấn đề vẫn còn chưa được sáng tỏ là tại sao quyền lực thần linh này chỉ xảy ra cho những ai ngẫu nhiên ở bên phía nhà tạm mà thôi. Vậy thì trường hợp Thân Linh xuống cả trên 2 người là Eldad và Medad không có mặt trong nhóm 70 người qui tụ lại bên Moisen ở nơi ấn định, như trong Sách Dân Số đoạn 11 từ câu 24 đến 29 thuật lại, cần phải được hiểu như thế nào?

Về hiện tượng Đức Mẹ Mễ Du Nam Tư. Tôi chưa hề đi, mà chỉ nghe thôi. Người ta nói là nhiều người đến đây được thấy phép lạ, nhất là được ơn ăn năn cải thiện đời sống. Tôi thú thực là tôi không chú trọng tới hiện tượng Đức Mẹ Mễ Du cho lắm, trước hết vì giáo quyền chưa công nhận, trong khi đó lại xảy ra tình trạng bất tuân phục giáo quyền ở đây; sau nữa, nhất là vì tôi “bị” thu hút bởi Biển Cỗ Fatima, đến nỗi, sau khi đi sâu vào Fatima, tôi thấy Fatima là Biển Cỗ Thánh Mẫu cả thế nhất và hệ trọng nhất, liên quan tới cả sứ mệnh của Giáo Hội hoàn vũ và định mệnh của thế giới trong lịch sử hiện đại.

Tuy nhiên, tôi cũng thành thật bày tỏ điều thắc mắc của tôi về kiểu cách và thời gian kéo dài của hiện tượng Thánh Mẫu này với những ai hỏi tôi, những gì xảy ra hoàn toàn khác hẳn với hai Linh Địa Thánh Mẫu lừng danh nhất thế giới, hai nơi đã được Đức Thánh Cha Gioan

Phaolô II đến kính viếng với tư cách là Giáo Hoàng, đó là Linh Địa Lộ Đức và Linh Địa Fatima. Thật vậy, điều tôi thắc mắc ở đây là, trong khi ở Linh Địa Lộ Đức cũng như ở Linh Địa Fatima, Mẹ Maria khi hiện ra đều xin hãy đến với Mẹ bao nhiêu lần thôi (ở Fatima 6 lần, và ở Lộ Đức 15 lần), vào ngày giờ và địa điểm nhất định, và ban bố sứ điệp rất ngắn gọn nhưng lại rất sâu xa và đầy đủ ý nghĩa, trong khi hiện tượng Đức Mẹ Mễ Du lại hoàn toàn khác hẳn. Cũng có thể vì thời điểm khác nhau mà Mẹ cần phải đổi phương pháp làm việc hay chăng?

Bởi thế, riêng tôi, cần phải khôn ngoan chờ đợi phán quyết tối hậu của Giáo Hội. Ngoài ra, tôi còn bất ngờ đích thân nghe một linh mục dòng kia giảng gần 1 tiếng đồng hồ cho một nhóm giới trẻ ở TGP/LA tại cộng đoàn Nữ Vương Thiên Thần thuộc Giáo Xứ Our Lady of Loretto vào một Ngày Thứ Bảy Đầu Tháng đầu thập niên 2000, sau khi ngài đi viếng Đức Mẹ Mễ Du về, và khoe rằng ngài đã được “một người đàn bà” đột nhiên xuất hiện giữa đêm khuya, mà ngài cho rằng đó là Đức Mẹ, đưa cho một tập tài liệu gì đó. Ít lâu sau, vị linh mục này đã tung ra các bức thư được đề gửi từ “nhà Đức Mẹ” gì đó, những lá thư có nội dung hạch tội và vạch tội của hết người này đến người kia, theo suy đoán chủ quan của mình, nhất là các vị linh mục có máu mặt, và cho các vị ấy xuống hỏa ngục hết. Thậm chí còn gọi vị Giáo Hoàng được cả thế giới ngưỡng mộ và được an táng long trọng chưa từng có trong lịch sử là “Ác Quỷ Gioan Phaolô II”. Vị linh mục này đã bị khai trừ khỏi dòng và bị treo chén cho tới nay.

Về hiện tượng bùa ngải, tôi chưa bao giờ thấy cũng chưa bao giờ gặp, chỉ nghe nói tới mà thôi. Trong trường hợp này tôi không có chứng nhân như hiện tượng cầu nguyện bằng tiếng lạ, hay hiện tượng đặt tay ngã ngựa, hoặc hiện tượng Đức Mẹ Mễ Du trên đây. Theo tôi thì có hiện tượng bùa ngải, do thành phần phù thủy thực hiện. Thật vậy, căn cứ vào Thánh Kinh, thành phần phù thủy của vua Pharaon nước Ai Cập, cũng làm được những gì Aaron đi theo Moisen làm, như quăng cây gậy cầm tay ra trở thành rắn và đồng thời họ cũng có thể biến nước thành máu (xem Xuất Hành 7:12, 22). Thánh Kinh không cho biết rõ quyền lực phù phép này của họ từ đâu mà có hay làm thế nào có được. Tất nhiên nếu không bởi Chúa thì bởi ma quỷ, vì quỷ cũng có thể làm được những sự lạ, chẳng hạn có thể đưa Chúa Giêsu lên nóc đền thờ, hay đưa Người từ hoang địa lên núi cao, sau thời gian Người chay tịnh 40 ngày (xem Mathêu 4:5,8).

Chưa hết, thành phần phù thủy này, theo Thánh Kinh, còn có thể liên lạc được với cả bên kia thế giới nữa. Như đã xảy ra trong trường hợp của vua Saolê, vị vua đầu tiên của dân Do Thái bị Chúa bỏ, trong lúc bối rối trước quân lực Philitinh, không biết cầu vấn ai ngoài vị tiên tri Samuel đã qua đời của Chúa, nên đã phải giả dạng đến vào ban đêm xin một bà đồng bóng trong dân ở Endor giúp cho gặp lại vị tiên tri này, và vị tiên tri đã thực sự hiện về bảo cho vua biết rằng vua cùng với các con vua sẽ bị quân Philitinh sát hại vào ngày hôm sau (1Samuel 28:6-19). Có một gia đình cho một người thân yêu ruột thịt

trong nhà “đúng là bị bùa ngải”. Chỉ vì người này đã quá nghe vợ, tôn sùng vợ, “đội vợ lên đầu”, đến nỗi vợ tỏ ra rất hỗn láo với mẹ ruột của mình mà vẫn bênh vợ, vẫn nghe vợ đuổi mẹ về, và vẫn không về mừng kỷ niệm thành hôn 50 năm của bố mẹ mình với đầy đủ mọi anh chị em khác trong nhà, chỉ vì vợ không cho về.

Trước niềm tin của họ như thế, tôi nói với họ rằng, theo tôi, cái bùa ngải ở đây là tình yêu mù quáng nơi con người mà họ cảm thấy không thể chấp nhận được ấy. Bằng không, ông vua khôn ngoan nhất và giàu sang đệ nhất thiên hạ là Solomon cũng bị bùa ngải vậy, vì vua đã mù quáng đến nỗi bỏ Chúa là Thiên Chúa chân thật duy nhất của cha ông mình mà tôn thờ các ngẫu tượng ngoại lai của các thê (700) và thiếp (300) của vua.

Làm sao biết được đâu là giả và đâu là thật?

Vấn đề được nhiều người hỏi tôi đặt ra ở đây là làm sao biết được đâu là giả và đâu là thật? Tức những hiện tượng này hay những hiện tượng tương tự xuất phát từ Chúa, mà không phải từ “tên gian trá và là cha của những dối trá” (Gioan 8:44), “tên dụ dỗ cả thế gian” (Khải Huyền 12:9), nhất là ở vào một thời điểm một số người cảm thấy loài người như đang sống vào thời tận thế, thời điểm “có nhiều tiên tri giả xuất hiện lừa được nhiều người” (Mathêu 24:11).

Hôm Thứ Năm 15/3/2007, tôi sang Tòa Giám Mục giáo phận Orange tham dự Thánh Lễ 12 giờ trưa hằng ngày tại

đây như thường lệ vào giờ lunch của mình. Bài Phúc Âm hôm ấy là bài Phúc Âm theo Thánh Ký Luca, đoạn 11, từ câu 14 đến hết câu 23, về việc Chúa Giêsu trừ một tên quỷ câm, làm cho người câm nói được, và Người vừa được dân chúng khâm phục vừa bị một số người trong họ bậy giờ cho là Người dùng tướng quỷ mà trừ quỷ. Cũng vị linh mục trẻ Việt Nam mà tôi nghe giảng hôm Thứ Ba 24/4/2007 trên đây diễn giảng bài Phúc Âm lần này và áp dụng vào tình trạng sống đạo của Kitô hữu, thành phần nhiều khi cũng bị quỷ câm ám, đến nỗi không thể nào nói chuyện với nhau được, chỉ vì ghen tức với nhau. Vị linh mục này còn đặt vấn đề là làm sao phân biệt được đâu là việc bởi Chúa và đâu là việc do quỷ làm. Theo ngài thì quỷ không thể nào công nhận và chúc tụng Đức Kitô là Chúa. Tức là nếu ở đâu hay người nào không công nhận hay chúc tụng Đức Kitô là Chúa thì không phải từ Chúa mà là từ quỷ.

Đúng thế, ngay trong thời của Chúa Giêsu, có những lúc ma quỷ nhận ra Người, khi Người vừa xuất đầu lộ diện để thực hiện sứ vụ Thiên Sai của Người, điển hình nhất là lần Người, sau khi rời khỏi Nazarét là quê quán của Người, nơi dân chúng tính xô Người xuống sườn núi cho chết (xem Luca 4:30), đến Caphanaum, vào hội đường, nơi đang có một người bị thần ô uế ám, thấy Người thì kêu to lên rằng: *“Xin hãy mặc thầy chúng tôi. Ông Giêsu Nazarét ơi, ông muốn làm gì chúng tôi đây? Chẳng lẽ ông lại đến để hủy diệt chúng tôi hay sao? Tôi biết ông là ai rồi: là*

Đấng Thánh của Thiên Chúa” (Luca 4:34). Tuy nhiên, dù có nhận ra Người, ma quỷ cũng không chúc tụng Người.

Tuy nhiên, vì tự bản chất, ma quỷ là thành phần gian trá. Chúng có thể sử dụng bất cứ thủ đoạn nào để lọc lừa con người cho bằng được. *“Thậm chí Satan tàng hình thành một thiên thần sáng láng”* (2Corinto 11:14). Chẳng hạn, tự mình chúng không thể nào chúc tụng Đức Kitô là Chúa, nhưng qua thành phần tay sai, vô tình hay hữu ý theo hấn, hấn cũng chúc tụng Đức Kitô là Chúa, để nhờ đó lôi kéo những ai căn cứ vào dấu này mà tưởng là thành phần tay sai ấy bởi Chúa. Satan có thể dùng hai thủ đoạn, một phò một chống, tùy lúc và tùy người. Hấn chống là lúc hấn ra tay ngăn cản chúng ta làm lành, nhất là những trường hợp liên quan tới đức khiêm nhường và phục tòng. Song cũng có những lúc hấn để cho chúng ta đang sốt sắng cứ tiếp tục sốt sắng. Chỉ cần vào một lúc nào đó, tưởng mình đã lên tới tận “tầng trời thứ ba” (2Cor 12:2) trên đường tu đức, chúng ta có một ý nghĩ tự cao, tự mãn, khinh người, bất phục v.v. là xong. Bởi thế, theo tôi, dấu hiệu để nhận ra đâu là bởi Chúa hay bởi quỷ còn ở chỗ những gì chính ma quỷ không thể nào tự mình thực hiện, mà cả thành phần tay sai của hấn cũng không thể làm được nữa, mới là những dấu hiệu chính xác cho thấy bởi Chúa hay bởi quỷ. Dấu hiệu đó là gì? Chúng ta hãy lật lại Thánh Kinh.

Trước hết, vấn đề được đặt ra ở đây là nếu Satan và ngụy thần thực sự biết được nhân vật Giêsu Nazarét là chính Thiên Chúa, Vị Thiên Chúa Nhập Thể Làm Người, đúng như hấn cùng 1/3 thần trời theo hấn ngay từ ban đầu

được Thiên Chúa tỏ cho biết (xem Khải Huyền 12:3-5), thì một đệ nhất tạo vật khôn ngoan như hấn có ngu đần dại dột đến nỗi xui bậy con người sát hại Người để những gì Người hứa với hai nguyên tổ loài người sau nguyên tội (xem Khởi Nguyên 3:15) được nên trọn hay chẳng; hay ngược lại, hấn sẽ dùng hết cách để ngăn trở dự án và công cuộc cứu độ của Người. Chính vì một tên kiêu ngạo đưa mình lên đến tận trời như hấn không thể nào hiểu nổi và chấp nhận được việc một vị Thiên Chúa Làm Người, mặc lấy một bản tính thấp hèn hơn hấn, trở thành con của một người nữ tầm thường hơn hấn, mà hấn mới không nhận ra Đấng Thiên Sai nơi con người Giêsu Nazarét.

Tuy nhiên, qua những việc làm phi thường của nhân vật Giêsu Nazarét này, liên quan tới sự khôn ngoan và quyền năng phi thường của Người, một nhân vật hấn chưa từng thấy có trên thế gian là vương quốc vốn thuộc về hấn sau nguyên tội, hấn cũng cảm thấy thắc mắc và muốn dò la xem sao, qua việc cám dỗ Người trong hoang địa (xem Mathêu 4:1-11; Luca 4:1-13). Cũng chính vì hấn tự bản chất vốn kiêu căng, ngạo mạn và ham quyền lực mà hấn đã có thể nhận ra Người "*là Đấng Thánh của Thiên Chúa*" (Luca 4:34; Marcô 1:24), thậm chí còn tuyên xưng Người "*là Con Thiên Chúa Tối Cao*" (Luca 8:28), bất cứ khi nào Người tỏ ra quyền năng hơn hấn, qua việc Người ra tay trừ hấn. Tuy nhiên, chính vì hấn thấy Người quyền năng trừ được hấn như thế, mà hấn lại càng bị confused lẫn lộn, bị tẩu hỏa nhập ma, chẳng hiểu gì cả, khi thấy Người có nhiều lúc trở nên quá ư là yếu đuối bất lực.

Chẳng hạn như những trường hợp Người tẩu thoát trước những kẻ muốn sát hại Người (xem Luca 4:30; Gioan 8:59); hay trường hợp Người là Thầy và là Chúa mà lại cúi mình xuống rửa chân cho thành phần tội tó của Người (xem Gioan 13:13-14); đặc biệt là khi Người để cho thành phần bộ hạ của Hội Đồng Đầu Mục Do Thái bắt giải đi ở Vườn Cây Dầu sau Bữa Tiệc Ly (xem Marcô 14:43-52); nhất là khi thấy Người gò lưng vác thập giá, và dù cứu được người khác mà Người cũng không thể nào cứu được mình bằng cách tự mình xuống khỏi thập giá cho dù có bị trêu ngươi thách đố (xem Mathêu 27:39-44). Thế nhưng, tiếc thay cho hấn, chính lúc hấn nhận ra được Người qua miệng của viên đại đội trưởng Rôma dân ngoại: "*Quả thực người này là Con Thiên Chúa*" (Mathêu 27:54) thì đã quá muộn. Hấn đã hoàn toàn thảm bại, ở chỗ, trong khi hấn tìm kiếm thần tính của Người thì lại bị lầm lạc bởi nhân tính của Người, vị Thiên Chúa là "*Lời đã hóa thành nhục thể*" (Gioan 1:14).

Đúng thế, Thánh Gioan Tông Đồ đã chỉ cho chúng ta thấy dấu hiệu ấy, khi ngài khẳng định rằng: "Ai là kẻ gian trá? Kẻ chối bỏ rằng Đức Giêsu là Chúa Kitô. Họ là tên phản Kitô..." (1Gioan 1:22-23); "nhiều người lừa đảo đã xuất hiện trong thế gian, những con người không nhận biết Chúa Giêsu Kitô đến trong xác thịt. Đó là kẻ lừa đảo! Họ là tên phản Kitô" (2Gioan 7).

Căn cứ vào lời Chúa Giêsu trách cứ thánh Phêrô trong việc thánh nhân "không phán đoán theo Thiên Chúa mà chỉ theo loài người" (Mathêu 16:23), tức chỉ theo phán

đoán tự nhiên của mình hướng về những gì tốt lành chủ quan, chứ “không chấp nhận” (Gioan 1:12) mạc khải của Thiên Chúa, một mạc khải được trọn vẹn thể hiện nơi “Lời đã hóa thành nhục thể” (Gioan 1:14) là Đức Giêsu Kitô đã đến trong xác thịt, chúng ta có thể kết luận để lột trần bộ mặt phản Kitô nơi chính bản thân mình cũng như trong việc giao tiếp xã hội. Sau đây là một số dấu hiệu:

Bộ mặt phản Kitô

Dấu hiệu thứ nhất: những ai không tuân phục quyền bính Giáo Hội và Đức Thánh Cha nói riêng, đều là phản Kitô, vì Giáo Hội là thân thể của Chúa Kitô và vị đại diện của Người trên trần gian là đầu của thân thể này, không tuân phục Giáo Hội và Đức Thánh Cha là không công nhận Đức Giêsu Kitô đã đến trong xác thể. Căn cứ vào dấu hiệu thứ nhất này, chúng ta có thể quả quyết rằng bất cứ thần học gia nào, dù tài giỏi mấy đi nữa, mà không tuân phục Giáo Hội, không truyền đạt theo giáo huấn truyền thống của Giáo Hội, đều không phải bởi Chúa! Hay bất cứ một tín hữu nào nhiệt thành mấy đi nữa với việc nhà Chúa, song chỉ hăng say hoạt động và hy sinh đóng góp chỉ khi nào được như ý mà thôi, bằng không sẽ quay ra chống cha chống Chúa thì chắc chắn không phải bởi Chúa mà ra. Có thể lúc đầu họ hoàn toàn vì ý ngay lành, sau đó, không để ý và liên li sống tinh thần cầu nguyện, họ đã từ từ xa cách Chúa.

Dấu hiệu thứ hai có thể nhận diện thành phần phản Kitô là họ không tin hay coi thường Bí Tích Thánh Thể, một

thực tại thần linh mà Đức Giêsu Kitô còn đang hiện diện bằng cả thần tính cũng như nhân tính của Người nói chung và Mình Máu Thánh Người nói riêng; không tin hay tôn sùng Thánh Thể là dấu chứng tỏ phản Kitô, thành phần không công nhận Đức Giêsu Kitô đã đến trong xác thịt.

Dấu hiệu thứ ba cũng không kém phần vững chắc để nhận ra thành phần phản Kitô là họ không nhận biết Mẹ Maria, thậm chí còn chỉ trích và chống đối việc tôn sùng Mẹ, vì như thế là họ tỏ ra cũng không công nhận Đức Giêsu Kitô đã đến trong xác thịt, tức đã được sinh ra bởi Mẹ Maria. Ở đây chúng ta có thể nghĩ đến những ai, vì vô tình hay hữu ý, đả phá hay chống đối lòng tôn sùng Thánh Mẫu, nhất là những việc tôn sùng Mẹ, chẳng hạn như việc lẩn hạt Mân Côi, cho rằng chỉ cần Thánh Thể và Phụng Vụ là đủ. Chúng ta có thể đặt vấn đề với những người này rằng, nếu Đức Kitô thực sự là Lời Nhập Thể mà còn nhờ Mẹ để vào trần gian và đến với loài người, là chính Thiên Chúa mà còn trở thành con cái của Mẹ và ngoan ngoãn vâng lời Mẹ, thì họ là ai mà lại coi thường Mẹ, trong khi đó lại tự cho rằng mình tôn thờ Vị Thiên Chúa Làm Người là Đấng có Thánh Thể được cấu tạo nên bởi chính huyết nhục trinh nguyên của Mẹ.

Dấu hiệu thứ bốn để nhận ra thành phần phản Kitô là lòng thù hận thánh giá của họ, ở chỗ không phải họ chỉ sợ hãi và tránh né thánh giá theo tính tự nhiên như mọi con người bình thường, mà còn dùng thủ đoạn bất chính để

tiêu diệt thánh giá nữa, như ly dị, phá thai, triệt sản, triệt sinh an tử hay triệt sinh trợ tử v.v.; mà thánh giá là đường lối duy nhất Lời nhập thể đã dùng để cứu rỗi nhân loại, do đó, họ “trở thành những kẻ thù của thánh giá Đức Kitô” (Philiphê 3:18), tức là không công nhận Đức Giêsu Kitô đã đến trong xác thịt.

Như thế, theo tôi, muốn biết những gì (người và việc) bởi Thiên Chúa hay không, hãy căn cứ vào 4 dấu hiệu trên: đó là, trước hết và trên hết, tuân phục và hiệp nhất với Giáo Hội, sau đó, một khi đã hoàn toàn cùng hết lòng tuân phục và hiệp nhất với Giáo Hội rồi thì tự nhiên, chẳng những, về nội tâm, có một lòng tôn sùng Thánh Thể và Thánh Mẫu theo truyền thống và tinh thần của Giáo Hội, mà còn, về chứng từ, biết hy sinh chấp nhận mọi thánh giá đau khổ để theo Chúa và phục vụ tha nhân, theo gương Thánh Thể và Thánh Mẫu. Nếu thiếu 1 trong 4 dấu hiệu này, hãy cẩn thận coi chừng!

Có một lần cách đây cả 15 năm, tôi được một nhóm mời tới tham dự một buổi cầu nguyện và chia sẻ ở Orange County, thuộc thành phố Westminster. Họ đã đọc 50 Kinh Mân Côi rất sốt sắng, bằng những bài hát, lời nguyện tự phát, và những cử điệu đặc biệt, nửa tiếng mới xong. Sau đó, họ ngồi xuống chia sẻ sống đạo, một buổi chia sẻ sống đạo hầu như xoay quanh việc kêu ca, phê bình, và chỉ trích các vị linh mục. Nghe giọng điệu của họ tôi biết được những tâm tưởng ấy của họ phát xuất từ đâu. Tôi đã cho họ biết những gì tôi cảm nhận về họ, và khuyên họ hãy cẩn thận về những thứ tin liệu họ nhận được và bị

ảnh hưởng hết sức tiêu cực như thế. Thế rồi sau buổi cầu nguyện và chia sẻ này, tôi không bao giờ được hân hạnh tới với họ lần thứ hai nữa.

Không cần phải áp dụng 4 dấu hiệu trên đây cho bất cứ người nào hay việc nào để biết người ấy hay việc ấy có thực sự bởi Chúa hay chẳng, hãy áp dụng vào chính bản thân mình, chúng ta sẽ thấy chúng ta có thực sự hoàn toàn sống vì Chúa và cho Chúa hay chẳng, chúng ta đã sống đạo chân thực tới đâu và trọn lành tới đâu. Ở đây, chúng ta hãy nhớ rằng cho dù chúng ta có những ý kiến hay đến đâu và có những ý muốn đẹp đến mấy đi nữa, lợi đến đâu chẳng nữa, song ý kiến tự bản chất tốt lành ấy, hay ý muốn đầy thành tâm thiện chí ấy, vẫn có thể không hợp với ý muốn toàn thiện và vô cùng khôn ngoan của Thiên Chúa, đến nỗi chúng cần phải bỏ đi, bằng không, việc chúng ta làm không bởi Chúa hơn là bởi ý riêng chúng ta, bởi tinh thần bất phục của ngụy thần, tức bởi ma qui.

Điển hình nhất là trường hợp Mẹ Maria, đệ nhất tạo vật về ân sủng, cho dù có khẩn giữ mình trinh nguyên “*không hề biết đến nam nhân*” (Luca 1:34) để có thể hoàn toàn sống cho Chúa và thuộc trọn về Chúa là hạnh phúc duy nhất của mình và là Sự Thiện tối cao của mình đi nữa, song Mẹ đã mau mắn bỏ ý định hết sức lành thánh này của Mẹ đi để tuân theo Ý Chúa, bằng không, việc Mẹ giữ mình đồng trinh sẽ không còn bởi Chúa nữa.

Điển hình thứ hai là trường hợp Thánh Phêrô, sau khi được Thầy tỏ cho biết về thân phận Thiên Sai hết sức bất hạnh của Người, liền vì tình yêu mến Thầy và lo cho Thầy mà lên tiếng can gián Thầy đừng có để xảy ra như thế, song lại bị chính Thầy quở trách thậm tệ: “*Đồ Satan, hãy xéo đi cho khuất mắt Ta*”. Tại sao? “*Vì người không phán đoán theo Thiên Chúa mà chỉ theo loài người thôi*” (Mathêu 16:23).

Điển hình thứ ba là trường hợp của vua Saolê, vị vua thứ nhất của dân Do Thái, khi ông giữ lại những con vật béo tốt trong cuộc sát phạt dân Amalek, một cuộc sát phạt mà ông được lệnh phải tận diệt tất cả mọi sự, cả người lẫn thú, để mang về làm lễ vật dâng lên cho Chúa, nhưng việc ông làm lại bị tiên tri Samuel trách móc rằng vua sẽ bị Chúa phế bỏ vì vua bất tuân phục Ngài, và vị tiên tri kết luận: “*vâng lời trọng hơn của lễ*” (1Samuel 15:22).

Là kitô giả thấy gì cũng giả

Tóm lại, nếu Chúa Giêsu thực sự là Đấng Thiên Sai, do Thiên Chúa sai đến và từ Thiên Chúa mà đến, được chứng thực bởi việc Người không bao giờ làm theo ý riêng mình, mà chỉ làm theo ý Đấng đã sai (xem Gioan 6:38), “*cho dù chết trên thập tự giá*” (Philiphê 2:8), và cho dù có thể xuống khỏi thập giá trước những thách thức của thành phần chủ mưu sát hại Người, Người cũng không làm, thì bất cứ ai bởi Chúa mà đến hay việc gì bởi Chúa mà ra, đều mang ấn tín tuân phục, theo tinh thần “*khôn như rắn và chân thật như bồ câu*” (Mathêu 10:16), như Mẹ Maria đã làm mô phạm: Mẹ đã “*khôn ngoan như rắn*” khi

ý thức (chứ không mù quáng) đặt vấn đề về sự thật “*việc ấy thành sự sao được, vì tôi không hề biết đến nam nhân*”, nhưng đồng thời Mẹ cũng “*chân thật như bồ câu*”, khi ngoan ngoãn tỏ ra mau mắn tuân phục vừa lúc biết được sự thật là Ý Chúa, bằng lời “*Xin Vâng*” (Luca 1:38)!

Căn cứ vào tất cả những suy diễn trên, dấu hiệu thực tế hay trực giác để có thể nhận ra tinh thần hay chân tướng của thành phần tiên tri giả, nơi bất cứ một người nào, dù là “*trí thức Công Giáo*”, dù là các đảng các bậc, kể cả ở chính bản thân chúng ta, hay bất cứ một việc làm nào, nhất là hoạt động truyền thông, thậm chí kể cả việc tông đồ truyền giáo tự bản chất tốt lành, đó là tất cả những dấu hiệu có tính cách phản kitô, phản với căn tính và tinh thần Chúa Kitô. Và dấu hiệu phản kitô rõ ràng nhất có thể tóm vào ít là 4 dạng thức hay 4 thái độ chính yếu sau đây: 1- *kiêu căng tự ái* (liên quan đến bản thân); 2- *chống đối bất phục* (liên quan đến quyền bính); 3- *ghen ghét hận thù* (liên quan đến tha nhân); 4- *gian tà độc ác* (liên quan đến ma quỷ).

Ở đây chúng ta nên chú ý một điều đó là, cho dù chúng ta có làm một việc gì đó hoàn toàn và thực tình “*vì Chúa*” và “*cho Chúa*” đi nữa, cũng có thể trở thành phản kitô, tức phản lại với Chúa Kitô, với tinh thần Phúc Âm của Người, như đã điển hình xảy ra nơi trường hợp hai anh em mang biệt danh sấm sét là Gioan và Giacôbê, những người môn đệ (trong bộ ba) thân cận nhất của Người, vẫn không thoát được cảnh bị Người quở trách khi thấy

Người là Vị Sư Phụ vô cùng khả kính khả mến của mình bị dân làng Samaritanô không chịu tiếp rước (x Lk 9:55).

Vậy chúng ta hãy coi chừng và đề phòng những việc được chúng ta cho là xây dựng Giáo Hội mà vô tình hay hữu ý gây ra chia rẽ Giáo Hội và làm cho Giáo Hội của mình trở thành trò cười cho thiên hạ. Chúng ta đừng tưởng là nếu không có chúng ta hay nếu chúng ta không ra tay, không lên tiếng một cách công khai và gay gắt, thì Giáo Hội Chúa sẽ bị phá vỡ bởi các gương mù gương xấu của những vị hữu trách trong Giáo Hội.

Chúng ta cứ tưởng là tất cả sự khôn ngoan của Thiên Chúa toàn năng trong việc giải quyết việc nhỏ cỏ lung vục lộ ra ở thửa ruộng của Ngài là ở việc chúng ta ra tay và cách chúng ta hành xử (x Mt 13:28), ngoài ra, Ngài không còn cách nào khác nữa và không còn thời cơ nào khác theo quan phòng thân linh của Ngài nữa. Đavít, dù nắm được cơ hội vô cùng thuận lợi cũng đã không tự động ra tay hạ thủ “đấng được Thiên Chúa xức dầu” của mình là vua Saulê, nhân vật thù ghét Đavít và quyết lòng giết Đavít cho tới cùng, nhưng Chúa vẫn có cách giải quyết của Ngài, khi Ngài dùng chính vua để kết liễu đời vua bằng lưỡi gươm của vua (1Sam 24:7-11;31:4).

Nếu chúng ta cảm thấy chúng ta “thực sự” được Thiên Chúa sai tới, như những vị ngôn sứ trong Cựu Ước, thì, với tư cách và bản chất của “một đấng thiên sai”, “đến để làm theo ý Đấng đã sai” (Jn 6:38) như Chúa Kitô Thiên

Sai, chứ không phải theo ý mình và cách của mình, thì chúng ta có thực hiện trọn vẹn những gì Ngài truyền dạy trong Phúc Âm Con của Ngài hay chẳng, đúng như đường lối tam cấp Ngài đã tỏ tường ấn định ở đó hay chẳng: 1) nói nhỏ với nhau, 2) mời thêm nhân chứng, 3) trình lên thẩm quyền (x Mt 18:15-17), hay chúng ta theo cách thức và đường lối của mình?

Nếu chúng ta cho rằng chúng ta có trách nhiệm bảo vệ Giáo Hội, nhất là đối với thành phần hữu trách, thì hãy nhớ rằng, Chúa Giêsu là Đấng đã biết trước người môn đệ Giuđa Íchca của Người đang âm thầm tìm cách phản nộ Người, song Người vẫn không, dù có quyền, rêu rao trước mặt các môn đệ khác trong Bữa Tiệc Ly, trái lại, Người còn quì xuống rửa chân cho chính kẻ phản bội Người (x Jn 13:1-5). Bởi đó, nếu chúng ta thực sự thực hành lời Chúa trong việc sửa lỗi cho anh chị em mình (x Mt 18:15), để xây dựng cho nhau nói riêng và Giáo Hội nói chung, chúng ta cũng cần phải bắt chước gương của Chúa Kitô: “Thầy đã làm thế nào các con cũng hãy làm như thế” (Jn 13:15), đó là, cho dù khi thấy anh chị em mình có lỗi thật đi nữa, như trường hợp Giuđa với Chúa Giêsu, chúng ta cũng cần phải *quì xuống rửa chân* cho họ, chứ không phải *nhào tới chụp mũ lên đầu* họ, bằng những suy đoán chủ quan, hay *vênh vang* bôi nhọ lên *mặt* họ, bằng những luận điệu mĩa mai dạy đời.

Có một vị trong hàng giáo phẩm Việt Nam được mời sang Hoa Kỳ, nhưng lại là vị được một trong những nhà

"trí thức Công Giáo" gọi tới tận nơi ngài sẽ đến để báo với vị thẩm quyền ở đó rằng ngài "là cộng sản". Vị được báo cho biết ấy liền hỏi lại nhà trí thức này rằng "làm sao biết được ngài là cộng sản", thì nhà trí thức liền nói "nghe báo chí nói vậy!"

Thế rồi, tại chính gia cư của nhà trí thức thứ nhất này, vào ngày Thứ Năm 1/12/2005, có một nhà trí thức khác đột nhiên lên tiếng nói thẳng với tôi rằng: "không có một linh mục nào là khiêm nhượng!" Hết sức ngỡ ngàng trước nhận định vô căn cứ cả năm ấy, tôi liền nêu đích danh một số vị linh mục thánh thiện nổi tiếng, song nhà trí thức thứ hai này nói rằng chưa hề gặp các vị linh mục ấy nên không biết. Liền ngay sau đó một chút, hình như nghĩ được lẽ cao, nhà trí thức này giáng thêm một câu độc đoán khủng khiếp chưa từng thấy: "các vị ấy có khiêm nhượng cũng chỉ giả hình!" Thế là "lưỡi tôi dính vào cuống họng" (Ps 22:15), hầu như không nói gì được nữa... Tôi đã ghen ngào đầy thương cảm nhìn người anh em trí thức của tôi ấy.

Với luận điệu "nghe báo chí nói vậy" và vô căn cứ cả năm đến độc đoán như hai nhà trí thức này thì chẳng trách được, khi vị thuộc hàng ngũ giáo phẩm Việt Nam được mời sang Mỹ bị ghép cho là cộng sản trên đây chính thức gửi điện thư đến nhóm chụp mũ cộng sản cho ngài, tỏ ra sẵn sàng gặp gỡ họ ở bất cứ nơi nào và bất cứ lúc nào họ muốn, như ngài đã trực tiếp cho người viết này biết ở

Houston Texas, thì ngài lại chẳng nhận được một hồi âm nào từ nhóm trí thức ấy cả...

Chúa Giêsu đã cảnh giác chúng ta về cái xà to tướng che khuất tất cả mọi sự ở mắt chúng ta là những gì cần phải lấy đi trước rồi mới thấy rõ mà lấy cái rằm tí tẹo trong mắt anh chị em mình (x Mt 7:5). Hình ảnh rất thực tế Chúa dạy chúng ta đây cũng rất thích hợp với tâm lý tự nhiên, với nguyên tắc "tri kỷ tri bỉ". Ở chỗ, nếu cả chính bản thân mình chúng ta mà chúng ta cũng chưa biết hết, chưa biết đủ, chưa biết thật, một trạng thái chúng ta sống như nửa tỉnh nửa mê, say rượu v.v., thì làm sao chúng ta có thể đủ tỉnh táo và sáng suốt biết được tất cả sự thật về người anh chị em của chúng ta, mà sửa lỗi cho họ cách chính xác và xây dựng trong đức bác ái trọn lành. Bởi thế, để có thể rõ ràng sáng suốt thấy được cái rằm nhỏ xíu trong mắt của anh chị em mình, chúng ta, trước hết, cần phải được sự thật giải phóng (x Jn 8:32), cần phải được "ánh sáng sự sống" (Jn 8:12) soi dẫn, sau đó, trong tinh thần khiêm nhượng thật và thật khiêm nhượng, chúng ta mới có thể, nếu không muốn nói mới dám, như Chúa đã làm, quỳ xuống mà rửa chân cho anh chị em mình.

Đúng thế, chỉ khi nào chúng ta "hiền lành và khiêm nhượng trong lòng" (Mt 11:29), chúng ta mới có thể như Chúa Kitô là Đấng đã tỏ ra lo lắng kiếm tìm từng con chiên lạc và khi tìm thấy thì hớn hở vui mừng vác nó lên vai mang về (x Lk 15:5); bằng không, không có con mắt nhân hậu như Chúa Kitô và con tim cảm thương của

Chúa Kitô, chúng ta không thể nhìn thấy tất cả sự thật nơi anh chị em chúng ta, trái lại, bất cứ ai, nhất là thành phần đáng bậc, được chúng ta cho là lầm lạc ấy, sẽ bị chúng ta coi là dê sói, cần phải công khai chọc tiết bằng ngòi bút của mình, cùng nhau nhào tới hành hạ cho tới chết.

Qua những tâm tưởng và hành động của mình, có những lúc chúng ta tự coi mình là những người con trưởng, luôn ở bên cha, không làm phiền cha bao giờ, nhưng lại tỏ ra không chấp nhận đứa em phung phá hoán cải của mình, (mà chưa chắc họ đã thực sự phung phá hay họ phung phá theo luận điệu "nghe báo chí nói vậy" và vợ đứa cả nắm một cách độc đoán của chúng ta), thì chính chúng ta đã trở thành đứa con hoang đàng, vì ở với cha mà chẳng hiểu cha gì cả, còn xa cha vời vợi, không gần cha và làm hài lòng cha bằng đứa em phung phá trở về cùng cha (x Lk 15:29-32).

“Không ai sinh bởi Thiên Chúa lại hành động tội lỗi”

Đó là lý do, chỉ có ai theo gương Chúa Kitô và sống theo tinh thần của Người mới không vấp phải những việc làm của thành phần kitô giả mà thôi. Bằng không, chúng ta có thể là kẻ nhân danh Thiên Chúa mà khủng bố anh em mình, như tình hình đang xảy ra trên thế giới hiện nay, điển hình nhất nơi trường hợp của Hội Đồng Đầu Mục Do Thái xưa, một hội đồng đã nhân danh Thiên Chúa mà hỏi Chúa Kitô xem Người có phải là Con Thiên Chúa hay

chăng, và sau khi nghe biết được Sự Thật thì đã ra tay sát hại Sự Sống (x Mt 26:63-66).

Bởi thế, dấu hiệu bởi Chúa mà ra là những gì (qua tâm, ngôn, hành) hoàn toàn phản nghịch lại với 4 thái độ được kể đến trên đây, tức những dấu hiệu bởi Chúa là những dấu hiệu tích cực được tỏ hiện ra như là 9 hoa trái của Chúa Thánh Thần mà Thánh Phaolô đã liệt kê trong thư gửi Giáo Đoàn Galata ở đoạn 5 câu 22 sau đây: *"yêu thương, hoan lạc, an bình, nhẫn nại, từ ái, quảng đại, tin tưởng, dịu hiền và thanh sạch"*.

Một điều lưu ý cuối cùng rất quan trọng đó là đôi khi con người nào đó không phải bởi Chúa, tức là tiên tri giả hay ngụy kitô, song việc của họ vẫn có thể từ Chúa. Đúng thế, căn cứ vào 9 hoa trái của Chúa Thánh Thần trên đây, thì những việc làm nào có tính cách yêu thương, quảng đại, dịu hiền chẳng hạn, đều bởi Chúa, cho dù con người tỏ ra những hành động hay những thái độ này là ai đi nữa.

Đó là lý do chúng ta thấy có những người ngoài Kitô Giáo như Phật tử hay Hồi giáo còn từ bi nhân ái và chân thật hơn nhiều người tự xưng là Kitô hữu Công Giáo chúng ta. Đó cũng là lý do, người phụ nữ Samaritanô ngoại lai đang sống trong tội lỗi, tức sống dưới quyền lực của ma quỷ, đã có thể làm tông đồ cho Chúa Kitô ngay sau khi được hội ngộ với Người (x Jn 4:29-30,39-42). Đó còn là lý do Giáo Hội Công Giáo vẫn chấp nhận những việc vị linh mục đang mắc tội trọng làm các phép Bí Tích Thánh, nhất

là Thánh Thể, vẫn thành hiệu. Lý do là vì, Thiên Chúa là Đấng vô cùng toàn năng và khôn ngoan có thể sử dụng tất cả mọi sự để làm việc của Ngài và cho Ngài, và chỉ một mình Ngài mới có quyền và có thể biến dữ nên lành mà thôi.

Bởi thế, cho dù là tên gian ác vô cùng lợi hại đến phần rỗi của loài người, nhưng vẫn có thể được Thiên Chúa sử dụng, như trường hợp Thánh Đaminh, được cuốn Bí Mật Kinh Mân Côi của Thánh Long Mộng Phố (Louis Montfort) thuật lại ở chương về Bông Hồng Thứ 33, đã bắt Satan phải khai ra một sự thật vô cùng bất lợi cho hắn, và sau khi hết sức khôn khéo tìm cách thoái thác không nổi, hắn đã phải thú nhận rằng không một ai thành thực sùng kính Mẹ lại bị hư đi như hắn. Vậy nếu chúng ta bảo những gì từ ma qui dối trá nói đều không thật thì chẳng khác gì chúng ta không chấp nhận những gì hắn thú ra rất hợp với niềm xác tín của các thánh, đó là tâm hồn nào thành thực sùng kính Mẹ Maria đều được cứu độ.

Tuy nhiên, vấn đề ở đây là làm sao chúng ta phân biệt được đâu là thật và đâu là giả xuất phát từ thành phần gian ác, thậm chí xuất phát từ cả những người chúng ta vẫn có ác cảm, dù họ khách quan rất tốt lành và đáng tin tưởng. Do đó, vấn đề ở đây không phải là “họ” nữa, thành phần đôi khi chúng ta cho là kitô giả, hơn là chính bản thân chúng ta, nhiều khi chúng ta là kitô giả nên thấy cái gì cũng giả, cũng thù địch với mình.

Nếu chúng ta có một tâm hồn đơn sơ như trẻ nhỏ, chắc chắn chúng ta sẽ không sợ bị lừa gạt, như Thánh Gioan Tông Đồ đã cả quyết và khẳng định trong Thư Thứ Nhất đoạn 3 câu 9 của ngài như sau: *“Không ai sinh bởi Thiên Chúa lại hành động tội lỗi... Họ không thể phạm tội vì họ được sinh bởi Thiên Chúa”*. Thành phần sinh bởi Thiên Chúa đây là ai, nếu không phải là thành phần “hoán cải và trở nên như trẻ nhỏ” (Mt 18:3), thành phần được “Thần Chân Lý dẫn vào tất cả sự thật” (Jn 16:13).

Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo số 675 đã khẳng định về thời tận thế với hiện tượng kitô giả và tình hình Giáo Hội liên quan tới cuộc thử thách đức tin kinh hoàng của thành phần tín hữu như sau:

“Trước khi Chúa Kitô đến lần thứ hai, Giáo Hội phải trải qua một cuộc thử thách sau cùng, một cuộc thử thách sẽ làm lay chuyển đức tin của nhiều tín hữu (x Lk 18:8; Mt 24:12). Bách hại đi kèm theo cuộc lũ hành của Giáo Hội trên mặt đất (x Lk 21:12; Jn 15:19-20) sẽ tỏ ra cho thấy ‘mâu nhiệm của gian tà’ nơi hình thức lừa bịp về đạo giáo, ở chỗ nó công hiến con người một giải đáp trước mắt cho những vấn nạn của họ với giá họ phải trả là chôi bỏ sự thật. Cái lừa bịp về đạo giáo thượng hạng là cái lừa bịp Phản Kitô, một chủ trương nguy kitô làm cho con người tôn vinh mình hơn Thiên Chúa và hơn Đấng Thiên Sai đến trong xác thịt của Ngài (x 2Thess 2:4-12; 1Thess 5:2-3; 2Jn 7; 1Jn 2:18,22)”.

Fatima: Dạo Khúc mở màn cho Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa

*bài chia sẻ trong buổi Hội Thảo Thánh Mẫu Thứ Sáu ngày
5/8/2011*

Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL

Dấu chỉ thời đại

Có một điều hiển nhiên theo lịch sử đó là Biến Cố Fatima xảy ra ngay trước Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa. Biến Cố Fatima chính thức bắt đầu vào năm 1917, với 6 lần liên Mẹ Maria hiện ra với 3 em Thiếu Nhi Fatima vào các ngày 13, từ Tháng 5 đến Tháng 10. Tuy nhiên, toàn bộ Biến Cố Fatima còn bao gồm cả những năm 1916, với 3 lần Thiên Thần Hòa Bình hiện ra cũng với 3 em Thiếu Nhi Fatima này, mà còn cả năm 1925 và 1929, hai lần Mẹ Maria hiện ra với riêng Chị Nữ Tu Lucia (1907-2005) là một trong 3 em thụ khải còn sống nữa, nhất là lần hiện ra cuối cùng vào đêm 13/6/1929, lần chị được thị kiến thấy như sau:

- *Bỗng nhiên, cả nhà nguyện bừng sáng, không còn lờ mờ với ngọn đèn chầu nhà tạm nữa. Một thánh giá bằng ánh sáng hiện ra trên bàn thờ cao lên tới trần nhà nguyện. Phần trên của cây thánh giá sáng hơn, có dung nhan cùng với thân mình của một người từ cạnh sườn trở lên; trên ngực của*

người này có một con chim câu bằng ánh sáng; bị đóng đinh vào thập giá là thân mình của một người khác. Dưới cạnh sườn chút xíu, có một chén thánh và một bánh thánh lớn lơ lửng trên không trung. Những giọt máu từ mặt của Chúa Giêsu Tử Giá và từ cạnh sườn của Người chảy xuống bánh thánh và nhỏ vào chén thánh. Bên phải cây thánh giá là Đức Mẹ với Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội ở trong tay Mẹ. Bên trái cây thánh giá có những chữ lớn như thể bằng nước trong như thủy tinh chảy xuống trên bàn thờ làm thành những chữ: "Ân Sủng và Tình Thương".

Thế rồi sau thị kiến "Ân Sủng và Tình Thương" này chỉ có một năm gần tám tháng, lịch sử nhân loại đã thực sự tiến vào Thời Điểm của Lòng Thương Xót Chúa, mở màn vào ngày 22/2/1931, ngày Chúa Giêsu xin Nữ Tu Faustina (1905-1938) cho vẽ một Bức Ảnh Chúa Tình Thương để tôn kính Lòng Thương Xót Chúa. Như thế, Trời Cao có ý gì qua dấu chỉ thời đại là Biến Cố Fatima liên quan đến Mẹ Maria xảy ra ngay trước Thời Điểm Lòng Thương Xót Chúa liên quan đến Chúa Giêsu Con Mẹ? Phải chăng những gì xảy ra đó hoàn toàn chỉ là tình cờ, ngẫu nhiên, ngoài sự quan phòng vô cùng nhiệm mầu của Thiên Chúa? Và phải chăng những lời của Thánh Long Mộng Phổ (Louis Montfort) viết từ đầu thế kỷ 18 trong tác phẩm lừng danh của ngài là Luận Về Lòng Thành Thực Sùng Kính Mẹ Maria (đoạn 49, 50 và 55) đã xảy ra rất chính xác về sự kiện Mẹ đến trước Con đến sau như thế không có tính chất của một lời tiên tri hay sao, khi ngài dám khẳng định bấy giờ rằng:

- "Việc cứu độ thế giới được bắt đầu nhờ Mẹ Maria thế nào, thì cũng nhờ Mẹ nó được hoàn thành như vậy" (đoạn 49); "Thiên Chúa muốn tỏ Mẹ Maria ra, một kiệt tác của Ngài, và làm cho Mẹ được nhận biết hơn vào những thời buổi sau này... Mẹ là đường nhờ đó Chúa Giêsu đã đến với chúng ta lần thứ nhất thế nào, Mẹ cũng lại là đường nhờ đó Người sẽ đến với chúng ta lần thứ hai như vậy, dù không cùng một kiểu cách" (50); "Vào những thời buổi ấy, Thiên Chúa muốn Người Mẹ Thánh của Ngài được nhận biết, mến yêu và tôn kính hơn bao giờ hết" (đoạn 55).

Vấn đề được đặt ra ở đây là phải chăng Mẹ Maria đã đến, nhất là ở Biển Cối Fatima năm 1917, là để dọn đường cho Chúa Kitô đến lần thứ hai? Vì, trong Nhật Ký Lòng Thương Xót Chúa trong Hôn Con của Chị Thánh Faustina, chị đã ghi lại cả gần chục lần Chúa Giêsu nói với chị về "lần đến thứ hai của Cha" hay "lần đến cuối cùng của Cha". Điển hình nhất là hai câu Chúa nói với chị rằng:

- "Từ Balan Cha sẽ làm phát ra một tia sáng để dọn đường cho lần đến cuối cùng của Cha" (số 1732); "Hãy nói cho thế giới biết về tình thương của Cha; tất cả loài người hãy nhận biết tình thương khôn dò của Cha. Đó là dấu hiệu cho ngày cùng thán tận; sau đó sẽ là ngày của công lý" (số 848).

Để giải quyết vấn đề này, chúng ta hãy thử mở lại Phúc Âm để nhờ đó có thể phần nào thấy được sự thật về vai trò tiền hô của Mẹ Maria đến để dọn đường cho Chúa

Giêsu Con Mẹ tái giảng. Đoạn Phúc Âm có lẽ chất chứa tất cả sự thật này là đoạn 25 của Thánh Ký Mathêu, nguyên văn (theo bản dịch của Nhóm Phiên Dịch Phụng Vụ Giờ Kinh) như sau:

- "Bấy giờ, Nước Trời sẽ giống như chuyện mười trinh nữ cầm đèn của mình ra đón chú rể. ⁽²⁾ trong mười cô đó, thì có năm cô dại và năm cô khôn. ⁽³⁾ Quả vậy, các cô dại mang đèn mà không mang dầu theo. ⁽⁴⁾ Còn những cô khôn thì vừa mang đèn vừa mang chai dầu theo. ⁽⁵⁾ Vì chú rể đến chậm, nên các cô thiếp đi, rồi ngủ cả. ⁽⁶⁾ Nửa đêm, có tiếng la lên: 'Kìa chú rể, ra đón đi!' ⁽⁷⁾ Bấy giờ tất cả các trinh nữ ấy đều thức dậy, và sửa soạn đèn. ⁽⁸⁾ Các cô dại nói với các cô khôn rằng: 'Xin các chị cho chúng em chút dầu của các chị, vì đèn của chúng em tắt mất rồi!' ⁽⁹⁾ Các cô khôn đáp: 'Sợ không đủ cho chúng em và các chị đâu, các chị ra hàng mà mua lấy thì hơn'. ⁽¹⁰⁾ Đang lúc các cô đi mua, thì chú rể tới, và những cô đã sẵn sàng được đi theo chú rể vào dự tiệc cưới. Rồi người ta đóng cửa lại. ⁽¹¹⁾ Sau cùng, mấy trinh nữ kia cũng đến gọi: 'Thưa Ngài, thưa Ngài! mở cửa cho chúng tôi với!' ⁽¹²⁾ Nhưng Người đáp: 'Tôi bảo thật các cô, tôi không biết các cô!' ⁽¹³⁾ Vậy anh em hãy canh thức, vì anh em không biết ngày nào, giờ nào".

Trong bài Phúc Âm về dụ ngôn này, chúng ta thấy ít là 4 chi tiết hay 4 yếu tố then chốt và quan trọng, nhưng rất tiếc lại không được Chúa Giêsu giải thích như trong dụ ngôn gieo giống (x Mt 13:4-10,18-23), hoặc dụ ngôn cỏ lùng (x Mt 13:24-30,36-43), bởi đó cần chúng ta phải suy

diễn theo ơn Chúa Thánh Thần. Chi tiết thứ nhất đó là "mười cô trinh nữ", hay "mười cô phù dâu - bridesmaids (như trong bản The New American Bible 1970); chi tiết thứ hai là "nửa đêm", lúc chàng rể tới; chi tiết thứ ba là "có tiếng hô: 'kìa chú rể đến, hãy ra nghênh đón'"; và chi tiết thứ tư là đèn sáng cần phải có dầu. Các chi tiết hay yếu tố làm nên dụ ngôn này có ý nghĩa như thế nào: "mười cô trinh nữ hay phù dâu" đây là ai? "nửa đêm" đây ám chỉ những gì? "Tiếng hô" vào lúc nửa đêm ấy phát xuất từ đâu hay nói cách khác "tiếng hô" ấy của ai? Dầu là chất liệu cần cho đèn sáng có hàm ý gì?

"Mười cô trinh nữ" hay "mười cô phù dâu"

"Mười cô trinh nữ (hay) phù dâu" đây có thể hiểu được áp dụng chung Kitô hữu là thành phần được thanh tẩy bởi Phép Rửa, nên tinh tuyền với Giáo Hội là hiện thể của Chúa Kitô (x Eph 5:26-27), và áp dụng riêng cho thành phần sống đời tận hiến tu trì, chẳng những giữ mình "đồng trinh" bằng lời khấn dòng hay độc thân linh mục, mà còn đóng vai trò "phù/phụ dâu" trong việc giúp làm đẹp cho cô dâu Giáo Hội bằng chính đời sống theo đuổi đức ái trọn hảo của mình nữa. Nếu suy diễn này không sai thì dụ ngôn "10 cô trinh nữ (hay) 10 phù dâu" là dụ ngôn ám chỉ về thành phần Kitô hữu nói chung và thành phần Kitô hữu tu trì nói riêng.

"Nửa đêm"

"Nửa đêm" đây, theo thời gian, là lúc tăm tối nhất và là lúc người ta mệt nhất và ngủ say nhất, đến độ, ngay trong bài Phúc Âm cho thấy, thậm chí cả 5 cô trinh nữ hay 5 cô phù dâu khôn ngoan cũng thiếp ngủ. Có thể áp dụng thời điểm "nửa đêm" này vào thời điểm tận thế, thời điểm Chúa Giêsu quả thực muốn nói đến, vì dụ ngôn "10 trinh nữ (hay) 10 phù dâu" này tiếp ngay sau đoạn Phúc Âm 24 của cùng Thánh Ký Mathêu về các biến chứng của ngày tận thế.

Bởi thế, để biết "nửa đêm" là thời điểm Chúa Kitô lại đến đây xảy ra như thế nào, chúng ta cần phải đọc lại đoạn 24 (7-8, 11-14, 16, 21-22, 29-30) của Phúc Âm Thánh Mathêu (theo bản dịch của Cha Nguyễn Thế Thuấn, CSsR), một đoạn phúc âm về một tận thế được chia ra làm 4 giai đoạn: mở màn, chuyển tiếp, khốn khổ và cùng tận.

Giai đoạn "nửa đêm" mở màn "Dân này sẽ dậy lên chống dân kia, nước này chống nước nọ. Và đó đây sẽ có đói kém và động đất. Mọi sự ấy mới là khởi điểm của những cơn đau chuyển bụng".

Giai đoạn mở màn này có ba sự kiện là chiến tranh, đói kém và động đất.

Về hiện tượng chiến tranh, lịch sử loài người cho thấy chưa bao giờ xảy ra chiến tranh toàn cầu như đã xảy ra ở Âu Châu là thế giới Kitô giáo trong thế kỷ 20 với hai Thế Chiến I (1914-1918) và II (1939-1945). Cho tới nay, có thể

nói, đang xảy ra thế chiến III, một cuộc chiến khủng bố toàn cầu, nhất là giữa thế giới Hồi giáo Ả Rập và thế giới Tây phương là thế giới được đồng hóa với Kitô giáo dưới mắt của thành phần Hồi giáo cực đoan.

Về hiện tượng đói kém, thế giới càng toàn cầu hóa về kinh tế thì kinh nghiệm cho thấy lại càng gây ra khoảng cách bất khả lấp giữa giàu sang và nghèo đói.

Về hiện tượng động đất, những trận động đất nặng, gần 7 hay trên 7 chấm, gây thiệt hại lớn, thống kê cho thấy càng ngày trái đất càng bị khủng hoảng: 1000 năm đầu sau Chúa Kitô Giáng Sinh, chỉ có 11 trận, 7 thế kỷ sau đó, mỗi thế kỷ chỉ từ 5 trận trở xuống, để rồi các thế kỷ sau đó các trận động đất xảy ra theo cấp độ gia tốc, với 21 trận ở thế kỷ 18, 45 trận ở thế kỷ 19, 245 trận ở thế kỷ 20, và 213 trận ở thập niên đầu của thế kỷ 21.

Như thế, cả ba hiện tượng, chiến tranh, đói kém và động đất càng ngày càng trở nên trầm trọng đến độ chưa từng có trong lịch sử loài người.

Giai đoạn “nửa đêm” chuyển tiếp "Sẽ có nhiều tiên tri giả nổi dậy và lừa gạt được nhiều người. Mà vì tội ác gia tăng mà lòng mến nơi nhiều người trở nên nguội mất. Nhưng kẻ nào kiên nhẫn đến cùng, kẻ ấy sẽ được cứu! Và Tin Mừng về Nước Thiên Chúa sẽ được loan báo khắp thiên hạ, để làm chứng trước mọi dân tộc. Và bấy giờ mới tới cùng tận."

Giai đoạn chuyển tiếp này cũng có 3 sự kiện: tiên tri giả, lòng người nguội lạnh và Tin Mừng được loan báo khắp nơi.

Về hiện tượng tiên tri giả, chúng ta thấy xuất hiện những lý thuyết sai lạc phản luân thường đạo lý và tác hại đức tin Kitô giáo, điển hình nhất là 3 chủ thuyết cực đoan sau đây, đó là chủ nghĩa cộng sản vô thần và chủ nghĩa duy nhân bản tôn thờ con người và chỉ biết có quyền làm người, hai chủ nghĩa xuất phát từ Tây phương Kitô giáo và quả thực đã lôi kéo được nhiều người.

Về hiện tượng lòng người ra nguội lạnh, được thể hiện nơi và gây ra bởi những luật pháp phi nhân bản, như ly dị, phá thai, triệt sinh an tử hay trợ sinh an tử v.v. Ngoài ra, hiện tượng lòng người ra nguội lạnh còn được thấy nơi tình trạng càng ngày càng hiếm ơn gọi tu trì và linh mục, hay tình trạng phá giới nơi đời sống tận hiến, tu chẳng còn ra tu v.v.

Về hiện tượng Tin Mừng được loan báo khắp nơi, đặc biệt xảy ra nơi vai trò của vị thừa kế Thánh Phêrô, vị lãnh đạo Giáo Hội Chúa Kitô là Đức Giáo Hoàng, kể từ Đức Phaolô VI, cho tới vị đương kim Biển Đức XVI, nhất là Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, đã đi khắp thế giới với 104 chuyến tông du để mang vui mừng và hy vọng đến cho một thế giới càng văn minh con người càng bạo loạn và càng hoảng sợ tự diệt.

Như thế, cả ba hiện tượng tiên tri giả, lòng người ra nguội lạnh và tin mừng được rao giảng khắp nơi cũng là những gì xảy ra ở mức độ chưa từng có trong lịch sử loài người.

Giai đoạn “nửa đêm” khốn quẫn “Vậy khi các người thấy ghê tởm hoang tàn, như tiên tri Daniel đã nói, diễn ra trong nơi thánh - ai đọc thì lo mà hiểu... Vì bấy giờ sẽ có khốn quẫn lớn như chưa từng xảy ra từ khởi nguyên vũ trụ cho đến bây giờ. Và cũng sẽ không hề xảy ra nữa. Và nếu những ngày ấy không được rút ngắn lại, thì không một ai có thể thoát khỏi, nhưng vì kẻ được chọn, các ngày ấy sẽ được rút ngắn”.

Ở giai đoạn khốn quẫn này, kinh khủng đến độ chưa từng xảy ra và cần phải rút ngắn lại kẻo không một ai có thể chịu đựng nổi, có một hiện tượng được nhắc đến là tình trạng ghê tởm hoang tàn diễn ra ở nơi thánh. Phải chăng ở đây lời Chúa ám chỉ tới lương tâm con người là cung thánh của Thiên Chúa đã trở thành hang động tối tăm và nồng nặc tử khí của một nền văn hóa sự chết, ghê tởm nhất là quyền được phép hôn nhân đồng tính, nam lấy nam, nữ lấy nữ, và phải chăng tình trạng ghê tởm ở nơi thánh này thật sự đã xảy ra hiện tượng các linh mục thuộc thế giới Tây phương bắt đầu lạm dụng tình dục trẻ em vị thành niên. Những hiện tượng quái gở đầy ghê tởm này chưa từng xảy ra trong lịch sử loài người và Giáo Hội.

Giai đoạn “nửa đêm” cùng tận: “Lập tức sau cơn khốn quẫn những ngày ấy: Mặt trời trở nên u tối, mặt trăng mất sáng,

tinh tú tự trời sa xuống, và các quyền năng từng trời bị lay chuyển. Và bấy giờ dấu của Con Người tỏ hiện trên trời, và bấy giờ mọi giống nòi trên mặt đất sẽ đấm ngực. Và người ta sẽ thấy Con Người đến trên mây trời với quyền năng và vinh quang cao cả.”

Ở giai đoạn cùng tận này xảy ra các biến động trên không trung liên quan tới mặt trời, mặt trăng cùng các tinh tú, hay nói chung liên quan tới ánh sáng, tới tối tăm, tới chết chóc.

Chúng ta có thể hiểu về biến động trên không trung đây liên quan tới đức tin Kitô giáo, tới thành phần là “ánh sáng thế gian” (Mt 5:14): “Khi Con Người đến không biết Người có còn thấy đức tin trên thế gian này nữa hay chăng?” (Luke 18:8); “Trước khi Chúa Kitô đến lần thứ hai, Giáo Hội phải trải qua một cuộc thử thách sau cùng, một cuộc thử thách sẽ làm lay chuyển đức tin của nhiều tín hữu” (Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo 1992, số 675). “Trước khi Cha đến như một Vị Quan Án công minh, thì Cha đến như một Đức Vua của Tình Thương. Trước ngày công thẳng, dân chúng sẽ được thấy một dấu hiệu trên các tầng trời như thế này: Tất cả ánh sáng trên các tầng trời sẽ bị tắt hết, và bóng tối khủng khiếp sẽ bao trùm cả trái đất. Đoạn trên bầu trời sẽ xuất hiện hình bóng cây thánh giá, và từ những kẽ hở của các bàn tay chân bị đóng đinh của Chúa Cứu Thế sẽ phát ra những ánh sáng cả thể chiếu soi mặt đất trong một khoảng thời

gian. Điều này sẽ xảy ra không lâu trước ngày cùng tận".
(*Chúa Giêsu với Chị Thánh Faustina, Nhật Ký, 83*).

Đến đây, chúng ta thấy ý nghĩa "nửa đêm" trong dụ ngôn 10 cô trinh nữ hay 10 cô phù dâu rất thích hợp với thời đại của chúng ta. Tuy nhiên, nếu chúng ta thật lòng kính mến Chúa, chúng ta sẽ không cảm thấy lo sợ, trái lại, chúng ta còn vui mừng vì, qua những dấu chỉ thời đại cho thấy dường như Chúa đang tới, chúng ta sắp được gặp Đấng chúng ta hằng khát vọng và muốn hiệp nhất nên một. Đó là lý do, để trấn an Kitô hữu thành Thessalonica, trong Thư Thứ Hai ở đoạn 2 từ câu 1 đến 4, Thánh Phaolô đã khẳng định như sau:

- "Hỡi anh em, về sự Quang lâm của Chúa [chúng ta] Đức Yêsu Kitô là sự ta được hội ngộ với Ngài, chúng tôi xin anh em đừng vội để mình bị giao động lòng trí và kinh hoàng, dù bởi Thân khí hay tuyên ngôn hoặc thư từ nào nói là của chúng tôi: như thể Ngày của Chúa đã đến! Đừng để ai phỉnh gạt anh em một cách nào! Trước tiên phải xảy ra sự tình trạng bỏ đạo tập thể (mass apostasy), và xuất hiện con người lừng loàn vô đạo (lawlessness/lawless one), đưa hư đốn, kẻ đẩy lên chống lại vươn mình lên như thân linh đáng được sùng bái, thậm chí hấn dâm ngự trị trong ngai tòa của Thiên Chúa, cho mình là Thiên Chúa!"

Nếu quả thực dấu hiệu trước khi Chúa tới là tình trạng bỏ đạo tập thể và sự xuất hiện của tên lừng loàn được hiện thân nơi duy nhân bản thuyết chủ trương duy ngã độc tôn, thì phải chăng tình trạng chưa bao giờ có này đang

xảy ra trong thời đại của chúng ta, như cảm nhận của Vị Giáo Hoàng Chân Phước Gioan Phaolô II trong Bài Giảng Thánh Lễ Phong 4 tân Chân Phước Balan, Chúa Nhật 18/8 tại Blonie Park ở Krakow Balan, đoạn 3 sau đây:

- "*Có lẽ vì thế kỷ 20, mặc dù có những thành đạt không thể chôi cãi về nhiều lãnh vực, cũng đã bị ghi dấu một cách đặc biệt bởi mầu nhiệm lỗi lầm - mystery of iniquity'. Chúng ta đã tiến vào ngàn năm mới với di sản vừa thiện vừa ác này. Những chân trời mới trong việc phát triển đang mở ra trước nhân loại, kèm theo đó có cả những cái nguy hiểm chưa từng có. Con người thường sống như thể Thiên Chúa không hiện hữu, thậm chí đặt mình vào vị thế của Thiên Chúa nữa. Họ tự cho mình quyền hành của một Vị Tạo Hóa trong việc can thiệp vào mầu nhiệm sự sống con người. Họ muốn định đoạt sự sống con người bằng cách léo lái việc truyền giống cũng như muốn thiết định giới hạn sự chết. Khi loại trừ lề luật thân linh và những nguyên tắc luân lý, họ công khai tấn công cơ cấu gia đình. Bằng những cách thức khác nhau, họ cố gắng làm cho Thiên Chúa phải im hơi lặng tiếng nơi tâm can của con người; họ muốn làm cho Thiên Chúa 'hoàn toàn khuất bóng' nơi văn hóa và lương tâm các dân tộc. 'Mầu nhiệm lỗi lầm' tiếp tục đánh dấu cái thực tại của thế giới này".*

"Tiếng hô: 'kìa chú rể đến, hãy ra nghênh đón'"

"Tiếng hô: 'kìa chú rể đến, hãy ra nghênh đón'" vào lúc "nửa đêm" là thời kỳ tận thế đây, có thể nói không phải là của Giáo Hội, vì Giáo Hội là chính cô dâu đang chờ để nghênh đón chàng rể của mình là Chúa Kitô, cho bằng của Mẹ Maria là Mẹ của Giáo Hội, một phần tử thượng thặng của Giáo Hội nhưng đồng thời cũng là trinh mẫu mô phạm của Giáo Hội và cho Giáo Hội.

Phải chăng "tiếng hô" vào lúc "nửa đêm" của Mẹ Maria đây đã vang vọng đặc biệt mấy lần rồi, nhất là qua Biến Cố Thánh Mẫu 1830 ở Paris Nước Pháp với Thánh Nữ Catherine Labuaré (1806-1876), qua Biến Cố Thánh Mẫu 1858 ở Lộ Đức Pháp quốc với Thánh Nữ Bernadette Soubirous (1807-1871), và nhất là qua Biến Cố Thánh Mẫu 1917 ở Fatima Bồ Đào Nha với 3 Thiếu Nhi Lucia (1907-2005), Phanxicô (1908-1919) và Giaxinta (1910-1920).

Ba Biến Cố Thánh Mẫu trên đây đều liên quan đến đặc ân Vô Nhiễm Nguyên Tội của Mẹ Maria, một ơn Mẹ được hưởng trước ơn cứu chuộc của Chúa Kitô là Mặt Trời Công Chính sẽ xuất hiện mà Mẹ đóng vai như rạng đồng xuất hiện trước.

Tuy nhiên, trong ba biến cố này, Biến Cố Thánh Mẫu Fatima là biến cố trực tiếp về Chúa Kitô nhất. Ở chỗ, Mẹ Maria đã lên tiếng kêu gọi loài người vào lần hiện ra cuối cùng ngày 13/10/1917 rằng: *"Đừng xúc phạm đến Chúa là Thiên Chúa của chúng ta nữa, vì Người đã bị xúc phạm đến nhiều lắm rồi"*, và nhất là vào lần hiện ra thứ ba ngày

13/7/1917, sau khi tiết lộ toàn bộ Bí Mật Fatima 3 phần, Mẹ đã khuyên dạy 3 Thiếu Nhi Fatima sau mỗi chục Kinh Mân Côi rằng hãy đọc: *"Lạy Chúa Giêsu, xin Chúa tha tội chúng con, xin cứu chúng con khỏi sa hỏa ngục, xin đem các linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần đến lòng thương xót Chúa hơn"*.

"Dầu" đốt đèn

"Dầu" đây là chất liệu bất khả thiếu để cho cây đèn sáng lên ngọn lửa. Nếu chính cây đèn biểu hiệu cho đức tin, thì ngọn lửa của cây đèn đức tin đây phải là đức mến, và dầu làm bừng sáng đức mến đây là chính đức cậy, một đức cậy nội tâm không bị cạn kiệt bởi gian nan khốn khó và những thử thách đức tin. Nếu khi chàng rể đến cây đèn đức tin cần dầu đức cậy để sáng lên đức mến hầu có thể tiến lên nghênh đón Chúa Kitô thể nào thì phải chăng thời điểm của Lòng Thương Xót Chúa, một thời điểm liên quan tới lần đến thứ hai cũng là lần đến cuối cùng của Người, là thời điểm "Giêsu ơi, con tin nơi Chúa!"

Đúng thế, có thể nói tất cả mạc Khải thần linh chất chứa trong Thánh Kinh đều ở nơi bức ảnh Chúa Tình Thương nói chung và câu "Giêsu ơi con tin nơi Chúa" nói riêng. Tại sao? Bởi vì, Mạc Khải Thánh Kinh bao gồm hai yếu tố chính yếu, đó là mạc Khải thần linh và đức tin tuân phục. Mà tột đỉnh của mạc Khải thần linh và tất cả mạc Khải thần linh là Chúa Giêsu, "Lời đã hóa thành nhục thể" (Jn 1:14), "là hiện thân của bản thể Cha" (Heb 1:3), đến độ "ai

thấy Thày là thấy Cha" (Jn 14:9). Một khi chúng ta tin Chúa Giêsu là chúng ta chấp nhận tất cả mạc khải thần linh của Thiên Chúa, chấp nhận chính Thiên Chúa, Đấng đã yêu thương chúng ta "cho đến cùng" (Jn 13:1), đã muốn cho chúng ta được hiệp thông thần linh với Ngài nơi Con của Ngài, Đấng đã bị đâm thâu và đã đổ hết máu cùng nước ra từ cạnh sườn của Người, là những gì biểu hiệu cho Bí Tích Rửa Tội tái sinh và Bí Tích Thánh Thể dưỡng sinh, hai bí tích làm cho thành phần Kitô hữu "được sống và là sự sống viên trọn" (Jn 10:10).

Nơi Bức Ảnh Chúa Tình Thương chúng ta thấy có hai tia sáng trắng và đỏ chiếu ra từ trái tim Chúa. Hai tia sáng này biểu hiệu cho hai Bí Tích Rửa Tội và Bí Tích Thánh Thể, tức cho sự sống và sự sống viên trọn. Hai tia sáng này phát xuất từ trái tim Chúa tức là từ tình yêu thương của Người đối với con người, một tình yêu thương nhưng không vô cùng nhân hậu muốn cho con người được sống thần linh vô cùng thiện hảo của Người và là một sự sống trọn vẹn.

Bức Ảnh Chúa Tình Thương cần phải được trưng bày vào lễ Chúa Tình Thương, (như Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã thành lập vào ngày 30/4/2000 khi phong thánh cho chị Faustina), là Chúa Nhật thứ hai sau Đại Lễ Phục Sinh, vì bức ảnh ấy có liên quan trực tiếp đến Chúa Nhật này. Ở chỗ nào? Ở chỗ bài Phúc Âm được Giáo Hội chọn đọc cho Chúa Nhật này chất chứa tất cả ý nghĩa của bức ảnh Chúa Tình Thương. Thật vậy, trong bài Phúc Âm này, Chúa Giêsu đã tỏ mình cho chung các tông đồ và cho

riêng tông đồ Tôma các dấu vết tử giá của Người, nhất là cạnh sườn của Người, những dấu vết tử giá vẫn còn trên thân xác phục sinh của Người, những dấu vết đã trở thành dấu hiệu bất khả thiếu về nhân tính của Người, cũng như về tình yêu vô đôi "cho đến cùng" của Người đối với nhân loại, và tông đồ Tôma đã tuyên xưng đức tin "lạy Chúa tôi, lạy Thiên Chúa tôi" (Jn 20:28). Như thế, việc Chúa Giêsu phục sinh tỏ mình (bằng các dấu vết tử giá nói chung và cạnh sườn của Người nói riêng) và lời tuyên xưng đức tin của tông đồ Tôma không phải là hai yếu tố chính yếu làm nên bức ảnh Chúa Tình Thương hay sao?

Nếu Lễ Chúa Tình Thương cho thấy mạc khải thần linh về tình yêu của Thiên Chúa muốn thông ban sự sống và là sự sống viên trọn cho những con người nào tin tưởng nơi Người, thì Chuỗi Kinh Thương Xót là phương cách giúp con người bày tỏ lòng tin tưởng của mình nơi Lòng Thương Xót Chúa. Bởi vì, nội dung của chuỗi kinh này là lời nguyện được lập đi lập lại thành từng chục rằng "vì cuộc tử nạn đau thương của Người, xin Cha thương xót chúng con và toàn thế giới", một lời nguyện được mở đầu bằng câu: "Lạy Thiên Chúa Ba Ngôi chí thánh, con xin dâng lên Cha Mình Thánh, Máu Thánh, Linh Hồn và Thiên Tính Con Chí Ái Cha là Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng con, để đền bù tội lỗi của chúng con và của toàn thế giới".

Khi cầu chuỗi kinh thương xót là chúng ta đánh trúng con tim của Thiên Chúa, Đấng đã yêu thương chúng ta đến

độ "đã không dung tha cho Con Một Mình một phú nộ mình vì tất cả chúng ta thì còn tiếc gì với chúng ta" (Rm 8:32). Chúng ta, khi lần chuỗi thương xót, là chúng ta cứ nhắc nhở Ngài và kêu nài Ngài xin thương đến chúng ta và toàn thế giới, bằng cách dâng chính Người Con duy nhất đẹp lòng Cha mọi đàng của Ngài cho Ngài và xin Ngài hãy nhìn đến Con của Ngài mà thương đến chúng ta. Moisen ngày xưa cũng đã đánh trúng tim đen của Thiên Chúa, Đấng muốn tru diệt dân Do Thái là thành phần dân tuyển chọn đã trắng trợn bỏ Ngài mà thờ ngẫu tượng bò vàng, khi ông nhắc lại lời Ngài đã hứa mang dân Do Thái ra khỏi Ai Cập mà vào mảnh đất Ngài đã hứa với cha ông tổ phụ họ, chứ không phải là Ngài cứu họ để rồi hủy hoại họ trong sa mạc (xem Ex 32:11-14).

Mẹ Maria, trong thị kiến tử đạo của Bí Mật Fatima phần 3, cũng đã đưa bàn tay phải của mình ra để dập tắt lưỡi gươm lửa ở trong bàn tay trái của vị thiên thần đang chĩa xuống thế giới để tiêu diệt thế giới tội lỗi. Nhưng Mẹ không bênh vực tội lỗi của thế giới cho bằng tìm cách cứu thế giới khỏi bị tiêu diệt bằng cách khác, một cách hợp với ý muốn của Thiên Chúa, đó là bằng máu tử đạo của đủ mọi thành phần Kitô hữu, từ giáo hoàng trở xuống giáo dân, một đạo binh dàn trận được Mẹ huấn luyện để có thể như Mẹ dưới chân thập tự giá của Con Mẹ (xem Jn 19:25) "theo Con Chiên đến bất cứ nơi nào Con Chiên tới" (Rev 14: 4). Đó là lý do khi đến với loài người ở Fatima năm 1917, chưa cho biết mình là ai và hiện ra để làm gì, Mẹ đã muốn triệu tập một đạo binh dàn trận là 3 Thiếu

Nhi Fatima, Lucia (10 tuổi), Phanxicô (9 tuổi) và Giaxinta (7 tuổi) bằng lời kêu gọi: "Các con có muốn dâng mình cho Thiên Chúa để chấp nhận mọi đau khổ Người gửi đến cho các con, để đền tạ những tội Người bị xúc phạm mà cầu cho tội nhân ăn năn hối cải hay chăng?" Các em thiếu nhi này đã đồng thanh và mau mắn thưa rằng: "Vâng, chúng con sẵn lòng".

Nếu Mẹ Maria huấn luyện một đạo binh dàn trận của Mẹ cho Chúa như thế thì thành phần Hiệp Sĩ Trái Tim Mẹ chính là thành phần Tông Đồ Chúa Tình Thương, hay ngược lại cũng thế, như đã xảy ra nơi trường hợp Giáo Hoàng Chân Phước Gioan Phaolô II, vị giáo hoàng "totus tuus" của Lòng Thương Xót Chúa, vị giáo hoàng quả thực đã qua đời vào đêm Thứ Bảy Đầu Tháng 2/4/2005 kính Thánh Mẫu đồng thời cũng là thời điểm vọng Lễ Chúa Tình Thương 3/4/2005, vị giáo hoàng cũng đã được phong chân phước vào ngày 1/5/2011, ngày đầu Tháng Hoa Đức Mẹ đồng thời cũng là Chúa Nhật Lễ Chúa Tình Thương.

Như thế Fatima quả thực là đạo khúc mở màn cho thời điểm của Lòng Thương Xót Chúa, và những gì Thánh Long Mộng Phổ (Louis Montfort) đã tiên đoán ngay từ đầu thế kỷ 18 trong tác phẩm Thành Thật Sùng Kính Mẹ Maria (đoạn 59) không sai về Mẹ liên quan tới đạo binh dàn trận của Mẹ như sau:

- *"Những con người cao cả này là thành phần phải đến. Theo ý muốn của Thiên Chúa, Mẹ Maria là vị trang bị*

cho họ để bao trùm vương quốc của Ngài trên thành phần vô đạo, thành phần tôn thờ ngẫu tượng. Thế nhưng điều này sẽ xảy ra khi nào và cách nào đây? Chỉ có một mình Thiên Chúa biết mà thôi. Về phần mình, chúng ta cần phải âm thầm và nguyện cầu mong đợi và chờ đợi nó xảy ra: "Tôi đã mong mỏi đợi chờ".

Chuỗi Kinh Thương Xót

Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL

Theo tu đức Kitô giáo nói chung và Công giáo nói riêng thì con người đã bị hư hoại bởi nguyên tội nhưng đã được công chính hóa, tức được cứu chuộc, được tái sinh từ trên cao (xem Jn 3:3), nhờ Phép Rửa trong Chúa Kitô, hay nhờ Cuộc Vượt Qua của Chúa Kitô (xem Rm 6:3-4), Đấng được con người chấp nhận bằng đức tin của mình (xem Jn 1:11-12). Thế nhưng, Chúa Kitô không đến để cứu con người bị vướng mắc nguyên tội khỏi sự chết và tội lỗi bằng cuộc Tử Giá của Người, mà còn để ban cho thành phần đã trở thành chiên của Người nhờ Phép Rửa ấy “được sự sống và là một sự sống viên mãn hơn” (Jn 10:10). Thật ra, nhờ Phép Rửa, Kitô hữu chẳng những được mai táng với Người cho khỏi tội lỗi và sự chết mà còn được phục sinh với Người cho được sự sống nữa. Đó là lý do sau khi Phục Sinh Người đã ban sự sống của Người cho các tông đồ khi thở hơi trên các vị để các vị lãnh nhận lấy “Chúa Thánh Thần là Đấng ban sự sống” (Jn 20:22).

Tuy nhiên, sự sống Kitô hữu lãnh nhận nơi Phép Rửa chỉ mới là một mầm mống thần linh được gieo vào mảnh đất tâm hồn của con người Kitô hữu, ban đầu hoàn toàn lệ

thuộc vào tính chất tốt xấu của mảnh đất này trong việc đâm rễ, nảy mầm, phát triển và sinh hoa kết trái, hay trái lại, hạt giống thần linh là Thánh Sủng này bị cỏ lùng là các tính mê nết xấu, đam mê nhục dục, mằm mống của nguyên tội còn đầy giẫy nơi bản tính của con người làm tác nghiệt không thể mọc lên được, đến độ bị oan uổng chết đi. Chính vì thế, trong công cuộc cứu chuộc, Chúa Kitô còn thiết lập các phép bí tích thánh nữa, để tiếp tục thông ban thân lực của Người cho Kitô hữu môn đệ của Người, nhờ đó, nhờ “sự sống viên mãn” hơn này, xuất phát từ các bí tích của Người, nhất là Bí Tích Thánh Thể, Bí Tích Hòa Giải và Bí Tích Thêm Sức, các môn đệ của Người càng ngày càng nên một với Người hơn, càng sinh nhiều hoa trái, tác dụng bởi tình trạng cằn nhơ luôn dính liền với thân nhơ (xem Jn 15:5).

Thế nhưng, thực tế phũ phàng liên quan tới đời sống tu đức của Kitô hữu cho thấy, chính những ai đi lễ rước lễ hằng ngày, xưng tội hằng tháng cuối cùng vẫn có thể bị Đấng Thẩm Phán chí công lạnh lùng phán: “Ta không hề biết các người” (Lk 13:27), cho dù họ có biện minh rằng: “Chúng tôi là những người đã cùng ăn uống với Thầy mà” (Lk 13:26). Tại sao thế? Phải chăng là vì, như Người đã khẳng định: “Dân này thờ kính Ta bằng môi bằng miệng, còn lòng chúng thì xa Ta” (Mt 15:8; Is 29:13).

Vâng, “lòng chúng thì xa Ta” ở đây nghĩa là gì, nếu không phải là con người không nhận biết Chúa thực sự và vì thế không sống đúng như Chúa muốn. Đó là lý do

Chúa Giêsu đã khẳng định với người phụ nữ Samaritanô bên bờ giếng Giacóp rằng: “Thiên Chúa là Thần Linh. Những ai tôn thờ Ngài phải tôn thờ trong tinh thần và chân lý” (Jn 4:24). Câu khẳng định của Chúa Kitô trên đây chính là cốt lõi và là tất cả ý nghĩa của việc cầu nguyện Kitô giáo, đến nỗi có thể căn cứ vào đây để định nghĩa “cầu nguyện là tác động giao tiếp với Thiên Chúa là Thần Linh trong tinh thần và chân lý” (Cao Tấn Tĩnh, Đòi Cầu Nguyện, 1996, trang 13).

Chính nhờ ở việc cầu nguyện thật sự này, tức nhờ “tác động giao tiếp với Thiên Chúa là Thần Linh trong tinh thần và chân lý” nơi Kitô hữu, mà “sự sống và sự sống viên mãn” được Kitô hữu lãnh nhận nơi Phép Rửa và các Bí Tích Thánh mới sinh hoa kết quả. Đến nỗi, khi đạt tới bậc cầu nguyện thần hiệp, bậc cầu nguyện cao nhất của Kitô giáo, linh hồn được nên một với Thiên Chúa trong Chúa Kitô theo tác động “muốn thối đâu thì thối” (Jn 3:8) của Thánh Linh, nhờ đó Chúa Kitô hoàn toàn sống trong họ, làm chủ mọi tác động của họ, khiến họ trở thành hiện thân của Người, thành chứng nhân trung thực của Người, để qua họ, Người được nhận biết và yêu mến.

Tuy nhiên, lịch sử Giáo Hội cho thấy, rất hiếm linh hồn Kitô hữu đạt tới bậc cầu nguyện thần hiệp siêu thoát này. Lý do chính yếu và trước hết là vì họ phải được Chúa tuyển chọn đặc biệt trong việc cứu độ của Người và với Người, như trường hợp của ba Thiểu Nhi Fatima năm 1917 hay của Chị Thánh Faustina trước Thế Chiến Thứ

Hai. Dầu sao, qua thành phần hết sức thiếu sót được ưu tuyển đặc biệt này, chung cộng đồng Kitô hữu Công giáo cũng được Người ban cho những phương thế hợp thời để nhờ đó thánh hóa chính bản thân họ và cứu các linh hồn. Chẳng hạn, ở Fatima có Kinh Mân Côi và với Chị Faustina có Chuỗi Kinh Thương Xót. Nhân dịp Tháng Mân Côi và Lễ Mẹ Mân Côi 7/10, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu 1) Chuỗi Kinh Thương Xót với Chuỗi Kinh Mân Côi; 2) Chuỗi Kinh Thương Xót với Mạc Khải Thánh Kinh; và 3) Chuỗi Kinh Thương Xót với Đồi Sống Cầu Nguyện.

Chuỗi Kinh Thương Xót với Chuỗi Kinh Mân Côi

Chắc chắn trong số độc giả đọc bài viết này đã từng lần Chuỗi Kinh Thương Xót, một chuỗi kinh được Chị Thánh Faustina thực hành và phổ biến. Không biết những vị độc giả lần Chuỗi Kinh Thương Xót này đã cảm nghiệm hay thấy được những huyền diệu của chuỗi kinh này hay chưa, tới đâu và ra sao? Chỉ biết rằng, có một người, như tôi biết, là họ thích lần Chuỗi Thương Xót hơn Chuỗi Mân Côi. Trước kia họ vẫn lần hạt Mân Côi nay lần hạt Thương Xót, bỏ lần hạt Mân Côi. Cũng có một số người hỏi tôi rằng “Chuỗi Thương Xót” và “Chuỗi Mân Côi”, kinh nào hay hơn và có giá trị hơn, cần đọc hơn? Tôi đã trả lời một cách tổng quan với họ như sau: Trước hết, xét về giá trị khách quan, thì Kinh Mân Côi là kinh đã được Giáo Hội chính thức chuẩn nhận và khuyến

khích đọc trong rất nhiều văn kiện của các vị Giáo Hoàng, tiêu biểu nhất là Thông Điệp *Supremi Apostolatus* của Đức Thánh Cha Lêô XIII ban hành ngày 1/9/1883, và Tông Thư *Kinh Mân Côi Trinh Nữ Maria* của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II cho Năm Mân Côi 2002-2003. Còn Chuỗi Thương Xót chưa được Giáo Hội chính thức công nhận và khuyến khích bằng các văn kiện như Kinh Mân Côi trên đây, hay như trường hợp của Lễ Chúa Tình Thương do Chị Thánh Faustina vận động và đã được Giáo Hội chính thức thiết lập vào Chúa Nhật Thứ Nhất sau Phục Sinh từ năm 2000.

Sau nữa, xét về tác dụng thần hiệu của Kinh Mân Côi thì lịch sử của Giáo Hội đã cho thấy những gì đã tỏ tường xảy ra nơi trường hợp của Thánh Đaminh đối với bè rối Albigen-sê ở miền Nam Nước Pháp trong thế kỷ 12, hay nơi trường hợp của Thánh Giáo Hoàng Piô V liên quan tới cuộc chiến thắng quân Hồi Giáo ở trận hải chiến Lepanto trong thế kỷ 16. Cả hai sự kiện này đã được Đức Thánh Cha Lêô XIII nhắc tới trong Thông Điệp về Kinh Mân Côi của ngài trên đây. Còn Chuỗi Kinh Lòng Thương Xót, căn cứ vào lời Chúa nói với Chị Thánh Faustina ngày 28/1/1938: “Hỡi con gái của Cha, con hãy khuyến khích các linh hồn đọc chuỗi kinh Cha đã ban cho con. Nó khiến Cha ban hết mọi sự họ xin Cha bằng việc đọc chuỗi kinh này. Khi các tội nhân cứng lòng đọc chuỗi kinh ấy, Cha sẽ làm cho linh hồn họ tràn đầy bình an, và giờ lâm chung của họ là giờ hạnh phúc” (Nhật Ký 1541).

Sau hết, xét về giá trị chủ quan, tức về vấn đề bản thân người đọc cảm thấy hay ho, thấm thía và thích đọc, thì cũng tùy người. Khôn ngoan nhất thì nên đọc cả hai, vì kinh nào tự bản chất cũng giúp ích thiêng liêng, chứ không phải hoàn toàn vô ích, cho dù chúng ta không thích hay không hợp. Nếu chúng ta coi kinh này hơn kinh kia một cách chủ quan theo cảm tình và ý thích riêng của mình, đến độ coi thường hay bỏ qua kinh này mà chỉ biết có kinh kia thôi, thì có thể nói chúng ta, một cách nào đó, đang tôn thờ ngẫu tượng, chứ không “tôn thờ Thiên Chúa là Thân Linh... trong tinh thần và chân lý” (Jn 4:24), tức không cầu nguyện với Chúa bằng “lòng” (Mt 15:8, 5:8) của mình là những gì thể hiện “tinh thần” của con người, cũng như bằng đức tin theo như Chúa tỏ mình ra trong Thánh Kinh về bản tính của Ngài và ý muốn của Ngài là những “chân lý” mà con người cầu nguyện bằng “tinh thần” phải chấp nhận cho đến độ được đồng hóa nên một với Ngài.

Riêng tôi, tôi đọc cả hai, vì kinh nào cũng hay, cũng cần đọc và đáng đọc. Hằng ngày tôi vẫn lần 2 tràng Kinh Mân Côi (mỗi tràng 4 chuỗi bao gồm đủ 4 Mầu Nhiệm - Nhập Thể, Ánh Sáng, Khổ Giá, và Vinh Hiển), tức 8 chuỗi Kinh Mân Côi (để đền tạ Thiên Chúa là Đấng đã bị xúc phạm đến nhiều lắm rồi và Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ Maria liên li bị gai nhọn vô ơn và lộng ngôn đâm vào), và 3 chuỗi Kinh Thương Xót (sáng cho các linh hồn đau khổ đừng mất lòng trông cậy Chúa, trưa cho các linh hồn

đang hấp hối được tin tưởng Chúa cho tới cùng, và chiều cho các linh hồn mồ côi trong Luyện Ngục).

Thật ra ngay trong Kinh Mân Côi đã có Lòng Thương Xót Chúa rồi. Đó là lý do vào ngày 13/7/1917, tức vào lần hiện ra thứ ba với 3 Thiếu Nhi Fatima, ngay sau khi tiết lộ cho 3 em biết toàn bộ Bí Mật Fatima 3 phần, Mẹ Maria đã xin các em sau mỗi chục kinh Mân Côi đọc thêm lời nguyện: *“Lạy Chúa Giêsu, xin tha tội cho chúng con, xin cứu chúng con khỏi sa hỏa ngục, xin đem các linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần đến lòng thương xót Chúa hơn”*.

Đúng thế, Chuỗi Thương Xót có liên quan mật thiết tới Chuỗi Kinh Mân Côi, không phải chỉ ở bề ngoài qua việc cũng sử dụng râu chuỗi, nhất là ở bề trong, bởi cả hai có cùng một ý hướng là phần rỗi các linh hồn và hòa bình thế giới. Nếu câu nguyện chính cho từng hạt của chục Kinh Thương Xót là *“vì cuộc khổ nạn đau thương của Người, xin thương đến chúng con và toàn thế giới”*, thì Kinh Mân Côi như Mẹ Maria kêu gọi ở Fatima thực sự liên quan trực tiếp đến hòa bình thế giới, (trong cả 6 lần hiện ra lần nào Mẹ Maria cũng kêu gọi “cầu kinh Mân Côi hằng ngày” cho hòa bình hay hết chiến tranh), và phần rỗi các linh hồn, (điển hình nhất là trường hợp của Phanxicô là em Thiếu Nhi Fatima nam duy nhất trong 3 em thụ khải bấy giờ, theo Mẹ Maria cho biết vào lần hiện ra thứ nhất là nếu em muốn lên Thiên Đàng thì phải lần hạt).

Chuỗi Kinh Thương Xót với Mạc Khải Thánh Kinh

Nếu Kinh Mân Côi “là một tổng tóm Phúc Âm” (ĐTC Gioan Phaolô - Tông Thư Kinh Mân Côi Trinh Nữ Maria, 18, 19), bao gồm tất cả các mẫu nhiệm về Chúa Kitô là hồn sống của Kinh Mân Côi, thì cái huyền nhiệm đầu tiên và trên hết của Chuỗi Kinh Thương Xót ở đây chính là cái nền tảng Thánh Kinh của Chuỗi Kinh này. Ở chỗ nào? Xin trả lời như sau.

Trước hết, Chuỗi Kinh Thương Xót, theo Chúa Giêsu dạy cho Chị Thánh Faustina ngày Thứ Bảy 14/9/1935 (Nhật Ký, khoản 476), bao gồm những lời lẽ sau đây:

“Trước hết, đọc 1 Kinh Lạy Cha, 1 Kinh Kính Mừng và 1 Kinh Tin Kính. Rồi ở hạt của Kinh Lạy Cha, con hãy đọc những lời sau đây: Lạy Cha Hằng Sống, con dâng lên Cha Mình Máu, Linh Hồn và Thiên Tính Con chí ái Cha, là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, để đền bù tội lỗi chúng con và toàn thế giới. Ở những hạt của Kinh Kính Mừng, con hãy đọc những lời sau đây: Vì cuộc Khổ Nạn đau thương của Người, xin Cha thương xót chúng con và toàn thế giới. Để kết thúc, con hãy đọc ba lần những lời này: Lạy Thiên Chúa Thánh, Lạy Đấng Quyền Năng Thánh, Lạy Đấng Bất Tử Thánh, xin thương xót chúng con và toàn thế giới”.

Có thể nói, nếu Kinh Kính Mừng là kinh chính trong Kinh Mân Côi thì hai câu chính của Chuỗi Kinh Thương Xót là câu *“Lạy Cha Hằng Sống, con dâng lên Cha Mình Máu,*

Linh Hồn và Thiên Tính Con chí ái Cha, là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con, để đền bù tội lỗi chúng con và toàn thế giới - Vì cuộc Khổ Nạn đau thương của Người, xin Cha thương xót chúng con và toàn thế giới”.

Căn cứ vào câu chính yếu này của Chuỗi Kinh Thương Xót thì hình như Chúa Giêsu muốn “xui” các linh hồn, kể cả thánh nhân lẫn tội nhân, hãy thiết tha và liên li nhắc nhở Cha của Người về công cuộc cứu chuộc vô cùng vô giá của Người, để nhờ đó Cha Người là Đấng “đã yêu thương thế gian đến ban Con Một mình” (Jn 3:16) và là “Đấng đã không dung tha cho Con Một mình nhưng đã phó nạp Người vì chúng ta” (Rm 8:32), thương ban ơn cứu độ cho loài người và hòa bình cho thế giới.

Tác động cầu nguyện với tính cách “nhắc nhở” này là những gì đánh trúng “tim đen” của Thiên Chúa, như đã từng xảy ra điển hình nhất ở nơi trường hợp của Moisen trên Núi Sinai (Ex 32:7-14), khi vị được Thiên Chúa dùng để giải phóng dân Do Thái cho khỏi Ai Cập này tha thiết nài xin Chúa thứ tha cho dân của Ngài về tội bỏ Ngài để đi tôn thờ ngẫu tượng là con bò vàng do họ đúc nên, như sau:

“Chúa phán với Moisen rằng ‘Người hãy đi xuống, vì dân người đã ra hư hỏng mất rồi, dân mà người đã đưa ra khỏi đất Ai-cập. Chúng đã vội đi trịch con đường Ta truyền cho chúng. Chúng đã đúc một con bò, rồi sụp xuống thờ lạy nó mà nói: ‘Hỡi Yến Duyên, đây là vị thần đã đưa người ra khỏi đất Ai-

cập'. Chúa lại phán với Moisen rằng 'Ta đã thấy dân này rồi, đó là một dân cứng đầu cứng cổ. Bây giờ hãy cứ để mặc Ta, cho cơn thịnh nộ của Ta giáng xuống trên chúng, và Ta sẽ tiêu diệt chúng đi. Nhưng Ta sẽ làm cho người trở thành một dân tộc vĩ đại'. Nhưng Moisen van nài Chúa mà rằng: 'Lạy Chúa, tại sao Ngài lại bực bực nổi giận với dân Ngài như thế, dân mà Ngài đã giơ cánh tay quyền uy mãnh liệt để đưa họ ra khỏi đất Ai-cập? Làm thế nào lại có chuyện người Ai-cập rêu rao rằng chính vì ác tâm mà Ngài đã đưa chúng ra để giết chúng nơi miền núi và tiêu diệt chúng khỏi mặt đất chứ? Xin Ngài hãy nguôi cơn thịnh nộ và xin hãy thương đừng ra tay hại dân Ngài. Xin Ngài nhớ đến các tội tó của Ngài là Abraham, Isaac và Israel; Ngài đã lấy chính danh Ngài mà thề với các vị ấy rằng: Ta sẽ làm cho dòng dõi các người đông như sao trời, và sẽ ban cho dòng dõi các người tất cả mảnh đất ấy, mảnh đất Ta đã hứa; chúng sẽ muôn đời thừa hưởng mảnh đất ấy'. Chúa đã thương, không giáng phạt dân Người như Người đã hăm đe nữa".

Chính Thiên Chúa, Đấng đã tự động thiết lập giao ước với Dân Yếu Duyên, và vẫn trung thành với những gì giao ước với họ, cho dù họ trắng trợn và lì lợm bất trung với Ngài muôn ngàn lần. Nhưng, lý do duy nhất và trên hết trong việc Ngài tỏ ra trung thành với họ cho đến tận cùng như thế là vì chính Ngài, vì tình yêu của Ngài đối với họ cũng như vì Danh Thánh của Ngài giữa muôn dân. Hai lý do chính yếu này, vì tình yêu và vì Danh Thánh này Thiên Chúa đã ra tự động tay cứu Dân Yếu Duyên

trong cơn khốn cùng của họ, như Ngài đã tỏ ra cho họ biết đặc biệt qua tiên tri Ezêkiên.

"Quả thật, Chúa là Thiên Chúa phán thế này: Ta sẽ đổi xử với người theo như người đã đổi xử: người đã khinh để lời thề bằng việc hủy bỏ giao ước. Còn Ta, Ta sẽ nhớ lại giao ước đã lập với người thời người còn thanh xuân. Ta sẽ thiết lập với người một giao ước vĩnh cửu... Ta sẽ tái thiết lập giao ước giữa Ta với người, nhờ đó người có thể nhận biết rằng Ta là Chúa, để người nhớ lại mà lấy làm xấu hổ và, trong lúc phải tủi nhục, người sẽ không còn mở miệng nói gì được nữa, khi Ta tha thứ cho người tất cả những việc người đã làm, Chúa là Thiên Chúa phán". (Ez 16:59-60, 62-63).

"Hỡi con người, con cái nhà Yếu Duyên đang cư ngụ trên đất của chúng, đã làm cho đất ấy ra ô uế vì lối sống và các hành vi của chúng; lối sống của chúng trước mặt Ta cũng ô uế như người đàn bà trong thời kinh nguyệt. Ta đã trút xuống trên chúng cơn thịnh nộ của Ta vì máu chúng đã đổ ra trên đất ấy và làm cho đất ấy ra ô uế vì các việc ô uế của chúng. Ta đã tung chúng đi các dân và gieo chúng vào các nước. Ta đã căn cứ vào lối sống và các hành vi của chúng mà xét xử. Chúng đã làm cho danh Ta bị xúc phạm giữa các dân mà chúng đi đến, khiến người ta nói về chúng rằng: 'Đó là dân của Đức Chúa, chúng đã phải ra khỏi xứ của Người'. Nhưng Ta ái ngại cho thánh danh Ta đã bị nhà Yếu Duyên xúc phạm giữa các dân mà chúng đi đến. Vì thế, người hãy nói với nhà Yếu Duyên: Chúa là Thiên Chúa phán thế này: Hỡi nhà Yếu Duyên, không phải vì các người mà Ta hành động, mà vì danh thánh của Ta đã bị

các người xúc phạm giữa các dân các người đã đi đến. Ta sẽ biểu dương danh thánh thiện vĩ đại của Ta đã bị xúc phạm giữa chư dân, danh mà các người đã xúc phạm ở giữa chúng. Bây giờ chư dân sẽ nhận biết chính Ta là Chúa - Chúa là Thiên Chúa phán - khi Ta biểu dương sự thánh thiện của Ta nơi các người ngay trước mắt chúng. Bây giờ, Ta sẽ đem các người ra khỏi các dân tộc, sẽ quy tụ các người lại từ khắp các nước, và sẽ dẫn các người về đất của các người. Rồi Ta sẽ rửa nước thanh sạch trên các người và các người sẽ được thanh sạch, các người sẽ được sạch mọi ô uế và mọi tà thần. Ta sẽ ban tặng các người một quả tim mới, sẽ đặt thần khí mới vào lòng các người. Ta sẽ bỏ đi quả tim bằng đá khỏi thân mình các người và sẽ ban tặng các người một quả tim bằng thịt. Chính thần trí của Ta, Ta sẽ đặt vào lòng các người, Ta sẽ làm cho các người đi theo thánh chỉ, tuân giữ các phán quyết của Ta và đem ra thi hành. Các người sẽ cư ngụ trong đất Ta đã ban cho tổ tiên các người. Các người sẽ là dân của Ta. Còn Ta, Ta sẽ là Thiên Chúa các người". (Ez 36:17-28).

Chuỗi Kinh Thương Xót với Đời Sống Cầu Nguyện

Vấn đề được đặt ra ở đây là, nếu Chúa yêu thương cứu chuộc trước hết và trên hết là bởi Chúa và vì Chúa như thế thì tại sao Chúa không tự động nhớ đến tình yêu vô cùng nhân hậu của Chúa mà cứ cần phải được con người "nhắc nhở" mới ra tay cứu độ theo lòng xót thương của mình, nhất là trường hợp cầu xin cho người khác, cho thành phần tội nhân "cần đến lòng Chúa thương xót

hon", điển hình là trường hợp của những linh hồn được Chị Thánh Faustina cầu nguyện cho trong con hấp hối của họ, bằng chuỗi Kinh Thương Xót này. Chẳng hạn như trường hợp điển hình vào ngày 3 tháng 2 năm 1938 như được chị kể lại trong Nhật Ký khoản 1565 như sau:

"Khi con ghé vào nhà nguyện một chút thì nghe thấy Chúa nói cùng con rằng: 'Con ơi, hãy giúp Cha cứu lấy một tội nhân đang hấp hối. Con hãy đọc chuỗi kinh Cha đã dạy con cho người này'. Khi con bắt đầu đọc chuỗi kinh này, con thấy con người hấp hối ấy đang quằn quại với đón đau cùng chống chọi một cách kinh khủng. Thiên Thần Bản Mệnh của người ấy đang bênh vực ông ta, nhưng ông ta thực sự là bất lực chống lại những quái ác nơi tình trạng khốn khổ của linh hồn này. Muôn vàn những tên phản loạn đang thêm muốn linh hồn ấy. Thế nhưng khi con đọc chuỗi kinh này, con thấy Chúa Giêsu y như Người ở trong bức ảnh. Những tia sáng xuất phát từ Trái Tim của Người bao bọc người bệnh ấy, và quyền lực tối tăm hoảng hốt tẩu thoát. Người bệnh bình an thở hơi cuối cùng. Khi con hoàn hồn, con đã hiểu được chuỗi kinh này quan trọng biết là chừng nào đối với người hấp hối. Nó làm nguôi cơn giận của Thiên Chúa".

Qua trường hợp này của Chị Thánh Faustina thì việc lần Chuỗi Kinh Thương Xót chẳng những có lợi cho người được cầu cho mà còn lợi cho cả người cầu nữa. Người được cầu thì lợi cho phần rỗi trong giây phút cuối cùng, còn người cầu thì càng tin vào Chúa hơn, đúng như đã

xảy ra cho trường hợp của chị em Matta, ở chỗ, em chị là Lazarô chết 4 ngày được hồi sinh ra khỏi mộ, còn riêng chị là người đã tuyên xưng đức tin và chung dân chúng đến phân ưu cùng chị cũng được lợi là tin Chúa hơn (xem Jn 11:26-27,40,44-45). Cuối cùng Chúa được vinh danh nơi cả hai, khi Ngài được nhận biết, qua việc tỏ mình ra vào thời điểm Ngài muốn và ở nơi Ngài muốn, tùy theo Quan Phòng Thần Linh vô cùng khôn ngoan của Ngài. Đây là một huyền diệu nữa của Chuỗi Kinh Thương Xót, xảy ra ở nơi các tâm hồn.

Riêng thành phần đọc Chuỗi Kinh Thương Xót này, (tất nhiên với các kinh khác cũng thế, đặc biệt là Kinh Mân Côi), nếu đọc với tất cả tâm hồn của mình, thì sẽ mang lại hiệu lực của lời kinh càng nhiều, đến độ, như chính Chúa đã hứa và khẳng định: “Xin sẽ được” (Mt 7:7). Tuy nhiên, thực tế cho thấy không phải lúc nào “xin sẽ được” hay bất cứ ai “xin sẽ được”. Việc cầu nguyện khác với việc ban phát các bí tích thánh, ở chỗ, các bí tích thánh tự mình có những tích sủng cho những ai thành tâm lãnh nhận, cho dù người ban phát là các vị tư tế có bất xứng, thậm chí có tội trọng chẳng nữa. Vì các tích sủng không lệ thuộc vào các phương tiện chuyển ơn là các vị tư tế. Còn trong việc cầu nguyện thì chủ thể cầu nguyện hay con người cầu nguyện đóng vai chính, cần phải có đức tin, một đức tin càng mạnh thì càng hiệu lực, đến nỗi có thể làm được bất cứ điều gì, cho dù chuyển núi di sông (xem Mt 17:20), tức thắng vượt được những trở ngại mà sức tự nhiên vốn bất khả.

Đó là lý do tại sao, với Chuỗi Kinh Thương Xót, Chị Thánh Faustina không phải chỉ cầu xin một cách hết sức hiệu nghiệm cho phần rỗi các linh hồn, mà còn thậm chí có thể xin được các ơn tự nhiên nữa, như xin cho cả hết bị nóng cháy và mưa xuống ngày 22/5/1927 sau 3 tiếng không ngừng lần Chuỗi Thương Xót (xem Nhật Ký, 1128), hay có lần dù không lần Chuỗi Thương Xót chị cũng xin ngưng ngay bão tố đang xảy ra đêm hôm 13/7/1937 (xem Nhật Ký, 1197), trong khi đó chưa chắc gì chúng ta cũng lần Chuỗi Thương Xót như chị đã xin được những ơn tự nhiên ấy, và sợ dĩ chúng ta không làm được như chị không phải là vì chính Chuỗi Kinh Thương Xót mà là do trình độ tin tưởng của chúng ta, tức do trình độ cảm nghiệm thần linh nơi chúng ta, hay do trình độ yêu mến kết hợp của chúng ta đối với Chúa như chị, một trình độ tu đức thần hiệp đến độ hiệp nhất nên một với Chúa, tới nỗi chính Chúa sống trong chị, làm việc của Ngài trong chị và qua chị.

Tuy nhiên, vì ân sủng là của Chúa, Chúa muốn ban cho ai và khi nào tùy Ngài. Bởi thế, thực tế cũng cho thấy, đôi khi Thiên Chúa tỏ mình ra qua những ơn lạ Ngài ban cho những tâm hồn còn kém tin nhưng có lòng thành để gia tăng thêm đức tin cho họ, để lôi kéo họ đến với Ngài. Một trong những điểm khác biệt giữa bộ Phúc Âm Nhất Lãm (bao gồm Phúc Âm Thánh Mathêu, Marcô và Luca) và Phúc Âm Thánh Gioan, là ở chỗ này. Ở chỗ, nơi bộ Phúc Âm Nhất Lãm, để Chúa có thể tỏ mình ra qua những phép lạ Người làm, đặc biệt liên quan tới phần xác, con

người cần phải có đức tin, trong khi đó, nơi Phúc Âm Thánh Gioan, Người tự tìm đến tỏ mình ta cho con người để làm cho họ tin, như trường hợp ở tiệc cưới Cana (2:11), với người phụ nữ Samaritanô (4:29), hay với người mù từ lúc mới sinh (9:35-38).

Bởi vậy, kinh nguyện nói chung, Kinh Mân Côi và Chuỗi Kinh Thương Xót nói riêng, đối với thánh nhân, trở thành “những lời than khôn tả” (Rm 8:26), bởi được xuất phát từ tấm lòng thiết tha yêu mến Chúa của các vị, và đối với những tâm hồn cần ăn năn cải thiện hay mới bắt đầu nên trọn lành, chúng chính là những phương thế, phương tiện hay phương pháp để sống nội tâm, để có thể đi sâu vào hay cảm nghiệm được chính nội dung của các kinh nguyện ấy, nhờ đó, họ có thể sống Mẫu Nhiệm Chúa Kitô của Tràng Hạt Mân Côi, hoặc Mẫu Nhiệm Chúa Tình Thương của Chuỗi Kinh Thương Xót.

Để biết được linh hồn cảm nghiệm được kinh nguyện mình đọc tới đâu, cũng như để biết được hiệu lực của việc linh hồn cầu kinh nguyện ấy như thế nào, chúng ta hãy xem đời sống của linh hồn này. Nếu linh hồn hằng ngày dùng lưỡi để rước lấy Minh Máu Thánh Chúa Giêsu, Đấng đã yêu thương riêng linh hồn và hết mọi linh hồn anh chị em của họ, đến độ “hiến mạng sống mình” (Mt 20:28) bằng cuộc “khổ nạn đau thương của Người”, mà hằng ngày cũng sử dụng chính cái lưỡi ấy để nói hành nói xấu, hay phê bình chỉ trích, hoặc đay nghiến chửi bới anh chị em mình, thì chắc chắn một điều là họ chưa cảm

ngiệm được Chúa Giêsu Thánh Thể và Bí Tích Thánh Thể chưa tác dụng gì trên họ. Cũng thế, nếu chúng ta hằng ngày lần Chuỗi Kinh Thương Xót, mà còn chấp nhất không dễ thứ tha cho những người phạm đến mình, hay thấy một linh hồn nào đó sa ngã phạm tội, chẳng hạn trường hợp họ ăn ở vợ chồng bất hợp pháp, chẳng những không cầu nguyện cho họ, mà còn khinh bỉ họ, chê bai họ, nói hành nói xấu họ, thì “xem quả biết cây” (Mt 7:20), ở chỗ không thể chối cãi được rằng chúng ta chưa thực sự cảm nghiệm Lòng Thương Xót Chúa, và việc lần Chuỗi Kinh Thương Xót của chúng ta sẽ chẳng có tác hiệu gì cho ai, kể cả cho chính bản thân chúng ta.

Chỉ khi nào, khi thấy một linh hồn sa ngã phạm tội, chúng ta cảm thấy đau lòng xót xa thương cho phần rỗi của họ và dám xin Chúa cho chúng ta được chịu hết mọi cực hình xứng đáng để phần nào đền bù tội lỗi cho linh hồn ấy, như Chị Faustina từng làm, bấy giờ chúng ta mới chứng tỏ mình thực sự cảm nghiệm được Lòng Thương Xót Chúa, và việc lần Chuỗi Kinh Thương Xót của chúng ta mới thực sự có tác dụng thần linh. Chị đã thuật lại trong Nhật Ký của mình khoản 41 và 927 như sau:

“Có một lần con thấy một người tội lỗi Chúa đang nguy cấp phạm một tội trọng. Con bắt đầu xin Chúa đóai thương đổ xuống trên con tất cả mọi cực hình hỏa ngục cùng với tất cả mọi khổ đau. Chỉ cần Ngài cho vị linh mục này thoát khỏi và dứt khỏi dịp phạm tội này. Chúa Giêsu đã nhận lời cầu của con, và ngay lúc ấy, con cảm thấy một mao gai trên đầu. Những cái

gai mạnh mẽ xuyên vào đầu con thấu tận óc của con. Sự kiện này kéo dài 3 tiếng đồng hồ; người tôi tớ Chúa được cứu khỏi vấp phạm tội ấy, và linh hồn ngài được một ơn Chúa làm cho trở nên kiên cường” (khoản 41 hay 291).

“Trong hai ngày này, con đã Hiệp Lễ như một tác động đến tạ, và con thưa cùng Chúa rằng: ‘Giêsu ơi, con xin dâng hết mọi sự trong ngày hôm nay cho các tội nhân. Chớ gì những tai họa bởi Đức Công Minh Chúa hãy giáng xuống trên con, và biến cả tình thương Chúa phủ lấp đi các tội nhân đáng thương’. Và Chúa đã nhận lời con cầu, ở chỗ, nhiều linh hồn đã trở về với Chúa, thế nhưng, con đã bị quần quai đón đau dưới ách công minh Chúa. Con cảm thấy con là đôi tượng cho cơn giận của Vị Thiên Chúa Tối Cao. Đến tối, những đón đau của con đã đạt tới độ tình trạng hoang tàn nội tâm tự động vang lên những lời than vãn trong lồng ngực của con. Con khóa cửa phòng con lại và bắt đầu việc tôn thờ; tức làm Giờ Thánh. Tình trạng hoang tàn nội tâm và cảm nghiệm về đức công minh Chúa là việc nguyện cầu của con; và những lời than van cùng đón đau dâng lên trong hồn con là những gì thay cho cuộc đàm đạo ngọt ngào với Chúa vậy” (Nhật Ký khoản 927)

Đó là lý do, chính vì chúng ta chưa có hay khó có thể được như Chị Faustina như thế mà khi lần Chuỗi Kinh Thương Xót, để bù lại những bất xứng và thiếu sót của chúng ta trong việc xin Chúa Cha vì công nghiệp “khổ nạn đau thương” của Con Ngài mà “thương đến chúng con và toàn thế giới”, cách hay nhất là chúng ta hãy làm cùng với và nhờ vào Trái Tim Vô Nhiễm Nguyên Tội Mẹ

Maria, một trái tim đã bị grom sắc đâm sâu ở dưới chân thập giá Chúa (Lk 2:35; Jn 19:25), cũng là trái tim được Mẹ cho Chị Lucia biết bị vòng gai nhọn liên li đâm vào là những tội vô on lộng ngôn của thành phần bội bạc bất nghĩa. Khi lần Hạt Mân Côi chúng ta đã thực hiện phương pháp “nhờ Mẹ đến với Chúa – per Mariam ad Jesum” này, đúng như Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã định nghĩa “việc lần hạt Mân Côi không gì khác ngoài việc cùng Mẹ Maria chiêm ngưỡng dung nhan Chúa Kitô” (Tông Thư Kinh Mân Côi Trinh Nữ Maria, 3).

Có một lời than thở vắn tắt chúng ta có thể sử dụng, trong trường hợp không có giờ nhiều trong ngày hay khi đang bận bịu làm việc, bao gồm cả hai việc cầu nguyện bằng Tràng Kinh Mân Côi và Chuỗi Kinh Thương Xót, đó là câu: “**Giêsu Maria con mến yêu Chúa Mẹ, xin Chúa Mẹ cứu các linh hồn**” (Chúa Giêsu dạy chị nữ tu Consolata Betrone ngày 15/10/1934 và 25/10/1935, trong cuốn Tiếng Gọi Tình Yêu, ấn bản Anh ngữ, Abba House, 1955, trang 121; ngày 8/10/1935 và 8/12/1935 trang 128-129; ngày 24/9/1935 trang 131; ngày 15/11/1935 trang 138; ngày 6/10/1935 trang 163; ngày 20/6/1940 trang 164). Ở đây, trong câu than thở vắn tắt này, chính Chúa Giêsu “là Chân Lý” (Jn 14:6), Đấng không thể sai lầm và không bao giờ sai lầm, không hề thêm tên Thánh “Giuse” vào đó, như các câu than thở được một số tâm hồn đạo đức trong cộng đồng Công Giáo Việt Nam phổ biến, (có lẽ vì họ sợ Chúa Giêsu quên không để ý gì tới vị Dưỡng Phụ của Người bằng họ hay chăng?) Theo dự án cứu độ và công

cuộc cứu độ, chỉ có Chúa Giêsu là Đấng Cứu Thế duy nhất, với sự Đồng Công Cứu Chuộc của duy Mẹ Maria của Người thôi. Ngoài ra tất cả mọi người, kể cả Thánh Gioan Tẩy Giả là con người cao trọng nhất trong thành phần nam nhân được sinh ra (xem Lk 7:28), cũng được cứu độ, dù vị thánh này được thánh hóa ngay từ trong lòng mẹ với đặc ân thoát khỏi nguyên tội khi mới sáu tháng (xem Lk 1:44).

Theo tu đức, càng đơn giản càng giống Chúa, càng trọn lành như Chúa. Đó là lý do tâm hồn cầu nguyện ở bậc chiêm niệm là tâm hồn cầu nguyện rất đơn sơ, chỉ bằng tâm khao khát Chúa hơn là trí suy, óc tưởng, nói nhiều, xin lắm, đọc hết kinh nọ đến kinh kia (x Mt 6:7-8). Câu than thở vẫn tắt "*Giêsu Maria con mến yêu Chúa Mẹ, xin Chúa Mẹ cứu các linh hồn*" trên đây là một thí dụ điển hình về tính chất đơn sơ giản dị của nội dung cầu nguyện, vì nó bao gồm tất cả mọi sự trong đó: Chẳng những ở chỗ bao gồm giới răn trọng nhất là Mến Chúa và Yêu Người, mà còn cả đường lối cứu độ đích thực nữa, nghĩa là chính Chúa là Đấng, cùng với Người Mẹ Đồng Công Cứu Chuộc của mình, cứu các linh hồn, nhờ lòng mến của những ai hiệp nhất nên một với Người bằng lòng mến, như cành nho dính liền với thân nho (x Jn 15:5). Câu "*Giêsu ơi, con tin nơi Chúa*", được ghi ở dưới bức Ảnh Lòng Thương Xót Chúa cũng vậy. Vì câu này cũng bao gồm mọi sự trong đó. Ở chỗ, linh hồn chân nhận Chúa như Chúa là chứ không phải như mình nghĩ, theo kiểu các ngẫu tượng do con người tạo ra. Bởi tin ai thì chấp

nhận trọn vẹn người đó, tất cả người đó, chấp nhận bản chất hay căn tính của người đó. Và một khi chấp nhận ai, nghĩa là hoàn toàn tin tưởng ai thì nên một với người đó, và người đó hoàn toàn chiếm đoạt và làm chủ mình. "*Giêsu ơi, con tin nơi Chúa*" nghĩa là con tin Chúa là Tình Yêu vô cùng nhân hậu, Chúa yêu con đến cùng, cho dù con vô cùng bất xứng, Chúa yêu con nhưng không và muốn con được hiệp thông thần linh với Chúa, Chúa chỉ muốn những gì tốt nhất cho con, Chúa biết con hơn con biết con, bởi thế con xin hoàn toàn phó thác toàn thân con và cuộc đời con cho sự quan phòng thần linh vô cùng khôn ngoan của Chúa, để con được trở nên tất cả những gì Chúa muốn và Chúa là tất cả mọi sự của con và cho con muôn đời. Amen.

Ít lâu nay tự nhiên tôi có ý nghĩ là các thứ thiên tai thỉnh thoảng xảy ra, càng ngày càng thường xuyên hơn trong một thế giới đang bị khủng hoảng về môi trường – global warming, là do Thiên Chúa chẳng những muốn “trừng phạt” một số tâm hồn nạn nhân tội lỗi mà nhất là còn muốn lợi dụng những hy sinh của các tâm hồn nạn nhân vô tội để bù đắp phần nào tội ác kinh khủng của nhiều người còn sống, (đồng thời cũng để đánh động các tâm hồn thiện chí và còn nhận ra dấu chỉ thời đại của Ngài). Thế nhưng vấn đề vẫn chưa được giải quyết ở đây là việc hy sinh cứu đời của thành phần nạn nhân vô tội thực sự xảy ra hay chẳng khi chính họ không ý thức được điều đó và không muốn chấp nhận nếu biết về thân phận bất hạnh của mình như thế? Hôm nay, khi vừa mới lần Chuỗi Thương Xót thứ nhất (trong 3 chuỗi trong ngày), tự nhiên tôi hiểu được rằng các con chiên bò được hy tế trong Cựu Ước cũng có biết gì về thân phận của chúng, thế mà máu là mạng sống của chúng vẫn có giá trị đền bù cho dân trước nhan Chúa và theo ý Chúa (theo lề luật). Tức là, một khi Chúa muốn lợi dụng thành phần nạn nhân vô tội trong các vụ thiên tai thì các nạn nhân này, theo ý định tự có hiệu lực của Ngài, trở thành giá phải trả cho những gì gian ác gây ra bởi anh chị em đồng loại của mình. Đó là lý do một thai nhi vô tình hy sinh mạng sống tự nhiên quý hơn chim trời và hoa đồng nội là những gì vốn có giá trước nhan Chúa chẳng lẽ không thể cứu được mạng sống thiêng liêng bất tử của thai mẫu, khi tác dụng về cái chết oan uổng của bé có thể khiến cho thai mẫu ăn năn thông hối nghĩ lại mà cải thiện đời sống.

(sẽ thêm vào trang 205)